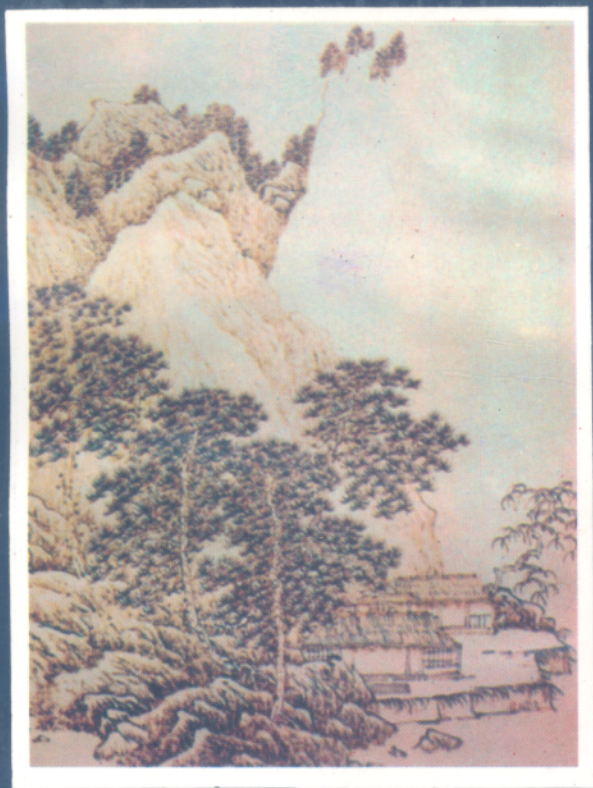


GIÁ BÌNH AO

Quê cũ

TẬP TRUYỆN



NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Quê cũ

NHÀ XUẤT BẢN MONG BAN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

LÊ BẦU (dịch)

Dịch trong tập **QUỶ THÀNH** của Giả Bình Ao

Nhà xuất bản Nông dân Trung Nguyên

Bản in lần thứ 2. Tháng 6 năm 1994

GIẢ BÌNH AO

Quê cũ

LÊ BẦU dịch

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
Hà Nội - 1990

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ

Già Bình Ao sinh vào tháng 2 năm 1952 trong một làng miền núi thuộc huyện Đan Phượng, tỉnh Thiểm Tây. Năm 1967, ông tốt nghiệp trung học phổ thông ở trường Thương Trấn huyện Đan Phượng, rồi trở về quê, làm ruộng. Năm năm sau, ông mới đi học đại học tại trường đại học Tây Bắc, hệ Trung Văn.

Năm 1973 ông bắt đầu tham gia sáng tác, và bắt đầu có tác phẩm trên báo chí.

Ông sáng tác theo mọi thể loại như: tiểu thuyết, truyện vừa, truyện ngắn, tản văn, thơ. Về tiểu thuyết của ông có thể kể tới: Đô thành hoang phế, Nông nổi, Đêm trắng, Cửa đất... Truyện vừa có thể kể: Đôi nét Thương Châu, Tháng Chạp - Tháng Giêng, Thiên Cầu... và một số lượng lớn truyện ngắn, tản văn...

Tóm lại: Về truyện ông đã xuất bản tới 15 tập, tản văn 6 tập, thơ 1 tập, luận văn 1 tập...

Trong số tác phẩm của ông, có truyện vừa Tháng Chạp - Tháng Giêng đã được giải thưởng truyện vừa ưu tú toàn quốc lần thứ ba. Truyện ngắn Đây tháng được giải thưởng truyện ngắn ưu tú toàn quốc lần thứ nhất. Truyện vừa Quê cũ (in trong tập này) đã được giải thưởng văn học của tạp chí "Tháng 10" năm 1988...

Về giải thưởng mà, nói: Ông đã nhận được tất cả 16 giải thưởng văn học của báo chí tỉnh và thành phố... Hiện nay ông là phó chủ tịch Hội Nhà văn tỉnh Thiểm Tây và có chân trong Ban chấp hành Hội Nhà văn Trung Quốc.

Những truyện in trong tập này là những truyện ông viết về nông thôn. Ảnh hưởng của đổi mới và "thương trường" cũng đã dội về vùng nông thôn hẻo lánh này. Song dù vậy, những truyện về nông thôn của ông vẫn mang đậm sắc thái truyền thống của những người nông dân Trung Quốc. Ông luôn chọn được những góc độ độc đáo để quan sát xã hội, nên luôn khắc họa được những nhân vật nông dân đa dạng, thô nháp, nhưng đầy dòn hậu, đầy "ngây thơ", nhiều khi "ngây thơ" đến tức cười, nhưng lại rất đáng yêu qua những phong tục tập quán đã thành xương thành thịt của họ. Nhiều nhà phê bình đã phục, khen ông bằng bốn chữ "Nhập mộc tam phân" (khắc sâu vào gỗ tới 3 phân), bởi truyện của ông cũng mang rất đậm sắc thái của truyền thống văn hóa dân gian: châm biếm, hài hước, thần bí... vốn đầy rẫy trong truyện dân gian Trung Quốc. Đó cũng lại là phong cách độc đáo trong văn chương của ông, và đã được độc giả trong toàn quốc hoan nghênh phong cách độc đáo đó.

Hiện nay đã có một nhà nghiên cứu, dễ tâm, chuyên nghiên cứu, và đã xuất bản được mấy tập sách viết riêng về Giả Bình Ao, trong đó có tập mang tên "Quỹ tài Giả Bình Ao".

LÊ BÀU

Quê cũ

Ngày xưa, có một quả núi. Trên núi có một cái hang. Có một cụ già ngồi trong hang nói: Ngày xưa, có một quả núi. Trên núi có một cái hang. Có một cụ già ngồi trong hang nói...

Người miền núi, kể chuyện, đều bắt đầu vào chuyện như thế. Câu chuyện càng nói về sau bao nhiêu, thì niên đại càng ngược tít về xa xưa hơn, và dù có đảo trước, lộn sau, cũng không bao giờ tách khỏi cái hang ấy.

Theo nói, cái hang ấy ở trên núi Hồ Đen, (Huyện Hồ sơn). Đá ở trên núi Hồ Đen toàn một màu đen, nhưng cái hang này lại màu trắng. Từ xa nhìn lên, trông giống như một vầng trăng treo trên bầu trời đen kịt. Cho đến bây giờ, trên vách núi, hai bên cửa hang, vẫn còn lờ mờ hai dòng chữ tàn:

Một bên là:

Vân tại sơn... dâng thượng sơn đầu vân thả viễn.

Một bên là:

Nguyệt... thủy diện bát khai thủy diện, nguyệt cánh thâm.

(Tạm dịch:

Mây ngưng... núi, leo lên, đầu núi mây tít xa.

Trăng... mặt nước, vén quang mặt nước, trắng sâu thẳm).

Hai hàng chữ, mỗi hàng bị bong khuyết một chữ, không biết bao nhiêu người rất lấy làm đáng tiếc, cũng đã có người muốn điền vá vào, nhưng ông Triệu Nhất Nhân lại nói:

- Chả cần phải thế, khắp vòm trời đông tây nam bắc thầy đều có khiếm khuyết cả, dấu vết thần tiên để lại như thế, hà tất phải hàn vá?

Điều đó càng làm cho cái hang thêm thần bí.

Miệng hang không lớn, luôn bị mây trắng nút kín. Bước vào hang, mây bèn lẳng đàng bốc bay, giống như nước đầy phọt ra. Giữa lúc ngập ngừng, bần khoản, chợt nghe thấy tiếng kim loại từng hồi vang lên, rất nhịp nhàng, trên cổ trên mặt đều thấy dầm dấp nước. Một lát sau, mọi thứ đều được rõ ràng, trong hang rộng, dường như có điện thờ, trên đỉnh vòm hang, đọng đầy những giọt nước, lấp lánh như bầu trời sao, mắt nhìn, cứ thấy nó bé rồi to dần, như tròn như méo, rồi tí tách nhỏ xuống. Xung quanh vách có tám cái nhũ đá to, trông giống hình người mà lại chẳng ra vẻ người, dáng điệu éo lả, tựa hồ như cúi đầu mỉm cười, hoặc nhắm mắt trầm tư, hoặc nghiêng người mà khóc, hoặc cau có, hoặc oán than. Đang định liên tưởng rằng đây là cả đám đàn bà con gái, bất chợt có một luồng gió mạnh thổi xướng thấu cốt, buộc anh không được đứng lâu. Nhìn bốn xung quanh, những cây cỏ nước vẫn im phăng phắc, vách hang lại chẳng có khe, kẽ hở nào, không hiểu sao lại thế. Ra khỏi hang, những đám mây do luồng gió đó thổi ra, đang đứng lặng như tờ trên các mỏm đá.

Chuyện ngày xưa cứ được đời này kể cho đời khác nghe, và mọi người đều biết rằng, cái hang Trắng ấy vốn là một hang đá vôi, nó đã tạo ra được 12 cái nhũ đá, tám cái đứng vây quanh, còn bốn cái lại ngồi vào chính giữa, rồi tám nhũ đá biến thành hình người mà lại chẳng hằn ra người. Còn như nó đã biến hóa như thế nào, biến hóa vào lúc nào, cũng chẳng có ai để ý tới, tất cả mọi người đều chẳng biết.

Bây giờ, trong hang ngoài tám nhũ đá hình người ra, còn có hai khe nước chảy, suốt ngày đêm róc rách tuôn nước ra ngoài.

Nước vốn vô hình dạng, nhưng cho đến nay nó đã bào mòn mặt đá tạo thành những dòng khe uốn lượn quanh co, cục mịch, giống như một sợi dây thừng quấn chặt, cứng ngắc, không thể cầm lên được. Nước chảy xuống dưới, dài độ một trượng, (*1 trượng là 10 thước, 3 thước là 1 mét N.D.*), đổ vào một cái đầm, một dòng đổ vào đầm từ bên trái, một dòng đổ vào đầm từ bên phải, khiến nước đầm có một dòng xoáy, xoáy nửa vòng, rồi lại xoáy nửa vòng ngược lại; nước đổ ra ngoài bằng một cửa khẩu của một dòng mương cuối đầm, tưới cho đồng ruộng bên ngoài hang. Còn ở chính giữa đầm, chỗ hai nửa hạt hạnh nhân bán nguyệt ấy, nổi lên một đồng bọt trắng, suốt tháng suốt năm, chẳng bao giờ tan được.



Ngày X của tháng X năm X, cô hai nhà họ Triệu trở về núi Hồ Đen. Con gái về thăm mẹ, vốn là việc

quá ư binh thường, nhưng cô con gái này lại chẳng phải là cô gái binh thường, cô trở về với tâm tiếng hẳn hoi.

Ba mươi ba năm trước, đúng là năm Triệu Nhất Nhân tục huyền với một người đàn bà ba mươi ba tuổi, người đàn bà đó cũng đã có được hai người con trai, nhưng trong lòng bà lại ao ước sinh thêm một cô con gái, và quả là đã có được một cô con gái nằm trong ổ. Nhưng con gái lại sinh vào tháng hai, tháng hai có điềm xấu: Vào một buổi sớm, ở thôn Hậu, mẹ của Hàn Vũ Thuận qua đời, Vũ Thuận mang rượu và bánh trái đến nhờ Triệu Nhất Nhân viết cho ít chữ vào cờ phan và cờ phướn, vì thế Triệu Nhất Nhân phải cho con gái nhận Vũ Thuận làm bố nuôi.

Vũ Thuận là người hiền hậu, phúc đức, trong nhà lại có người vợ đảm đang, bỗng nhiên được một cô con gái nuôi bèn đặt tên cho con gái nuôi là Triệu Di (*Di là vui vẻ sung sướng N.D.*), quý hóa như hòn ngọc trên tay.

Vào cái hồi mới giải phóng, một hôm, khi mặt trời đã ngả về tây, mặt trời trên đỉnh núi cao, nửa chim nửa nổi, trên núi Hồ Đen có những đám mây hồng nhuộm đỏ, quang cảnh thật huy hoàng, ngoạn mục, có một láng nhân bước tập tễnh đến đầu thôn Tiền, xin nước uống, bỗng nhiên chỉ vào cửa ngôi nhà lâu ở phía xa của nhà họ Triệu, nói:

- Nhà này sắp có một quý nhân.

Lời ấy được những người trong thôn nghe thấy, cho là lời thần tiên phán truyền, nên họ ghi nhớ

không quên. Tiếp đó, là Triệu Hòa, con trai người vợ trước của Triệu Nhất Nhân tốt nghiệp trung học, rồi lại thi đỗ luôn vào trường đại học trên tỉnh, mọi người càng tin rằng "sắp có một quý nhân" chính là Triệu Hòa chứ chẳng còn ai vào đấy nữa. Nhưng hơn hai mươi năm sau, những người ở núi Hồ Đen, thậm chí cả Triệu Nhất Nhân nữa, mới tá hỏa nhận thức ra được rằng, "quý nhân" ấy chính là cô con gái Triệu Di.

Triệu Di cũng chẳng phải là người tài cán, kỳ diệu gì, nhưng cô lại là một mỹ nhân, (chẳng một ai tin rằng cô đã được sinh ra ở vùng núi Hồ Đen). Chân tay cô mềm mại, đường nét rạch ròi tuyệt vời, da dẻ trắng nõn, trong sáng như tranh. Chính vì cái đẹp quá thể như thế, khiến cho bài vở ở trong trường của cô bị bê trễ. Nhưng cái đẹp lại là tấm văn bằng khiến cho cô gái có thể đi khắp cùng thiên hạ. Cái dáng vẻ của cô, cùng với sự cởi mở của cô, khiến cô đã gia nhập vào đoàn văn công của huyện sau khi tốt nghiệp cấp hai. Trong đoàn văn công, cô cũng chẳng phải là một diễn viên nổi trội, nhưng cơ thể cô, được sự huấn luyện chính quy về hình thể, rồi thêm vào đó là sự điểm trang kín đáo, khiến con người cô sáng bừng lên. Cái sắc đẹp mặn mà của cô đã làm cho những con người ở tỉnh thành phải hồn bay phách lạc, khi lần đầu tiên cô lên tỉnh tham gia hội diễn. Rất nhanh, cô trở thành vợ một nhà văn. Nhà văn lớn hơn cô năm tuổi, viết được bốn cuốn sách, đã từng được giải thưởng lớn văn học quốc gia. Văn đàn đã đào tạo ra được thiên tài

sao sáng, nhưng nhà văn này, lại gây ra khối thứ chuyện tai tiếng dâm dề. Văn chương của nhà văn, tuy hay, nhưng phẩm hạnh lại xấu xa như bản, tiềm tàng ẩn náu, khiến cho Triệu Di đã nhiều lần phải ngậm đắng nuốt cay. Nhưng đây là chuyện về sau, chưa nói ở đây.

Sau khi lấy chồng, có đến sáu năm liền Triệu Di không bén mảng về đến núi Hồ Đen. Quê hương, đối với cô, chẳng là cái quái gì cả. Cô đã từng căm ghét đến cùng cực cái mảnh đất miền núi này, ân hận rằng không làm sao sớm thoát khỏi nó. Trong cuộc sống văn minh ở thành phố, cô cảm thấy khoan khoái và thích thú, cơ hồ cô chỉ mong xóa sạch mọi dấu vết của những năm tháng ấu thơ trong ký ức của mình. Mỗi khi có người hỏi cô về quê gốc của mình, cô chỉ lờ lững đáp "Hiệp Nam" cho qua chuyện, nhưng cô không quên chú thích một câu:

- Ở cái lưu vực sông Trường Giang ấy mà!

Nhưng kể từ khi con gái cô ra đời, rồi tiếng tăm của chồng cô mỗi ngày một vang xa, và cùng với những nếp nhăn hình đuôi cá, lặn lẽ, không một lời, hiện lên trên đuôi con mắt cô, càng ngày cô lại càng thương nhớ núi Hồ Đen. Tuy cô cũng tỉnh ngộ ra được rằng, hàng tháng vẫn gửi tiền về biếu cha mẹ, nhưng về mặt tình cảm, lại phai mờ đường hiếu kính của người con gái. Đối với cha mẹ dè dặt thế, nên đối với cha mẹ nuôi cũng lại càng như thế.

Trước khi vào đoàn văn công, cô là viên ngọc của cả hai bên cha mẹ già. Nếu cơm nước ở nhà

họ Triệu kém phần ngon lành cô có thể chạy sang nhà họ Hàn. Cơm nước ở nhà họ Hàn có phần đậm bạc, cô lại có thể trở về nhà họ Triệu. Bây giờ trong những giấc mơ của mình, cô vẫn thường mơ thấy những ngày ở với mẹ nuôi. Mẹ nuôi thường thích bôi dầu hoa quế lên tóc, hút loại thuốc sang sang bọc bằng giấy bạc. Khi ấy Triệu Di ngồi trên bậu cửa, vừa thổi cái nồi lửa bằng giấy cho mẹ nuôi hút thuốc, vừa ho lên sặc sụa vì từng cuộn khói mẹ nuôi nhả ra.

Những năm tháng ấy, miền núi Hồ Đen thỉnh thoảng lại có một ông đầu trọc mang hàng xén về bán, ông ta dùng những dải vải xanh quấn lấy ống quần, vô cùng phong lưu. Mẹ nuôi vẫn thường mua chỉ ngũ sắc của ông, thêu túi, thêu yếm, thêu giày, và thêu những đường viền trên quần. Mỗi khi ông hàng xén đến, bao giờ ông cũng cho Triệu Di "mẫu bánh mật", bánh làm bằng bột ngô nhào mật, ăn rất dẻo. Một nạm tóc rối mới đổi được một mẫu bánh. Triệu Di ăn bánh thật ngọt miệng, ngọt cả vào trong bụng. Mẹ nuôi sai:

- Di, ra ngoài bờ ruộng hái lấy mấy bông hoa kim châm đi!

Hoa kim châm bây giờ là loại rau đất, quý hiếm, chứ ngày ấy ngoài bờ ruộng vùng núi Hồ Đen mọc đầy, mặc nó tự nở tự tàn, chẳng ai ngó tới. Khi Triệu Di cài được đầy đầu hoa kim châm trở về, thì ông hàng xén đã đi rồi, mặt mẹ nuôi đỏ bừng bừng, tóc tai rối bù.

Về sau, mẹ nuôi bị nằm liệt. Suốt năm nằm trên giường, mồm miệng ngọng lịu, nói mãi chả được một câu. Mẹ nuôi nằm liệt thế là do bị đánh. Triệu Di cũng đã từng hỏi tại sao lại bị ăn đòn, mẹ nuôi chẳng nói gì, nằm liệt đến tám năm cũng vẫn chẳng nói gì. Trong tám năm đó, đêm nào Triệu Di cũng ngủ cùng với mẹ nuôi, như bóng với hình. Cha nuôi ngủ ở một phòng khác, mặt mày dუმ đó, ốm o gầy mòn, đi ra ngoài bị người ta trêu chọc, làm trò cười, nhưng về nhà vẫn chăm nom chu đáo mẹ nuôi. Mẹ nuôi rất hay nổi cáu, nhưng lại ngọng lịu ngọng lỏ, Triệu Di trở thành phiên dịch cho mẹ nuôi, khi ấy chị nuôi lại đang đi học ở trường huyện, chủ nhật về nhà, ôm lấy Triệu Di mà hôn, bảo rằng Triệu Di báo hiếu mẹ thay mình.

Nhưng Triệu Di đã tận hiếu như thế nào?

Mẹ nuôi yêu cô quý cô, cô thấy mẹ nuôi là một người thật tốt, cô nói:

- Mẹ nuôi ơi, sau này con lớn, con làm được tiền, nhất định con sẽ nuôi mẹ!

Quả nhiên là cô đã vào đoàn văn công, kiếm được tiền, tháng đầu tiên về nhà, cô mua biếu mẹ nuôi một gói đường đỏ. Sang tháng thứ hai mẹ nuôi qua đời.



Núi Hồ Đen có mấy thôn bản, thì đều ở lưng chừng núi, hoặc trên đỉnh núi. Người ở trên cao là

tránh vùng đất trũng và gần mặt trời hơn. Nhưng trên đỉnh núi lại thiếu nước, nước ăn nước dùng đều phải ra mức ở cái khe của hang tám nhũ đá. Trên đỉnh núi lại càng thiếu đất đai, thóc lúa, ngũ cốc chỉ toàn trông vào mảnh đất ruộng cong queo bên eo, bờ con sông Đen.

Sông Đen rất nổi tiếng, trên bãi sông rất một loại đá đen, trong những đám ruộng cong queo cũng toàn sạn sỏi đen. Công cụ lao động chỉ có thể dùng loại cuốc bàn, lưỡi to như cái quạt. Nhưng lúa màu lại rất tốt, dưới ánh mặt trời, ruộng đất cứ óng ánh lóe sáng, dân miền núi nói một cách đặc ý rằng cái đám đất sạn sỏi ấy có mỡ.

Sông Đen rộng mênh mông, trên cái bãi ruộng cong ấy có đắp một bờ đập. Sau này ruộng đất mở rộng thêm ra phía sông, nên đắp con đập thứ hai. Rồi sau lại mở rộng nữa, nên đắp con đập thứ ba. Cả ba khu ruộng đất ấy có chung một con kênh dẫn nước tưới tiêu, rất sâu, rất dài, dài lắm, sáu lắm.

Đối với việc này, Triệu Nhất Nhân là người xăng xái nhất. Ông đã thọ tới bảy mươi tuổi hơn, già đã đến cõi rồi, cho nên đã mất đi khái niệm thời gian, nhưng lại tăng thêm ý thức không gian. Ông hay nói chuyện bể dâu biến đổi, cũng chẳng phải ngàn năm dài, vạn năm ngắn gì, mà chỉ nói:

- Cái hồi ấy, con sông Đen này rộng hơn bây giờ nhiều. Ở trên đỉnh cái vách đá đầu bờ ấy, gió thổi cũng nhỏ thôi. Tôi còn nhớ trên bờ con kênh dẫn nước ấy, không phải là một đồng cát đâu, mà nó là một hòn đá ngăn sóng to lắm đấy...

Tiếp đó ông còn nói, vào cái thời ông cụ, ông của ông hô hào mọi người đi đắp cái con đập thứ nhất ấy, chẳng biết họ khênh đá thế nào mà gây tan cả một kho đòn xóc, còn bà cụ, bà của ông, chỉ có đi nhặt giày rách ở bãi sông, mà về dốt sườn được cả một mùa đông, ấy còn ông cụ, ông của ông, trên đầu gối có một cục chai tơ bằng ngón tay, chỉ có đứng xây đập, mà đá nó mài mòn phẳng lỳ. Triệu Nhất Nhân thường quát mắng con cháu trong nhà họ Triệu của mình rằng hay khoe khoang, hay tự cao tự đại về dòng họ Triệu ở vùng núi Hồ Đen này, vì chính ông cũng tự cảm thấy sự khiêm tốn mới lại là một thứ áp lực không lời, lặng lẽ đè nén những dòng họ tạp khác ở đây.

Con đập đã quyết định sự thu hoạch của khoảnh đất cong bên bờ con sông Đen. Cho nên hàng năm, cứ đến kỳ tháo nước vào ruộng, là bao giờ trên bờ đập cũng thường xảy ra chuyện ẩu đả. Nhẹ ra thì hai nhà lườm nguýt nhau, nặng ra là thượng cẳng chân, hạ cẳng tay, chuyện thân thiết rồi thù hận trong dân làng thay đổi như cơm bữa, mỏng, dày đảo lộn, tự tư tự lợi làm mất hết cả ân tình, nhân nghĩa, chẳng ai chịu nhường nhịn ai bao giờ. Ở thành phố, vì tai nạn, ách tắc giao thông, người ta phải đặt ra cảnh sát, những thẩm án về nước nổi ở núi Hồ Đen thường bất chợt xảy ra, khiến người ta phải bình chọn ra người Trưởng đập để điều khiển việc phân phối nước nổi. Đây là việc làm đặc biệt, khác hẳn với tất cả các vùng nông thôn khác của Trung Quốc, đồng thời cũng là một sáng tạo thông minh của riêng vùng núi Hồ Đen này.

Ông Trưởng đập tuy không phải là ông Trưởng xã, và cũng chẳng phải là Đội trưởng đội sản xuất, nhưng đó là tượng trưng sự hợp nhất giữa nhà trời và con người, quyền lực của nó là hương thơm đạo đức. Trưởng đập có nhà riêng, ngay cả trong những năm mất mùa, ông cũng không phải đói. Ông được độc quyền sử dụng một chiếc thanh la, khi tiếng thanh la vang lên, là dân thôn lập tức phải tập hợp, ông cho tháo nước vào ruộng nhà ai, nước sẽ được tháo vào ruộng nhà ấy, những người khác không được phép kèn cựa, ty nạn. Khi lũ sông Đen ầm ập đổ về, có thúc hông bờ đập, phải chữa chạy, Trưởng đập phải là người xả thân đầu tiên, là người đầu tiên xuống nước, có chết cũng không từ nan. Song trên thực tế, việc đó rất ít khi xảy ra, song quyền uy của ông có thể khiến mình thành người tư lợi có thừa, không chế được cả dân thôn. Triệu Nhất Nhân cũng đã từng có mười năm làm Trưởng đập và Triệu Nhất Nhân vẫn còn là Triệu Nhất Nhân, vì ông là người trí lự có thừa, tính cách đàng hoàng cởi mở, hết lòng vì mọi người và rất quang minh chính đại.

Cái xã hội ở vùng núi Hồ Đen đáng được gọi là nơi đất lành, yên ổn.

Yên bình và trật tự, có một sức thu hút mạnh mẽ, những người lang thang cơ nhỡ từ Hồ Bắc đến Hà Nam, và cả dọc hành lang Cam Túc Hà Tây tới đây, đều ở lại, không đi đâu nữa. Triệu Nhất Nhân hầu như không từ chối một người nào, bao giờ cũng

giúp họ những phương tiện sinh tồn, cũng bưng cho họ một bát cháo, cho họ một chiếc quần áo cũ, thậm chí còn làm mối những cô gái ở thôn này cho họ, hoặc tìm cách đưa họ vào ở rể trong nhà những cô gái đó, về sau này, những người tha phương cầu thực ấy đã sinh con đẻ cái và trở thành người địa phương, và vùng núi Hồ Đen nay đắp bờ, mai đắp đập, dần dần biến thành một thôn bản độc lập nho nhỏ.

Cuộc sống là khốc liệt, vì sự sinh tồn của mình mà những người từ phương xa tới đã ở lại núi Hồ Đen, làm cho núi Hồ Đen mất dần đi cái hạn độ cung phụng của mình, khi mất hết nó bèn quay lại trừng phạt những con người ấy, khiến cho ngày tháng của họ vẫn giữ được sự bình yên nhưng lại cùng quần, đói khổ khác thường. Khi đời thứ hai bắt đầu, người đàn ông lâm vào cảnh cực kỳ khó khăn, lúc cần tìm kiếm một người đàn bà để thành lập gia đình và nối truyền dòng họ. Những người đàn ông không vợ ngày càng đông, sức lực có thừa mà tài trí lại không đủ. Sau đó lại có những người đàn bà ăn mày và những người phụ nữ do cảnh nhà bất hạnh mà phiêu dạt tới đây, tất nhiên là đám đàn ông chưa vợ bầu quanh lấy, thế là sinh ra cảnh mang thai tạp giao, và đẻ ra những đứa con mà nguồn gốc không mình không bạch. Những đứa con được sinh ra, nhưng mẹ của những đứa con ấy, dù có phải chết cũng từ bỏ núi Hồ Đen mà cao chạy xa bay, và những anh chàng không vợ lại phải nuôi nấng những đứa trẻ ấy. Trước đây trong mỗi thôn bản đều có những đứa trẻ chỉ có bố mà không có mẹ.

Tất nhiên, còn có cả những anh chàng không vợ vì nghèo khó quá, vì ngu ngơ quá, tuổi gần tam thập, mà vẫn còn là trai tơ, nên quyết tâm rửa sạch bụi trần, vào chùa Khánh Nguyên đi tu.



Sư cụ chùa Khánh Nguyên tu hành rất nghiêm túc, hàng ngày đều giảng giải cho sư cô, sư chú những bí quyết của cách luyện đan: Cơ thể là lò luyện đan, luyện đan tức là tàng tinh. Ông nhấn mạnh việc sư chú sư cô không được đi lại thân mật với nhau, quần áo không được xộc xệch, đầu tóc bù rối, mặt mày nhem nhuốc. Người trần thế nhìn thấy sẽ sinh lòng đổ kỵ, và khi nhìn người trần thế cũng phải biết tự hổ tự thẹn.

Sáng sớm hàng ngày, ngôi chùa cổ giữa rừng cây âm u, cỏ biếc xanh rờn, ánh mặt trời óng ả, bóng cây lùm lòa giữa lúc trăm loài chim nháy nhót, ca hát trên đầu cành, những con dế đang uống sương bên những luống hoa cũng cất lên những bản thanh ca. Đạo trưởng bèn gọi tất cả các nhà sư đem chân đệm ra phơi ở giữa sân, rồi ông lần lượt đi kiểm tra từng chiếc một. Ông mà kiểm tra thấy trên chiếc chân chiếc đệm nào còn hoen vết tinh dịch, ông lập tức gân cổ lên mà phân nộ, và cũng ngay lập tức phạt khổ sai kẻ có tội.

Cái phương pháp luyện đan ấy cũng thật kinh hồn táng đờm, chẳng khác gì việc tiêu diệt đồn lũy của kẻ thù trên mặt trận!

Những người tu hành ấy, suốt ngày, lúc nào cũng có thể vắt mồ hôi cùng bùn đất từ trên hình hài mình ra, hình như họ cũng đã hiểu được rằng, con người là do bà Nữ Oa nặn ra bằng bùn đất. Nhưng lại không bao giờ hiểu được tại sao, các nhà sư cũng là do con người đẻ ra, lại có mọc một "con chim" hẳn hoi, mà lại cứ phải luyện đàn như thế? Cho nên họ chỉ đành chờ đến lúc đi lấy nước ở khe trên hang Bát Thạch rồi đứng trước những chiếc nhũ đá, nghĩ ngợi miên man, và có ảo giác rằng những chiếc nhũ đá ấy làm sao lại giống đàn bà đến thế, đương nhiên rằng, điều lý tưởng nhất là khi họ đi lấy nước, những nhũ đá ấy biến thành đàn bà thật, tươi rói. Có những lúc họ như bị cái gì đó kích thích, toàn thân run lên bần bật, thế là ngồi thụp xuống, xếp bằng tròn, tĩnh tọa, lấy cọng cỏ ngoáy tai. Khi nhìn ngấm lại các bậc nữ thần, bất chợt cảm thấy rầu rầu: Thần sắc các nữ thần cũng đầy u uất, thần tiên mà cũng có cái gì đó đau khổ sao?



Ở đầu thôn Hậu có một cây tùng vỏ trắng¹, to đến một ôm. Cành lá cũng không được tốt lắm, mấy cành trên ngọn cây đã tróc hết vỏ, gác vào nhau trông như một bộ xương. Mỗi xóm thôn đều có cái thế phong thủy và vật trấn của thôn xóm đó, thôn Chậu Vàng (Kim Bồn) là một cây bách cổ thụ ngàn

1. Còn có tên là "cây thông sữa" cây già, vỏ có màu trắng sữa, hạt ăn được. N.D.

năm, thôn Giữa lại là một cặp sừng trâu đá. Cây tùng vỏ trắng của thôn Hậu không một người nào dám động tới. Tuy nhiên những cành khô trông giống như bộ xương ấy, quanh năm có những đàn dơi cư trú, đôi chân của những ông tướng quỷ đen trông rất khó chịu đó treo trên cành cây, rồi dùng đôi cánh da như những tấm chân đơn bọc kín lấy cả người mình.

Từ cửa nhà họ Triệu ở thôn Châu Vàng nhìn ra, cây tùng vỏ trắng của thôn Hậu nằm trên màn trời.

Vào một buổi chiều nhiều năm về trước, trên cây tùng có treo hai người; một người đàn ông rất phong lưu, một người đàn bà xinh đẹp tuyệt trần, cả hai người đều bị lột trần truồng, hai tay bị dây thừng treo lên cành cây, và ngón chân vừa chạm đất, để cho những người phần nộ trong thôn xóm lấy gậy, lấy dế giầy tha hồ đánh đập. Hai người đã lén lút giao hợp với nhau trong bụi cây ở một khu đất trũng. Khi ấy gió xuân ấm áp, trời cao trong sáng, cây đuôi chồn non xanh ngà ngọc. Những người đi hái rau đuôi chồn tới vùng đất trũng ấy, nhìn thấy bên lề đường có một gánh hàng xén với hàng hóa đủ các màu sắc, nhưng lại chẳng thấy người bán hàng đâu. Sau họ thấy trong bụi cây lay động mạnh, thế là họ bắt được cả đôi. Những người đàn ông không vợ ở núi Hồ Đen có thể tùy tiện tạp giao với những người đàn bà tha phương cầu thực từ nơi xa đến đây, nhưng lại không cho phép đôi trai gái này làm như thế. Bởi vì những người chưa vợ được phép tạp giao như vậy là nhằm mục đích nối dõi tông đường ở đời sau. Họ tạp giao như vậy hoàn toàn nhằm mục

đích tự cứu, nhưng những người đàn bà có chồng mà lại tăng tịu với những người đàn ông từ phương xa tới, thì thật là một mối đại nhục, không thể chịu đựng nổi của những người đàn ông ở núi Hồ Đen.

Dân làng đánh đập người đàn ông, người đàn ông rất xấu hổ, mắt nhắm nghiền, xin tha tội. Người đàn bà, ngược lại, lại mở to cặp mắt, làm những người đánh đập chị cũng thấy ớn lạnh, sau đem hạ chị xuống, lấy một chiếc chăn đơn bọc lại phóng sinh cho về.

Người đàn ông đợi đến khi trời sáng, vội vàng xuống núi. Nghe nói việc buôn bán sau này bị thua lỗ, rồi chết vì bệnh cổ trướng. Người đàn bà thì nhiễm chứng thấp tim, nằm liệt trên giường, tám năm liền không dậy được.

Khi Triệu Di từ thành phố về tới núi Hồ Đen mới hay tin rằng, cha nuôi từ trần từ lâu, cô chị nuôi, tuy vẫn chưa lấy chồng nhưng được lên công tác trên huyện. Lâm Hội trưởng Hội Phụ nữ thị trấn Thanh Quan, và cho dỡ ngôi nhà cũ đem bán rồi.

Một buổi hoàng hôn, dưới ánh chiều mênh mang, cô đứng dưới gốc cây tùng vỏ trắng, nghĩ về những chuyện đã xa, và trước gió, đột nhiên cô rơi nước mắt, cây tùng vỏ trắng vẫn chẳng khác xưa. Thân cây vẫn một người ôm, những chiếc vỏ trắng nứt nẻ, quần queo, trông giống như bị ghẻ trâu. Triệu Di nghĩ, xuân hạ thu đông, một tầng vỏ lột đi, lại thay vào lớp vỏ khác, làm sao mà cây tùng vỏ trắng này vẫn cứ to ra được? Vậy làm sao nó đã to như thế, mà vẫn cứ to thêm?

Người trong thôn Hậu nhìn thấy một cô gái thật xinh đẹp đứng bên dưới gốc cây tùng vỏ trắng, bởi vì trong cái mệnh mang của hoàng hôn bằng lãng, mắt họ tinh sáng lắm. Họ quên bằng câu chuyện ngày xưa từng xảy ra dưới gốc cây tùng vỏ trắng này, nên khi thấy người con gái đẹp xuất hiện ở đó thì vô cùng kinh ngạc, chẳng dám đến gần hơn, cũng chẳng dám hỏi han gì, chỉ còn biết đứng xa mà nhìn.

Sự im lặng đó kéo dài một lúc lâu, rồi cũng có người nhận ra đó là cô hai nhà họ Triệu, phu nhân của một nhà văn ngoài thành phố. Không ai là không ca ngợi, ước ao cuộc sống thành đạt rất vinh hoa phú quý của người con gái này. Biết bao nhiêu chàng trai chưa vợ chợt thấy con người mình rung động, và rồi người nọ tiếp người kia ra nhà xí đi tiểu tiện. Họ chẳng thải ra cái thứ nước màu vàng, mà lại bài tiết ra một thứ dịch thể lạ lùng khiến cả con người họ thấy cằn cỗi, bứt rứt. Còn những cậu chưa vợ, có cha không có mẹ, đang vào tuổi dậy thì, chạy như bay vào trong thôn, báo cho mọi người biết cái tin mới ở dưới gốc cây tùng vỏ trắng. Ngay lập tức có một người đàn ông trung niên, khoác áo đi tới.

Còn nam phụ lão ấu đứng ở phía xa xa kia, chỉ có mỗi một chuyện là nói tới Triệu Di. Họ hâm mộ sự cao quý của cô cùng người chồng tiếng tăm lừng lẫy, rồi họ lại bởi mớ đến chuyện ba mươi ba năm trước của người làng nhân tập tễnh. Người đàn ông trung niên bèn nói:

- Có chuyện gì mà cứ cuống quýt cả lên thế nào?

Làn: xấu hổ cả người núi Hồ Đen ta!

Có mấy anh chàng chưa vợ có ý làm giặc nhưng lại không có gan làm giặc lên lút trong nhà xí nói vọng ra:

- Anh mới làm Trưởng đập thật đấy, có tiền có thế, nhưng đã có được người con gái đẹp như thế chưa?

Anh Trưởng đập mới nói:

- Người thành phố được hưởng, sao ta lại không hưởng được?

Cánh chưa vợ nói khích:

- Thế liệu anh có dám đến hôn một cái không?

Anh Trưởng đập mới, xốc chiếc áo khoác, một chiếc bật lửa ga rơi ra khỏi túi, anh nhặt lên nói:

- Mà có chịu cuộc bữa rượu tối nay không nào?

Nói rồi, anh đi tới gần hơn, giả vờ ngắm nhìn cây tùng vỏ trắng, mắt nhìn ngược lên một con dơi trên cành cây, rồi bất ngờ, hôn chụt một cái lên mặt Triệu Di.

Triệu Di đang trầm tư, và thả tư tưởng của mình đang bay vào cõi u minh ở thế giới bên kia, trong khi không đề phòng để có kẻ khinh nhờn làm nhục mình, nên vô cùng giận dữ, bèn giơ tay giáng một cái tát thật mạnh vào mặt người ấy. Đúng lúc anh Trưởng đập mới, co chân chạy trốn, cô cũng nhìn thấy đám nam nữ bỏ chạy như vịt.

Triệu Di cười khinh bỉ, cô cho rằng cái con người dưng cảm tay khoác chiếc áo choàng bằng dạ, mặc chiếc áo sơ mi mà trên cổ áo đầy cúc bấm này, hoàn toàn không giống bọn lưu manh ở thành phố. Triệu

Di chợt nhớ ngay ra cái tính nết của anh chàng công tử nhà quê này.



Đối diện với núi Hồ Đen là con ngòi Rồng Xanh (Thanh Long), con ngòi dài 18 dặm.

Suốt dọc ngòi, những cây kháo mọc thành rừng, người núi Hồ Đen thường đến đấy bắt những con gà đất. Gà đất rất béo, hai chân với cặp cánh cực ngắn, nên bắt lẹ, người mang sủng, không cần nhồi đạn, chỉ cần hai người đứng hai bên là đủ. Người bên này hô "sùy", gà đất liền nhảy bay về phía bên kia. Bên kia hô "sùy", gà đất lại nhảy bay về phía bên này. Cứ hô liên tiếp như thế, gà đất cứ liên tục nhảy bay như thế, là đã mệt rũ người, hôn mê đi, cuối cùng là rơi phịch xuống đất, như một hòn đá, nộp mạng. Bụng dạ người núi Hồ Đen tanh tuổi là bắt nguồn từ đấy. Đó là chuyện xa xôi từ nhiều năm về trước. Về sau này gà đất, càng ngày càng giảm hẳn đi, dân miền núi chẳng có nghề gì kiếm ra tiền nữa, liền đi chặt gỗ, hầm than. Cây to chặt hết, chặt đến cây bé bán làm gậy. Phá hoại thiên nhiên nên bị thiên nhiên trừng phạt, ngay những người miền núi mà chẳng có củ đun. Cây cối hai bên bờ ngòi, thậm chí đến cả gốc rễ của nó cũng chỉ trong vòng mấy năm đã bị chặt bẻ, moi móc sạch.

Ba năm trước, một thanh niên không chịu yên phận với ruộng đất, rồi vừa vì cha, vừa vì mình, đã đánh nhau một trận tới số với một anh Trưởng đập

mới vừa được bầu ra một năm một kỳ. Kết quả là thân bại danh liệt, từ đấy làm hỏng luôn cả đức tính tốt của cha, bỏ đi viết văn.

Cứ như văn đàn ngày nay mà nói, thì tiểu thuyết là nơi thổ lộ can tràng. Chàng thanh niên này lần đầu ra trận. Động cơ của anh lại rất phù hợp với sự thịnh hành thời thượng, nên đã viết ra một tập bản thảo thật dày, rồi chẳng quản đường xa ngàn dặm đi lên tỉnh, tìm gặp người em rể, chồng của em gái mình, đề nghị cho in cuốn tiểu thuyết vạch trần bộ mặt nhơ bẩn của anh Trưởng đập mới. Nhưng nhà văn chồng cô em gái của anh lại bạc miệng châm chọc anh:

- Bộ muốn làm nhà văn là thành ngay nhà văn chắc??

Chàng thanh niên ấy liền cò ngay vùi lại, trở về quê quán, nhưng vẫn chẳng có việc gì làm, cứ tự dằn vặt rằng sinh chẳng gặp thời.

Thế rồi, chợt một hôm, anh phát hiện trên bờ đá phía tây của con ngòi Rừng Xanh có hai cái hõm đá vô cùng kỳ lạ, anh cho rằng đó là những vết chân khủng long mà trên tờ tạp chí Khảo cổ đã từng đưa tin. Anh vội vàng viết tường trình đem lên huyện gặp ông Tổng thư ký Hội Khoa học huyện, và chỉ chuốc lấy một trận cười. Anh lại viết tường trình gửi lên tận thủ đô Bắc Kinh, và thật chẳng ngờ, Viện Nghiên cứu khảo cổ Bắc Kinh đã cử người tới thật. Điều tra, phân tích nghiên cứu suốt mười ngày, và họ đã đồng ý với cách nhìn nhận đánh giá của chàng thanh niên nọ, nhưng đồng thời cũng lại cho

rằng, nó chẳng có giá trị bao nhiêu về phương diện khảo cổ học, rồi rút quân. Chàng thanh niên lại nghĩ: Đã có vết chân khủng long, ắt phải có xương cốt khủng long. Lại nghe nói rằng, xương khủng long vô cùng đắt giá, tại sao lại không đi đào tìm? Thế là anh xông vào việc đào bới không ngừng, không nghỉ.

Quả nhiên, vào một hôm, anh đã đào được một cục to bằng nắm tay, bán được 12 đồng. Càng thêm phần khởi, anh bắt đầu một cuộc sống mới, ăn ngủ luôn trên bờ ngòi Rừng Xanh. Xương cốt khủng long hóa thạch càng đào bới càng được nhiều, anh thanh niên đột nhiên giàu có đã làm rung động và hấp dẫn cả vùng núi Hồ Đen. Có lúc, hầu như mọi sức lao động đều đổ dồn về ngòi Rừng Xanh. Theo kinh nghiệm của chàng thanh niên đó, thì xương khủng long thường nằm trong khe những tầng đá bên dưới lớp đất mặt, nhưng một khi đã phát hiện được, phải tiếp tục đào sâu xuống bên dưới nữa, nhưng những vách đất lại thường hay bị sụt lở, khiến khối những chàng trai của nhiều gia đình chết mất xác dưới những hàm ếch mới đào ấy, và vĩnh viễn im lìm nằm lại ở cái xó tối tăm đó.

Người chết đành mất toi cuộc sống. Người sống lại giàu to. Kẻ kiếm được món kha khá, bèn theo đường xuyên sơn, xuống Xuyên Đạo dưới chân núi kiếm cô vợ kha khá, kẻ kiếm được món be bé lại đi vào những vùng núi sâu hơn, nhờ người mới lái, lập gia đình. Thật đúng là, con gái một đêm lên bà, cũng từ đó những anh chàng "mồ côi vợ" trở thành

chồng. Còn những ông tuổi đã cao, lại xấu xí, dẹo dẹo, thì đi tiếp quản gia thất của những kẻ bị vách hầm sập chết: Thế là tự nhiên thành có vợ, lại có cả con.

Cũng năm ấy, lúa màu ở vùng eo con sông Đen được mùa, nhưng mới đến tháng bảy, đã có một cơn lũ tràn về phá vỡ đập nước. Anh Trưởng đập mớ, nửa đêm tỉnh giấc, đem chiếc thanh la ra gõ vang núi đồi, những người đến tập trung toàn một loại già lão, ốm yếu. Anh Trưởng đập bực bội chửi vung tàn tán, cuối cùng, anh chửi đích danh cái thằng thanh niên bày trò đào xương cốt khủng long. Anh chửi đến nổi Triệu Nhất Nhân tức giận đầy bụng mà vẫn chẳng dám ra lời, nhưng ông lại là người đầu tiên nhảy xuống chỗ đập vỡ để hàn khẩu. Anh Trưởng đập thôi không chửi bởi gì nữa, và là người thứ hai nhảy xuống chỗ đập vỡ. Anh Trưởng đập mớ, ôm chầm lấy Triệu Nhất Nhân rồi hò hét mọi người đem các bao cát xếp xuống phía sau hai người. Suốt từ đêm cho đến sáng, Triệu Nhất Nhân mới bò lên khỏi mặt nước, vừa leo lên đến bờ ông đã lăn ra bất tỉnh nhân sự. Đùi anh Trưởng đập mớ, bị thương do đá đập phải. Hơn một tháng sau, một bên đùi vẫn phải dán lá cao đen kịt, trên huyết thái dương vẫn bầm tím vì ống giác hút chất độc vẫn chưa tan hết.

Thu hoạch vụ lúa mùa bị giảm sút, nhất là khi lúa đang ngậm dòng, cần được tháo nước vào cho lúa, nhưng lúa nhà anh thanh niên đầu tiêu đào xương khủng long đã bị Trưởng đập không cho lấy nước, thế là mất trắng, một hạt cũng không thu hoạch

được. Anh thanh niên bèn thuê người xuống núi dong về ba gánh gạo trắng nồn nà, và cố ý báo những người gánh gạo phải đi ngang qua cửa nhà anh Trưởng đập.

Hôm ấy là hôm đất trời đẹp như tranh, với số lương trợ cấp chức vụ cố định, anh Trưởng đập đã mua được chiếc máy thu thanh loại xịn, mang ra ngoài cửa ngồi nghe kịch truyền thanh, đột nhiên thấy anh thanh niên dẫn những người gánh gạo đi ngang qua trước mặt mình với vẻ hết sức ngông nghênh, anh biết ngay là tay thanh niên cố ý khiêu khích mình, nên mở loa to lên đến hết cỡ.

Anh thanh niên hỏi:

- Anh Trưởng đập, vết thương trên đùi khỏi chưa?

Tuy vết thương trên đùi chưa khỏi, nhưng mấy ngày hôm nay anh đã thôi không dán cao nữa, miệng vết thương vẫn còn ứa máu đen.

Anh thanh niên lại nói:

- Tôi có thuốc cầm máu đây! Anh cạo nó ra thành bột, rồi rịt vào là khỏi...

Vừa nói, vừa vứt cho anh một mảnh xương khủng long.

Thế là hai con người trai tráng, khỏe mạnh, dưới bầu trời sán lạn, xông vào quần thảo, đánh nhau một trận tới số.



Hương khói ở chùa Khánh Nguyên lúc nào cũng nghi ngút. Những bà phụ nữ ở đây đã lâu đời, cùng

những cô con gái mới về làm dâu vùng núi Hồ Đen này đều đến đây lễ bái cầu xin cho chồng con khỏe mạnh. Trên cổ bọn họ tuy vẫn đeo đĩa mỡ hôi quện với bụi đất, nhưng cũng đã thay mặc áo mới, đem tiền đến nhét vào hòm công đức trước bàn thờ Phật, nhiều là một, hai chục đồng, ít là vài, ba đồng. Một nhà sư ngồi tĩnh tọa bên điện thờ, thân hình cổ quái, sắc diện khó đăm đăm, miệng lầm nhảm kể một câu chuyện sợ hãi đến phát khiếp.

Những bà lắm mồm liền đem chuyện ấy nói toang ra. Nói rằng, một hôm, có chú tiểu, lên hang đá lấy nước mới thấy cây cỏ ở bên cạnh la đà như gió thổi, nghe ù ù đến rợn tóc gáy, bèn ngoảnh đầu lại xem, thì thấy trên gò đá có luồng hào quang rực rỡ, cùng với một con rắn ngũ sắc, thật to nằm khoanh tròn ở đấy, dễ phải to bằng cái sàng, cái đầu ở giữa nghén cao, cái lưỡi đỏ lử thia lia, như tia sét, đôi mắt sáng chói, toàn một màu xanh. Và cách chỗ con rắn độ hơn một trượng, có một con ếch, đứng thẳng trên hai chân sau... Con rắn nằm canh chừng, con ếch không kêu cũng không chạy, cứ trố mắt nhìn con rắn, giống như đã bị một sợi dây vô hình trói chặt, rồi cứ từng bước, từng bước nhích lại gần con rắn hơn...

Câu chuyện nói cách ấy, làm cho người dân núi Hồ Đen vừa kinh sợ vừa hoài nghi, về sau tìm chú tiểu hỏi thẳng, lại càng khiếp hãi hơn, không còn ai dám lên hang đá lấy nước nữa, lấy nước ăn, phải đi đường vòng, ra tận sông Đen.

Nhưng các chú sư lại không sợ, họ vẫn lên hang đá lấy nước. Và lần nào lên đó họ đứng ngấm nhìn những nhũ đá hao hao hình người con gái, nhưng họ có sợ gì đôi mắt của người con gái bằng đá, cũng chính là đôi mắt rắn kia đâu? Tuy biết rất rõ rằng đây chính là tội lỗi, nhưng họ vẫn bị những ánh mắt lôi kéo, nên vẫn cứ từng bước, từng bước dần sâu vào hang, và đem cái thứ đàn quý giá đã luyện được từ lâu trút xuống, đứng quẩn.

Về sau, chùa Khánh Nguyên nhận thêm một loạt chú tiểu mới, lại cùng với các sư huynh đi lấy nước. Thấy sư huynh cứ đứng ngây người nhìn trộm hình dáng một người con gái ở phía xa, chú tiểu hỏi nhìn gì? Bèn đáp: "Rắn". Nhưng đến lần sau, khi chú tiểu lại cùng với sư huynh lên hang lấy nước, họ thấy ở đây một đám người khềnh gỗ, và phía sau đám người ấy là Triệu Di, chú tiểu bèn nho nhỏ hỏi sư huynh:

- Sư huynh có sợ rắn không?

Sư huynh trợn mắt nhìn chú tiểu, còn chú tiểu lại lẩm nhẩm nói:

- Tiểu đệ yêu rắn!

Nhưng điều ấy lại là chuyện về sau. Tạm gác, tạm gác.



Cô tư tên là Triệu Cấn, vào mùa hè, cánh tay cô bắt đầu tròn trịa lại, bộ ngực cũng bắt đầu cao

vống lên, nhưng càng ngày càng chẳng thấy được cái màu non nà, tươi non của cỏ biếc.

Hai năm trước, cô vào thành phố giúp việc cơm nước cho gia đình chị ruột, đi một mạch một năm rưỡi trời. Tuổi cô đang là tuổi mang đầy những ước ao, mơ mộng, cô thích ứng rất nhanh với hoàn cảnh hoàn toàn khác vùng núi Hồ Đen, phi dê tóc, kẻ lông mày, tô son, thoa phấn, và tập nói thứ tiếng nói phổ thông cứng đờ. Mỗi khi chị và anh rủ đi tham gia một cuộc hội hè gì đấy, bà chị không bao giờ quyết định được rằng mình nên mặc bộ quần áo nào, chải kiểu đầu tóc nào, nên ông anh rủ bao giờ cũng phải đứng bên cạnh làm cái gương, nói:

- Bước lên mấy bước, mấy bước nữa. Quay!

Thế là anh rủ lao tới, ôm chầm lấy chị. Triệu Căn nhìn thấy thế, liền lánh vào phòng khác, và háo hức thêm muốn cái hạnh phúc ấy. Nhưng anh rủ đã kéo bà chị tới trước mặt cô mà nói:

- Căn này! Chị em ăn mặc thế này liệu có làm xấu mặt anh không?

Khi vợ chồng chị đi rồi, Triệu Căn thường ngồi ngây ra một mình rất lâu. Ban đêm ngủ cùng với thằng cháu ngoại trên giường, nghe rõ hết mọi tiếng động của vợ chồng anh chị ở phía bên kia, Triệu Căn đắm trần trọc mất ngủ.

Triệu Căn là con gái út, và cũng là cô gái duy nhất còn ở nhà, chưa chồng. Đó là mối lo của cả cha lẫn mẹ cô, nên thường viết thư lên tỉnh bảo Triệu Di tìm cho em một tấm chồng ở thành phố. Một cô con gái có hộ khẩu nông thôn, làm sao mà

lấy chồng thành phố cho được? Bạn bè quen biết của anh rể rất đông, nên anh đã dò hỏi khắp nơi, nhưng mục tiêu chỉ có thể là một làng trồng rau ở ngoại thành. Nhưng tìm được một, được hai, được ba, được bốn, mà Triệu Cấn chẳng thấy vừa lòng ai, bởi vì nếu không phải là nhà nghèo, thì lại là người dặt dẹo xấu xí, hoặc lùn tịt, nên thường chỉ trò chuyện trao đổi với người ta được mười ngày, một tháng là thôi.

Bà chị hỏi:

- Thế thì em định kiếm người như thế nào?

Triệu Cấn đáp:

- Bọn họ, ngay đến cái anh Trưởng đập cũng chẳng bằng.

Trưởng đập đương nhiên là anh Trưởng đập mới ở núi Hồ Đen. Cô có quen biết anh Trưởng đập mới, nhưng anh lại chẳng thèm ngó ngang gì tới cô. Một con người mặt lạnh như tiền, Triệu Di nhớ làm sao được.

Thế là Triệu Di bực mình, hỏi sao không lấy luôn cái anh Trưởng đập mới ấy đi, cô em bảo, anh ta tuy khỏe mạnh cực, nhưng lại quê mùa quá. Triệu Di trách em là đứng núi này trông núi nọ cao hơn. Triệu Cấn lại hận chị là không có tinh thần trách nhiệm. Ông anh rể lại nhờ người mối lái cho cô em vợ đám khác, gia cảnh chàng này rất khá giả, lại đang làm nghĩa vụ quân sự, cũng thuộc loại người giỏi giang. Bà chị đe:

- Lần này là phải làm tới, ăn chắc, nếu còn ỏe học nọ kia, là anh chị bỏ mặc đấy.

Triệu Cấn đâu có sợ sự đe dọa ấy, nhưng cô thấy anh bộ đội một cái là đã say chết mê chết mệt, và âm thầm gọi anh ta là "trái tim vàng".

Gia đình nhà chị bèn làm cỗ bàn để thết đãi anh bộ đội. Anh mặc bộ đồ quân nhân màu xanh cô, đẹp trai ngời ngời, vô cùng phong độ. Ở bàn ăn, khi vừa bưng món gà quay lên Triệu Cấn liền thò tay ra, cầm cả con gà, xé một chiếc đùi đặt vào bát chàng quân nhân, rồi xé chiếc đùi gà thứ hai đặt vào bát anh rể.

Triệu Di cười nói:

- Giá như con gà có ba cái đùi, thì tôi cũng sẽ được ăn!

Triệu Cấn liền đỏ bừng mặt, hốt hoảng nói:

- Ôi chao! Thế mà em cứ tưởng con gà có những bốn cái đùi cơ.

Nhưng, ba ngày sau khi ăn bữa cơm đó, anh quân nhân lại nói với Triệu Cấn:

- Ta vĩnh viễn làm bạn của nhau có được không em?

Triệu Cấn thấy như mình bị rơi xuống vực.

Triệu Cấn khóc ròng rã mấy ngày liền, nằm bẹp trên giường, cơm nước cũng không dậy ăn uống. Bà chị nói:

- Lần này nữa là phải biết tỉnh ra, người ta đồng ý em, em lại không đồng ý người ta; em đồng ý người ta, người ta lại không đồng ý em. Cứ theo như cách thức tìm người yêu của em ấy mà, ngay cả với người em đã đồng ý ấy, thì cũng chỉ cưới nhau được dăm ba ngày là em sẽ chán.

Triệu Cán vặc lại chị, tỏ lăm, rồi bực bội nhảy lên xe đồ trở về núi Hồ Đen.

Bà chị lớn, Triệu Tú, làm mối cho em gái anh phò mộc ở gần nhà mình, tuy cũng đã gặp mặt, đã có lẽ chạm ngõ, nhưng khắc sâu trong đầu óc Triệu Cán vẫn chỉ là cái anh chàng quân nhân kia. Cái mối hận khắc cốt ghi xương đối với anh chàng quân nhân vô tình ấy cứ ngày một phai nhạt dần, ngược lại cái sự cự tuyệt của chàng quân nhân càng làm cô cảm thấy chàng có cái sức khỏe chẳng kém gì anh Trưởng đập và là một người đàn ông đích thực. Thế là càng ngày cô càng tưởng nhớ tới anh ta nhiều hơn, rồi thêu dệt hư cấu, lý tưởng hóa... biến anh chàng quân nhân thành một vị thánh cao cả, sáng ngời ngời.

Cô tự mua cho mình một bộ quần áo quân nhân màu cỏ, đêm đêm đem gấp chiếc quần bộ đội xanh màu lá cỏ ấy, ép trên mặt gối, thậm chí khi nhìn thấy màu lá cỏ, mắt cô đã ngời sáng, và đứng ngây, nhìn ngắm nó.

Hầu như trong tất cả các giấc mộng đêm đêm, cô đều gặp anh quân nhân kia. Anh quân nhân đã mua cho cô rất nhiều quần áo, mặc vào cho cô, rồi ngắm nghía. Anh ôm chặt lấy cô, còn người cô mềm như một sợi bún, anh quay tit người cô. Cuối cùng hai người cùng ngã xuống giường, cô bị đau đớn như chưa bao giờ bị đau đớn đến thế, song lại có những khoái cảm từ trước tới nay chưa bao giờ có.

Bầu ngực của cô càng ngày càng nở nang ra, bờ vai cũng càng ngày càng tròn trặn lại, cô đột nhiên cảm thấy như mình đang mang thai. Cái ý

nghĩ ấy quả thật là hoang đường; cô quái, nhưng càng ngày càng mãnh liệt, cho đến khi kỳ kinh nguyệt của cô đã vượt lên một tháng hai mươi ngày mà vẫn chưa thấy gì, cô chính thức tự thừa nhận rằng mình đã mang thai.

Nỗi bàng hoàng kinh hãi ập xuống người Triệu Cấn. Cô không dám tắm trong chiếc bồn gỗ trước mặt bà mẹ, và hai người chị dâu. Vụng trộm uống dấm...

Khi chị cả Triệu Tú lại thêm một lần nữa đưa anh phó mộc tới nhà, cô sống chết lách mắt không ra gặp, và thét lên:

- Em không thể lấy anh ta được! Em không thể lấy anh ta!

Cả nhà ngơ ngác chẳng hiểu tại sao. Khi hỏi đến nguyên nhân, cô ngậm miệng không nói một lời. Cô làm sao dám mở miệng ra mà nói, cô là một cô gái đang mang thai?

Từ đấy về sau, người Triệu Cấn cứ rộc rạc, tiêu tụy đi, tự mình cho mình là một kẻ "lưu manh", cô cho rằng đến lúc nào mà cô không còn có thể giấu giếm được nữa, cô sẽ một mình đi biệt tìm biệt tích ở một nơi nào đó, để ra đứa trẻ màu cỏ quân nhân, và sẽ không còn bao giờ trở lại vùng núi Hồ Đen này nữa.



Sáng sớm, trên mặt sông Đen phủ đầy một lớp sương mù với màu xanh như ngọn lửa xanh, cơ hồ

như trời sáng ra, mặt trời đỏ lên trong sự bùng cháy của thiên nhiên đó. Trên một cây lê ở chân núi, mấy chục con dơi đeo mình ở đó trông như những kẻ chết treo, không động đậy. Núi cao tịch mịch, nước chảy mênh mang. Một đàn chim sếu¹ đông đúc, từ nơi xa thẳm bay qua vùng núi Hồ Đen theo hình chữ nhân. Cả cái tộc đoàn chim di cư viễn xứ này, đực cái, lớn bé, non già, đều đã mỏi rã rời, hạ cánh xuống bãi sông Đen nghỉ ngơi, và con nào cũng vùi đầu vào cánh. Nhưng hai con chim canh gác vẫn thức, con trước con sau, quan sát mọi động tĩnh, về sau chúng vọng nhìn lên núi Hồ Đen, và cả cái hang trắng trên núi Hồ Đen ấy.

Ở nơi cách chỗ đàn chim đậu độ một nghìn mét, đột nhiên xuất hiện một cái giá gỗ, cao chừng hơn hai sạ, (*đơn vị đo lường cổ - N.D.*). Có thể trong cặp mắt loài chim đó chỉ là những cành cây khô, nên không làm nó chú ý. Sau đó chiếc giá này chuyển dịch dần, cùng với hai người và một con chó rọp mình bò theo. Nhưng con chó lại không biết cách bò rọp, nên nó bị một người kẹp vào nách, song nó cũng chẳng kêu cần gì. Chiếc giá gỗ đã dịch dần tới nơi chỉ còn cách đàn chim chừng trăm mét, một người liền gác nòng súng đen ngòm lên trên chiếc giá gỗ, ngắm. Nhưng tầm nhìn của đàn chim quá ngắn. Người kẹp con chó trên nách liền thả con chó, vung tay một cái, con chó lao đi như tên bắn, gào lên ăng ăng. Lúc đó con chim canh gác mới nhận

1. Theo "Hán Việt tự điển" của Thiều Chửu, gọi là con Mòng. Trong nguyên bản tác giả dùng chữ "Nhạn" (N.D.).

ra rằng sự nguy hiểm đang nằm đằng sau chiếc giá gỗ, nó kêu lên một tiếng kinh hoàng, cả đàn chim vỗ cánh bay lên, song tiếng súng đã nổ. Nhồi trong nòng súng không phải là đạn viên một, mà là một thứ đạn ghém, một phát tỏa ra cả đám, ngay lập tức năm sáu con sếu lớn, rũ cánh, rơi xuống đất.

Người cầm súng kêu lên:

- Di ơi, trúng rồi, trúng rồi!

Dư âm của tiếng súng vẫn còn vang vọng trên sông, Triệu Di, tai như điếc đặc, nằm trên mặt cát, vẫn còn chưa kịp phản ứng lại, con chó đã ngậm con mồi còn giẫy giụa chạy tới bên cô.

Triệu Di nói:

- Anh Ba, cách này của anh hay đấy!

Triệu Kỳ đáp:

- Bán sếu thì anh là một cây ròi. Bây giờ gà đất đã hết sạch, thịt chim sếu còn ngon hơn gà đất nhiều. Tháng trước anh đã bắn một lần, được tất cả tám con, ba con biếu bố mẹ, một con biếu chị cả, một con biếu anh trưởng, còn lại ba con, anh làm một nồi, chia cho hai đứa con anh hai với hai đứa con nhà anh, mỗi đứa một bát, đến lượt anh, chỉ còn nửa bát nước.

Triệu Di nói:

- Tối nay em làm, để anh xem em đã học được cách chế biến nấu nướng như thế nào, và bảo đảm, anh được ăn đầu tiên.

Triệu Kỳ nói:

- Thế là không ổn rồi. Anh định thịt xong, đem ướp muối, đến ngày sinh nhật của bố, ăn bốn con, còn hai con hôm nào em về thành phố, mang theo làm quà.

Triệu Kỳ nói xong, chớp chớp cặp mắt nhỏ, rồi xách chiếc sọt đi đến những chỗ chim đồ hót phân chim. Anh lấy chân gạt gạt những đồng phân chim thành đồng, rồi bốc vào sọt bằng hai tay. Thấy cô em gái đứng nhìn, anh nói:

- Cái loại phân này tốt lắm, bố thích hút thuốc, năm nào anh cũng trồng một mẫu ($666,6m^2$... N.D.), bón thuốc toàn một loại phân này.

Triệu Di nói:

- Ô! Thế anh Ba cũng thuộc loại khá đấy nhỉ, em vẫn cứ tưởng con cái khi ra ở riêng rồi, còn ai ngó ngang đến bố mẹ nữa!

Triệu Kỳ nói:

- Thế em cứ tưởng chỉ một mình em có tiền gửi cho bố mẹ thôi ư, còn bọn anh đều là một lũ bất hiếu cả chắc? Anh trưởng đi xa, anh hai lại luôn luôn vắng nhà, cả cái gia đình này, đều chỉ trông vào một mình anh thôi đấy.



Cô ba Triệu Vân được tin Triệu Di đã về, bây giờ là chiều thứ sáu. Cô nghĩ: Chiều mai, anh Đức Phát sẽ về, nếu trời còn sớm, mình sang tới nơi, trời cũng vừa tối là được.

Trong bao nhiêu năm nay, Triệu Di vẫn luôn luôn gửi tiền về biếu cha mẹ. Chị lớn Triệu Tú, thường cũng hay về nhà vá may giặt rũ cho cha mẹ. Triệu Vân chẳng có quyền làm chủ gia đình mình, nên tiền nong cũng chẳng có, cô cảm thấy xấu hổ với cha mẹ. Tối hôm đó, cô hòa bột, đặt chảo, hấp bánh định đem về làm quà cho mẹ.

Khi bánh hấp vừa chín, hai thằng con trai như hai thằng thỏ phỉ vẫn còn chưa ngủ. Chị nói:

- Đây! Cho hai chiếc bánh hấp nóng hôi hổi...

Chưa dứt lời, ngoài cửa đã có tiếng đập mạnh. Triệu Vân giật mình, hết hồn, không dám thở to, lẳng lặng lắng nghe, tưởng là trộm cướp gì đó. Một lát sau, lại có tiếng đập cửa.

Triệu Vân sợ hãi hỏi vọng ra:

- Ai đấy?

Tiếng bên ngoài đáp lại:

- Mở cửa!

Đó là tiếng giận dữ của Đức Phát.

Cửa mở, Đức Phát vừa bước vào nhà là cài ngay cửa lại, rồi tiện tay vợ lấy cái xẻng dựng ở góc tường vung lên quát:

- Thằng chó nào trốn ở trong nhà hử? Ra ngay đây!

Triệu Vân nói:

- Làm sao anh lại về nhà vào lúc này?

Đức Phát nói:

- Tao về nhà không đúng lúc phải không? Giấu cái thằng mất mả ấy ở đâu hử?

Triệu Vân nói:

- Thế ra anh cố ý về nhà bắt quả tang tôi đấy phải không? Anh mà lục được cái thằng chó ấy ra, anh cứ giết chết tôi ngay đi!

Đức Phát leo lên gác, mò xuống hầm, lật hòm mở tủ, chẳng tìm kiếm được cái gì, nói:

- Đây! Cho hai chiếc bánh hấp nóng hôi hổi...! Hai chiếc bánh hấp nóng hôi hổi là hai cái gì? Là cặp vú của cô chứ còn là cái gì?

Triệu Vân đáp:

- Thế thì anh xem con anh nó đang ăn cái gì kia?

Hai đứa bé như hai con lợn con, chui tọt vào trong chăn không dám ho he, ngón ngấu nhai nốt cho nhanh, như chó đói.

Đức Phát xì hơi, đuổi lý, cởi giầy leo lên giường, lâu bầu:

- Tết chẳng phải, lễ cũng không, mà lại đi hấp bánh với hấp trái...?

Triệu Vân bị oan uống, đau đớn trong lòng trong dạ, nằm khóc âm thầm. Đức Phát bò tới, định làm cái việc anh ta cần làm, Triệu Vân không chịu, nhưng chị đâu có từ chối mãi được. Đợi cho đến khi anh ta lăn sang một bên, Triệu Vân mới nói:

- Anh vẫn còn không tin em sao? Chị hai từ thành phố về thăm nhà, mai mình phải sang đó, chị em bao nhiêu năm chẳng trông thấy nhau rồi.

Đức Phát nói:

- Cô về, để đến với thằng Nhị Thuận chứ gì?

Triệu Vân lặng thinh không đáp, và cũng không nói thêm gì nữa. Hai vợ chồng quay đầu đi mà ngủ. Nước mắt ướt đầm gối của Triệu Vân.

Nhị Thuận là người ở thôn Giữa núi Hồ Đen, vốn là bạn học của Triệu Vân, trước kia hai người cũng đã từng yêu nhau, Triệu Nhất Nhân không đồng ý. Ông xem trọng tri thức, nên gả Triệu Vân cho anh giáo trưởng dân lập là Đức Phát.

Khi ấy Triệu Vân rất do dự, nhưng Đức Phát đã hiếp cô trong ruộng ngô, từ đấy cô thôi hẳn với Nhị Thuận. Nhưng sau khi cưới xong, Nhị Thuận lại viết thư cho cô. Khi người cầm hộ thư đến, thì Đức Phát lại đang có nhà, Đức Phát đòi xem, Triệu Vân bảo đấy là thư bạn học, nên không cho xem, khi ra nhà xí mới bóc thư ra xem, nhận ra đúng là nét chữ của Nhị Thuận vội nghĩ: Làm sao anh ấy lại viết thư đến đây nhỉ? Đức Phát vốn vẫn nghi ngờ giữa cô và Nhị Thuận đã có những hành vi quá trớn, bây giờ anh ấy lại viết thư đến đây, thật chết! Nèn cô chẳng dám đọc thư mà xé nát ra ngay, ném vào trong thùng phân. Đức Phát lại đòi xem thư, cô nói đã xé đi rồi, và dứt khoát không nói đó là thư của ai. Đức Phát lập tức cho rằng vợ cùng Nhị Thuận vẫn còn liên lạc với nhau, liền cho ăn ngay một trận đòn. Từ đó Triệu Vân trở thành bị thịt luyện tay của Đức Phát.

Hôm sau, Triệu Vân lại nhắc tới chuyện về nhà mẹ mình, Đức Phát cúi tiết đánh luôn. Lần đánh này rất hung dữ, một cái cán đĩa gãy rơm gãy làm đôi. Triệu Vân như một con mẹ điên, bế lấy hai đứa con rồi vừa gào vừa khóc về thẳng núi Hổ Đen.

Triệu Di vừa chợt trông thấy Triệu Vân đã giật mình kinh hãi. Chỉ nghe rằng, kể từ sau khi lấy chồng, Triệu Vân thành con người khốn khổ, nhưng cô không sao tưởng tượng ra được con người Triệu Vân lại tiêu tụy đến thế, già sòm đi như người bốn mươi. Hai chị em, với mẹ, cùng ôm nhau mà khóc.

Triệu Di nói:

- Em Vân bị Đức Phát hành hạ ngược đãi như vậy, mà không một ai nói gì là thế nào? Bố! Tại sao bố lại bỏ qua việc này?

Triệu Nhất Nhân chỉ biết thờ dài, than ngắn, giận mình khi ấy mù quáng, đưa con vào trong lò lửa.

Triệu Di hò hét, đi gọi anh hai, anh ba, kéo cả đám đến nhà anh giáo viên dân lập Đức Phát. Người nhà họ Triệu đâu phải là đã chết hết không còn một ai, không phải là đồ bỏ, mà sao lại để cho người dè nén, hành hạ người nhà mình đến mức ấy? Ba anh em như ba con hổ báo hùm beo, định kéo nhau ra khỏi nhà, thì bị ông bố già ngăn lại, nói:

- Cái thằng giặc Đức Phát nó ngu, có biết gì là phải trái đâu, có nói chuyện với nó cũng như không. Nó là giáo viên dân lập, chính bố nhờ người mối lái gả bán cho nó, đồng tiền nó kiếm ra được là bao nả, mà nó đã dám hành hạ làm nhục con Vân. Bố

đã từng đến tận nơi giáo dục nó mấy lần, nhưng có bao giờ nó thềm lại vãng đến cửa nhà này đâu! Di ạ! Con vừa mới về nhà, bằng vào danh nghĩa gì, con đi như thế, chỉ là chuốc lấy chuyện cười. Thôi, cứ để cho mẹ con con Vân ở lại đây ít ngày rồi ta dần dần tính chuyện lâu dài về sau vậy.

Thế là mọi việc phải dừng lại. Nhưng sáng hôm sau, khi thằng cháu ngoại của Triệu Nhất Nhân, đi chơi bên ngoài nhà, chợt chạy vội về nói với Triệu Di:

- Bác ơi, bố cháu bảo mẹ cháu phải về nhà ngay!

- Bố cháu ở đâu?

Đứa bé đáp:

- Ở ngoài đầu mương đầu thôn ấy!

Triệu Di và ông anh hai vợ ngay lấy cái xẻng, chạy ngay ra ngoài bờ mương, Đức Phát đã bỏ chạy như một con thỏ.

Triệu Di nói với Triệu Vân:

- Em cứ ở đây xem nó có dám đến đây đánh em nữa không nào? Mà em cũng nhu nhược quá cơ, nó đánh mình, mình không biết đánh lại nó sao?

Thế là Triệu Vân ở lì lại nhà bố đẻ, và bà chị rút ngay bốn mươi đồng bạc ra đưa cho em, rồi lại may cho em và hai cháu mỗi người một bộ quần áo mới.



Một ông thầy lang 42 tuổi, chơi rất thân với Triệu Hòa. Năm năm trước, vợ ông ta bị bệnh ung

thư chết, ông ở vậy, nuôi thành con trai 13 tuổi. Chép mất một cái, đứa con đã 18 tuổi rồi, cao bằng bố, tính nết cũng vui buồn bất chợt y như bố. Trong đời sống hàng ngày, chẳng phân biệt bố con, trên dưới, coi bố như bạn bè, như anh em cùng lứa. Ông thầy lang cũng chẳng bảo làm sao, lại còn lấy thế làm vui. Ông cũng có ý tục huyền, nhưng con trai lại đe trước:

- Nay bố này, bố có yêu đương ai thì bố cứ tự do, nhưng có định lấy ai đó, thì người ấy phải ở vào cái tuổi đẻ ra được con đấy nhé.

Việc kiếm vợ hai là việc khó, bởi đàn ông có cái tính lạ là kiếm người đàn bà càng trẻ càng tốt. Ông thầy lang cũng đã kiếm được một người, chuyện tình yêu đang đến đoạn mặn mòi, thì thằng con biết được, nó lấy làm bức bối lắm, nó nhằm đúng lúc bố nó đang nói chuyện với cô gái, nó thò mặt vào:

- Em chào chị! Chị lại chơi!

Người đàn bà lập tức mặt đỏ bừng lên, vọt ra cửa, bỏ đi.

Ông thầy lang thật khóc dở mà mếu cũng dở, về sau tính chuyện yêu đương với người đàn bà khác, giữ bí mật tuyệt đối. Nhưng thằng con cứ mỗi hôm về nhà, là lập tức lục hòm, lục tủ, tìm xem trong nhà có ảnh người đàn bà lạ nào không, hoặc thư của đàn bà con gái gửi cho bố không. Mấy hôm sau, hẳn chính thức nói với bố:

- Bố! Gần đây bố có những biểu hiện không tốt, tôi tăng lên hai tuổi!...

Vài hôm sau, nó lại nói với bố:

- Mấy ngày nay, bố có tiến bộ, tôi hạ mức xuống một tuổi!

Triệu Hòa cũng giới thiệu được cho thầy lang một người, người này thầy lang cũng có quen biết, người ngợm cũng khá, tuổi tác cũng vừa vặn, nhưng thầy lang lại băn khoăn:

- Không biết người ta có chịu lấy tôi không?

Triệu Hòa đáp:

- Có tôi vun vào cho là được!

Thầy lang lại nói:

- Nhưng người ta làm công tác chính trị, tôi là cái thằng lang thang đã thành nết. Tôi tìm vợ chứ đâu cần tìm một bà chính ủy về nhà!

Triệu Hòa nói:

- Thì làm chính trị, chị ta cũng là đàn bà chứ. Tôi biết chắc chị ta. Nếu nói dài dòng văn tự ra, tôi với chị ấy cũng là chỗ thân thích đấy.

Nhưng rồi cái đám ấy dần dần cũng chưa dứt khoát cho thành chuyện được.

Về sau, thằng con lại nói nhỏ cho bố biết, bên ngoài người ta đồn đại rằng, Triệu Hòa đã lòng thông với chính cái người đàn bà ấy đấy. Thầy lang lần đầu tiên giáo dục con:

- Nghi ngờ ai thì được, chứ nghi ngờ Triệu Hòa là không được. Triệu Hòa là người hiểu biết, làm sao lại có thể đem một người đàn bà đã qua tay mình, giới thiệu cho bạn bè?

Thầy lang tuy giáo dục con như thế, nhưng trong lòng không khỏi không có những phân vân. Ông bèn đi dò hỏi ngay chính vợ Triệu Hòa, giả vờ hỏi về đức hạnh của người đàn bà ấy. Nếu chồng có đi lãng nhăng ở bên ngoài, thì chính người vợ là người thính mũi nhất. Nhưng không ngờ rằng vợ Triệu Hòa lại hết lời ca ngợi người đàn bà này. Thầy lang hết sức yên tâm, và ông cho rằng, chuyện này chính là tại thằng con ông, nó muốn chống phá ông.



Từ khi đắp xong con đập ở eo sông Đen, thóc lúa nhà họ Triệu đã dư dả có thừa, gia cảnh cũng khá dần lên, nên đã nghĩ ngay tới chuyện xây dựng nhà cửa cho kiên cố ở vùng núi Hồ Đen. Sau khi thăm địa lý cấp cái la bàn leo trèo khắp nơi trên núi Hồ Đen, rồi phán rằng, thế đất có huyệt vị tốt chỉ có ở hai nơi, là bãi đất bằng nằm trước hang Bát Thạch, và mảnh đất trũng ở đầu núi phía bắc. Vùng đất trũng này người ta gọi là Chậu Vàng (Kim Bồn). Nhà họ Triệu cho rằng, đây là đất của nhà Phật, dân thường không thể chiếm cứ được, cho nên đành bỏ bãi đất bằng trước cửa hang Bát Thạch, rồi gọi thợ, đào móng, san nền, khai phá vùng đất trũng Chậu Vàng.

Vùng Chậu Vàng đúng là một cái chậu. Bốn xung quanh cao, ở giữa hơi trũng, có nắng lại ít gió, đất đai ẩm xốp, lại có thể nhìn thấy ngọn tháp của chùa Khánh Nguyên ở phía sau nhà, sớm sớm, chiều chiều

lại được nghe vang vọng tiếng chùa giảng kinh. Nhưng Hà tiên sinh, người thôn Hà Gia ở Xuyên Đạo cũng hiểu biết về phong thủy, đến đây, lại nói:

- Đây đúng là một huyệt vị tốt, nhưng lại quá gần tháp chùa. Tháp là cái đục, cái giữa, sẽ làm thủng đáy chậu.

Nhà họ Triệu sợ hết hồn. Mới hỏi: Lấy cái gì trị được?

Hà tiên sinh đáp:

- Ngoài việc trồng một cây bách nghìn cành che mặt tháp, còn phải thuê những người thợ mộc, thợ nề chỉ được mang một họ Cố.

Cố là cố vấn, đồng âm với cô, cô là vấn vít, đẹp thay!

Nhà họ Triệu đi tìm thuê thợ toàn mang họ Cố. Từ đây, nhà họ Triệu thịnh vượng hẳn lên. Triệu Nhất Nhân mới tý tuổi đầu, đã học xong trường trung học huyện lập, hơn hai mươi tuổi Hà tiên sinh gả con gái cho. Nhà họ Triệu cứ thế phát lên, Triệu Nhất Nhân, mới trên ba mươi tuổi đã làm Lý trưởng (Bảo trưởng) cả một vùng này.

Theo chính sách của hồi mới giải phóng, Lý trưởng là thuộc vào hàng ngũ phân cách mạng, cần phải quản chế và trấn áp, nhưng Triệu Nhất Nhân lại chẳng bị tội gì. Ấy là vì vào hồi chiến tranh, vùng núi này là vùng đỏ, trắng, cày răng lược. Triệu Nhất Nhân về mặt công khai, là làm việc cho Quốc Dân đảng, có tuần đình, có phép tắc lại có cả một chiếc ba toong ngoại, về mặt bí mật, lại phục vụ Cộng sản

đảng, có ủng hộ lương thực, có giới thiệu bác sĩ Lưu, là bạn thân của mình, chữa bệnh cho thương binh, vì thế ông được coi là nhân sĩ yêu nước. Hai nữa là trong việc bắt phu bắt lính, ông cũng không quấy đảo mảnh đất này. Mỗi khi ở đây xuất hiện lũ thổ phỉ, ông ra sức truy lùng, bắt bớ, và ông cũng chẳng vô cớ độc ác với ai. Dường nhiên rằng, khi triều đại đã đổi thay, từ đó ông chỉ là người dân thường, mặc dù rằng anh chặn ngựa của đội du kích trong Cộng sản đảng vừa giải phóng xong đã làm ngay cán bộ lãnh đạo trong một chuyên ban của huyện.

Bà vợ họ Hà tuy đoản mệnh, nhưng lại được hưởng phúc. Bà không chết sớm, cũng chẳng chết muộn, tức là chết vào đúng khi ông không còn làm Lý trưởng nữa. Bà chết bình lặng, mặt tươi, môi đỏ như khi còn sống. Triệu Nhất Nhân chôn bà vào nghĩa địa riêng, cùng với tổ tiên.

Bà Hà để lại cho ông một trai một gái, gái mười tuổi, trai bốn tuổi, đó là thời kỳ bi thảm nhất trong suốt cuộc đời ông. Bác sĩ Lưu, người bạn thân thiết nhất thường tới uống rượu với ông, biết ông hết sức đau khổ, nên đã đem em gái của mình gả về cho nhà họ Triệu. Cô gái họ Lưu lúc bấy giờ đang vào tuổi niên hoa, tuy chẳng thuộc loại chim sa cá lặn, nhưng rất đứng đắn đoan trang, lại là người tử tế với trái tim dịu dàng. Sau khi về nhà chồng, cô chăm sóc chồng thật chu đáo, nuôi dạy hai con vợ trước cũng thật hết lòng. Việc đầu tiên là cho cô Triệu Tú con gái đầu đi học, Triệu Tú lười biếng, không

muốn đi học, nên bà họ Lưu ngày nào cũng phải đích thân dẫn con tới trường, rồi chỉ đứng bên ngoài cửa sổ lớp học chờ con mà cũng thành ra biết được dăm ba chữ. Sau thấy Triệu Tú thật tình chán nản trong việc học hành, bà đành thở dài, để con ở nhà, dạy cô học kim chỉ thêu thùa may vá và thổi nấu cơm nước. Đợi đến đúng 19 tuổi, bà chọn một nhà khá giả ở phía sau núi, cho cô đi lấy chồng. May mà cậu Triệu Hòa, con bà vợ trước, được cái thông minh nhanh nhẹn, học hành giỏi giang, nên bà đặt hết hy vọng vào cậu con trai này. Khi Triệu Hòa học xong trung học, lại thi trúng vào đại học, thì hai cậu con trai và ba cô con gái cùng cha khác mẹ cũng lần lượt ra đời. Thế là gia đình nhà họ Triệu lại thêm một phen bùng sáng.



Sau một trận mưa, không khí vùng núi Hồ Đen trong trẻo vô cùng. Không khí vùng núi Hồ Đen hoàn toàn có thể đem xuất khẩu ra thế giới, bán lấy tiền, nhưng Triệu Nhất Nhân lại chẳng thèm để ý tới cái đó. Ông mặc xác cái bầu trời trong sáng, ông lăn quay ra giường ngủ vùi. Sau một giấc ngủ nặng nề, ông tỉnh dậy. Ông chợt nhìn thấy một vầng sáng ở góc nhà trên góc tường đối diện là những ánh phản quang lấp lánh, như có muôn ngàn con rắn bạc đang nhảy múa, rất đẹp mắt. Ông cất tiếng hỏi:

- Mẹ con Di ơi, mặt trời mọc rồi đấy à?

Tiếng bà Lưu đáp lại từ ngoài sân:

- Mặt trời mọc rồi đấy!

Triệu Nhất Nhân và bà họ Lưu đã sinh nở với nhau được hai con trai ba con gái, nhưng khi xưng hô với nhau, vẫn quen dùng cái tiếng gọi "Mẹ con Di", "Bố con Di". Triệu Di là nhân vật đã đem vinh quang lại cho nhà họ Triệu. Đó là công lao của cha, và cũng là công lao của mẹ.

Triệu Nhất Nhân từ trên giường bò dậy, đi ra sân, ngoài sân còn đọng lại những vũng nước, những vệt sáng trong nhà là ánh sáng từ những vũng nước này hắt vào. Bà Lưu đang ngồi trò chuyện với mấy bà nữa ở bậc thềm. Chuyện của họ là chuyện nói về Triệu Di:

- Giã như trong điện Kim Loan (điện Chuông Vàng), mà còn có một vị Hoàng Đế ngồi đó, Triệu Di tất phải làm hậu cung Hoàng hậu. Vậy thì khi Hoàng hậu về núi Hổ Đen, đâu còn là chuyện về nhà mẹ đẻ nữa, mà phải gọi là "tĩnh thân" (thăm viếng người thân), bố mẹ cũng phải quỳ xuống lạy...

Bà Lưu cười sằng sặc nói:

- Triệu Cấn từ thành phố về bảo rằng, ở thành phố ấy à, dân bà con gái là đi công tác tất, mà lại còn biết cưỡi xe đạp nữa đấy. Tôi bảo, tôi là con mẹ ngớ ngẩn, chẳng hiểu biết một tí cái gì, ấy thế nhưng tôi được cái bụng cái dạ tốt, nên mới đẻ ra được con chị Di nó đấy.

Triệu Nhất Nhân xen vào nói vui:

- Bà ấy à? Bà là con nai xè, đi ra được con kỳ lân vàng.

Bà Lưu đáp:

- Thì chẳng đúng thế là gì nào? Cả cái họ Triệu nhà ông, chẳng chỉ trông vào mỗi một cái bụng của tôi là gì?!

Nói xong, bà lại ngả ra cười, mấy bà già cũng cười theo, Triệu Nhất Nhân nghĩ ngợi một lát; rồi cũng bật cười. Mấy cái mụ này nói nghe có vẻ khiếm nhã, nhưng nó lại đúng như thế thật. Vào đúng cái thời kỳ mà Triệu Nhất Nhân cảm thấy trong lòng không vui, nhưng lại đúng vào lúc Triệu Di về thăm nhà, nên ít nhiều cũng làm mặt mũi ông nở nang ra được một chút. Trong cái ánh sáng ban mai rực rỡ, trời trong núi biếc, ông chợt thấy thích thú đi loanh quanh một lúc.

Đi đến đâu, ông không cần biết. Chân ông tự dẫn ông ra dải đất eo sông Đen, ông đứng nhìn ruộng đất nằm bên trong ba con đập, nghĩ về những ngày thật xa. Sau đó ông lại leo lên núi, leo lên tới đỉnh cao nhất, tất cả những gò cao, ruộng trũng đều nằm gọn ghẽ trong mắt ông, những thôn xóm bảy tám hộ, mười, hai mươi hộ, nằm rải rác như những ngôi sao buổi sớm, có những nhà đang kéo những chiếc cối xay bằng đá xay thóc ngay trước cửa nhà mình, những cô gái đang lanh lảnh hát những bài ca. Trên những vạt đất xa hơn, đám trẻ con đang nặn đất, chơi pháo tập tang, tiếng nói của chúng thật to, nhưng không nghe rõ tiếng nào cả, mà chỉ nghe thấy những tiếng ào ào. Một con la thồ hai sọt phân thật to,

đi một mình, không có người dẫn dắt, trên đường núi nó tự biết lối đi... Những thôn xóm ấy, những gia đình ấy, trong con mắt Triệu Nhất Nhân là cực kỳ thân thiết, nhưng cũng cực kỳ đau lòng. Ông nghĩ tới mình trong những ngày đã qua, càng cảm thấy rằng mình bị bạc đãi hôm nay. Ông không còn thiết nhìn ngắm gì nữa.

Đang trong trạng thái tê liệt, ông đi đến đám đất cỏ bằng phẳng trước hang Bát Thạch. Lòng dạ như tờ vò, ông nhìn đôi câu đối trước hang đá, và cũng chẳng bước vào cái hang đen ngòm phía sau đôi câu đối ấy, cuối cùng ông ngồi tựa lưng vào một gốc cây, đầu cúi xuống nặng nề. Đột nhiên, từ miệng hang đá trắng, từng lớp, từng lớp mây trắng từ trong hang đùn ra, tiếp đó là những tiếng ồn ào cũng bốc ra theo. Triệu Nhất Nhân lấy làm lạ: Ai ở trong hang mà ồn ào thế nhỉ? Ông lần bước đi vào, nhưng trong hang lại rất sáng, và chẳng còn thấy tám cái nhú đá đầu cá, mà lại là tám người đàn bà, to nhỏ, dài ngắn khác nhau nhưng xinh đẹp tuyệt vời. Những người đàn bà với đủ các tư thế, chẳng ai nhìn thấy Triệu Nhất Nhân, có người đứng soi bóng trên ờ nước, có người nằm trên cao, có người đang vịn tay vào bạn... tất cả lúc to, lúc nhỏ, biến hóa vô cùng. Triệu Nhất Nhân chưa bao giờ được trông thấy cảnh lạ lùng như thế, ông như si như mê. Chợt ông nghe thấy người đàn bà đang vịn tay vào bạn nói:

- Bố cũng đến đây ư?

Tám người đàn bà đột nhiên đứng lặng, quần áo biến thành một màu, với các khuôn mặt giống

nhau, sau đó lại cùng nhau vội vã té té nước lên vòm hang, và trên vòm hang bám đầy những giọt nước, tám người đàn bà bay lên, túm những hạt nước xuống, những giọt nước ấy bỗng biến thành những giọt vàng giọt bạc. Triệu Nhất Nhân ở nhà, con cái ông vẫn gọi ông bằng "bố", cho nên lúc mới nghe một người đàn bà nói: "Bố cũng đến đây ư?", cứ tưởng là bọn chúng gọi mình. Nhưng lại không phải thế, một trận gió nổi lên, ở giữa hang lại hiện lên một ông già đầu bạc, ông già nói:

- Ta đã quá dung túng các con! Ta sai các con đến đây để hái những hạt vàng hạt bạc, nhưng các con lại nghịch ngợm quá ồn ào ầm ĩ, thế thì làm sao mà gìn giữ được tiềm năng?

Người đàn bà đã từng nằm ngang trên vòm hang nói:

- Chúng con hái được bao nhiêu hạt vàng hạt bạc đây này.

Ông lão nói:

- Hái được hạt vàng hạt bạc, lại càng phải tu thân dưỡng tính. Không được ầm ĩ ồn ào.

Tất cả tám người đều đáp:

- Vâng!

Một trận gió nổi lên. Ông lão tóc bạc biến mất. Người đàn bà lúc trước đứng soi gương bên mặt nước, nói:

- Bố nói hay đấy!

Rồi cô bực bội, chộp lấy một nắm hạt vàng hạt bạc ném tung tóe ra mặt đất. Có một hạt vàng bị

ném đúng vào đùi Triệu Nhất Nhân. Triệu Nhất Nhân "ối" lên một tiếng. Chợt có một người đàn bà kêu to lên:

- Có người trần ở đây!

Ngay lập tức trong hang lại tràn đầy mây trắng, và chẳng còn lại cái gì hết. Triệu Nhất Nhân thấy nuối tiếc, bực bội đâm mạnh vào đùi mình, đùi đau, ông mở to mắt, thì ra đấy chỉ là một giấc mộng.

Ông lại nhìn về phía cửa hang, từ trong hang bước ra là hai nhà sư, mỗi người gánh một gánh nước, đi xiêu xiêu vẹo vẹo, nước tóe đầy mặt đất.

Nhà sư nhìn thấy Triệu Nhất Nhân, hốt hoảng vội hỏi:

- Bác Triệu! Bác đến đây làm gì thế?

Triệu Nhất Nhân đáp:

- Đến hút một tẩu thuốc...

Nói xong, ông vội vã bước đi.



Đây là một việc xảy ra trong "Cách mạng văn hóa": Ở vùng đất trũng Chu Tước, nằm sau núi Hồ Đen 40 dặm có ông lão họ Củng làm nghề hầm than. Trong thơ cổ có câu: "Mười ngón tay đen, râu tóc xanh", đó chính là hình ảnh của ông. Ngày hai mươi ba tháng chạp năm đó, ông hầm một lò than, hai cha con gánh hai gánh than xuống huyện bán. Trời rét căm căm, tuyết bay rơi tả, than bán được giá,

hai cha con lưng giắt thùng, vai vác đòn gánh, ngập ngừng ở giữa ngã tư đường phố. Ở giữa ngã tư có một bụi an toàn, nguyên đó là chỗ đứng của cảnh sát giao thông. Nhưng nay cảnh sát đã bỏ đi "làm cách mạng" (tạo phản) cả ông bố và cô con gái cùng trèo lên đó, nhìn về phía bắc là một con đường lớn, nhìn về phía nam cũng vẫn là con đường lớn, chẳng còn biết đường nào mà lần nữa. Người đi kẻ lại ở huyện, người nào cũng đeo một tấm huy hiệu lãnh tụ trên ngực, hai cha con lấy làm ngượng, bèn vào một cửa hiệu mua mỗi người một chiếc. Ra khỏi cửa hiệu, mặt trời đã lên tới đỉnh đầu, và nhìn thấy bóng mình chỉ lùn một gang, đổ trên mặt đường tuyết đọng.

Cô con gái nói:

- Cha ơi, bụng lép kẹp cả rồi, bây giờ hãy đi ăn mỗi người một bát mỳ thịt cừu.

Hai cha con bước vào một quán ăn nhỏ, trong khi đang mua phiếu ăn, chợt thấy mọi người chen chúc xô đẩy nhau vào một cửa hiệu, hai bố con đều không hiểu là có chuyện gì. Giữa lúc đó có một người, ôm một pho tượng lãnh tụ bằng thạch cao đi ngang qua, cho biết rằng vừa mua được, hàng mới về, và coi như một bảo bối, đôi mắt sáng ngời và bộ mặt đầy vẻ tự hào.

Ông Cử bèn nói:

- Con xem kia, ở cái vùng đất trũng của mình làm sao có được loại tượng như thế, cái nhà ở gần nhà mình cũng chỉ có được tấm huy hiệu to bằng

cái miệng bát ăn cơm thôi, cha con mình đi mua một pho tượng này về cho cha con nhà nó biết mặt! Con thử đi xem xem pho tượng ấy bao nhiêu tiền?

Hương Hương đi ngay lập tức và cũng ngay lập tức quay về, nói:

- Một cái là 10 đồng, hai cái là 20 đồng, bố con mình mua lấy hai cái, để sau này...

Con gái còn chưa nói hết lời, nhưng lão Cũng đã biết rằng ý con gái là để một cái sau này làm của hồi môn. Thế là rút tất cả tiền bán than đem ra đếm, vừa được hai mươi mốt đồng, năm xu. Hai cha con kéo nhau đi mua tượng, rồi sau đó mới quay trở lại mua hai bát mỳ "không người lái" cùng ăn, ăn xong hai cha con vui mừng phấn khởi ra về.

Hai cha con mỗi người vác một bức tượng đi dong phố, quả nhiên, mọi người, ai ai cũng trầm trồ thán phục. Nhưng đường về nhà lại quá xa, ôm ôm, vác vác bức tượng rất bất tiện vì khó đi, thấy thế hai cha con nghĩ ngợi mãi rồi cũng bật ra được một sáng kiến. Họ lấy những sợi dây thừng đang giắt ở lưng ra, nhẹ nhàng buộc thừng vào cổ bức tượng, rồi buộc thêm một cái nút nữa, đeo bức tượng lên trước ngực mình. Thật là thoải mái nhẹ nhàng, nhưng họ mới đi được độ trăm mét, tất cả mọi người trên phố đều đổ dồn mắt vào nhìn họ, và người nào cũng trở mặt, lắc đầu lè lưỡi. Hai cha con tưởng thế là hay, nên rất lấy làm đắc ý, chợt có người hét to lên:

- Chúng nó định treo cổ cho chết lảnh tỵ vì đại! Bất lấy bọn phản cách mạng hiện hành!

Thế là lập tức những người đi trên phố cùng xô cả lại, túm chặt lấy hai cha con lão Cử, và đánh cho họ ngã nhào ngay xuống đất. Hương Hương chỉ kịp kêu lên một tiếng "Cha ơi", thì đã bị một quả đấm, dội thẳng vào sống mũi, máu ộc ra, nằm ngất đi như chết.

Khi Hương Hương tỉnh lại, đã thấy mình bị giam trong đồn công an.

Chẳng bao lâu sau, lão Cử chết trong ngục.

Khi ấy, nhà tù của huyện còn nhỏ, mà phạm nhân ngày một nhiều, cho nên các bộ môn liên quan đã cho gọi rất nhiều thợ ới mở rộng nhà tù. Trong đám thợ đó có một chàng trai chưa vợ khoảng độ hăm bảy hăm tám gì đó, nên cứ hể trông thấy đàn bà con gái thì cứ như người chết đứng, nhưng nhà lại quá nghèo, nên cứ trông thấy con gái là si mê, thèm nhỏ rái.

Trong nhà giam có một nữ tù nhân, khi bị giam, trong bụng đã mang thai, nên dăm tháng sau đã đến kỳ sinh nở, nên được phép bảo lãnh một tháng ra ngoài cho tiện việc khai hoa. Được ra ngoài một tháng để được nhìn hoa thắm cỏ xanh, nhìn ánh mặt trời, được thở hít bầu không khí trong lành, lại được đoàn tụ cùng người thân, thế là tất cả các tù gái khác bị điều đó chỉ lối và kích thích, nên đã lén lút làm toàn những chuyện "hoang đường". Tuy thời ấy việc canh gác cũng chẳng nghiêm mật được bao nhiêu, nhưng những người làm chuyện đó cũng rất ít có khả năng thành công. Hương Hương trước kia, bị

giam ở nhà giam chung, nhưng sau, vì thuộc vào loại tù chính trị, nên bị đem biệt giam ở một phòng nhỏ trong một góc sân. Cô thường ghé qua lỗ ô cửa, nhìn ra sân, mong ngóng đến ngày được bước từ khuôn cửa nhỏ này ra ngoài. Cũng từ đây cô đã nhìn thấy cặp mắt si tình của anh chàng chưa vợ nhìn cô đến ngẩn ngơ mỗi khi có cơ hội.

Cuối cùng rồi cũng có một hôm, đúng là cơ may trời cho, vào lúc trời nhá nhem tối, không người, anh chàng chưa vợ cũng đã lẩn được vào sân, và qua cái lỗ ô cửa bằng gỗ làm được cái việc hay ho kia. Và cũng không ngờ rằng Hương Hương có thai. Tuy vì thế mà Hương Hương bị một trận đòn thấy cha thấy mẹ, nhưng sau chín tháng, vẫn phải cho cô ra khỏi nhà tù để ở cử. Anh chàng chưa vợ sau khi làm xong cái việc kia, đã hỏi địa chỉ và gia cảnh của Hương Hương, đồng thời cũng nói rõ cả quê quán của mình, song vì trong lòng không khỏi có những lo sợ, nên cũng vội vã chuồn khỏi huyện lỵ, trở lại núi Hồ Đen và không bao giờ bén mảng về huyện nữa. Cho đến khi Hương Hương trở về nhà nằm bếp, dò được tin, anh chàng vui mừng khôn xiết, bế con về nhà mình nuôi dưỡng, và nghĩ rằng quả là mình đã không bỏ uổng, bỏ phí đời mình trên cõi nhân sinh, không nhà không vợ, vậy mà lại có được giọt máu nối dõi tông đường.

Bốn năm sau, Hương Hương được giải oan, sau khi ra tù, cô về thẳng núi Hồ Đen tìm con. Anh chàng chưa vợ, bèn giữ tịt Hương Hương lại. Đến

năm sau, họ lại chính thức, chính đáng sinh với nhau được một cô con gái nữa.



Sau khi Triệu Di về nhà, Hương Hương lại ốm một trận khá nặng, vẫn mắc cái chứng bệnh: Sợ người, suốt ngày không dám thò mặt ra cổng ra ngõ, chỉ nằm trên giường kêu nhức đầu. Triệu Di mang theo một đồng quà cáp đến thăm cô, cô gào thét nhảy tới cào vào mặt mũi Triệu Di. Mẹ sẵn tới cho cô một cái tát và thét:

- Mày không phân biệt được người với chó hả, nó là Di đấy!

Hương Hương chột sợ hãi lùi lại, ngồi co ro rúm ró vào góc giường, thân hình như củi khô, đáng dấp như ma đói đảo đảo cặp mắt trắng dã.

Triệu Di hỏi mẹ, bệnh tình của chị dâu thế nào? Mẹ run rẩy, nước mắt ròng ròng, không dám nói, Triệu Di trách mẹ, để bệnh tình của chị dâu nặng đến thế mà vẫn không chịu đưa đi khám bệnh. Cũng đã cho đi khám qua không biết bao nhiêu thầy rồi, và cũng đã uống khá nhiều thuốc thang đông y, song bệnh vẫn chẳng khỏi. Chỉ riêng tiền cúng cho sư thầy sư cô trên chùa Khánh Nguyên để chữa bệnh, cũng đã hết trăm rưỡi, trăm sáu rồi. Đến lúc ấy Triệu Di mới phát hiện ra rằng cửa chính ngôi nhà, chia cho anh hai ấy bị "trùng an", bởi vì nó nguyên là hướng chính nam, nay lại hơi nghiêng về đông nam

một chút, các khe bốn xung quanh khung cửa lại chưa trát vữa, và trong những kẽ ấy lại nhét đầy những nạm tóc rối, cùng những mảnh vụn lõi chần bông, và bên trên khung cửa còn dán một lá bùa yểm bằng giấy hoàng biểu.

Triệu Di lên đi hỏi mẹ ba Tôn Nguyệt Nhung; Tôn Nguyệt Nhung vốn là người bộc tuệch bộc toạc thực thà, mặt mũi xấu xí nhưng lại chịu khó làm ăn. Khi Triệu Di vừa hỏi đến đã tuồn tuột dốc cả hết chẳng giấu giếm điều gì.

Kể từ khi anh hai phát tài vì đi đào xương khủng long, tính nết đã thay đổi hoàn toàn, về đến nhà là đòi ăn thật ngon, uống thật ngon, không vừa lòng một tý là ngoác mồm, ngoác miệng lên chửi Hương Hương; nào là: "Cái mả mẹ mày, tao nuôi mày để làm bà hoàng hậu chắc?!" Về sau anh hai lại còn chê Hương Hương mắt ti hí, răng dài thuật, rồi lưng dài chân ngắn, cặp mông thì to như đôi giành. Còn Hương Hương lại bảo: "Ừ, thì tôi xấu xí thế đấy, vậy, vậy làm sao anh cứ rúc vào. Khi ấy anh mù chắc?!" Thế là anh hai xông vào đánh. Bố rõ ràng là không quen nhìn những cảnh như thế, bực lên, bèn chia một nhà thành ba nhà. Chia nhà xong, anh hai còn lồng lộn, phá phách một phen nữa, rồi dần dần mới yên được. Mẹ thì rất vui, nên đã nhiều lần lên lút khuyên giải Hương Hương: "Cái tật của đàn ông, thì mẹ biết, lúc nào cũng thấy vợ người đẹp hơn vợ mình. Con còn rất trẻ, cũng không nên để đầu bù tóc rối. Bây giờ nó có tiền, nó mua quần áo cho con, con cứ mặc, nó thích thế nào con cứ

cố chiều nó như thế..." Hương Hương nghe lời mẹ, nên cũng thường lấy đầu thơm chải tóc, một tháng, nửa tháng cũng đun nước hoa hồ tiêu tắm gội một lần, ban đêm cũng chỉ vện đèn mờ mờ tỏ tỏ.

Nhưng từ đấy, tuy anh hai không đánh không chửi nữa, nhưng lại đi lang thang cả đêm không về, có khi canh ba mới lần về được đến nhà, quăng đầu xuống gối là ngáy như sấm, lăn lóc chẳng khác gì con lợn. Đã thế tiền nong trong nhà Hương Hương chẳng còn quản lý được nữa, đi đào xương khủng long được bao nhiêu tiền, chẳng hé cho ai biết một lời. Hương Hương là người từ xa về làm dâu, thấy chuyện kỳ quặc như thế nên càng để ý theo dõi, quả nhiên đã biết được anh hai lòng thông, lảng nhãng với mấy người đàn bà ở núi Hồ Đen này, cho nên đến một phần ba số tiền kiếm được đều đổ tống, đổ tháo vào những chuyện lung tung lang tang ấy. Lúc đầu Hương Hương cũng chỉ lựa lời khuyên ngăn, can gián, anh hai không những đã không sửa đổi, lại còn làm tới dữ hơn. Một lớp giấy bọc ngoài đã bị bọc ra, thì lớp giấy sau cũng chẳng còn nghĩa lý gì, cho nên đã nói toạc móng heo ra: "Thì đã làm sao nào, tao có tiền cơ mà!" Hương Hương nghe xong, ngất lên ngất xuống, vì thế mà ảnh hưởng đến thần kinh.

Triệu Di nghe mợ ba nói xong, nên có những ấn tượng nát bét về người anh hai của mình, nhưng thân phận là em gái, nên không dám nói thẳng với anh, mà đi nói với bố.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Ô! Bố còn có cách nào khác được? Tất cả là do tiền bạc, nó làm hại đến lương tâm, đạo đức! Nếu

như bây giờ, nhà mình vẫn nghèo đói như mấy năm về trước, thì sẽ chẳng xảy ra chuyện gì hết. Những ngày ấy, hễ cứ nhà ai có việc gì, bà con xóm giềng, làng nước đều xúm vào giúp đỡ nhau. Còn như bây giờ, ra sao? Nhà ai đó có người chết, đến người khênh quan tài giúp cũng thiếu. Gia đình họ Triệu nhà ta, khi dựng cái nhà này đây, nhờ toàn những người họ Cổ làm giúp, nào có mất xu công xu xá nào. Chỉ có cơm nước, mà ai cũng đến tất...

Triệu Di nói:

- Bố ạ! Bố đừng có nói chuyện xa xôi làm gì. Cứ như lời bố nói như thế thì cứ đành để nợ hai cho anh Huyền hành hạ mãi như thế sao?

Triệu Nhất Nhân nói:

- Cũng cứ coi như gia phong nhà họ Triệu bại hoại mất rồi, nên mới sinh ra một lũ lếu láo, nửa khùng nửa điên. Chị dâu thứ hai con thì bệnh tật như thế, em Vân con cũng khốn khổ khốn nạn, em Cấn con cũng suốt ngày ngúng nguẩy, hờn dỗi, không chịu để lọt vào tai lấy một câu, coi lời nói của bố chẳng ra cái thá gì... Nay con đã về thăm nhà, bố mừng lắm, con có thể giúp bố uốn nắn, chỉnh đốn lại gia phong nhà này được không?

Triệu Di lại nói:

- Chẳng ai chịu nghe lời của bố, thế có phải là tại bố thủ cựu quá không?

Triệu Nhất Nhân đáp:

- Cả cái vùng núi Hồ Đen này, chỉ có mỗi một mình bố là người đặt mua báo riêng. Tất cả các chính

sách của Chính phủ có điều nào là bố không ủng hộ không? Xưa nay bố vẫn chủ trương rằng, con cái đi ra ngoài được, thì cứ đi ra ngoài, làm giàu được, thì cứ việc làm giàu, nhưng dù giàu có cũng không thể để mất đạo đức làm người. Nếu như bây giờ, người nghiêng kẻ đổ, cái gia đình không ra cái gia đình, thì liệu xã hội có vững chắc được không?

Triệu Di nghe bố nói thế, cứ ngỡ như bố đang lên lớp chính trị cho mình, nên im không nói gì nữa.

Triệu Nhất Nhân thở dài, rồi nói sang chuyện khác:

- Con về nhà thế này, sao con không viết mấy chữ gửi thư đi cho anh cả con?

Triệu Di đáp:

- Con đã viết thư cho Hàn Mai, chắc chị ấy sẽ nói với vợ anh cả rồi.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Thế thì được rồi. Con đã làm rạng mảy rạng mặt nhà họ Triệu ta đấy, cho nên con phải giữ quan hệ thật tốt với anh cả con. Bây giờ mấy người anh trai của con cũng đã hòa thuận được với nhau khá rồi đấy, nên con phải kiếm cách sao cho các anh con được thật thuận hòa. Trong nội bộ gia đình nhà mình có đoàn kết nhất trí được với nhau, thì khi ra ngoài, bố cũng mới có đường mà ăn nói. Mười hôm nữa là sinh nhật của bố, mà con, chả mấy khi về nhà, khi anh em đã tụ họp đông đủ, thì cả nhà ngồi lại với nhau bàn bạc cho kỹ.

Triệu Di đáp:

- Vâng!

Câu chuyện còn đang định tiếp tục, thì Triệu Kỳ đang gánh phân ra ruộng, chợt chạy vào hỏi:

- Di, chị Hàn Mai đã về chưa?

Triệu Di đáp:

- Thư đã gửi đi rồi, nhưng người chưa thấy về!

Triệu Kỳ nói:

- Vừa mới rồi, ở ngoài ruộng, anh trông thấy có người đi lên hang Bát Thạch, trông dáng có vẻ giống chị Hàn Mai lắm, nên cứ tưởng chị ấy về rồi.

Triệu Di nghe xong, cũng vội vã đi lên hang Bát Thạch.



Nói khoác chơi, nói khuếch mà chơi:

Lòng hồn than có chiếc đũa dài.

Ruột bọ chết có vòng dây thép.

Đêm ba mươi trăng lên rất đẹp.

Thằng nhóc ăn trộm nhảy qua tường.

Thằng mù trông thấy thật rõ ràng,

Nhưng thằng điếc lại nghe thấy trước,

Thằng què nhảy vội lên thang gác,

Túm chặt lấy chiếc đuôi sam,

Lại hóa ra thằng trọc đầu lông lóc.

Đó là những câu về nói ngược, khuếch khoác mà chơi, do những người ở vùng núi Hồ Đen ứng khẩu nói ra, và ngay bọn trẻ con cũng có thể "xuất khẩu thành chương" như thế. Đó chẳng qua chỉ là cách mô tả cách nhìn của họ với các thứ thói đời, mà chẳng ai phải chịu trách nhiệm ngoài làn môi đỏ và hàm răng trắng. Thực ra tuy họ nói lằng nhằng như thế, nhưng thực trong bụng trong dạ họ lại toàn nghĩ đến chuyện đứng đắn, và rất có mức độ. Thí dụ như, có một cặp vợ chồng, tuy là người thuộc vùng núi Hồ Đen, nay đã đi khỏi vùng núi Hồ Đen rồi, và có một cuộc sống rất thời thượng. Người vợ còn kém cỏi về kiến thức, nên không dám đòi quyền độc lập, quyền bình đẳng với chồng, nhưng trong tâm can cô lại bằng mọi cách khống chế điều khiển chồng, mặc dù bên ngoài mặt lại làm vẻ nhất nhất phục tùng chồng. Nhưng điều đó chỉ có được, khi cái gia đình còn ở trong tình trạng túng tiệp, và cũng chính là lúc tuổi thanh xuân và sắc đẹp của người vợ đang ở vào thời kỳ rực rỡ nhất. Nhưng về sau, khi người chồng đã trở thành người có rất nhiều tiền, người vợ già đi và sắc đẹp cũng tàn phai nên người chồng đã trở thành "đồng sàng dị mộng" với vợ. Người vợ cũng đã tìm được dấu vết trắng hoa của chồng, nhưng vẫn giả như không biết và chẳng nói năng gì. Rồi đến một hôm người vợ rủ chồng đi dạo bên sông, dưới sông rất nhiều cá, sống lưng con nào con nấy dài tới nửa thước, (*ba thước Trung Quốc bằng một mét. ND.*), người chồng cũng chẳng thấy thích thú gì, nhưng lại phảng phất nghĩ

thấy hương thơm của món cá, nước bọt tứa đầy miệng. Người vợ rút từ trong túi ra một hộp cá phượng vĩ, mở ra cùng ăn. Nói:

- Cá dưới sông lớn nhỉ.

Chồng đáp:

- Rất lớn.

Người vợ lại nói:

- Cá trong hộp này bé quá.

Người chồng nói:

- Ủ, bé.

Người vợ lại nói:

- Giá như cá dưới sông có lớn hơn nữa, cũng không thể nào bằng cá trong hộp được.

Người chồng lại nói:

- Đúng thế.

Người vợ nói tiếp:

- Em già rồi phải không?

Người chồng đáp:

- Giá như em giảm đi được độ mười tuổi thì tốt.

Người vợ nói:

- Phụ nữ chúng em ấy mà, đã nói già thì đúng là già rồi! Giá như có được mấy cô gái vừa trẻ vừa đẹp mà em vẫn hay nhìn thấy ở ngoài đường đó, em sẽ nhường cho cô ta cùng với anh...

Người chồng sưng người.

Người vợ nói tiếp:

- Em nói thật đấy!

Người chồng đáp:

- Dù em có nói thật, anh cũng chẳng dám.

Người vợ nói:

- Sao lại chẳng dám. Cần phải chọn những cô gái hám lợi ấy, cô ta có thể lợi dụng được đồng tiền của anh, và anh cũng có thể lợi dụng được cô ta nữa! Ngày mai em mua vé xem phim cho anh, anh cử một mình vào rạp, rồi anh nhìn cái cô ngồi bên cạnh anh, xem xem cô ấy thế nào?

Chồng cười ngất, và bảo vợ là người rất giỏi khôi hài.

Ngày hôm sau, người vợ đưa cho chồng một tấm vé chiếu bóng, và chồng cũng cứ đi đến rạp, và vẫn cười cười. Nhưng khi vào trong rạp rồi, quả là có một cô gái ngồi cạnh người chồng ấy thật, nhưng đó cũng chính là cô gái mà anh vẫn lòng thông. Người chồng hỏi:

- Ai mua vé cho em vậy?

Trả lời:

- Vợ anh chứ ai!

Lập tức mặt người chồng tái dại đi.

Việc này, từ đó về sau, thế là: trời biết, đất biết, một người đàn ông biết, và hai người đàn bà cùng biết. Cô gái ấy đã trở thành vợ hờ của người chồng, và người vợ cũng không chế luôn được cô gái ấy nữa. Khi hai người biết rằng Triệu Di có ý định trở về vùng núi Hồ Đen, họ sung sướng và phấn khởi

vô cùng. Họ tìm mọi cách để đẩy được Triệu Di trở về vùng núi Hồ Đen.



Ngon chính của núi Hồ Đen hơi ngả về phía sau, với hai cánh núi vươn về hai phía đông, tây, nằm chính giữa là một khu mộ địa rất bề thế, trang nghiêm. Những ngôi mộ rất lớn, trước đầu mỗi ngôi mộ đều có dựng một tấm bia đá. Những chiều hoàng hôn cuối thu, những con quạ già đỗ trên những cành cây khô, những con thỏ rừng luồn lách trong những đám cỏ hoang, khiến cho các chú bé mục đồng nghịch ngợm nhất cũng không dám bén mảng tới đây.

Nhưng người ở vùng núi Hồ Đen không ai là không biết đến khu mộ địa này. Chỉ cần nhìn vào những tấm bia cổ kính đã bị tịch dương làm mòn lở, là có thể biết hết được toàn bộ lịch sử của vùng núi Hồ Đen này, đồng thời cũng biết được toàn bộ gia phả nhà họ Triệu ở đây.

Hàng mộ trên cùng là mộ ông nội bà nội Triệu Nhất Nhân. Hàng mộ thứ hai, gồm sáu ngôi trong đó có mộ cha mẹ, bác trai bác gái, và chú thím của Triệu Nhất Nhân (mà bọn Triệu Hòa đều phải gọi là ông bà). Hàng mộ thứ ba, chỉ có một ngôi nằm chính giữa. Cha của Triệu Nhất Nhân có ba anh em trai, mà ông là thứ hai. Hai vợ chồng ông trưởng không có con; hai vợ chồng ông ba lại chỉ sinh được ba mụn con gái. Vì thế dòng họ Triệu ở đây chỉ một

minh Triệu Nhất Nhân là có con trai để nối dõi tông đường. Thế là ba bát lớn, dồn thành một bát con.

Ngoài những ngôi mộ được xếp đặt có hàng có lối như thế cũng vẫn còn rải rác ở bên trái và bên phải những ngôi mộ khác, và những người nằm dưới những ngôi đó đều mang họ Cổ. Ấy là vì, khi Triệu Nhất Nhân làm nhà ở khu đất trũng Chậu Vàng, toàn thuê những người họ Cổ từ phương xa tới đây, trong đó có hai người bị đất đá sập xuống đè chết. Để tỏ lòng thương tiếc và biết ơn người chết, đồng thời cũng là vì sự tốt lành, lợi ích của mình, nên họ Triệu đã cho chôn cất họ ở đây, đồng thời lại giúp họ Cổ an cư lạc nghiệp ở vùng này. Nhưng nhà họ Cổ lại không có mộ địa riêng, nên về sau đều đem những người họ Cổ chết, chôn vào xung quanh đấy. Nhưng bất kể là họ Triệu hay họ Cổ, khu mộ địa này đều phân biệt rất rạch ròi. Mộ đàn ông đều nằm về phía bên trái, mộ đàn bà đều nằm về phía bên phải.

Ngọn chính của núi Hồ Đen trông thẳng xuống chính giữa khu mộ địa này, lại có sẵn một con ngòi thiên nhiên. Con ngòi đó có đoạn hẹp như sợi chỉ, nhưng có chỗ lại rộng ra thành vực. Người ta bảo đấy là cái huyết vị "Dây vàng treo quả bầu nậm". Cái huyết vị này làm cho dòng họ Triệu muôn đời nối tiếp nhau, nhưng điểm kém của nó là ở chỗ, người nhà họ, cứ một đời phát, lại một đời tàn lụi, bế tắc.

Mọi người dự đoán rằng: Đời Triệu Nhất Nhân chỉ một, nhưng đến đời Triệu Hòa, Triệu Huyền, Triệu Kỳ ba người con trai của Triệu Nhất Nhân, vào khoảng

mười năm sau. Tại hàng mộ thứ tư của khu mộ địa ấy, chắc chắn sẽ đông đúc hơn. Nhưng bất kể về sau này có theo quy luật khi thịnh khi suy, khi nhiều khi ít như thế nào chưa biết, song trong khu mộ địa nhà họ Triệu hôm nay đang có một hiện tượng kỳ lạ, mà lại rất vui mắt nữa kia, bởi vì trong hàng thứ ba chỉ có mỗi một ngôi mộ bà họ Hà, vợ Triệu Nhất Nhân, đã chết, thì trong nhà họ Triệu còn một bà vợ họ Lưu nữa, đang sống, bởi ông Triệu Nhất Nhân có những hai vợ.

Bà vợ họ Hà, qua Triệu Nhất Nhân, đã nhìn thấy một cuộc đời sáng sủa, còn bà vợ họ Lưu, qua Triệu Nhất Nhân lại nhìn thấy những chuyện cũ của thế gian, trong những ngày đã qua.

Khi bà Lưu về làm vợ kế không lâu, bà thật lòng không muốn cho Triệu Hòa lãng quên người mẹ đẻ của mình. Bà đã đưa Triệu Hòa đến tận nơi mộ địa này, chỉ cho cậu biết đâu là ngôi mộ của mẹ cậu, và cũng ở đây bà từng có một ý nghĩ rất lạ lùng: Đến khi mình trăm tuổi, không biết phần mộ của mình sẽ được đặt ở vị trí nào đây? Bà đứng nhìn cây táo đại cong queo trước ngôi mộ của bà Hà trầm tư rất lâu, rồi trên đường đất Triệu Hòa về nhà, bà đột ngột hỏi Triệu Hòa:

- Hòa ơi! Con có thích lấy vợ không?

Triệu Hòa đáp:

- Không thích.

Bà Lưu hỏi:

- Tại sao không thích?

Triệu Hòa đáp:

- Vợ rắc rối lắm, con thích mẹ hơn.

Bà Lưu nói:

- Con ngốc quá đi mất, có vợ rồi, vợ con sẽ phụng dưỡng mẹ chứ!

Triệu Hòa lại đáp:

- Thế thì con thích vợ.

Bà Lưu lại hỏi:

- Thế con có thích Linh Linh không?

Linh Linh là con gái của Lai Mậu, Lai Mậu họ Cổ.



Về sau, quả nhiên Triệu Hòa và Linh Linh đã được hai gia đình mới lái dạm hỏi. Khi Triệu Hòa đi học đại học, cuộc hôn nhân này cũng đã gặp những trục trặc, nhưng vẫn chẳng thoát khỏi sự ép buộc của cha mẹ, hơn nữa sau khi Linh Linh đã lớn, cũng được cái xinh đẹp, lanh lợi hoạt bát, giỏi giang mọi việc, trong khi Triệu Hòa tốt nghiệp đại học xong, đã được phân công về huyện làm kỹ thuật viên trong trạm nông nghiệp huyện.

Những cuộc hôn nhân cưỡng ép, không nhất định đều phải rơi vào vòng bất hạnh. Cuộc sống của vợ chồng Triệu Hòa rất tâm đầu ý hợp. Bà Lưu đối xử với con dâu y như con gái, khoan dung, độ lượng, không mượn cố nhà đông, người nhiều mà hạch hỏi

chê bai về nấu nướng, trà nước. Vậy mà cái cô Linh Linh này, lại hay bối mớ, đưa hơi tung chuyện trong nhà ra ngoài, đã thế lại thường lấy tiền Triệu Hòa dúi cho mua bánh trái đem về ăn giấu ở trong phòng riêng. Rồi còn nuôi gà mái đẻ, có trứng, đem sang nhà khác, luộc nhờ, ăn vụng một mình. Có một năm vào tháng chạp, Triệu Huyền phải đi dân công đắp đập thủy lợi, gia đình phải mua một bao ngô giá cao, cho Triệu Huyền đi góp lương thực, nửa đêm Linh Linh xúc trộm mấy bát để nuôi gà đẻ, gây ra một cuộc cãi lộn thật to giữa em chồng với chị dâu. Từ đấy gia đình thành bất hòa, Linh Linh bỏ việc ngoài đồng không làm, ở nhà không chịu xuống bếp nấu nướng, ươn ẹo, ra ra vào vào, mặt chảy xị tướng chừng vắt ra nước được. Triệu Nhất Nhân bèn triệu Triệu Hòa về nhà, cho vợ chồng ra ở riêng.

Chia nôi, chia bếp rõ ràng là điều mà Cố Linh Linh sợ nhất. Nhưng cô ta lại không muốn mình chịu mang tiếng xấu, nên đã ôn ền, tỉ tót vào tai chồng cho rằng, một khi đã có di ghê tất phải có cha ghê, cho nên bà ta cố ý tách họ ra khỏi nhà. Rồi cứ thế, chuyện bày đặt ra ngày một nhiều hơn, tích tiểu thành đại, nên mỗi khi Triệu Hòa từ huyện về nhà, cũng chẳng còn chuyện trò gì với cha mẹ nữa.

Trước sự việc không hay đó, bà Lưu đã không biết bao nhiêu lần khóc thầm, nên càng trở nên thân cận với Triệu Tú hơn. Triệu Tú cũng đã từng đôi lần khuyên can em trai, nhưng Triệu Hòa lại nói:

- Khi em còn bé, bà ấy đối xử với em thật tốt, nhưng khi em lớn rồi, bà ta đã thay lòng đổi dạ...

Mà cái thằng Triệu Huyền cũng chẳng ra cái giống gì...!

Trong "Cách mạng văn hóa", Triệu Nhất Nhân cũng bị đem ra đấu tố vì đã từng làm Lý trưởng thời nguy. Nên Triệu Hòa tuyên bố từ bỏ bố. Triệu Huyền giận lắm, tìm đến tận nhà chửi cho anh một trận. Từ đấy anh em hoàn toàn tránh mặt nhau, coi nhau như quân thù quân hèn.

Mới đấy mà đã hơn mười năm trôi qua, Triệu Hòa bất động ở nhà, thi ở cơ quan đơn vị lại càng bất đắc trí hơn, anh một bụng đầy kiến thức, nhưng lại không được dùng tới, vì bị kèn cựa chèn ép. Phải đợi mãi tới sau này khi chính sách cởi mở hơn, nên đã chuyển được hộ khẩu của Cố Linh Linh từ nông nghiệp sang hộ khẩu "lương thực thực phẩm", thế là Cố Linh Linh và con dọn lên ở trên huyện, và được đi làm theo hợp đồng tạm thời. Triệu Nhất Nhân càng ngày càng già, lại càng nặng lòng thương yêu con cái, nên vẫn thường khuyên Triệu Huyền nên tìm cách hòa giải với Triệu Hòa.

Đến năm đó tháng đó, Triệu Hòa đi theo phong trào mới của xã hội, đã xin nghỉ việc, không lương, lập một phân xưởng trồng nấm. Hai vợ chồng biết cách kinh doanh, kiếm lời không ít, trở thành một nhà sản xuất có tiếng tăm trong huyện.

Sau mùa thu, trong việc bầu cử Trưởng đập mới, Triệu Nhất Nhân thất cử. Có mấy xóm ở vùng núi Hồ Đen trước đây đều nhờ vào một tay Triệu Nhất Nhân giúp đỡ mới được lập lên, rồi được an cư lạc nghiệp, vậy mà đã nhiều năm liền, các quyền cái lợi, đều dần dần bị rơi rụng hết. Ông già luôn than

phiên về nổi đạo đức trăm luân, lòng người thay đổi khác xưa. Nhưng vì không còn người tri kỷ, nên hay nổi cáu trong nhà: Chửi Triệu Huyền không đi theo con đường chính đạo; chửi Đức Phát táng tận lương tâm; và chửi cả bà Lưu về tội không biết khu xử việc gia đình với vợ chồng Triệu Hòa... Chửi mọi người chán, ông quay ra chửi chính mình: Có một cái gia đình mà cũng không quản lý nổi, còn gì gọi là uy tín ở cái vùng núi Hồ Đen này nữa chứ? Và ông ngã bệnh rất nhanh.

Cái loại bệnh này nặng lắm, có lúc nặng như núi đổ, có lúc nhẹ như xa quay, kéo dài nửa tháng liền không đỡ. Triệu Huyền cực kỳ lo lắng, nên cùng với em trai là Triệu Kỳ viết thư mời Triệu Hòa về cùng bàn việc lo hậu sự cho bố mẹ.

Ở vùng núi Hồ Đen này, có một tập tục, khi thấy người già sắp trở về với tiên tổ, cần phải sắp xếp mọi việc thật đầy đủ cho người sắp nằm xuống. Trong khi đó song thân anh em nhà họ Triệu tuổi cũng đã ngoại thất tuần rồi, vậy mà mọi công việc vẫn chưa đầu vào đầu.

Nhưng Triệu Hòa vì quá bận rộn với công việc trong phân xưởng trồng nấm, nên đã giao toàn quyền cho Cổ Linh Linh về núi Hồ Đen.

Anh em giai, chị em dâu, bàn bạc trắng một đêm, cuối cùng cũng đi tới được quyết định: Hai người già, hai cô thợ quan, việc mua đóng là do Triệu Hòa chịu trách nhiệm. Những bộ thợ y sẽ do Triệu Huyền lo việc mua vải, khâu may. Còn Triệu Kỳ phụ trách về phần huyết mệ; rồi chia nhau, ai việc nấy mà làm.

Cố Linh Linh về quê, cô trang điểm thật đúng một. Cặp mắt cận thị trước kia, nay được trang điểm bằng đôi kính trắng. Đầu tóc tuy chưa phi dề, nhưng đã được chụp lên đấy một chiếc mũ nhung nhỏ. Cố Linh Linh không còn là một cô nông dân nữa, mà là một nhân viên kinh doanh trong xí nghiệp, cô nói thứ tiếng phổ thông lơ lớ.

Người trong thôn gặp cô hỏi:

- Linh Linh, về bao giờ thế?

Cố Linh Linh đáp:

- Tối qua!

Người đó nói:

- Tối quá mới về¹? Bệnh tình ông cụ ra sao?

Cố Linh Linh đáp:

- Bệnh có khá hơn một chút. Nhưng mọi việc hậu sự của ông cụ, chúng tôi đã bàn bạc xong xuôi rồi.

Người đó hỏi:

- Xong xuôi như thế nào?

Cố Linh Linh nói:

- Ông trưởng mà, nên phải quản việc nặng nhất, vợ chồng tôi lo thọ quan (quan tài).

1. Cố Linh Linh làm ra vẻ tỉnh thành, nói tiếng phổ thông không chính xác, nên dân làng đã bẻ queo từ "tối qua" bằng một từ khác, đồng âm, nhưng lại mang nghĩa là "ngồi bát" để chế nhạo, chỉ trích cô. Đây là lối "chơi chữ" khó dịch, nên dịch tạm là "tối quá" cho xuôi nghĩa. (ND).

Nhưng câu nói sau này, toàn là những điều quan trọng, danh giá cả, nên cô nói toàn bằng thủ tiếng nói địa phương, nhưng vẫn không tránh khỏi cách nói kiểu cách của tiếng phổ thông uốn lưỡi. Người đó bèn đưa tay lên ôm chặt lấy quai hàm mình.

Cố Linh Linh hỏi:

- Đau răng đấy à?

Người đó đáp:

- Mỏi hàm quá!

Bệnh tình của Triệu Nhất Nhân đỡ dần, rồi khỏe mạnh trở lại. Bảo rằng Triệu Nhất Nhân khỏi bệnh là vì ông đã nghĩ thông được sự đổi thay của thời thế chưa hẳn đã đúng bằng việc ông thấy ba cô con dâu đã ngồi lại được với nhau để cùng bàn việc đại sự của gia đình. Điều đó khiến ông được an ủi rất nhiều.



Người đi vào hang Bát Thạch quả đúng là Hàn Mai. Cô trở lại vùng núi Hồ Đen, từ nơi rất xa cô đã nhìn thấy cái hang trắng trên núi Đen. Cô công tác ở văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ thị trấn Thành Quan. Trước đó một thời gian, các đồng chí ở tổ chức huyện ủy có về quê để tìm hiểu thêm lý lịch cô, thế là cả vùng đồn ầm lên rằng cô sắp thăng lên chức Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện. Vì thế cô đi đến đâu, gặp người quen kẻ thuộc, ai ai cũng bắt cô khoe, hoặc ít ra cũng phải có cái kẹo

mừng, và chỉ riêng ở thị trấn thôi cô cũng đã phải bỏ ra mất hơn 20 đồng bạc mua kẹo chia cho mọi người. Nhưng, quyết định bổ nhiệm vẫn chẳng thấy đâu, vì thế lại có lời đồn rằng: Ban tổ chức quả cũng có ý định đề bạt cô thật, nhưng vẫn còn do dự chưa quyết được. Hàn Mai cũng rất thắc thỏm, nên khi được tin bà vợ ông trưởng Ban tổ chức bị ốm đau vì một chứng bệnh nào đó, cần phải có loại cỏ thạch băng tử, phơi khô, nghiền nhỏ, rồi uống mới khỏi được. Hàn Mai liền nghĩ ngay tới nơi hang đá Bát Thạch, ngày nhỏ cô vẫn thường vào chơi, và chỉ có trong hang đá ấy mới có loại cỏ ấy. Giữa lúc đó cô lại nhận được thư của Triệu Di, cô vui mừng khôn xiết, nên mới vội vã trở về núi Hồ Đen, và việc đầu tiên là cô phải vào ngay trong hang đá để hái loại cỏ đó mang về.

Trong hang Bát Thạch bốn mùa ẩm ướt, hơi nước và sự trong sạch trong hang đá đã sản sinh ra loại cỏ thạch băng tử này. Cái giống cỏ này không mọc dưới đất, cũng không mọc trên cát sỏi, mà nó chỉ sinh sôi, nảy nở trong các kẽ nứt trên vách đá. Cây rất nhỏ, non xanh mướt mướt, bứt mạnh tay là nó hầu như không còn gì nữa. Hàn Mai dán người vào vách đá, cô hái thật nhiều rồi nhét vào một cái túi lưới, mà cô đã chuẩn bị sẵn từ trước. Cô không bao giờ ngờ rằng, có một nhà sư đi lấy nước, đang ngồi ngoài cửa hang nhìn trộm cô. Một hòn đá nhỏ từ trên vách núi rơi xuống, không hiểu sao lại trúng vào đỉnh đầu nhà sư, không lệch, không vẹo, nhà sư vội vàng ngoảnh đầu lại nhìn, rồi bất chợt co cẳng chạy như bay như biến. Hàn Mai nghe thấy

tiếng động, ngoảnh đầu lại, thì thấy Triệu Di, mừng rỡ reo lên:

- Em Di!

Hai chị em nuôi đã từ lâu không gặp mặt nhau, ôm chầm lấy nhau rồi nháy cẳng lên.

Triệu Di nói:

- Em mong chị về suốt. Em cứ tưởng rằng, chị bận quá không sao về được. Chị làm gì mà hái nhiều cái thứ cỏ này thế?

Hàn Mai đáp:

- Tiện đường qua đây, chị hái một ít. Chả là ở trong đơn vị chị, có một đồng chí bị ốm, cần cái loại cỏ này làm thuốc dân. Thế em về có một mình thôi sao? Thế còn chú Sùng Bồi thế nào?

Triệu Di đáp:

- Anh ấy làm gì có thời gian, vì anh ấy còn đang bận viết một bộ tiểu thuyết dài.

Hàn Mai nói:

- Tiếng tăm của Sùng Bồi lừng lẫy lắm. Cả huyện chẳng ai là không biết tiếng. Khi người ta biết chị là chị nuôi của chú ấy, ai cũng phải lác mắt, kính trọng!

Triệu Di nói:

- Anh ấy cũng muốn về lắm đấy, anh ấy còn bảo rằng, khi họp ở trên tỉnh, Bí thư huyện ủy Vương của huyện mình đây này, ở cùng với anh ấy trong một tổ, thân nhau lắm, nên anh ấy cũng muốn về chơi...

Hàn Mai nói:

- Thế mà chú ấy lại chang về cho? Thảo nào mà lần trước khi Bí thư huyện ủy Vương gặp chị, ông ấy bảo, thì ra là cô có họ hàng thân thích với Sùng Bồi cơ đấy, đúng không? Chị đáp: Vâng, ông ấy lại bảo, khi nào chú ấy về thăm chị, nhất định phải kéo chú ấy đến huyện ủy chơi. Nếu lần này mà Sùng Bồi về được, có phải hay biết bao nhiêu không.

Hai người vừa cười vừa nói chuyện cho đến khi về tới tận nhà, cả nhà lớn bé đều rất mừng, vội vã đi bắc nước thịt gà.

Hàn Mai nói:

- Di ơi, làm sao mà di vội thế. Con có phải là người ngoài đâu?

Bà Lưu đáp:

- Nhưng có phải lúc nào con cũng về được đâu. Di còn nói với bác giai của con rằng: Từ khi bố mẹ của Mai Mai mất đi nó chẳng còn về được đến núi Hồ Đen để thăm mình nữa.

Hàn Mai đáp:

- Quả thật là con bận quá. Lần này con sẽ ở nhà thật lâu. Chẳng sắp đến sinh nhật của bác giai là gì?

Triệu Nhất Nhân nói:

- Mai Mai vẫn còn nhớ được ngày sinh của bác sao?

- Con nghe anh Triệu Hòa nói, bây giờ công việc sản xuất của anh bận quá, không dứt ra được, anh nhờ con nhắn với bác rằng: Sinh nhật năm nay của

bác, nên lên nhà anh mà tổ chức. Bố mẹ đã nuôi anh khôn lớn, cho nên anh cũng muốn được báo hiếu cho thật rằm rộ.

Bà Lưu trầm ngâm một lát rồi nói:

- Lên nhà anh ấy mà tổ chức sinh nhật á? Ở đấy liệu có vui vẻ được không chứ?

Triệu Nhất Nhân nói:

- Triệu Hòa vốn cũng được đua đòi đèn sách, nó cũng muốn tận hiếu với mình, ta kéo nhau lên đấy tổ chức sinh nhật cũng hay. Chắc chắn rằng không thể vui vẻ được bằng ở núi Hồ Đen này đâu, nhưng ở đây năm nào cũng quá đông người đến mừng, thành ra lại quá ảm ỉ, ai cũng bảo rằng mừng sinh nhật mình, nhưng lại làm mình mệt đến bả người.

Bà Lưu nói thêm:

- Ủ, mà chẳng mấy khi anh ấy có được tấm lòng quý hóa như thế, nếu ông đồng ý, ta kéo nhau lên công xưởng nhà chúng nó.

Triệu Di khi viết thư cho Hàn Mai có nhắc lời mời của anh chị trưởng về quê, nhưng đó chẳng qua chỉ là tiện thể mà thôi, vì cô chắc rằng anh chị trưởng sẽ chẳng về. Nay làm sinh nhật cho bố lại mời cả bố lẫn mẹ lên huyện, nên trong lòng không vui, bèn nói:

- Bố ạ. Thế bố đã chẳng bảo nhân ngày sinh này, cả nhà ta cần phải bàn công việc đó sao?

Triệu Nhất Nhân đáp:

- Anh con đã chủ động đề xướng ra như vậy, thì đó là một triệu chứng tốt. Đến hôm đó, con với Triệu Huyền, Triệu Kỳ cùng đi, Triệu Vân mang cả lũ trẻ đi theo.

Triệu Di nói:

- Anh chị ấy chỉ biết cầm cầm cúi cúi kiếm tiền, đến việc về thăm nhà cũng bỏ, cho nên con chẳng đến đây làm gì!

Hàn Mai nói:

- Anh Triệu Hòa suốt ngày nhắc tới em đấy, em không đi là không được đâu! Với lại em cũng lên đến huyện của chị, loanh quanh một lát, xem xem nó ra làm sao chứ.

Triệu Di nói:

- Chị Mai này, em nghe mẹ nói rằng anh trưởng đứng ra làm ông mối cho chị, chẳng biết chuyện ấy bây giờ ra sao rồi?

Hàn Mai đáp:

- Thì vẫn cứ lửng lơ như thế thôi.

Bà Lưu nói:

- Mai ơi! Việc ấy, không thể cứ gác đi gác lại mãi như thế được đâu. Bố mẹ con đã mất rồi. Mẹ lo thay cho con đấy. Di ạ, đến hôm làm sinh nhật cho bố con ấy, con cũng nên đi, rằng con không dự lễ sinh nhật của bố con, thì con cũng nên đến chỗ chị Mai một lần.

Triệu Di bèn nói:

- Như thế cũng được, em sẽ đi làm tổng tham mưu cho chị Mai.



Ông thân sinh ra Đức Phát, vào thuở sinh thời, là người mặt mày sáng sủa, biết ăn nói, đồng thời cũng gọi được là người thông minh. Lấy bà họ Lục làm vợ, bà được trời cho một đáy lưng ong, đôi chân thon nhỏ, và là một cô gái rất phong tình. Bố Đức Phát rất yêu bà vợ này, về sau đã chuyển từ yêu sang sợ, cho đến khi ông chết bà vẫn một mực khinh thường ông. Một người đàn ông, đã bị vợ khinh rẻ, càng bị những người xung quanh coi thường hơn. Cho nên bố của Đức Phát sống nhu nhược, nem nẹp...

Khi Đức Phát bắt đầu biết nghĩ, liền biết được rằng, bố mẹ sống ly thân. Mẹ ngủ ở nhà trên, còn bố ngủ ở nhà ngang. Cửa nhà trên không bao giờ cài then, ban đêm có một người lén vào. Đã có đêm bố làm âm ỉ chuyện đó lên, còn cái bóng đen kia nhảy qua cửa sổ đằng sau chạy trốn, thế rồi mẹ bắt bố đưa ra chứng cứ, chứng cứ đâu ra, liền bị mẹ nhổ cho một bãi nước bọt vào mặt.

Con người nhu nhược ấy liền đề ra chuyện ly hôn với bà Lục, ông những tưởng là dọa dẫm vợ thế thôi, nào ngờ, bà Lục đồng ý ly hôn thực. Ông già nhu nhược ấy nghĩ: Không ly hôn, dù sao mình vẫn còn được một con mụ vợ, dăm bữa nửa tháng cũng còn được ngủ với nó một cái. Nếu ly hôn rồi, có đến cả đời cũng chẳng còn được thưởng thức cái của lạ ấy nữa. Thế là thôi, dứt khoát không bỏ nhau

nữa. Bà Lục biết rõ chỗ yếu đó của ông, cho nên cũng coi ông như người chết rồi.

Một lần sinh chuyện, cãi nhau. Người đàn ông vợ lấy bao diêm nói:

- Mày còn lão, ông ném chết mày!

Người vợ bèn bưng một bát mì rau lên nói:

- Mày mà dám ném bao diêm vào đây, con mẹ này sẽ quăng bát mì này vào mày cho mày xem!

Người đàn ông tịt ngòi, lấy bao diêm xòe lửa châm thuốc hút. Bà vợ liền giăng lấy tẩu thuốc, cào cào vào mặt ông, ông sợ quá, bèn chui tụt vào trong gầm giường.

Bà vợ quát:

- Mày có giỏi chui ra đây xem nào!

Ông đáp:

- Người quân tử đại trượng phu đã bảo không ra là không ra!

Cả thôn đều cười mũi người quân tử ấy. Nhưng người quân tử cũng có chút thông minh, nên cũng thường nghĩ được ra những câu đối đáp lại. Khi người ta nói:

- Này! Người đại trượng phu, sao suốt đêm cứ phải nằm khoèo ở nhà ngang như thế?

- Thì mình ngủ ở nhà ngang có sao. Đêm qua cánh cửa nhà trên để ngỏ cả đêm, nhưng mình chẳng thèm ngó lên, cho biết mặt!

Về sau, ông già nhu nhược ấy qua đời. Ông bị chết giữa dòng lũ của sông Đen. Đêm hôm ấy, đúng

là cái đêm hò hẹn của vợ ông với nhân tình kia, bị ông bắt quả tang, ông lấy cả một thùng nước lạnh gội từ đầu người đàn ông gội xuống, người đàn ông bỏ chạy. Bà vợ liền làm ấm i lên với ông, buộc ông phải đi tìm người đàn ông kia về, và phải đun nước gừng nóng cho người đàn ông ấy uống. Ông ra sông Đen tìm kiếm, khi đang mò ra đến giữa sông, một cơn lũ to bất chợt ập về.

Sau khi bố chết, bốn năm sau mẹ cũng qua đời. Đức Phát đến nhà ông chú sống nhờ. Ngay từ bé Đức Phát đã bị mẹ mắng đánh quá nhiều, nên rất hận mẹ mình, ba năm hết tang cũng chẳng thêm cúng kính gì cho mẹ cả. Anh có nhu cầu quyết liệt là chán chính gia phong. Cái tâm lý ấy sau này bị biến thái, biến chất đi, nên đã biến Triệu Vân thành đối tượng hoài nghi. Quyết thi hành uy thế của người chồng.



Triệu Vân lánh nạn về nhà mẹ đẻ, kể lể mọi nỗi uất ức trong lòng cho mọi người nghe, chị luôn luôn nấc lên, kể đến những đoạn thương tâm, đau đớn, nước mắt lại chảy ròng ròng.

Hai thằng con trai cứ như hùm như sói, chẳng thèm để ý đến những nỗi niềm bị thương trên thế gian này, ở núi Hồ Đen ra khỏi nhà bà ngoại là đã có khối trẻ con cùng chơi, lại được ăn uống ngon lành, chỉ biết vui như hội. Hôm ấy, chúng đang vui chơi trốn tìm với con gái Triệu Huyền, chợt hai thằng

trông thấy cô em họ đội, trên đầu chiếc mũ thêu hoa, bèn cướp lấy, cô em họ òa khóc, chạy đi mách mẹ. Hương Hương liền chạy ra giằng lại cái mũ, chửi:

- Lũ thổ phỉ. Muốn có mũ sao không bảo mẹ chúng mày đi mua lấy mà đội, chỉ toàn đi thích đồ của người khác!

Những lời nhiếc móc ấy, không ngờ Triệu Vân nghe thấy hết, liền chạy ra lôi hai thằng con vào nhà, rồi vừa đánh vừa khóc.

Tôn Nguyệt Nhung thấy chuyện khó coi, chạy đi nói với Hương Hương:

- Chị đang ốm, chị cứ mặc xác lũ trẻ có hơn không?

Hương Hương đáp:

- Tôi tức là tức hai cái thằng thổ phỉ ấy! Với lại là đàn bà con gái, đi lấy chồng phải ở dang nhà chồng chứ. Dẽ thường bắt mẹ dẽ phải nuôi suốt đời chắc?

Tôn Nguyệt Nhung nói:

- Chết chết, đừng có nói tới chuyện này, mẹ con cô Vân về đây là ở nhà mẹ, ăn là ăn của mẹ, có xâm hại gì đến nhà chị mà chị nói?

Hương Hương nói:

- Tại sao cô ấy không ở nhà mình? Đức Phát tại sao lại đánh đập cô ấy? Cô ấy với Triệu Huyền là cùng một giuộc, thế mà vẫn vác cái mặt về đây ở...

Tôn Nguyệt Nhung thấy chẳng nói lại được với Hương Hương, liền đi ra, khép cửa lại, rồi chạy sang nhà mẹ khuyên giải Triệu Vân.

Cơm trưa xong, Triệu Vân thu nhặt quần áo, để về nhà, khiến cả nhà chẳng ai hiểu ra làm sao. Mẹ nói:

- Tại sao đang yên đang lành lại dưng dưng đòi về, Đức Phát nó đối xử với con tòi tệ như thế mà con vẫn không dứt bỏ được cái nhà ấy đi hay sao? Con cứ ở lại đây, chờ đến hôm sinh nhật bố, rồi cùng nhau kéo lên huyện, con và các con cũng nên lên huyện chơi một chuyến. Để mặc cho cái thằng giặc Đức Phát ấy biết thế nào là nỗi khổ thiếu vợ!

Triệu Vân vẫn nằng nặc đòi về, Triệu Huyền bực mình giật lấy gói quần áo trong lòng Triệu Vân. Triệu Vân liền òa lên khóc. Triệu Di cảm thấy có điều gì khó hiểu, hỏi tại sao lại đột ngột đòi về, Triệu Vân khóc càng thảm thiết hơn và vẫn chẳng chịu nói gì. Lúc ấy Tôn Nguyệt Nhung mới đem mọi chuyện nói lại cho Triệu Di nghe. Nghe xong, Triệu Di bèn nói:

- Triệu Vân! Đã càng thế, càng chẳng thêm bỏ đi đâu hết. Nhà họ Triệu đã chia cho con trai mỗi người một phần thì bọn con gái ta, mỗi người cũng phải được một phần.

Nói xong, liền tiện tay quẳng ra mười đồng bạc, sai Triệu Huyền xuống Xuyên Đạo ngay ngày hôm đó, mua cho hai đứa con của Triệu Vân mỗi đứa một chiếc mũ mới.

Triệu Huyền nói:

- Có làm thế này là cô bỏ mặt tôi chứ gì? Cô có tiền, nhưng tôi đâu có thiếu! Tôi đã mua sẵn cho con tôi khối mũ mới để ở nhà, bây giờ đem cho con cô Vân đội, thì đã có làm sao.

Rồi ngay sau đó đi về nhà ngang của mình, lục hòm, lục tủ tìm mũ. Tất nhiên Hương Hương sẽ cãi nhau với Triệu Huyền ở nhà và nói ra rất nhiều điều khó nghe. Cho đến lúc này, Triệu Huyền mới biết được rằng việc Triệu Vân đòi về là hoàn toàn ở tại Hương Hương, thế là cơn giận bốc lên, Triệu Huyền liền túm tóc Hương Hương nện cho một trận thật đau.

Hương Hương là con lừa ưa nặng, ăn đòn xong, chỉ còn biết ngồi mà kêu gào khóc lóc, nhưng không còn dám lâu bầu thêm câu nào nữa. Sau đó, bệnh tình nặng hơn, không ra được khỏi cửa.

Khi Hương Hương bị Triệu Huyền cho ăn đòn, ai cũng lấy làm thích chí, nhưng sau thấy đánh dữ quá, liền can ngăn Triệu Huyền.

Triệu Huyền nói:

- Các người suốt ngày chê trách tôi nọ kia, bây giờ xem đây, liệu có còn chê trách được nữa không.

Trong đêm hôm đó, mọi người lại nhắc lại chuyện này, từ chuyện những chiếc mũ cho trẻ con, chuyện lan sang đến Đức Phát chẳng chịu mua sắm may mặc gì cho Triệu Vân, ngay cả đến quần áo của con cũng bỏ mặc, và mọi người đã đi đến nhất trí: Đã đến mức không thể tiếp tục sống như thế được nữa,

dứt khoát phải ly hôn thôi. Triệu Vân cũng cho biết rằng ý cô lần này cũng định bỏ chồng, và từ nay về sau sẽ chẳng lấy ai nữa, quyết sống một mình, nuôi nấng hai con, chẳng còn bị Đức Phát ngược đãi nữa.

Triệu Di và Triệu Vân ngủ chung một giường. Triệu Vân gấp kỳ kinh nguyệt, toàn dùng giẻ rách đen thui đen thui đóng khối, rất bẩn.

Triệu Di nói:

- Làm sao em vẫn dùng cái của nợ này? Mất vệ sinh lắm đấy, rồi sinh bệnh ra lúc nào không biết.

Triệu Vân đáp:

- Em đã giặt giữ cẩn thận rồi. Mỗi lần dùng xong, em đều ngâm vào nước tro... Em lấy đâu ra tiền. Em đã bảo anh Đức Phát mua cho ít giấy, nhưng anh ấy bảo: Vàng ngọc gì cái thứ ấy mà phải bỏ tiền ra mua giấy. Nhưng thuốc lá thì anh ấy hút luôn miệng, hết điều này đến điều khác.

Triệu Di nói:

- Lương hàng tháng của anh ta hơn năm chục bạc. Làm thầy giáo dân lập là phải mang theo gạo nước để thổi nấu, nhưng lại chẳng chịu bỏ tiền ra mua, thế thì cái tiền ấy nó dùng vào việc gì?

Triệu Vân đáp:

- Tiền khóa chặt ở trong hòm, mỗi tuần lễ lại đem ra đếm một lần, đếm xong lại cất đi, khóa kỹ.

Triệu Di nói:

- Phá mẹ nó hòm ra chứ lý. Thế còn tiền em bán lợn đâu?

Triệu Vân đáp:

- Năm ngoái em nuôi một con lợn, bán được một trăm mười lăm đồng. Ý cũng định may cho mình một bộ quần áo, nhưng người ta cầm hết, bảo đi mua phân hóa học, thế là xong.

Triệu Di im lặng rất lâu trong bóng đêm.

Triệu Vân nói tiếp:

- Sống nghèo, sống khổ em cũng chẳng ngại, chỉ có điều anh ta luôn luôn nghi ngờ em có nhân tình, em không được phép nói chuyện với bất cứ người đàn ông nào một câu. Cái một câu là lập tức ăn một quả thối rất mạnh từ phía sau thối tới, nếu không, cũng vật ngửa em ra, cưỡi lên người mà đánh, đánh đến mức độ, bây giờ em chẳng còn nhớ được điều gì hết.

Triệu Vân bắt đầu khóc. Triệu Di khuyên giải em chẳng nên khóc lóc làm gì.

- Bây giờ đến giữa ban ngày ban mặt, mà em đã không khâu được kim rồi, còn khóc nữa, lúc về già là mù mắt đấy.

Triệu Vân nói:

- Em cũng đã mấy lần định tự tử rồi, bởi vì thấy sống cũng chẳng có ý nghĩa gì, nhưng cứ nghĩ đến hai đứa bé, thế là lại cố nín nhịn...

Triệu Di đột ngột hỏi:

- Em Vân này, em cho chị biết, hai đứa có còn sinh hoạt vợ chồng với nhau nữa không?

Triệu Vân không đáp.

Triệu Di nói:

- Chị hỏi như thế là muốn dò xem tư tưởng hẳn thế nào, xem xem có phải hẳn có nhân tình rồi về hành hạ em không, nếu không thì nguyên nhân nằm ở đâu.

Triệu Vân nói:

- Thì mỗi tuần hẳn về nhà, chỉ cốt làm cái việc kia, xong một cái, là lại bắt đầu trợn mắt trợn mũi với em!

Triệu Di nói:

- Đã vậy, cứ ly hôn là tốt nhất. Ngày mai, chị bảo anh ba đi mời chị lớn về, nhờ chị ấy nhắm nhe, đánh tiếng một đám ở bên thôn ấy, nếu thấy xuôi xuôi, lập tức ly hôn với Đức Phát.

Triệu Vân đáp:

- Như thế không được. Ai lại chưa bỏ chồng đã đi đánh tiếng lấy chồng...

Triệu Di gạt đi:

- Hẳn đã đối xử với em như thế, mà em vẫn còn yêu hẳn à?

Triệu Vân đáp:

- Tìm người khác em chỉ sợ lại vợ phải thành mất dạy nữa, mà con cái lại vướng thêm chủ dượng...

Triệu Di nói:

- Lấy thằng bỏ mẹ nào đi chẳng nữa cũng vẫn còn hơn ở với thằng Đức Phát. Em hãy còn trẻ, lấy nhau xong, đẻ thêm một đứa nữa, quan hệ càng thêm bền chắc.

Triệu Vân lại bật khóc nói:

- Chị Di ơi, em đã tuyệt sản mất rồi!

Triệu Di hỏi:

- Em thất bao giờ thế? Em ngốc quá đi mất, làm sao mà lại đi thất nó lại?

Triệu Vân đáp:

- Khi sinh đứa con thứ hai, nhà trường bảo Đức Phát rằng: "Nếu vợ anh không đi thất ống dẫn trứng lại, sẽ cho anh nghỉ việc luôn!". Anh ấy về nói đi nói lại mãi với em, rồi dỗ dành em đi thất ống dẫn trứng. Bây giờ thất mất ống dẫn trứng rồi, anh ấy biết chắc, chẳng còn ai muốn lấy em nữa, nên càng đánh đập em dữ hơn.

Triệu Di giận dữ kêu lên:

- Cái thằng Đức Phát mất dạy đến thế, dù không đi lấy ai nữa, cũng phải dứt khoát bỏ hần. Vân! Em có quyết thế không?

Triệu Vân đáp:

- Em quyết!

Triệu Di nói tiếp:

- Ngày mai em về nhà một mình, nếu thằng Đức Phát vắng nhà, em phải tìm đến trường học, nói thẳng vào mặt hần cho hần biết là em ly hôn. Từ nay về sau, chị sẽ giúp em, em với các cháu đi với chị lên thành phố, chị sẽ tìm một việc làm tạm thời cho em, rồi dần dần tìm lấy một đám, sống cho đường hoàng.

Hai chị em nói chuyện cho đến sáng. Sáng sớm trở dậy, quả nhiên, Triệu Văn bỏ về nhà mình.



Núi Hổ Đen luôn luôn có những con người lạ lùng, cổ quái, và từ đó cũng đẻ ra những tư tưởng cổ quái lạ lùng. Thí dụ như, đối với mỗi đời người, họ thường chú trọng nhất tới ba sự việc, tức là đẻ ra như thế nào, vợ con ra làm sao, và chết ra làm sao nữa. Việc thứ nhất là sinh đẻ nuôi dưỡng, họ coi đó là chuyện của cha mẹ, cái thân mình, chẳng phải là của mình. Việc thứ hai là lương tính âm dương của trai gái, kim mộc thủy hỏa thổ tương sinh tương khắc, trên đời này thiếu là thiếu những đôi lứa xứng đôi thiên thành, và cũng thiếu luôn cả sự thông đồng bén giọt giữa hai thông gia, nhưng đa phần thừa, lại thừa những cặp vợ chồng, sống tử tế không ra tử tế, xung khắc không ra xung khắc, việc này là do nửa ý của trời, nửa ý của người, thế cũng là xong. Việc thứ ba là hoàn toàn do con người mà ra cả. Chỉ cần làm sao đừng chết vào ngày mồng một, đừng chết vào ngày rằm, đừng chết vào những ngày "ngũ hoàng lục nguyệt" (*những ngày nắng nôi, oi bức vào tháng 5, tháng 6 ta - ND*), còn chết vào ngày nào cũng được. Suốt cả một đời, dù được hưởng phú quý thanh nhàn, hay phải chịu mọi nỗi đắng cay dày vò, nhưng đến khi chết đều hy vọng có một chỗ dừng chân yên ổn. Còn mọi sự ở cái thế giới u u minh minh bên kia ra làm sao, thì chẳng ai biết mình thế

nào, chẳng ai biết người sẽ ra làm sao. Nói tóm lại, là cần phải sắp xếp cái chết của mình cho tử tế, lại chẳng phải vì mình, mà là để cho những người đang sống, trông vào. Cho nên: sinh ra đời ra làm sao. Không cần biết. Nhân duyên chồng vợ thế nào. Không ai định trước được. Nhưng đối với những việc thu xếp hậu sự cho người chết, thì lại là những biểu hiện tuyệt vời của thân nhân người chết, cốt cho người đời trông thấy.

Thu xếp hậu sự cho người chết là một công việc có nội dung cực kỳ phức tạp, thí dụ như điều văn phải viết thế nào, phát tang ra làm sao, bày biện trong nhà thế nào, rồi thầy cúng chọn ngày chôn cất ra sao, rồi mời bao nhiêu khách, gọi mấy phường bát âm, đốt bao nhiêu giấy tiền... Nhưng ngay từ khi người chết còn sống đã phải may sắm cho xong thọ y, thọ quan (quan tài), và mộ huyết.

Thọ y (*quần áo mặc cho người chết - ND*), ít ra cũng phải năm bộ, nhiều thì bảy bộ: Áo lót, áo trong, rồi áo trong, lại áo trong, rồi lại áo trong nữa, áo dài, áo khoác. Ở dưới âm ty có thể bốn mùa đều lạnh lẽo, năm bộ, bảy bộ ấy phải mặc lồng nhau. Tất cả đều phải may bằng lụa, không thể dùng đoạn được. Lụa là "lụa mềm", đoạn là "đứt đoạn". Bây giờ ở thành phố, có những cửa hàng chuyên bán thọ y, hoặc ở những cửa hàng bán quần áo phụng thờ, có bày thêm một quầy bán thọ y (đây hình như có ý hài hước với người chết của dân thành phố), nhưng những người ở vùng núi Hồ Đen không bao giờ đến mua thọ y ở các cửa hàng này, mà họ thường mời

những bà già có đường kim mũi chỉ vá may khéo léo, cắt khâu tại gia trong năm ba ngày liền. Nếu thợ y may xong, mà người chết còn sống, thì phải cắt giữ thật cẩn thận, hàng năm cứ đến ngày mùng 6 tháng 6 lại đem phơi phóng một lần. Trong ngày đem thợ y phơi nắng ấy, người già cả trong các gia đình, thường nhà nọ chạy sang nhà kia, xem xét của người ta, đối chiếu với của nhà mình, thấy nhà mình hơn, thật sung sướng vô cùng. Còn như nếu bị hư hỏng gì đấy, dứt khoát bắt con cháu phải may lại.

Thợ quan, tốt nhất là gỗ bách, thứ nữa mới đến gỗ tùng, gỗ tạp là hạng kém. Cổ quan tài đáng hãnh diện nhất là gồm tám tấm to. Ván thiên gồm hai tấm mỗi tấm dày tám tấc, hai tấm ván đáy tám tấc, hai tấm thành cũng vẫn dày tám tấc, hai đầu sau, trước thôi khỏi phải nói. Kỹ thuật đóng thợ quan của những người thợ mộc bao giờ cũng rất cao siêu, mộng ghép kín khít, nước vào không được, ra cũng không được. Về mặt điêu khắc họ cũng thuộc loại thật tài ba. Tấm ngắn nhỏ, phía chân khắc nổi một chữ "phúc", tấm ngắn phía đầu to hơn, khắc nửa nổi, nửa chìm, khắc nhân vật, sơn, thủy, ngư, trùng, hoa, diều, rồi sau đó mới tráng sơn. Sơn phải là sơn sống. Với lớp sơn này chưa phải đã là xong, và cũng chẳng phải chỉ có một lớp, mà nhiều lớp, xong một lớp sơn, là một lớp vải trắng dẹt tay ở địa phương, lại phết ra ngoài một lớp sơn nữa, rồi một lớp vải nữa, và lại một lớp sơn nữa, chiếc thợ quan cứng như sắt, gỗ kêu coong coong. Sau khi thợ quan đã làm xong, mùa hè có thể đựng lương thực, không một,

không mục, mùa thu cất quần áo, không ẩm, không mốc. Nếu người chết vẫn còn sống, thì hàng năm, vào ngày sinh, chiếc thọ quan được mang ra, phết thêm một lượt vải, lượt sơn nữa.

Còn như mộ huyết, đó là nơi cư ngụ ở dưới âm gian của người chết. Huyết vị cần phải lựa chọn cho chu đáo rồi, ngày động thổ đào huyết cũng phải giữ lịch Hoàng Triều cũ ra xem, chọn ngày. Sau đó mới quyết định đến những ai là người đi đào huyết. Đây không phải là người không con cái, không phải là người dân gốc, ngõ ngấn. Đào xong phải đốt loại pháo nổ tan xác, thắp hương dâng rượu, trước khi đặt viên gạch đầu tiên xuống đó, bắt đầu xây sinh phần¹. Cửa của sinh phần phải giống với cửa của ngôi nhà của người đó lúc sống, cũng phải có xà có nóc, và tường vách hàng hiên, lại phải có chạm trổ, vẽ rất nhiều đồ họa, hoa văn, và viết vào đó nhiều điều lành, lời tốt. Sau khi xây xong, sẽ xây bít cửa sinh phần lại, có để những lỗ thông hơi, rồi trồng những cây bách trước và sau sinh phần. Người được chôn vào đó, trước khi chết, hàng tháng hàng năm phải lui tới, trông nom, kiểm soát, xem xem lũ chuột có trộm cắp lương thực, đem vào đó làm tổ, để sinh con đẻ cái hay không.

Những người con, sau khi đã làm đủ trọn vẹn ba việc ấy cho cha mẹ già, được coi như đã làm tròn đạo hiếu của kẻ làm con. Những bậc cha mẹ, được

1. Trong nguyên bản, tác giả dùng chữ "Lăng mộ". Có nơi còn gọi là "Kim Tinh". (N.Đ.).

chính mắt mình trông thấy con cái làm tròn ba việc đại sự ấy cũng cảm thấy tự hào, vinh hạnh và yên tâm mà già đi. Nếu không, cái cân trong con mắt mọi người sẽ đánh giá con nhà nào là có hiếu, con nhà nào là nghịch tử. Tất cả những người con mà không hiếu kính với cha mẹ, những người con đó sẽ bị khinh bỉ: Đến bố mẹ nó mà nó chẳng yêu thương được, liệu nó còn yêu thương ai? Ngay bậc cha mẹ đó cũng bị mọi người dè dặt: Đến con cái, nó cũng chẳng kính trọng ông bà, ai mà kính trọng ông bà được? Còn như con cái mà làm tròn bốn phận trong ba việc đại sự ấy, thì giá trị con người của bố mẹ cũng được nâng cao, còn bản thân những người con ấy đi đến đâu mặt mũi cũng nở to như cái đĩa, khí thế như trâu.



Mùa thu năm ấy, con cái nhà họ Triệu cũng chuẩn bị tiến hành làm việc hậu sự cho cha mẹ, vì trên vùng đất eo sông Đen được mùa to. Cùng với việc thu hoạch được nhiều thóc lúa, rơm rạ cũng thu được rất khá. Dân trong thôn bàn tán xôn xao về những bộ thọ y, những cỗ thọ quan cùng mộ huyệt của vợ chồng Triệu Nhất Nhân, và họ cũng bàn tán luôn đến cả việc bội thu năm nay của nhà họ Triệu. Thực ra họ cũng chẳng cần thiết quan tâm quá mức tới công việc của con cái nhà họ Triệu lo việc đại sự cho cha mẹ như thế nào, bởi vì nhà ấy vốn là nhà có máu mặt, sẵn tiền, và còn hiếu biết hơn ai cái

ý nghĩa to lớn của việc sắp xếp hậu sự này. Họ cũng chẳng vì thóc lúa rơm rạ bội thu mà trở thành lười biếng, bê trễ. Họ vẫn cày sâu cuốc bẫm, đắp đập be bờ, bón phân làm cỏ, bước vào một vụ mới đầy háo hức.



Chẳng cần phải chờ Triệu Kỳ đi mời chị lớn, chị lớn đã chủ động về nhà. Chồng chị lớn đã qua đời từ mười năm trước, nhưng chị vẫn sống bình tĩnh, đường hoàng. Con lớn đi học trung học, học lực rất khá, trong những lúc nhàn rỗi, chẳng có việc gì, chị vẫn chạy đi chạy về nhà mẹ, giặt dĩa, dọn dẹp nhà cửa giúp mẹ, và cũng tiện thể vợ vết của nhà mẹ một chút gì đấy. Chị cơ hồ như đã mất hết thứ tình cảm của một người con gái trong nhà họ Triệu, nên chẳng cần quan tâm tới bất cứ chuyện gì. Đoàn kết cũng được, bất hòa cũng chẳng làm sao, mà chỉ cảm thấy rằng, đây là một nơi có thể đến đến, đi đi bởi nơi đó có lợi cho mình và có lợi cho sự học hành của con cái. Hôm nay chị về đây, nhưng hoàn toàn không biết Triệu Di đã về, mà về, chỉ cốt nhận được phần chia món lễ vật của anh phó mộc trong việc nhân duyên với Triệu Cấn. Về đây gặp Triệu Di, chị vui vẻ, hớn hở ra mặt, bởi vì Triệu Di đã mua cho con trai chị cả bộ đồ ôn tập thi vào đại học, lại còn kèm thêm một chiếc áo ngoài nữa. Cả hai chị em xúm lại, phán cô út hay ngúng nguẩy. Còn Triệu Cấn, vẫn chỉ tuôn ra câu nói cũ:

- Em chẳng lấy ai cả!

Làm cả hai chị em tác hợng hồi lâu.

Nhà họ Vũ ở thôn Giữa, có một con trâu lần xuống núi chết. Triệu Kỳ đi mua về ba cân thịt trâu, bảo để thết đãi Triệu Di, Hàn Mai và chị lớn một bữa đặc biệt. Tôn Nguyệt Nhung lần người vào bếp mất cả buổi sáng, làm một bữa cơm thịnh soạn. Mời cả cha mẹ cùng tới ăn.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Thôi, chị em nhà mày cứ ăn uống đi...

Ông và bà Lưu không tới. Tôn Nguyệt Nhung phải bung sang tận nhà một đĩa thịt trâu, rồi đi mời anh hai Triệu Huyền và chị dâu, chị dâu không đi, Triệu Huyền nhận lời, chị dâu nói:

- Người ta thết khách là để xỉ nhục nhà mình, thế mà anh cũng vác mặt đến mà ăn.

Anh hai tuy vẫn cứ đến, nhưng chỉ ăn qua loa vài miếng thịt rồi buông đũa buông bát đi ngay.

Trong bữa ăn, Triệu Kỳ nói với Hàn Mai:

- Chị Mai ơi, em có một việc cần đến tay chị giúp đỡ.

Hàn Mai nói:

- Tôi thì giúp được câu việc gì?

Triệu Kỳ nói:

- Phân hóa học năm nay khó mua quá, em đã đến mấy cửa hàng ở Xuyên Đạo, nhưng đều đã hết sạch cả. Năm nay em lại chẳng tích trữ được tý phân nào, nên em định nhờ chị mua giúp em và chị lớn mỗi người ba bao.

Chị lớn xen vào:

- Nếu như mua được tôi chỉ cần lấy một bao thôi là đủ. Còn hai bao chia cho Triệu Huyền.

Triệu Kỳ gạt đi:

- Anh hai chẳng dùng tới đâu. Ruộng nhà anh ấy năm nay bỏ hoang bỏ hóa tất ấy mà. Nếu thế thì chị Mai cứ mua cho em bốn bao vậy.

Hàn Mai nói:

- Phân hóa học quả là khó mua lắm. Thôi thì thế này vậy: Đợi đến hôm sinh nhật bác, Triệu Di nhất định đi cùng, ta sẽ kéo nhau sang chỗ bí thư Vương, bí thư viết cho mấy chữ là mọi vấn đề được giải quyết gọn ghẽ.

Triệu Di nói:

- Mua có mấy bao phân hóa học mà cũng phải đi chạy bí thư huyện ủy sao?

Hàn Mai nói:

- Người ta là chỗ quen thân với Sùng Bồi, em cũng nên đến thăm một tý. Bí thư huyện ủy tuy cũng chẳng ra cái quái gì thật, nhưng người ta vẫn là quan phụ mẫu, cả nhà nhà mình là nằm dưới quyền lãnh đạo của người ta đấy!

Cơm nước xong, Hàn Mai gọi Triệu Kỳ vào trong buồng, nói nhỏ:

- Cái việc phân gia ấy mà, chị có thể mua cho cậu được, làm ruộng mà không có phân thì còn ra làm sao nữa. Chị Mai ấy mà, dù có bị mất cái mặt này cũng xoay ra phân cho cậu. Nhưng đến ngày

sinh của bác ấy mà, nhất định phải thúc cho Triệu Di sang bên huyện ủy. Cô ấy đang bức chuyện vợ chồng anh trưởng không chịu về. Nếu cô ấy không đi, đúng là gây thêm mâu thuẫn, đúng không? Hơn nữa, chị còn có một việc muốn nhờ cô ấy giúp, nhưng lại không tiện nói thẳng với cô ấy, tức là cái việc đề bạt chị lên hội Phụ nữ huyện ấy mà. Bây giờ đang có đứa nó phá chị, nên lãnh đạo còn do dự, nếu như Triệu Di mượn danh nghĩa Sùng Bồi, nói với bí thư Vương một câu, là mọi việc xong tất.

Triệu Kỳ đáp:

- Em nghĩ, nhất định Triệu Di giúp được chị việc này, nếu chị không tiện nói, để em nói. Còn việc mua phân, chị cứ cầm tiền trước giúp em đi.

- Hàn Mai nhất định không cầm tiền.

Triệu Kỳ bèn đem chuyện tâm tư của Hàn Mai nói lại với Triệu Di. Triệu Di trầm ngâm một lát rồi nói:

- À, thì ra là thế. Nếu vậy em sẽ đi gặp bí thư Vương.

Nói xong, Triệu Di liền đi tìm Hàn Mai nói:

- Chị Mai này, có một việc còn con con như thế mà chị lại phải vòng vo, bảo anh ba nói với em.

Hàn Mai đáp:

- Em gái ơi, em nên hiểu cho chị, đây chỉ là việc riêng của chị thôi, nên không tiện nói. Mà việc thì đã lấy ý kiến dân rồi, trên dưới đều đồng ý là điều chị lên công tác trên huyện Hội, nhưng bao giờ cũng có kẻ xấu, phá ngang, chị căm ghét cái

lũ tiểu nhân này, đã định đi tát thẳng vào mặt hắn một cái. Nhưng rồi mọi sự bùng nổ đều biến mất, tay nhũn ra, bụng cũng nhũn ra, thế là thua thiệt mình đành chịu thua thiệt vậy, không hung bạo nổi.

Triệu Di đáp:

- Chị không có được tính hung bạo thì đừng có đi làm chính trị.

Hàn Mai nói:

- Đúng thế! Nếu chị Mai này mà đi làm chính trị thật, thì cái chức chủ tịch huyện Hội Phụ nữ, chị làm thừa.

Triệu Di nói:

- Đã thế chị lên huyện Hội-để mà chịu tội à?

Hàn Mai nói:

- Có lên huyện Hội, chị cũng chỉ biết ngậm miệng thôi. Lên đến huyện Hội, chị cũng sẽ chẳng chinh đốn ai, nhưng có thể tránh được việc bị người ta chinh đốn mình.

Triệu Nhất Nhân xen vào nói:

- Di này, chị Mai tuy chẳng phải người họ Triệu nhà mình, nhưng còn thân thiết hơn cả người trong nhà đấy. Con đi ra ngoài đã làm vinh quang cho nhà họ Triệu, còn ở huyện ta, chị Mai-con cũng là một nhân vật cấp trên có tiếng nói. Bố đã nghe thấy nói từ lâu rằng: Hàn Mai sẽ làm chủ tịch hội Phụ nữ huyện, tuy thực quyền cũng chẳng có là bao, nhưng cũng nói được điều này tiếng khác, về sau này, nếu có ai sinh sự với mình, mình cũng có chỗ cấp trên mà kiện cáo.

Triệu Di cười cười nói:

- Nếu chị Mai mà làm chủ tịch huyện Hội, việc đầu tiên phải là việc gỡ rối cho Triệu Vân.

Hương Hương đang từ nhà mình ra nhà xí, giữa lúc đó lại đi ngang cửa nhà chính, nghe thấy trong nhà nói chuyện, liền nói chớ vào:

- Đã gỡ rối cho Triệu Vân thì phải gỡ rối cho cả tôi nữa!

Mọi người trong nhà đều cảm miệng hén.



Dưới gốc cây tùng vỏ trắng, đêm nào cũng có một người ngồi ở đó.

Anh Trường đập mồi ở vùng núi Hồ Đen, sau khi gặp mặt Triệu Di, không những không cảm thấy bị xỉ nhục vì cái tát nẩy dom đóm mắt, mà ngược lại, lại có một cảm giác rất lạ kỳ, cho nên cứ chờ lúc đêm khuya trăng sáng, lại lần ra gốc cây, và trong lòng lại âm thầm vang lên một bài dân ca rất cổ xưa:

Cô em giặt giũ bên sông,

Lấy chày em đập áo quần của em.

Ước gì anh hóa y xiêm,

Để em đập nhẹ lên trên thân này...

Giặt sạch, em mặc vào ngay...

Khi anh biết Triệu Di là con gái thứ hai của Triệu Nhất Nhân, anh thấy ngay cái cách suy nghĩ

của anh hoàn toàn là ảo tưởng, đồng thời cũng ghen tức với cái anh nhà văn ở nơi thành phố. Anh cũng đã từng nghe biết rằng Triệu Nhất Nhân còn cô con gái út tên là Triệu Cẩn chưa chồng, anh cho rằng cô chị đã thuộc loại sắc nước hương trời như thế, cô em cũng phải xinh đẹp rõ ràng. Thế là trong một đêm có trăng, anh đến nhà Trưởng thôn nhờ làm một bữa tiệc, rồi lại nhờ Trưởng thôn đến mời Triệu Nhất Nhân.

Trưởng thôn cũng là người mới được bầu ra, tuổi trẻ hăng hái, nhưng lại rất chín chắn, nên hỏi anh Trưởng đáp:

- Con gái nhà họ Triệu đều như tiên nữ giáng trần cả, ai dám to gan mà đi cầu hôn như thế? Tuy anh là Trưởng đáp thật đấy, nhưng trước kia anh là người thế nào, anh biết không?

Trưởng đáp đáp:

- Trước kia là trước kia, bây giờ khác trước kia. Có việc gì mà tôi không dám làm? Liên hiệp quốc mà cần người, tôi cũng làm được!

Trưởng thôn đến nhà họ Triệu, nói rằng Triệu Nhất Nhân là người đạo cao đức trọng ở vùng núi Hồ Đen, trong thôn có việc quan trọng nên phải đến mời ông cùng bàn bạc. Ban đầu Triệu Nhất Nhân cũng thấy nghi nghi, nhưng vẫn cứ đi. Trưởng thôn cầm một bó đuốc gỗ thông, còn ông xách một chiếc đèn có che lưới sắt. Đi được nửa đường, hỏi bàn bạc việc này còn có những ai? Trưởng thôn đáp: Chỉ

có mỗi một mình Trương đập mới. Triệu Nhất Nhân không chịu đi tiếp nữa.

Trương thôn nói:

- Bác Triệu ơi! Việc là thế này, anh Trương đập mới đã nhận ra có đôi chỗ không phải với bác, nhưng tất cả cũng đều là vì vùng núi Hồ Đen ta. Anh ấy còn trẻ nên trong suy nghĩ còn có chỗ chưa được chín chắn, chu đáo lắm, cho nên cũng cảm thấy băn khoăn, nay cố ý làm một mâm rượu muốn mời bác cùng ngồi, bày tỏ hòa giải, mong sao đoàn kết được với nhau.

Xưa nay Triệu Nhất Nhân vẫn là người biết trọng nhân nghĩa, nên nghĩ rằng, nay Trương đập mới xuống nước, cầu cạnh, lại làm mâm rượu đãi mình, mình cũng phải tỏ ra mình là kẻ chính nhân quân tử, lòng dạ rộng rãi có thể tha thuyên được mới phải.

Ở nhà Trương thôn, quả nhiên Trương đập mới tỏ ra là người biết điều, kính trọng người bề trên, không ngừng rót rượu, nâng chén, và cũng luôn luôn gấp thức ăn vào bát ông. Triệu Nhất Nhân đã lâu không có dịp đánh chén, nay lại thấy trong lòng thanh thản, nên đã uống quá chén. Và ông bắt đầu kể về lai lịch vùng núi Hồ Đen, rồi nhắc đến cả cha của anh Trương đập mới, đi lang thang đến ăn mày ở vùng núi này, và ông đã giúp cho việc tìm vợ, lập gia đình như thế nào, cùng việc chủ động thúc giục khai hoang, làm nhà. Trương đập mới lại cung kính thay mặt cha mẹ đã qua đời rót rượu, nâng chén mời ông. Anh còn xin được học hỏi kinh nghiệm làm Trương đập của ông.

Triệu Nhất Nhân cũng nhân danh bậc lão thành, trên tuổi, nói về sự chỉ công vô tư, nói về nghệ thuật nhường nhịn, ngậm bô hòn làm ngọt... Cuối cùng ông nhắc tới đôi câu đối ở cửa hang Bát Thạch để bàn về sự huyền diệu của thế gian, về tư cách con người.

Trong khi lưới còn chưa liu lại, Triệu Nhất Nhân nói: .

- Cần phải tu bổ xây thêm con đê bởi bằng đá ở những chỗ nước ngập, chỗ đê bởi cũng cần xây một cống thoát. Tất cả xi măng cần thiết, rồi bản đồ thiết kế thi công, tôi có thể tìm người giải quyết giúp. Triệu Di và Sùng Bồi trên thành phố là có thể giải quyết hết được mọi việc. Hơn nữa, thằng Triệu Hòa nhà tôi, có cả một xí nghiệp, cũng rất hiểu biết về kỹ thuật. Các anh có biết không, Hàn Mai sắp sửa làm chủ tịch Hội Phụ nữ huyện rồi đấy!

Trương đập mồi nói:

- Con cái nhà bác Triệu đều làm nên sự nghiệp cả. Đó là cái phúc, cái đức tích tụ lại từ bao đời nay đấy. Cứ được sống như bác Triệu bây giờ, thì đến đức Thượng Đế cũng không bì kịp.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Đúng thế! Đúng thế! Đợi con Cấn lấy chồng xong nữa, là thằng già này hết sạch mọi lo âu.

Trương thôn nói:

- Bác Triệu ơi! Thế bác định gả cô Cấn cho ai đấy? Dứt khoát người này phải là người ăn lương nhà nước rồi?

Triệu Nhất Nhân nói:

- Cái con bé này, đã lên thành phố ở với chị Triệu Di nó một hai năm rồi đấy, nhưng cứ là cao không tới, thấp không thông, đánh tiếng cũng đã nhiều nơi nhưng chẳng nơi nào vừa ý nó cả. Còn như bây giờ, con bé này định gả cho ai ư? An lương nhà nước đã chắc gì là hay? Lòng dạ nó còn cao hơn cá giời, nhưng cái mệnh nó lại mỏng hơn giấy!

Không khí cả mâm rượu chợt lặng hẳn đi.

Trưởng đập mới lại rót đầy rượu vào chén của Triệu Nhất Nhân, phớt tỉnh nói:

- Bác Triệu ơi! Liệu cháu có thể làm rể bác được không?

Triệu Nhất Nhân chùng như không nghe thấy câu hỏi ấy, nên nét mặt vẫn cười cười, nhưng đột nhiên nó như cứng lại, mắt chằm chằm nhìn vào chàng thanh niên này.

Trưởng thôn vội đỡ lời:

- Bác Triệu ạ! Những lời anh ấy nói, tuy cũng có chút đường đột đấy, nhưng anh ấy thật bụng, anh ấy cũng đã nói với tôi từ lâu rồi. Tôi cũng đã có suy tính, anh ấy tuy chẳng phải là cán bộ cán thuổng gì, song trong nhà cũng chẳng chịu thiếu thốn một thứ gì, đúng, chẳng thiếu thứ gì! Còn người lại thông minh năng nổ, biết quý trọng người, nếu như Triệu Cấn đẹp duyên cùng anh ấy, thật đúng là một đôi thiên duyên trời định, hai nữa là, đôi bên sẽ hỗ trợ nhau trông coi cả một vùng núi Hồ Đen này!

Triệu Nhất Nhân "ừ. ừ", chẳng hiểu là ông định nói gì, hình như ông có ý nói:

- Thế cũng được! Thế cũng được!

Rồi đầu nặng chán nhẹ, ông tựa đầu vào ghế ngủ khi.

Cho đến khi ông ngật ngưỡng về nhà, ở nhà cũng đang lo sốt vó, giục nhau đi tìm, thấy ông say quá cần câu như vậy, mọi người xúm vào trách ông, già rồi, không nên quá chén thế. Triệu Nhất Nhân cười sằng sặc, hỏi Triệu Cấn:

- Cấn! Bố hỏi mày, chị lớn mày đã tìm cho mày một người như thế, mày có đồng ý hay không?

Triệu Cấn đáp:

- Con chẳng lấy ai hết, nhà mình đã nhận sính lễ của người ta, thì đem mà trả lại cho người ta.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Không bằng lòng thì thôi. Bố sẽ tìm cho mày một thằng khác... Dứt khoát mày sẽ bằng lòng ngay.

Triệu Di hỏi:

- Bố ơi! Bố nói hay rượu nó nói đấy? Người bố tìm là ai?

Triệu Nhất Nhân trèo lên giường, vẫn cười, nói:

- Ngày mai sẽ nói cho chúng mày biết!

Nói xong, ông lăn ra kéo gối, như người bất tỉnh nhân sự.

Sáng hôm sau, khi Triệu Nhất Nhân còn chưa dậy, Trưởng thôn đã tới. Anh vừa tới cổng nhà Triệu Nhất Nhân đã gặp ngay Triệu Kỳ và Triệu Huyền

ở đó, bảo rằng đến xin làm mối cho Triệu Cấn. Triệu Huyền nói đốp ngay:

- Mối manh, mối manh gì!

Nói xong đóng sập ngay cổng lại.

Triệu Kỳ chạy vút vào trong nhà nói lại với bố chuyện ấy.

Triệu Nhất Nhân cùng cả nhà đổ xô ra cổng. Trưởng thôn đã bị Triệu Huyền đuổi cút thẳng cánh. Triệu Huyền thấy bố, đã vội trách bố làm sao ăn nói lung tung để xảy ra tới bước này, nó đã cướp mất chức Trưởng ấp của bố, thế mà bố lại định đem con gái gả cho nó sao? Cả nhà sau khi nghe biết được chuyện này, cũng chẳng ai có ý tán thành cả. Nhưng Triệu Nhất Nhân lại lắc đầu nói:

- Không đồng ý cũng còn có thể bàn bạc với nhau được, không cho người ta vào nhà, thật là có lỗi với người ta quá thể.



Triệu Cấn dắt con Vàng cứ theo đường núi mà đi, và đi tới một bãi sông xa lắc xa lơ, cô nằm xuống bãi, duỗi thẳng cẳng cả chân lẫn tay ra. Con chó Vàng nằm phục xuống bên người cô, thân mền hít hít cái mùi hơi hơi trên ngực cô, Triệu Cấn đột nhiên lật người lại, ôm chầm lấy con Vàng. Cô ôm thật chặt, chặt đến nỗi con Vàng phải kêu lên. Cô vẫn không chịu nổi tay, khiến con Vàng phải lăn lộn trên bãi cát, làm cho từ đầu tới chân nó bê bết những

cát là cát. Cuối cùng, nó đánh nằm phủ phục như chết ở đó, và trong cặp mắt nó, lòng trắng nhiều hơn lòng đen.

Cô không thể nói rõ được rằng cô làm như thế để làm gì. Cũng chẳng nói rõ được tại sao cô lại ôm con chó Vàng chặt như vậy. Bây giờ, mắt người nhìn mắt chó, mắt chó nhìn mắt người. Có đột nhiên nổi giận, chân đạp, tay dấm con chó khiến nó phải kêu lên ăng ẳng, con Vàng vẫn cứ tưởng có chủ đang chơi đùa với nó, nhưng những cú dấm, những cái đạp của cô làm nó đau lắm, nó kinh hoàng vùng chạy, chạy tới chỗ có một hòn đá khá xa, nó ghếch chân lên đá.

Cái hôm mà anh Trường đập nhờ anh Trường thôn đến đánh tiếng, cô không có nhà. Cô viết cho anh bộ đội kia một lá thư rồi cứ cách một hai hôm cô lại xuống núi một lần, đứng chờ người bưu tá trong xá, bên con đường mòn nhỏ, nhận thư trả lời. Hôm đó, có thư của anh bộ đội thật, thư viết rất giản đơn, hầu như chỉ có mỗi một câu:

"Anh đã lấy vợ rồi!".

Triệu Cấn đọc thư xong, cô không khóc, ngược lại cô cười như điên. Cô về đến nhà, cũng là lúc anh hai vừa đuổi Trường thôn đi xong.

Cô hỏi:

- Tạo sao không đợi em về?

Triệu Huyền hỏi lại:

- Thế cô định lấy thằng Trường đập mới à?

Triệu Cấn đáp:

- Thì cứ thử tìm hiểu xem sao thôi.

Triệu Huyền nói:

- Cô điên rồi! Điên mất rồi!

Triệu Cán đâu có điên, cô thực lòng muốn tìm hiểu anh Trưởng đập mới xem sao. Trong ấn tượng của cô, anh Trưởng đập mới, tuy không phải người tỉnh thành, nhưng anh ta có sức khỏe như vâm, chẳng kém gì anh bộ đội. Cô cũng đã từng gặp anh phó mộc mà chị lớn đã giới thiệu cho cô, khi chị lớn cố ý bỏ đi, để cho hai người trong nhà, trò chuyện riêng với nhau, cô thấy anh phó mộc rụt rè, xo ro quá, lại toát mồ hôi đầy mặt.

- Đồ tôi...

Nói xong, cô bỏ ra khỏi cửa.

Nếu như ngồi riêng với nhau ở trong nhà như thế, mà lại là anh Trưởng đập mới chứ không phải anh phó mộc, mọi chuyện sẽ ra sao? Nhưng anh Trưởng đập mới lại chẳng phải là người tỉnh thành, anh thiếu hẳn gương mặt và phong độ của người thành phố.

"Anh lấy vợ rồi, em vẫn cứ lấy anh". Triệu Cán giở lá thư của anh bộ đội ra, đọc đi đọc lại mấy lần. Và rồi đột nhiên, cô thấy có hai người đang đi lại phía mình, là anh Trưởng đập mới, lại là anh bộ đội, về sau, hai người chấp lại làm một. Anh ấy kéo cô đứng dậy và hỏi:

- Em có nhất định lấy anh không?

Triệu Cán đáp:

- Vâng!

Anh ta tát bóp cho cô một cái. Ngay lập tức, nửa mặt cô nóng bừng lên, mắt này dom đóm, nhưng cô vẫn nói:

- Anh cứ đánh em đi! Đánh cho em chết được càng tốt!

Anh bỗng nhiên bật cười, ôm chầm lấy cô, và nói:

- Đấy chẳng qua là anh thử em thế thôi! Cẩn ơ! Anh sẽ ly dị với vợ anh, để cưới em.

Triệu Căn và anh lại ngã người xuống cát, và anh đè lên người cô, sao nặng đến thế, cơ hồ như anh đè nất cô ra, khiến cô đau đớn phải thét lên, và trong tiếng thét ấy, cô đã ngất đi trong sự sung sướng tuyệt vời...

Khi ấy, con Vàng lại chạy tới đứng bên cô. Nó nhìn cặp mắt cô nhắm nghiền, mặt đỏ tưng bừng, đôi môi rung động, rên rĩ, đồng thời nó cũng ngửi thấy một mùi vị đặc trưng trên thân mình người thiếu nữ.



Tiếng chuông chùa Khánh Nguyên vẫn vang lên hàng ngày, sớm sớm sư cụ vẫn kiểm tra chân dệm của tất cả các nhà sư, và những nhà sư bị phạt vẫn ngày ngày đi lấy nước ăn trên hang Bát Thạch. Dưới một vách núi của thôn Hậu, vẫn có một đám nam nữ "lười dài" ngồi tùm tùm với nhau, họ nói cho nhau về những tin tức ở dưới gốc cây tùng vỏ trắng, và

nghe ngóng về bữa đánh chén ở nhà anh Trương thôn.

Khi thấy có một người khoác áo, tay xách một chiếc máy cát sét, mà âm thanh đã mở tới mức cực đại đi tới, và nhìn thấy trên trán người ấy có một vết giác tím bầm, thì tất cả mọi người đều lái câu chuyện đang nói của họ sang một câu chuyện khác.

Một người nói:

"Ngày xưa, có một quả núi. Trên núi có một cái hang. Có một cụ già ngồi trong hang nói: Ngày xưa có một quả núi. Trên núi có một cái hang...



Số người đi lên huyện đã quyết định xong: Bố, mẹ, Hàn Mai, Triệu Di, Triệu Kỳ và Tôn Nguyệt Nhung. Triệu Huyền dứt khoát không đi, bố trách mắng, anh bảo tại Hương Hương ốm nặng, anh phải ở nhà trông nom, và chỉ cho con đi theo bà. Triệu Cấn, dẫu mà chẳng đi, vì vậy không có bàn bạc gì hết. Cuối cùng mẹ đề nghị Triệu Tú cũng nên đi, vì con ở trong trường cả tuần, chủ nhật mới về nhà một lần, chị ấy rồi rảnh, có thời gian. Nhưng, trước kia vốn đã định là Triệu Vân đưa cả hai đứa con cùng đi. Nhưng từ hôm Triệu Vân về nhà, lại chẳng thấy trở lại nữa.

Buổi chiều hôm đầu tiên, mẹ sai Triệu Kỳ đi đón Triệu Vân, nhưng Triệu Kỳ đã trở về một mình.

Triệu Di hỏi:

- Vân đâu?

Triệu Kỳ đáp:

- Triệu Vân bảo không dứt ra mà đi được nên không đi nữa.

Triệu Di nói:

- Thế là việc ly dị gặp trở ngại rồi sao?

Triệu Kỳ đáp:

- Vân cho tôi biết, và nhờ tôi nói hộ lại với bố mẹ rằng: cô ấy về, ở lại nhà một đêm, thế là không muốn ly dị nữa. Cô ấy khóc lóc, trách móc Đức Phát, nhưng lại bảo cái số mình khổ, nếu bỏ người này, kiếm người khác lại không được bằng Đức Phát thật chẳng còn mặt mũi nào mà gặp gỡ mọi người. Cô ấy bảo, cô ấy đã lấy chồng một lần rồi, nay có đi lấy ai nữa, thì những ngày tháng đó cũng sẽ chẳng ra làm sao. Cô ấy bảo, thôi đành cứ thế mà sống tiếp cho xong, sống được ngày nào biết ngày ấy. Ở nhà cô ấy nuôi lợn, bỏ nhà mấy ngày không về, lợn xuyết chết đói hết. Cô ấy bảo, thôi mọi người cứ việc đi lên huyện, cô ấy ở nhà đến ngày sinh của bố, cô ấy sẽ làm bánh nhân trứng.

Triệu Di không ngớt thở dài, dậm chân xuống đất bành bịch:

- Khổ quá! Khổ quá! Chị ấy nói rõ ràng mười mươi rằng dứt khoát ly dị, chẳng hiểu làm sao lại không ly dị nữa. Thật đúng là sống mà cãi nhau! Sống mà chịu tội! Sống mà...

Những người lên huyện, cùng xuống núi Hồ Đen, rồi lên xe khách ở thị trấn Xuyên Đạo đi thẳng đến

công xưởng của Triệu Hòa. Tiền vé ô tô của mọi người, Triệu Nhất Nhân phải móc hầu bao ra, hết tất cả hai mươi nhăm đồng. Chẳng thấy Triệu Hòa ra đón ở bến ô tô, vậy mà khi vừa gặp mặt, lại nói:

- Chà! Ngần này con người, tối, biết nhét vào đâu cho hết.

Buổi tối, Cố Linh Linh làm món mì Trường Thọ, Triệu Di không ăn, cô đến nhà chị Hàn Mai ở thị trấn Thành Quan. Hàn Mai làm rất nhiều món ăn cho Triệu Di ăn, đồng thời nhờ người mua ngay được phân hóa học, vận chuyển tới nhà Triệu Hòa giao cho Triệu Kỳ và chị lớn. Tất nhiên mọi người cảm ơn không ngớt, đồng thời, khỏi phải nói đến chuyện bày rệu ra ăn uống.

Cho đến tận nửa đêm, sau khi sắp xếp chỗ ngủ cho khách, Triệu Hòa và Triệu Kỳ lên văn phòng của xưởng nghỉ ngơi. Triệu Hòa hỏi tại sao Triệu Huyền không lên? Triệu Kỳ không dám nói là Triệu Huyền lén mặt vì thành kiến, mà chỉ nói là vợ ốm nên Triệu Huyền phải ở nhà trông nom.

Triệu Hòa nói:

- Anh vẫn cứ tưởng là chú ấy sẽ lên, nếu chú ấy lên, ba anh em cần phải bàn một việc đại sự.

Triệu Kỳ hỏi:

- Anh Trưởng có việc gì lớn cần bàn vậy?

Triệu Hòa đáp:

- Trước đây anh em đã bàn đến việc quy tiên của bố mẹ, không biết chú và Triệu Huyền đã làm được đến đâu rồi? Anh rất lo đến việc này. Gỗ đóng quan tài lên giá một cách khủng khiếp, nguyên là

định tìm lấy tám tám gỗ bách hồng tâm, nhưng nhờ vả khắp nơi mà vẫn chẳng kiếm đâu ra, nên anh đã xin mua mấy khối gỗ tùng.

Triệu Kỳ nói:

- Anh hai cũng đã may xong thọ y rồi, còn anh cũng đã bắt đầu chuẩn bị thọ quan, chỉ có em là chẳng ra gì, sinh phần cũng chưa bắt tay vào làm được. Gạch cũng đã đặt mua rồi, nhưng vẫn chưa vận chuyển về đến nơi.

Triệu Hòa nói:

- Quan trọng nhất là sinh phần, em phải làm ngay đi mới được. Địa điểm, vẫn là khu nghĩa địa của nhà mình đó. Cứ theo quy định cũ mà làm, dàn ông bên trái, dàn bà bên phải. Mộ huyết sinh phần của bố, xây ở bên trái của mẹ anh đó, còn mộ của dì thì xây bên phải mộ mẹ anh. Em phải sớm sớm bắt tay vào việc đi mới được.

Triệu Kỳ gật đầu nói "Vâng" rồi cả hai anh em chìm vào giấc ngủ.

Hôm sau là ngày sinh của bố, Cố Linh Linh xào nấu tất cả tám món ăn, một bình rượu trắng, thổi hai cân gạo. Trên bàn tiệc, Cố Linh Linh không ngừng thúc giục mọi người gấp thức ăn, và cứ mỗi lần gấp thức ăn, bao giờ cũng gấp trước cho Triệu Di.

Triệu Di nói:

- Chị gấp cho em nhiều thức ăn thế này, là chị có ý gì đây?

Cố Linh Linh nói:

- Bao nhiêu lâu em Di mới về nhà một lần, mà trong gia đình họ Triệu này, cô lại là người làm rạng danh cho cả nhà.

Triệu Di nói:

- Chị cũng là trợ thủ đắc lực của anh Trưởng, công xưởng, cơ ngơi, được như thế này, chị là đại công thần đấy.

Cố Linh Linh nói:

- Có cả mặt bố mẹ ở đây, tôi xin nói một câu chẳng phải khoe hay: Gia đình họ Triệu chúng ta là ăn vào phận đàn bà, cô ở ngoài xã hội, tôi ở trong gia đình.

Triệu Hòa nói:

- Nói như thế có nghĩa là cánh đàn ông chúng tôi, đều là đồ bỏ, chẳng ra cái gì chắc?

Cố Linh Linh nói:

- Ra cái gì thì vẫn ra cái gì, nhưng nhà họ Triệu là chậu vàng, là hòm vàng, nhưng ai là người tay hòm chìa khóa?

Hàn Mai nói:

- Mợ là hiền nội tướng.

Cố Linh Linh nói:

- Muốn nói hiền tướng, phải nói là hiền tướng đến nhà! Hàn Mai chắc rõ điều này!

Hàn Mai hơi đỏ mặt.

Như vậy là Cố Linh Linh đã chú ý tới mọi chuyện, nên nói thêm:

- Em Di này, em về nhà thế này là rất hay, mọi chuyện chị Hàn Mai đã nói hết với em rồi chứ gì, cho nên nhất định em phải giúp chị Mai một tay. Chị bảo đảm rằng, khi chị Mai được đề bạt, chị ấy cũng chẳng quên em đâu, và chắc chắn rằng chị ấy cũng chẳng quên bà hiền nội tướng này.

Triệu Di đáp:

- Việc này em sẽ làm xong cho chị Mai thôi. Tối nay em sẽ đi luôn.

Triệu Hòa dặn:

- Nếu có đi, nhớ đem quà biếu người ta, rượu, thuốc lá, anh đã chuẩn bị đủ rồi đấy, mà chỉ đi một lần chưa chắc đã xong được đâu, tốt nhất là ngày mai em viết cho Sùng Bồi một lá thư, để Sùng Bồi viết thêm một lá thư cho bí thư Vương, nhắc vấn đề này.

Triệu Nhất Nhân vẫn ngồi lặng lẽ ăn uống. Bà Lưu nói:

- Hôm nay là ngày sinh của bố, thế mà các con cứ toàn nói những chuyện đầu đầu ấy, để bố ngồi trơ khấc một mình.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Thì cứ để cho các con nó nói. Tôi cứ thấy chúng nó ngồi lại với nhau, chuyện trò vui vẻ là tôi mừng rồi.

Cố Linh Linh lại rót rượu mời bố chồng, rót rượu mời mẹ chồng, và nói rất nhiều về tuổi thọ của cha cùng với mẹ, làm cho bàn tiệc trở thành vui rôm rả, và Triệu Nhất Nhân chuẩn choáng say.

Cố Linh Linh lại đột nhiên nói:

- Bố mẹ đã có công nuôi dưỡng anh Triệu Hòa khôn lớn, phận làm con chúng con là ăn ở làm sao cho có hiếu, đáng lẽ ra chúng con phải cho đánh xe con đi tiếp đón bố mẹ, nhưng vì công việc, nên phải điều xe đi công tác. Chúng con có ý định thế này, ngày mai mời bố mẹ cùng với vợ chồng chúng con lên núi Hoa Sơn du ngoạn. Hoa Sơn tuy rất cao, nhưng cứ leo dần dần rồi cũng lên tới nơi, chẳng biết ý kiến bố mẹ thế nào?

Triệu Nhất Nhân hỏi:

- Đi du ngoạn? Bao giờ đi?

Cố Linh Linh đáp:

- Ngay sáng sớm mai, vé ô tô vợ chồng chúng con đã mua rồi.

Triệu Di kinh ngạc nói:

- Ngày mai anh chị đi? Bố mẹ vừa mới đến đây hôm qua. Thế mà ngày mai đã đi du ngoạn?

Cố Linh Linh đáp:

- Em Di là người tình thành, được đi đây đi đó nhiều, anh chị làm sao mà bì với cô được. Công việc trong xưởng của anh chị nhiều, nên cố gắng thu xếp lắm mới dành ra được một tý thời gian, nên anh chị cũng muốn đi đây đi đó, xem phong cảnh thế gian một tý...

Không ai nói thêm gì với Cố Linh Linh nữa, chỉ lặng lẽ ngồi ăn. Triệu Kỳ và Tôn Nguyệt Nhung cũng vội về núi Hồ Đen, vì còn có mấy bao phân hóa học phải mang về theo, mấy đứa nhỏ phải giao cho ông bà ngoại trông nom giúp. Còn Hàn Mai thì bảo, tất cả những người còn lại sẽ đến chỗ chị.

Trên đường về nhà Hàn Mai, chị lớn nói:

- Chị cứ tưởng những người ở thành thị suốt ngày phải ăn uống những thức gì gì kia, thì ra cũng vẫn chỉ là những thứ rau cỏ giống nhau thế cả.

Triệu Di nói tiếp:

- Bà dẫu tưởng chỉ được cái dẻo mềm nói. Điều bình khiến tưởng, kéo cả đám đến, ấy thế mà sáng mai đã cao chạy xa bay, tếch sớm!

Bố không nói gì, mẹ cũng chẳng nói gì.

Sáng sớm ngày hôm sau, mọi người cứ yên trí rằng Triệu Hòa và Cổ Linh Linh sẽ tới chào, rồi tiễn họ về quê, nhưng chờ mãi, chờ đến hết hơi, đỏ con mắt, vẫn chẳng thấy ai. Triệu Di đành ra bến ô tô mua vé, nói một cách bực bội:

- Người ta có khi biến sớm cả rồi! Họ chẳng mua vé xe, cũng chẳng thêm đến tiễn, dễ thương dân này chịu chết chệt ở huyện chắc?



Có một ni cô ở chùa Khánh Nguyên biết bắt ma. Cô đã mấy lần trừ tà cho Hương Hương. Trong cơn mất thần của cô đã nhìn thấy ở vùng đất trũng Châu Vàng¹ này, có một con ma con trai, thỉnh thoảng

1. Ở phần trên, tác giả dùng chữ "Kim Bồn" (Châu Vàng), ở đây tác giả lại dùng chữ "Kim Hạp" (Hộp Vàng), không biết tác giả nhầm hay người xếp chữ nhầm? Để cho thống nhất, nên tôi dùng chữ "Kim Bồn" (Châu Vàng) cho cả hai trường hợp này. Hai chữ "bồn" và "hạp" có tự dạng gần giống nhau (N.D.).

lại ộp vào người Hương Hương mà quấy nhiễu. Hương Hương cũng tin là vậy, Triệu Huyền thấy Hương Hương cũng đã uống đủ các loại đông dược, tây dược mà vẫn chẳng khỏi, nên đành phải nghe lời Hương Hương, đi mời ni cô tới thêm một lần nữa.

Ni cô này, tuổi trạc bâm tư bâm nhâm, nếu như ở nơi trần thế, đang là một thiếu phụ, người mảnh mai mượt mà, so với một thiếu phụ bình thường, còn sắc nước hơn nhiều. Triệu Huyền mời ni cô vào nhà, trong khi ngoài sân nhà họ Triệu chẳng có ai, cửa nhà trên cũng đóng, trong nhà ngang đã bày đặt đàn tràng, còn Hương Hương đang ốm nặng vẫn nằm trên giường trong buồng, phủ trên trán một sắc bùa bằng giấy hoàng biểu, và ni cô sẽ làm lễ trước đàn tràng ấy ở nhà ngoài. Triệu Huyền cũng quý ở đó, cúi đầu, không dám nói lung tung, liếc lung tung.

Trước hết, ni cô đứng phía sau đàn tràng làm rầm khăn khứa, rồi sau mới đi quanh đàn tràng, nhảy nhót, phù phép. Đúng giờ chính Ngọ, ánh mặt trời chói lọi đổ xuống bậc thềm, mấy chỗ thùng trên mái nhà để lọt xuống những tia sáng, cùng với khói hương nghi ngút tạo ra một không khí thật thần bí. Triệu Huyền quý trước đàn tràng một lúc, chợt như cảm thấy mọi thứ âm thanh đều im bật, mặc dù bên tai vẫn văng vẳng nghe thấy tiếng phù phép của ni cô, và rồi bất chợt anh như chìm vào trong một cảnh giới khác. Và chẳng việc gì cũng chiều người, ni cô cứ nhảy múa, nhảy múa, và đột nhiên, vì lòng dạ thanh tịnh, trống rỗng, nên bất chợt chiếc quần cô tụt ổng xuống. Cũng vừa đúng lúc Triệu Huyền sau

lần cúi lậy, ngẩng đầu lên, và đã nhìn thấy rõ mồn một, cái bộ phận kia, khiến hồn xiêu phách lạc, rồi không giữ nổi mình, đứng vụt dậy, áp tới, ôm chặt lấy ni cô. Còn ni cô, do thần linh đã ộp vào người, tuy cả thân hình không lắc lư, dựa đầy nổi, nhưng đôi mắt nhắm nghiền, và miệng vẫn lẩm rầm niệm thần chú, ni cô niệm rằng:

- Người tống vào thần là người sai!

Triệu Huyền bất chợt hiểu ra rằng, ni cô trước mặt mình là Thần chứ không phải là người, nên hốt hoảng, nới vòng tay ôm của mình, hơi lùi người về phía sau một chút...

Ni cô lại niệm:

- Người rút ra thế tội người càng lớn!

Triệu Huyền lại vội sẵn tới, nhưng bằng mọi cách, vẫn chẳng sao vừa ý cho được, cuối cùng, cũng tạm ổn thỏa, nhưng vừa lạ, vừa mừng, vừa do dự. Giọng tụng niệm của ni cô đang từ cao hạ thấp xuống dần dần, mềm như tơ bay, và đứt đoạn, gấp gáp rên rì... Thế là Triệu Huyền bế bổng ni cô lên, đặt ni cô nằm ngay xuống đất, trước đàn tràng hương khói...

Giữa lúc ấy, Hương Hương đang nằm tĩnh tọa trên giường, bỗng thấy bệnh tật của mình như nhẹ hẳn đi, và nghe thấy tiếng chim khách véo von bên ngoài cửa sổ.



Có được phân hóa học, Triệu Kỳ và Tôn Nguyệt Nhung thâm canh được ruộng đất, lại còn đi giúp

được chị lớn cấy hái. và cũng mời thợ đến đóng cọc, căng dây dọi ngoài nghĩa trang, bắt đầu động thổ xây sinh phần cho cha mẹ cần tới sau này.

Vào một buổi tối, Triệu Kỳ nói với ông anh Triệu Huyền:

- Ngày mai anh đừng đi đâu, ở nhà, lên nghĩa trang trông nom giúp em.

Triệu Huyền hỏi:

- Chú định xây sinh phần đấy à?

Triệu Kỳ đáp:

- Mọi thứ phần việc của các anh, các anh đã chuẩn bị đầy đủ rồi, còn phần em, em không làm, sẽ chẳng ra thế nào.

Triệu Huyền nói:

- Thế cũng được. Nếu xây sinh phần cho bố mẹ, nên xây sinh phần đôi.

Triệu Kỳ đáp:

- Phần mộ của tổ tiên mình, xưa nay vẫn là xây nam trái nữ phải đấy chứ.

Triệu Huyền nói:

- Thì xây đôi cũng vẫn cứ chia ra làm nam trái nữ phải.

Triệu Kỳ nói:

- Nhưng mình còn mẹ cả nữa, xây mộ đôi sẽ xây ra làm sao? Hôm ở trên huyện, em đã gặp anh trưởng, anh ấy bảo sinh phần của bố xây bên trái của mẹ cả, còn sinh phần của mẹ, xây bên phải mộ mẹ cả.

Triệu Huyền nghe vậy, bèn nổi dóa lên:

- Thế là em nghe ông trưởng dấy phải không? Ông ấy biết cái cóc khô gì. Ông ấy làm cô sinh nhật cho bố như thế nào em có biết không? Ông ấy lại muốn tách mẹ với bố ra há? Bố mẹ hiện nay còn đang sống, thế mà lại xây mộ tách rời nhau ra, như thế là có mục đích gì?

Triệu Kỳ nghe xong, cũng thấy mình như một kẻ hồ đồ, lấy hai tay tiếp nhau đập đập vào ngực mình, bảo rằng: xây sinh phần đôi là đúng.

Nhưng Triệu Kỳ bao giờ cũng vẫn là Triệu Kỳ, sau khi tỏ ý tán thành ý kiến của anh trai mình, nhưng vẫn sợ anh trưởng giận dữ nên đi hỏi ý kiến của cha mẹ.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Xây riêng ra, có gì là không hay nào? Con người ta một khi đã chết, chẳng còn biết gì nữa, việc gì mà vì chuyện này để sinh ra anh em mất đoàn kết.

Bà Lưu, sắc mặt vàng ra, giận dữ nói:

- Tôi chẳng thêm nằm ở cái nghĩa trang nhà họ Triệu, nếu tôi chết, cứ đem tôi quăng ra bãi tha ma hoang phế nào cũng được.

Thế là ngay trong đêm hôm đó, mọi người họp gia đình để bàn bạc. Triệu Cán, Triệu Di kiên quyết ủng hộ ý kiến của anh hai, dứt khoát không đồng ý đem tách đôi cha mẹ ra. Triệu Kỳ ú ớ không dứt khoát, Triệu Huyền bặt tai cho một chiếc, bảo rằng đầu óc rỗng tuếch. Nhưng Triệu Nhất Nhân vẫn sợ rằng rồi gia đình sẽ thêm mâu thuẫn, ông bảo rằng:

Sợ bên ngoài người ta nói ra nói vào rằng Triệu Hòa là con riêng nên bị ghét bỏ, vì thế ông kiên quyết không chấp nhận xây mộ đôi.

Triệu Di nói:

- Sở mất đoàn kết, nhưng cái nguyên nhân này là do ai xướng lên đây? Chả trăm khôn nghìn khéo lắm đấy, xây mộ chung cho hai ông bà, làm sao mà ông trưởng lại cử bắt chia ra?

Triệu Nhất Nhân bực bội nói:

- Thôi, mày là phận gái, chuyện này không dính gì đến mày cả. Mày lắm điều như thế để làm gì?

Triệu Di nói:

- Con trai con gái bây giờ là như nhau. Hỏi rằng nuôi sống cái nhà này, là tiền của ai vậy? Ông trưởng lấy vợ bấy nhiêu năm, thử hỏi đã mang được bao nhiêu tiền, bao nhiêu của về cái nhà này? Còn tôi, tôi đưa về bao nhiêu tiền? Việc hậu sự trăm năm của cha mẹ, không phải là tôi không đóng góp. Mọi người cứ nói là làm theo phong tục, vậy tôi hỏi cái gia sản nhà họ Triệu này, đã cho những đứa con gái chúng tôi một sợi chỉ, một viên ngói nào chưa? Nay tôi nói trước mặt tất cả mọi người rằng, gia sản nhà họ Triệu, một xu tôi cũng không thêm, còn thọ quan của bố mẹ, tôi mua! Trước đây chia cho ông trưởng mua thọ quan, nhưng thực ra trong lòng ông ấy chẳng muốn mua tí nào hết. Cho đến tận bây giờ, gỗ bách hồng tâm vẫn chưa mua được, ngay đến gỗ tùng cũng đòi mua của nhà nước, liệu nhà

nước hiện nay có được tám tấm gỗ tốt đó không? Tôi cam đoan rằng, ông ấy chờ tới lúc nước đến chân rồi mới mua quáng mua quàng cái thứ gỗ tạp cho xong việc.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Ủ, thì con có tiền mà!

Triệu Di nói:

- Con có tiền cũng chẳng phải để mà bo bo bôm bôm, con chỉ muốn làm cho tròn cái phận hiếu của mình. Con mua thọ quan, nếu như ông trưởng không quên ơn sinh dưỡng của cha mẹ, khi lo công việc xong, ông ấy thanh toán cho con cũng được. Nhưng con mà mua thọ quan, con yêu cầu mộ phải xây đôi.

Ngày hôm sau, khi bố bực tức vùi đầu đi ngủ, và mẹ cũng đã ngủ rồi, Triệu Di bàn bạc cùng với anh hai anh ba phải làm ba việc, một là cùng đứng tên viết một lá thư về tỉnh cho Sùng Bồi, đề nghị Sùng Bồi viết thư về cho bố mẹ, nói những cái hay của xây mộ đôi. Thứ hai là viết thư cho chị Hàn Mai trên huyện, đề chị ấy có về thì thuyết phục bố. Thứ ba là Triệu Di đến nhà chị lớn, lúc ấy đã về nhà, tranh thủ lấy sự đồng ý của chị trước.

Sau khi Triệu Di nói mọi chuyện với chị lớn Triệu Tú, Triệu Tú nói:

- Bố mẹ sống chung với nhau trong một thời gian khá dài cho nên xây mộ đôi là phải, còn mẹ chị lại chết quá sớm, cũng cứ coi như xong. Chỉ có điều nếu em bỏ tiền ra mua thọ quan, nhà có mấy chị em gái, chị biết tính sao cho phải?

Triệu Di nói:

- Bà chị thân yêu của em ơi. Bà chị đừng nên nghĩ như thế. Thôi bây giờ tính thế này. Mua thợ quan là do em bỏ tiền ra, nhưng cứ nói với mọi người là tiền đóng góp cho bố mẹ của cả bốn chị em gái mình. Nếu chị và em Vân vẫn còn chưa yên tâm, hai người đem đến biếu bố một ít thóc gạo, để nuôi thợ là được rồi.

Như vậy, rồi Triệu Di nhờ anh hai đi dò hỏi khắp nơi để tìm loại gỗ bách tốt nhất, kết quả là sau khi đã tìm đi, kiểm lại, cuối cùng tìm ra được ba cây bách cổ thụ trăm năm trong nghĩa trang của một gia đình thôn Hậu. Triệu Di bỏ ra sáu trăm đồng mua lấy, rồi nhờ người hạ cây, chở về nhà.

Cùng với thư của Sùng Bồi, rồi Hàn Mai nhiều lần về lại núi Hồ Đen, khiến Triệu Nhất Nhân không còn biết nói sao nữa. Triệu Kỳ liền động thổ, xây sinh phần.



Trưởng đập mới cùng với Trưởng thôn hưng khởi lên, quyết tâm phải làm được một công việc thật lớn lao cho vùng núi Hồ Đen. Họ huy động hết tất cả tiền của của tập thể vùng núi Hồ Đen, huy động tới già nửa sức lao động trong vùng, rồi trong vòng hai tháng họ cho đại tu đập nước ở eo con sông Đen, họ lại cho xây dựng thêm một đập ngăn nước ở phía thượng nguồn con sông Đen, rồi xây thêm cả cống

dẫn nước nữa. Công trình này được xây dựng theo đúng ý kiến của ông Trương đập cũ là Triệu Nhất Nhân. Nhưng toàn bộ công trình lại hoàn toàn không phải nhờ tới Triệu Nhất Nhân chạy chọt cho mọi thứ như lực lượng kỹ thuật, xi măng, sắt thép. Cho đến khi Triệu Nhất Nhân ra tới nơi quan sát, mới giật mình thấy rằng: Tài ba của lũ thanh niên bây giờ quả là đáng gờm và mình quả là một lão già kém cỏi.

Ủy ban hành chính huyện đã biểu dương hai người Trương đập và Trương thôn trẻ tuổi, đồng thời khen thưởng hai vạn đồng, vì các mặt công tác đều khởi sắc, và kinh tế có sự tiến triển thêm một bước rõ rệt ở vùng núi Hồ Đen. Dân các thôn vui mừng nhảy nhót tâng tâng, tưởng rằng số tiền hai vạn đồng đó sẽ chia bình quân cho các đầu người, và nhà nào cũng sẽ có được một món tiền kha khá.

Sau khi có sự bàn bạc giữa Trương đập và Trương thôn, sẽ không chia cho ai một xu nào cả. Họ định dùng khoản tiền đó vào việc xây dựng lại trường tiểu học. Trường tiểu học hiện có bảy phòng học đã sập sệ đổ nát, trang thiết bị thì cực kỳ thiếu thốn, các thầy giáo được phân công về đây từ trước đều không yên tâm giảng dạy, ngay cả việc mời thầy giáo hệ dân lập cũng chẳng một ai chịu đến. Bây giờ trường học đã được mở rộng, mười phòng học mới, lợp ngói, tất cả đã thay đổi hoàn toàn, khi mớ đến việc đóng bàn đóng ghế cùng với khung cửa sổ, thì tiền nong bắt đầu thiếu, anh Trương đập có ý muốn hạ cây tùng vỏ trắng xuống; cây tùng vỏ trắng vốn nằm

trong thế phong thủy của thôn Hậu, nhưng trường học của vùng núi Hồ Đen lại là một việc đại sự, cho nên cần quái gì đến cái thế phong thủy trăm năm ngàn năm, hơn nữa lại là chủ trương của Trưởng đập mới, nên cây tùng ấy bị chặt đổ.

Nhà họ Triệu ở trên đất trũng Châu Vàng thấy cây tùng vỏ trắng bị đốn đổ, Triệu Nhất Nhân chỉ còn biết thở dài. Triệu Di nhìn thấy cây đổ, nghe thấy tiếng cây vật xuống tựa như tiếng trời long đất lở, người cô run lên bần bật. Đầu tiên là cô kinh hoàng, nhưng sau dần dần lại thấy thoải mái, dễ chịu, bởi vì cái cây ấy là chứng tích sự ô nhục của mẹ nuôi cô, nay đã vĩnh viễn biến đi! Nhưng rồi cô lại thấy như sợi dây liên lạc, gắn bó níu kéo cô từ hơn mười năm nay đã bị đứt tung. Cô không biết người mẹ nuôi cô đang nằm sâu dưới ba tấc đất có nghe thấy tiếng cây đổ đó không?

Sau khi cây tùng vỏ trắng bị chặt hạ, người miền núi Hồ Đen phải dùng những chiếc cưa cực lớn để cắt nó ra. Mọi người kinh ngạc phát hiện ra rằng, con số vòng năm của nó lên tới 223 vòng, và 223 cái vòng đời đó của cây tùng, khi tròn, khi méo, khi rộng, khi hẹp, tạo thành một đồ án hoa văn tuyệt đẹp. Họ đem số gỗ đó đóng bàn ghế, chẳng cần phải sơn siếc gì hết, mà chỉ cần quét qua một lớp véc ni là xong.

Trưởng đập và Trưởng thôn không nghĩ tới việc rằng Đức Phát được mời về làm thầy giáo dân lập ở trường này.

Triệu Di đến xem trường học, vào trong lớp xem bàn ghế, cô nghĩ, khi đám trẻ con của vùng núi Hồ Đen đến học ở đây, ngồi trước những chiếc bàn học, chẳng khác gì việc đối diện với lịch sử vùng núi Hồ Đen.

Liệu lũ trẻ con có hiểu hết được lịch sử đó không?

Triệu Di lấy một miếng gỗ bập mang đi.



Triệu Hòa xây dựng công xưởng kiếm được khá bộn tiền. Anh biết, trong khi tìm cách kiếm tiền, cũng đã bị các cách kiếm tiền nó gò bó, thúc ép, mới kiếm ra đồng tiền được, nhưng anh kiên quyết không chịu để đồng tiền nó trói buộc mình. Chuyển đi du lịch của vợ chồng anh quả cũng làm anh mở mắt ra nhiều. Đầu tiên là lên thành phố, sau đó đi Bắc Kinh, rồi vòng về Thượng Hải, Quảng Châu, ăn các món ăn nổi tiếng suốt từ nam chí bắc, đi thăm chơi qua bốn nơi danh lam cổ tích, rồi cuối cùng mới leo lên núi Hoa Sơn. Nhưng hôm họ leo lên ngọn Tây Phong núi Hoa Sơn lại gặp ngày mưa giăng giăng, ngọn Tây Phong của núi Hoa Sơn trở nên nổi tiếng hùng vĩ chính là do sự hiểm trở của nó. Trong làn mưa mù mênh mang, nó lại càng trở nên hùng tráng hơn, cả nhà bốn người thật đúng là đang đứng giữa lưng chừng trời, và có những ý nghĩ vô cùng bay bổng. Muốn giơ tay hái những vì sao, muốn vỗ cánh thành tiên bay lượn, cuối cùng họ muốn ghi lại chuyến đi của mình trên vách núi, nên Cố Linh Linh đã

lấy dao khắc tên trên đá. Đầu tiên là khắc đại danh Triệu Hòa, khắc tiểu danh các con, cuối cùng khắc thêm ba chữ "Cố Linh Linh", khi chữ "Cố" còn chưa khắc xong, chợt một cơn gió mạnh thốc tới, mây trắng bay tung, người chị bị đu đưa theo, và rồi trượt chân rơi xuống vực núi.

Khi ấy Triệu Hòa đang giơ máy ảnh lên bấm lấy cảnh hào hùng, nhưng đột nhiên thấy chẳng còn Cố Linh Linh đứng trên mỏm núi nữa, anh tưởng mình bị hoa mắt, nhìn kỹ lại, đúng là không thấy Cố Linh Linh thật. Mấy cha con kinh hãi, khóc òa.

Trên núi Hoa Sơn có đội chuyên trách đi tìm xác. Triệu Hòa rút ra hai trăm bạc trong số bốn trăm bạc còn lại giao cho đội tìm xác này. Họ mò mẫm dưới vực sâu suốt một ngày, chẳng tìm thấy xác đâu. Lại phải đưa thêm một trăm nữa, yêu cầu tìm kiếm cả trên lẫn dưới. Thì ra Cố Linh Linh không bị rơi xuống đáy vực thật, mà lại mắc ở trên một trạc cây ở lưng chừng núi. Cố Linh Linh đúng là từ cõi chết trở về, chị vẫn sống, nhưng từ đó mất đi hẳn một cánh tay.

Cố Linh Linh được đưa xuống một bệnh viện dưới chân núi Hoa Sơn chạy chữa. Triệu Hòa đánh một bức điện dài về núi Hồ Đen, cầu cứu người nhà đến để đưa Cố Linh Linh về.

Triệu Huyền vì còn một động xương khủng long hóa thạch cần phải mau chóng đẩy đi, nên sau khi nhận được điện báo, đã an ủi mọi người trong nhà, rồi trước hết đi lên tỉnh, bán sạch số xương khủng long với giá cao, rồi sau đó mới đi tới chân núi Hoa

Sơn. Anh em gặp nhau, Triệu Hoa xúc động tâm can ôm chầm lấy chú em mà khóc rống lên.

Nhưng Cố Linh Linh lại bảo:

- Chú hai ạ, phong cảnh Hoa Sơn thật đúng là đẹp tuyệt vời, tiện thể, chú nên leo lên đó mà xem một chút, rồi sau đó ta về nhà cũng không muộn.



Triệu Di về núi Hồ Đen kể cũng đã lâu, cô cũng chẳng cứu vãn nổi nhiều hơn cho danh dự của Triệu Nhất Nhân, và cũng chẳng có cách gì giúp cha giải quyết được mâu thuẫn trong nội bộ gia đình họ Triệu. Cô con gái, cuối cùng vẫn chỉ là người vợ đẹp của nhà văn, tác dụng của cô chẳng qua cũng chỉ hạn chế ở mức làm thỏa mãn được lòng hư vinh của nhà văn ở nơi đông người lắm mặt. Triệu Di thật tốt bụng, nhưng cũng sai lầm trong việc tự đánh giá mình. Lòng tốt của cô không được đền đáp, ngược lại, lại làm cho tình hình nhà họ Triệu càng thêm rối ren, làm cho tình hình ở vùng núi Hồ Đen càng trở nên phức tạp. Triệu Di biết vậy, nhưng cũng chẳng biết xoay trở ra sao.

Nắng gió ở trên núi Hồ Đen rõ ràng là làm cho da mặt cô thành đen sạm và thô đi. Cô đã dùng đến hết sạch số phấn son mà cô mang theo, ngay cả đến chiếc bút kẻ lông mày mà Triệu Cán mang từ thành phố về cũng đã dùng đến hết. Triệu Di bắt đầu nằm mơ, trong giấc mơ cô gặp Sùng Bồi,

trong giấc mơ cô gặp con gái, và cô cũng gặp một hiện tượng lạ lùng mà chính cô cũng chẳng rõ tại sao: cô đã chán ngấy đến cổ lối sinh hoạt của thành thị, và cũng đã từng chán ngấy đến tận cổ cái lối giao tiếp hoa hòe hoa sói, vậy mà, bây giờ đột nhiên cô lại thấy nhớ nhớ nó.

Cuối cùng, cô quyết định trở lại thành phố.

Bố nói:

- Thế con không ở lại thêm được ít ngày nữa sao? Anh hai còn đi đón anh chị trưởng, thương tật của chị dâu con còn chưa biết ra sao, con ở nhà chờ cho biết qua loa, có phải yên tâm hơn không!

Triệu Di nói:

- Con tính, con nên đi sớm thì hơn. Bố ạ! Con đang tính thế này, con muốn mời bố mẹ đi cùng với con, lên nghỉ ngơi ở trên tỉnh ít ngày cho thanh thản.

Triệu Nhất Nhân nói:

- Bố làm sao đi được trong lúc này?

Triệu Di đáp:

- Con đã thấy rõ rằng, hiện nay là cái thứ xã hội chẳng ai thèm quan tâm tới ai. Bố bây giờ đã gần ấy tuổi đầu rồi, việc gì mà cứ phải quan tâm đến cái vùng núi Hồ Đen này?

Bố nói:

- Bố chẳng quan tâm tới vùng núi Hồ Đen nữa, mọi việc rắc rối trong nhà, bố cũng chẳng quan tâm. Nhưng bố với mẹ con vẫn còn sống đây, vẫn phải lo lắng đến việc chồng con của Triệu Cấn! Lại còn

Triệu Văn nữa, Đức Phát tuy đã được điều lên núi dạy học, nhưng vẫn cứ lục đục như xưa...

Triệu Di không nói thêm gì nữa. Cho đến lúc sắp ra đi, cô ra nghĩa trang nhà họ Triệu, xem anh ba xây dựng ngôi mộ đôi như thế nào. Ngôi mộ đôi được xây dựng thật lớn, khiến cho ngôi mộ của bà Hà, nằm cạnh đó, bé hẳn đi, chỉ như một nắm đất hoang. Cô lại dạo dò Triệu Kỳ thêm một lần nữa, nhất định phải mua loại sơn sống thật tốt, rồi đem số gỗ cô đã mua đóng áo quan cho thật đẹp, và cũng phải sơn quét cho cẩn thận.

Cô Triệu Di mơ hồ, mông lung bước xuống khỏi chuyến ô tô chạy đường dài, đi về hướng nhà mình... Cô Triệu Di cực kỳ chói lọi ở vùng núi Hồ Đen, bước trên những phố lớn của thành phố, mà cô cảm thấy vô cùng lạ lẫm.

Cô không muốn trở về cái ngôi nhà nhỏ bé thuộc về mình, thậm chí cô còn bị mất phương hướng. Hình như cô chưa hề quen biết gì cái thành phố này, và cũng không còn nhớ được lối về nhà mình là đi theo đường nào. Cô quần quanh nơi đâu một con phố đông đúc. Và trong một lần đột nhiên ngoảnh đầu nhìn lại, cô phát hiện giữa dòng người đông đúc thoáng qua một bóng dáng quen quen, cô có cảm giác đó là Triệu Cấn, em gái cô. Triệu Cấn làm sao lại ở trong thành phố này nhỉ? Khi cô ở nhà ra đi, Triệu Cấn vẫn còn đang ở nhà mà. Cô tưởng rằng mình đang có một ảo giác.

Cho đến khi trời tối, cô đi tới một khu chung cư cao tầng ở bên cửa phía tây thành phố. Những khu nhà chung cư cao tầng của Trung Quốc có kết

cấu giống nhau, nên Triệu Di bị lầm lẫn. Khu nhà nào, đơn nguyên nào là nhà mình đây? Và cô cứ đi loanh quanh mãi trong khu nhà cao tầng ấy. Một cảnh sát tuần tra đã theo dõi rất lâu người đàn bà anh cho rằng là một mụ trộm, hoặc một mụ lưu manh, nên đã áp sát và hỏi:

- Cô làm gì ở đây?

Triệu Di đáp:

- Tôi đi tìm nhà tôi.

Lại hỏi:

- Đến nhà cô, cô cũng không biết sao?

Đáp:

- Tôi không biết? Làm sao tôi lại không biết nhà tôi?

Anh cảnh sát dò theo cô về nhà, cô bực bội hốt hển đi thẳng lên tầng ba của một lô nhà, đây có lẽ là nhà cô thật chẳng? Chiếc chìa khóa mở được cửa phòng, đẩy cửa vào, quả đúng là nhà cô. Cô đẩy tiếp cửa một gian phòng, bên trong, trên chiếc đi văng, đang có hai người ngủ, một nam một nữ. Cô vội sập ngay cánh cửa lại.

Anh cảnh sát hỏi:

- Người đàn ông đó là ai?

Triệu Di đáp:

- Chồng tôi.

Anh cảnh sát lại hỏi:

- Người đàn bà là ai?

Triệu Di đáp:

- Là tôi.

Anh cảnh sát đã rõ mọi chuyện, bèn nói:

- Cô mắc chứng mộng du rồi!

Nói xong, anh bỏ đi.

Triệu Di ngồi lẳng lặng trên ghế, những người trong phòng vẫn ngủ yên, không hề biết chuyện gì đã xảy ra. Cô tự nhiên cảm thấy mình đã mắc chứng mộng du, thế rồi cô từ gian phòng đó bước ra đi, đi trong một thời gian khá lâu, và cô cũng không nhớ được cô đã làm những gì, và đã trở lại gian phòng này ra sao.



Ngày... tháng... năm... trong khu nghĩa địa của nhà họ Triệu ở vùng đất trũng Châu Vàng bỗng xảy ra một chuyện lạ: Vào giữa đêm, ngôi mộ nhỏ của bà Hà, cùng với ngôi mộ đôi của Triệu Nhất Nhân với bà Lưu bỗng nhiên hợp nhất vào thành một và trở thành một đồng mộ lớn rất tròn, rất cao.

Ba người con trai của nhà họ Triệu: Triệu Hòa, Triệu Huyền¹, Triệu Kỳ vội vã đến trước mộ, bới

1. Ở đây lại không biết do tác giả hay do sắp chữ mà có sự lầm lẫn: Ngay đầu dòng đã nói rõ là "ba người con trai", nhưng sau đó khi kể tên từng người, thì tên người thứ hai lại là Triệu Văn (con gái). Đáng lẽ ở đây phải là Triệu Huyền mới đúng. Có thể do chữ Huyền và chữ Văn trong lối viết giản thể hiện nay gần giống nhau, nên có sự lầm lẫn này. Cho nên ở đây đã thay tên "Triệu Văn" bằng "Triệu Huyền", cho phù hợp với logic (N.D.).

đất ra tìm cửa mộ, nhưng chỉ thấy ba ngôi mộ đã hợp làm một. Cửa mộ của bà Hà vẫn xây kín, cửa mộ của Triệu Nhất Nhân và bà Lưu đã được lấy gạch chèn lại.



Lại một mùa thu trôi qua, và mùa đông đã tới, có một người ở vùng núi Hồ Đen ngã vật ra chết sau một tiếng súng nổ.

Người ấy bị hai người nấp trong tuyết bắn. Tuy anh ta chưa bị sụp xuống thành một đồng thịt mềm nhũn, nhưng những người kia chạy trốn rất nhanh, trong khi đôi chân của anh ta đã trở thành vô dụng, chỉ kéo lê được trên mặt tuyết, cho nên trên mặt tuyết phẳng lì chỉ hằn xuống như một rãnh cày.

Cuối cùng, người ấy quỳ tại chỗ, gắng nhìn về nơi thẳm xa của đồng tuyết, và ở đây tuyết cuối đường, vành mặt trời dâng lên với màu phấn hồng rực rỡ, mỹ lệ vô cùng. Tiếp đó là người ấy nghĩ tới những người đàn bà. Người ấy đã hiếp dâm một người đàn bà, đến đánh cắp xương khủng long hóa thạch của mình trong một hố đào. Và để cho người đàn bà không thể chống cự lại được, nên đã tràm chân lên đầu người đàn bà. Khi hành động xong, người ấy mới biết người đàn bà đã chết, người ấy đã buồn nôn, khi thấy mình hiếp dâm một xác chết. Nhưng ấn tượng về người đàn bà ấy rất mơ hồ, chẳng thể nào

bằng được ấn tượng về một ni cô, không bao giờ quên được.

Trong khi tiếng súng nổ, người ấy chợt nghĩ tới cha mẹ già, tuổi tác đã cao, nên cũng cảm thấy đau đớn, chua xót, và ý nghĩ vẫn còn đang tiếp tục thì đã vật ngã xuống, và giọt lệ cuối cùng định nhỏ xuống ấy, không bao giờ còn nhỏ xuống được nữa.



Cũng chẳng biết được từ bao giờ, tám cây nhú đá trong hang Bát Thạch vốn trông như người mà lại chẳng phải là người kia, đã biến thành người, nhưng không phải là người sống, mà là người đá.

Sự biến hóa ấy, có điều đặc biệt là chẳng ai thấy được một cách rõ rệt cả, cho nên cũng chẳng gây ra sự xao động nào. Cơ hồ như những bức tượng người ấy từ ngàn xưa vẫn thế. Nhưng cũng có người khi vào trong hang lại nói:

- Đây là hang Bát Thần mới phải chứ, làm sao ngày xưa người ta lại gọi là hang Bát Thạch. Mà tượng Thần gì lại toàn là những viên đá lớn nhón như mần thần?

Các nhà sư của chùa Khánh Nguyên lại cảm thấy sợ hãi và bảo rằng, trước kia đó chỉ là những nhú đá tựa tựa hình người thôi. Người vùng núi Hồ Đen cười các nhà sư rằng họ đúng là những người tu hành, nhìn cõi đời cứ lạnh băng băng.

Những người ở ngoài thôn, ngoài xã, đến chùa Khánh Nguyên thấp hương cầu phúc, nghe lời những nhà sư nói vậy, không tin lắm, nên đi dò hỏi, và họ đã đến tận gần hang Bát Thần, hỏi han những người đi gánh nước, hoặc những người đi cắt cỏ, về sự thật của nó cụ thể là như thế nào. Những người gánh nước, hoặc những người cắt cỏ liền chỉ lên cái hang trắng đen nằm trên núi Hổ Đen và nói:

- Ngày xưa, có một quả núi. Trên núi có một cái hang, có một cụ già ngồi trong hang nói: Ngày xưa có một quả núi. Trên núi có một cái hang. Có một cụ già ngồi trong hang nói: Ngày xưa có một quả núi. Trên núi có một cái hang. Có một cụ già ngồi trong hang nói: Ngày xưa có một quả núi. Trên núi có một cái hang...

Ngoài cửa hang, những người đến đây, đã chính mắt nhìn thấy đôi câu đối:

Vân tại sơn đầu đẳng thượng sơn đầu vân thủ viễn.

Nguyệt tại thủy diện bát khai thủy diện, nguyệt cánh thâm¹.

(Mây ngưng đầu núi, leo lên đầu núi, mây tít xa.

1. Xin chú ý hai chữ "tại" (chữ thứ hai ở hai câu nguyên bản). Nếu để hai chữ như thế, coi như phạm "luật lệ" làm câu đối. Có thể thâm ý của tác giả ở đây muốn nói rằng, người chứa câu đối là hạng người xoàng, kém cỏi... (N.D.).

Trăng ngưng mặt nước, vén quang mặt nước, trắng sâu thẳm).

Hai chữ bong khuyết, đã được nghĩ ra và hàn vá lại. Người nghĩ ra và hàn vá lại là anh Trưởng đập trẻ tuổi.

Vòi rồng

HỒ VÔ DANH

Nghe nói ở trong thành Bắc Kinh có một cái hồ vô danh. Trên bờ hồ lại toàn là những học viện cao cấp, từ đó đã sản sinh ra rất nhiều nhân tài, danh tiếng. Tương tự như thế, ở vùng X 'Thiểm Nam, cũng có một cái hồ vô danh. Trên bờ hồ có xóm thôn, trong thôn có mấy dòng họ: Triệu, Tiền, Tôn, Lý, Chu, Vũ, Trịnh, Vương, chỉ có điều là chẳng mấy ai biết chuyện sách đèn. Hồ ở Bắc Kinh vì vô danh mà nổi danh, đó là do cố ý. Còn ở đây rõ ràng là hồ không có tên, nên thành vô danh. Nếu như bây giờ còn có được cái "Nan đắc hồ đồ" (*sự hồ đồ hiếm có*) của thời Trịnh Nhiếp, chắc chắn nhà nào cũng treo cao một bức hoành phi như thế. Trịnh Nhiếp từ thông minh mà trở thành hồ đồ, vẫn được coi là sự khiêm tốn của bậc hiền tài. Có một số người vốn đã là người hồ đồ, mà tiếp tục hồ đồ, thì vĩnh viễn là kẻ hồ đồ.

Hồ này diện tích không lớn, nước rất sâu, mức lên trong veo. Nước ở giữa hồ trong xanh, giống như thứ nước thủy tinh nổi trong sách vở. Bờ phía Nam

dưới chân núi Rồng (Long Sơn), nước lại có màu đen suốt quanh năm. Giữa nửa đêm mà nhìn ra, thì trên bờ sáng, còn dưới nước lại tối om.

Người trong làng đều cảm thấy rằng, mặt trời và mặt trăng trên trời đều từ giữa hồ mọc lên, giống như việc xách hai quả bầu nậm, cứ chìm một quả xuống, thì quả kia lại nổi lên. Việc mặt trời và mặt trăng mọc mọc, lặn lặn, như khơi dậy tác dụng tẩy rửa của nước hồ, và thúc đẩy những người trên bờ hồ, ra hồ tắm tấp. Điều đó cũng làm cho khối người bị chết đuối, đồng thời cũng làm cho khá nhiều người biết cách cấp cứu người bị đuối nước, chìm hồ. Người giỏi nhất phải tính đến "Ông Quân Nhu". Ông có phương thuốc riêng của mình, đó là gói thuốc bột, chỉ cần bôi bôi lên chân mũi người bị đuối nước, là lập tức, nước ở trong bụng, ông ọc tháo ra. Nhưng điều làm cho "Ông Quân Nhu" đau đầu nhất là những người đàn bà cố tình chết, do sự rắc rối trong gia đình, họ không chết trên vách núi, không chết trên sợi dây thừng, mà "tùm" một cái, nhảy xuống hồ. Khi nhảy xuống hồ lại còn buộc thêm vào người một tảng đá, cho nên đợi đến khi có người phát hiện ra, thì chẳng còn phương thuốc nào có thể cứu sống nổi nữa.

Nghe nói khi cô Trọc, về nhà chồng, mới sang năm thứ hai, chị em dâu bất hòa với nhau, cô con dâu lớn nhà họ Trịnh ấy tức khí, bực mình, đâm đầu xuống hồ. Ban đầu, người trong làng cứ tưởng cô vượt ra ngoài núi, về sau thấy trong hồ cá tấp trung quá nhiều, rồi có một hòm, xác nổi lên. Người

chỉ còn có bộ xương, còn thịt thà, đều đã làm mồi cho cá hết.

Từ đó về sau, người trong thôn, chẳng còn ai ăn cá của hồ ấy nữa. Mãi về sau này người ta mới thành lập một ngư trường trên hồ, thanh thế, làm ăn, nổi như sóng cồn, nhưng đó là chuyện về sau, nên không nói ở đây vội. Nhưng dù cá đánh bắt được thật nhiều, đều mang đi nơi khác bán. Trẻ con ở vùng hồ, bắt cá, chỉ để chơi, một là nuôi mèo, hai là nhử chó, hoặc là mổ bụng cá ra, tách lấy chiếc bong bóng như hình quả bầu nậm be bé, rồi "bụp" một cái, lấy tay đập cho nổ chơi.

Trong sách cổ đã dạy: "Mây theo rồng, gió theo hổ". Điều đó rất đúng. Núi Rồng ở bờ hồ bên kia luôn luôn bị mây mù quấn quanh, nên khi thấy núi to đùng, khi gầy guộc đến thảm hại, mà lại không có gốc, có rễ, cứ như là ở trên trời bay xuống vậy, có lúc lại như sắp bay vút lên trời mất. Nhưng khi màn mây trên đỉnh núi Rồng được vén đi, núi lại óng ả như tơ như sợi, khiến người ta muốn thành tiên mà cũng muốn chết đi, bởi khi ấy núi Hổ (Hổ Sơn) ở sau thôn lại sắp sửa quạt gió. Gió cực mạnh. Về mùa đông, chả nói làm gì, ngay trong mùa xuân, gió cũng mạnh như quất. Nếu có chim bay từ hồ vào, gió thổi làm tốc ngược cả lông, tan vỡ đội hình. Trên núi Hổ có rất ít cây cối, nếu có cây cối cũng toàn là những thứ cây lùn tịt loạn xoăn. Có những người từ nơi khác đến, nhìn một bụi cây dại, tất nhiên đấy là những người văn minh, nhân rồi, giàu tưởng tượng, bảo rằng đó là khu rừng nguyên thủy,

vô cùng kỳ lạ, có người còn đào về, trồng vào chậu, làm cảnh chơi ngắm.

Trong hồ có mấy lá thuyền, vô cùng giản đơn. Có hai lá là những tấm ván mỏng, ghép lại bằng đinh, làm thuyền, có ba lá là những cây liễu khô cong queo, khoét ruột rồi làm thành thuyền. Tất cả đều để chuẩn bị dùng vào ngày mồng năm tháng tư hàng năm. Những người dân ông sống trên bờ hồ, ai cũng biết bơi, nên chẳng cần đến thuyền để làm gì, đàn bà con gái cũng là dân sông nước, nhưng ngày mồng năm tháng tư, không thể cưỡi tuột quần áo mà bơi trong hồ được. Các cô sẽ ngồi trên những lá thuyền đó, rồi lấy những cái xéng gỗ rẽ thóc làm mái chèo mà bơi, tạo ra vô số những xoáy nước, và cứ thế mà bơi cho thuyền ra đến giữa hồ.

Ngày mồng năm tháng tư chính là ngày Tết Rồng.

Vùng núi ở Thiểm Nam thường có những quy định riêng biệt của mình, trừ những ngày lễ chung, thông thường; các thôn làng còn có những ngày "Hội làng" riêng của mình. Và "Hội làng" riêng của những người sống trên bờ hồ này là ngày mồng năm tháng tư. "Hội làng" của các thôn làng khác, thông thường chỉ có những người thân thích với nhau mới đến chúc mừng và dự hội với nhau, nhưng "Hội làng" của thôn này, thì những người ở rất xa cũng tập nập kéo về dự Hội, xem Hội. Bởi vì ngoài hồ có một hòn đảo đá, bên dưới đảo đá có mắt hồ, cứ đến ngày mồng năm tháng tư lại có cá bơi từ mắt hồ này ra ngoài. Nhiều thì tám con, mười con ít cũng là ba, bốn con. Ít năm không có. Điều kỳ lạ đó có phảng

phất ít nhiều mê tín. nhưng sự thật nó là như thế, những người đến xem hội chẳng phải chỉ là đến xem hội mà thôi.

Cá từ đâu ra? Chẳng ai nói rõ được căn nguyên. Khi ông Triệu Âm Dương¹ còn sống, cũng đã có người từng hỏi ông, và ông Triệu Âm Dương cũng đã từng trả lời:

- Thế người từ đâu ra?

Ông cũng chỉ ú ớ nói thế.

Hòn đảo đá ở giữa hồ, mỗi chiều chỉ dài rộng chừng 4.5 mét. Nó có hình trái tim gà, đỏ sẫm màu son, lổn nhổn, khô khốc, chừng như xưa kia nó chỉ là đậu phụ, bị bọc vào vôi, rồi đem nắm vắt lại. Nước ăn mòn bốn xung quanh, tạo ra nhiều hình nhiều dáng khác nhau, như khắc như tạc, rất có phong vị của một môn phái nghệ thuật hiện đại. Người trong thôn chẳng ai hiểu biết nghệ thuật, càng không biết môn phái nghệ thuật hiện đại là gì, nên cũng chẳng ai đến đục đẽo, và cũng chẳng ai vẽ vờ, lấy mẫu làm gì. Ở phía Bắc đảo có một cái khe, đá nước chen nhau, nước phun ào ào, nghe hay như tiếng vang trong hũ. Đó chính là mắt hồ, quanh năm suốt tháng bao nhiêu năm nay phun nước ra ngoài. Nghe nói cái mắt hồ này ăn thông với biển ngầm dưới đất, vậy thì cá ngày mồng năm tháng tư có phải là cá biển không?

Vòng sang phía Tây, đảo đá có những bậc đá. Tất cả có một trăm bốn mươi ba bậc, là lên tới ngôi

1. Âm Dương ở đây còn có nghĩa là thầy bói, thầy tướng số...

thảo đỉnh trên đảo. Ở đó thờ Long Vương (vua Rồng), mặt người mình rắn, hai con mắt làm bằng gốm lồi bật ra ngoài, trông đến phát khiếp.

Sáng sớm ngày mồng năm tháng tư, mọi người trong thôn đều trở dậy, đốt giấy tiền, đốt pháo, sau đó những người đàn ông chụm lên đầu chiếc khăn đỏ xếp hình chữ "thái", rồi bơi ra đảo. Đàn bà con gái, tay bưng đồ tế lễ, ngồi thuyền bơi ra. Năm xưa ông Triệu Âm Dương là người chủ tế. Đêm hôm trước, ông thức xem thiên văn, ông bảo, hôm nay núi sẽ không có gió, nước không có sóng, quả thật là sóng lặng, gió yên. Còn như ông bảo: Hôm nay có gió, thì quả là có một cơn gió từ núi Hố quét qua mặt hồ, làm nghiêng ngả những lá thuyền, những người đàn bà phải dấn sức chèo mạnh cũng chẳng êm xuôi được, khi ấy những người đàn ông phải bơi trước mũi thuyền, quàng dây, kéo thuyền đi. Trong những lúc ấy, những người đàn bà trên thuyền vừa cười sằng sặc, vừa rắc giấy tiền, thả bánh bột mỳ xuống nước. Bánh bột mỳ là để dâng Long Vương, nhưng cá lại cứ xúm xít bám theo đuôi thuyền, làm vang lên những tiếng tùm tùm gần như không dứt. Khi nhìn thấy những sinh linh, sống lưng đen kịt đó, nét mặt những người đàn bà bỗng trở nên nghiêm trang, liền nghĩ tới bộ xương của cô con dâu trưởng nhà họ Trịnh. Nhưng chẳng ai dám nói ra miệng.

Khi tới đảo đá, tất cả mọi người đều lần lượt leo lên thảo đỉnh, lễ bái, ai cũng có những tâm tư, nguyện vọng riêng của mình, lầm rầm khấn khứa, chỉ riêng mình mình nghe được, tất nhiên rằng Long

Vương cũng nghe thấy hết. Giữa trưa, mặt trời nóng rực; ngang dọc mặt hồ hiện lên vô số những ô vuông. Giữa mỗi ô vuông đó có một ngôi sao nháy múa, khiến cho mọi người có cảm giác như đang lạc vào thế giới cực lạc, có những người đàn bà, đột nhiên nghĩ tới cái chết của cô con dâu trưởng nhà họ Trịnh, và cho rằng cái chết đó cũng chẳng phải là cái chết bi thảm. Sau đó tất cả mọi người đều phủ phục trên những bậc đá trước thảo đình, im lặng, không nói, không động đậy. Họ yên lặng lắng nghe tiếng gió và tiếng sóng vỗ dưới chân đảo, và lắng nghe tiếng những con chim nước thỉnh thoảng lại vang lên, và cuối cùng, mọi người lắng nghe nhịp đập của con tim mình. Họ phủ phục, im lặng như thế một lúc lâu, với dáng vẻ trông rất buồn cười, chẳng khác gì những con rùa bò từ dưới nước lên phơi nắng. Từ dưới nước chọt tung lên một màn sương nước màu xanh, người ta vội vàng chen chân nhau tới hai bên phải trái của khe đá. Ở đó đã có hai người cầm sẵn những chiếc vợt dài, chờ đợi những con cá màu trắng bạc, từ trong mắt hồ bơi ra.

Họ chờ đợi đầy vẻ căng thẳng, y như những người đàn ông ngồi chờ vợ đẻ. Chờ cho đến khi vợt được một con cá cùng với nước lên, mọi người đều nhay cẳng, hoan hô. Điều họ quan tâm hơn cả là số lượng cá từ trong khe nước bơi ra, cá ra rồi, mọi người ngẩng nhìn một lát, rồi lại phóng sinh xuống hồ. Cái quy định ấy, đã khiến những người từ xa tới xem hội đều lấy làm tiếc. Những người đàn ông, từng đám, từng nhóm, ầm ĩ săn vợt cá trên hồ, đám đàn

bà con gái đứng trên bờ hồ reo, hoan hô. Mỗi người một kiểu cách, một điệu bộ, đủ các dáng vẻ, và đó cũng là lúc đỡ hoang tịch nhất của cả vùng hồ.

Sau đó, mọi người ai về nhà nấy, đắm đầu vào bếp với một tâm trạng sáng khoái, làm cơm, khoản đãi những người thân, cùng khách khứa từ những thôn làng xa đến xem hội. Những người từ xa đến mà không có thân thích ở đây, tiện đường rẽ vào nhà "Ông Quân Nhu", khám bệnh, bốc thuốc. "Ông Quân Nhu" đã bỏ, không theo đuổi nghề thuốc nữa, bây giờ người con rể đã thay ông, y đạo của anh cũng khá là cao thâm. Cũng có người xách rượu đi theo, tụ tập năm, ba người làm bữa cơm điền dã. Rồi đập vỏ chai trên những bờ ruộng đất cứng, những mảnh thủy tinh lấp lánh dưới ánh mặt trời; cũng có người lén lút đến từng nhà, từng hộ, tìm mua "đồ vàng bạc". Đến nay, những người làm nghề "vàng bạc" trên bờ hồ còn rất ít, sau đó những người ấy, kéo nhau vào một thung lũng khuất của núi Hổ, chơi "mười điểm rưỡi" ăn tiền, người thua kẻ được, được được thua thua.

Hồ vô danh lại rơi vào tịch mịch một thời gian.

Nhưng ở nơi nằm chênh chếch bên trái, cuối thôn, dưới chân núi Hổ, lại ồn ào một góc trời riêng. Ở đấy mọc đầy tùng, bách, cỏ hoang ngút ngàn, là một bãi tha ma, đầy mồ mả. Dân thôn trên bờ hồ vô danh đã mấy lần tu sửa, nhưng rồi lại mấy lần đổ nát, nên vẫn chẳng có gì là mới mẻ, mười lăm năm nay, trong số nhân khẩu, cứ một người già chết đi, lại có một trẻ sơ sinh ra đời, vì thế, vẫn giữ

được cân bằng. Các gia đình họ Triệu, Tiền, Tôn, Lý, Chu, Vũ, Trịnh, Vương đều đã mất hết gia sản, nhưng ở ngoài bãi tha ma, vẫn tiếp tục giữ được lịch sử từng dòng, từng họ. Giữa mồ mả và cỏ dại là nơi giao phối của lũ chó đi hoang. Những chàng thanh niên chưa bao giờ đi ra khỏi thôn xóm của mình, ra về đàn ông, nghịch ngợm, đùa dai với bọn đàn bà để mua vui, họ đuổi đánh những con chó đang giao phối, khiến cho con thú bốn chân ấy thành những con vật tám chân, giằng co, lôi kéo nhau mà chạy.

Cánh đàn bà đỏ mặt, chui hết cả vào rừng anh đào mọc sau bãi tha ma. Anh đào đang mùa kết trái, núc nủ quả, mắt nhìn miệng thèm. Anh chàng con cả nhà họ Trịnh đang ngồi trên cây, là người đầu tiên nhìn thấy có người đang câu cá trộm ngoài hồ, tức giận vô cùng. Câu cá là điều cấm kỵ đối với thôn dân trên bờ hồ, nhất là vào ngày mồng năm tháng tư. Chàng cả vốn là một thằng rồ, đàn độn, nhưng cũng biết rõ ràng, việc bọn đàn ông câu cá là có khác với bọn đàn bà con gái, và để được nhìn bọn đàn bà con gái lâu hơn, nên cũng mặc xác mấy thằng câu cá trộm.

Đội bọn đàn bà chạy hết cả vào rừng anh đào xong, và cùng reo lên với nhau:

- Anh đào ngon quá!

Nhưng khi với tay lên hái, mới nhìn thấy Cả Trịnh mặt mũi hầm hầm, các nàng sợ quá, vội hỏi:

- Có bán anh đào không?

- Không bán.

Chàng ta lại nói thêm một câu:

- Muốn ăn, cho các người ăn.

Những cô gái đứng lại, nhìn anh ta đây vẻ nghi ngờ, rồi như một đàn châu chấu, các cô chạy ào tới gốc cây, hái quả đưa lên miệng chẳng khách khí gì, có cô đôi tay vin cành cây, ngửa miệng lên đón lấy từng quả một. Trong sách cổ cũng đã từng viết về cảnh các cô gái ăn anh đào. Sách viết rằng: "Lúc ấy chẳng biết rằng đó là anh đào hay là môi son, và cũng chẳng biết rằng đó là môi son hay anh đào?" Nhưng chàng Cả mù chữ, chưa bao giờ được đọc những dòng văn hay trong sách, song cái cảm giác ấy đúng là chàng Cả cũng có được, bởi thấy chàng vui vẻ cười sảng sặc, khoái trí mãi không thôi.

Các cô gái ban đầu cũng sợ, vì cho rằng Cả Trịnh là một tên lưu manh, mất dạy, về sau chỉ thấy anh ta cười và chẳng có hành động bậy bạ nào, liền trêu chọc thêm anh ta cho vui, họ lấy một cành cây, ngoáy ngoáy vào nách anh ta. Cả Trịnh cười như người phát điên, lăn lộn trên mặt đất, và cái điệu bộ buồn cười nhất của anh ta là nằm sổng soài giống như một con lợn đen bị người ta bắt trời, đang bốn cái chân mềm nhũn ra.

Kết quả là, sau khi đã ăn chực được anh đào, bọn con gái biến mất. Trời cũng đã ngả về chiều, bốn xung quanh hồ vô danh chẳng còn người lạ nữa, Cả Trịnh chợt cảm thấy chổng chênh, tiu ngiu, nên vội trở về ngôi nhà xiêu vẹo đi ngủ, nhưng vẫn nghĩ:

Làm sao cái lũ con gái này lại đẹp thế? Nhưng đẹp như thế nào, anh ta lại không nghĩ ra được. Và cái hình ảnh rõ nét nhất đối với anh ta lại là cô Sửu Sửu.

"Ngày mai lại đến với chúng nó lần nữa".

Theo như thường lệ, đêm hôm đó chàng Cả lại nằm mơ thấy hoa. Hoa là bộ phận sinh dục của thực vật. Theo như luận điểm của Freud, con người có tiềm ý thức. Cả Trịnh chẳng hiểu gì về những điều đó, còn người trong thôn làng lại dè bủ bảo rằng cái cổ dương vật của anh ta chẳng khác gì cái tai của người điếc, chỉ là cục thịt thừa. Nhưng có ai biết đâu rằng trong tiềm thức của Cả Trịnh lại còn một việc mộng mơ như thế?

ÂM DƯƠNG

Bốn chục năm trước, Triệu Âm Dương chết. Tiếng khóc của người thân vang lên đến tận trời, thế là mất ông chớp chớp, rồi mở ra, và ông sống lại. Sống đấy nhưng chỉ là sống hờ, hơi thở mảnh như tơ, nước canh chẳng nuốt nổi, trên người sinh ra đầy rận. Thực ra đấy không phải là rận, mà là một loài bọ trắng trắng, bất cũng bất chẳng hết kịp. Những người hiểu biết bảo rằng, đó là do còn mắc nợ trên dương trần, nên không xuống âm gian được, họ đã mách riêng cho con cái, lén đem quần áo móc lên cây gậy, gánh đến treo ở một ngôi miếu Thành Hoàng của thị trấn cách nơi này hơn hai chục dặm, đồng thời lấy một dây hoa quấn vào ngón tay giữa của ông, đem sợi dây hoa ấy đến đặt trước sảnh đường

Nói xong, một cục dấm kéo lên, khô khè, trong cổ họng ông, một lát, đôi mắt nhắm lại, chân ông giãy một cái, tắt thở. Mọi người trong nhà vội coi cô Trọc là khách quý, không để cho cô rời khỏi linh đường, bắt ngay tay vào việc tắm rửa, chải đầu và thay quần áo, mũ mào. Đến ngày thứ ba, tất cả họ hàng thân thích cũng đã khóc tang xong, liền bế cô Trọc đến bên, đặt những quả bách vào trong áo quan, và còn đặt thêm cả một túi tro nữa. Vào lúc ấy gia cảnh Triệu Âm Dương cũng gọi là khá giả nhưng cũng không lấy gì làm giàu sang lắm, ngay từ khi còn sống, ông đã dặn mọi người, không bỏ vào áo quan những đồ tùy táng bằng vàng bạc, quý giá. Vì thế người nhà chỉ đặt túi tro trước khi đặt nắp ván thiên.

Đó là câu chuyện kỳ lạ. Tất cả dân thôn đều không ai biết lý do. Rất nhiều ngày tháng về sau này, mỗi khi nhắc đến việc ấy, mọi người đều cảm thấy một người như Triệu Âm Dương vốn khôn ngoan nhất mực cả đời, mà lại bày ra cái trò cười như thế trong một chốc.

Chỉ riêng con gái Triệu Âm Dương là có được sự hiểu ngầm trong dạ, cho rằng, mọi sự đều đã được cha mình tính toán đầy đủ, nhưng cô lại chẳng nói ra. Vào một đêm từ bảy năm trước, thấy cha quan sát bầu trời, rồi trầm ngâm nói:

- Sang năm được mùa đậu đen.

Cô lẳng lặng ghi nhớ, trông vụ màu mùa hè năm ấy, cô không gieo ngô, mà gieo toàn đậu đen. Quả nhiên tất cả các thứ màu gieo trong vụ ấy, không

có thứ nào được thu hoạch, chỉ riêng có đậu đen là được mùa lớn. Người trong thôn kinh ngạc, ngay cả Triệu Âm Dương cũng kinh ngạc. Hỏi con gái, sao biết năm ấy trúng mùa đậu đen? Cô con gái nói rằng đã nghe trộm lời cha nói. Triệu Âm Dương đã trách mắng con gái hết lời:

- Làm sao dám tiết lậu thiên cơ?

Bốn chục năm sau, thi thể của Triệu Âm Dương chừng như đã hoàn toàn biến thành bùn đất. Cỗ trên phần mộ ông thật tốt, đồng thời lại mọc một loại cỏ bông có gai như răng cưa. Loại cỏ bông này hình tròn, về mùa thu nở đầy những cánh hoa trắng, lũ trẻ con không dám hái chơi loại hoa ấy, hoa xếp thành hình tròn, giống như những vòng hoa mà người sống đem tới phúng viếng vậy. Cái năm con cái chôn cất cho ông đó, tiện tay đem cắm cây gậy liễu chống tiền cha xuống bên mộ, thật chẳng ngờ cây gậy liễu đó lại sống được, bây giờ đã trở thành một cây liễu lớn, xanh tốt rườm rà. Trên cây liễu có một đôi chim ngồi đến làm tổ, vợ chồng, một trống, một mái, ríu rít suốt ngày đêm.

Cô Trọc bảy tuổi năm ấy giờ cũng đã vào thời xuân thu. Trên đầu không còn bị chốc lở nữa, nhưng tóc tai vẫn thưa thưa như cũ, để lộ ra những mảng da hồng. Quanh năm quấn một chiếc khăn trên đầu, cô cũng chẳng đi lấy chồng người làng khác, mà lấy chồng người họ Trịnh, cùng trong thôn, nằm trên bờ hồ ấy, cũng đã sinh được hai đứa con trai. Cả hai đều lông mày chữ nhất, hai lúm đồng tiền, tóc đen mà dày, lúc nào cũng rối bù như cỏ dại. Năm

bốn mươi tuổi, chồng chết vì bệnh lao. Hai cậu con này cũng đã lớn thành người, sức khỏe và sức ăn đều thuộc loại hơn người, thích gây chuyện đánh nhau. Bà Trọc không cai quản nổi. Ban đầu chỉ còn biết khóc lóc, than vãn cái số mình nó khổ, rồi sau cũng nghĩ ra được một điều: Bấy giờ thực thà quá cũng chẳng được cái ích gì, cứ lộn thùng lộn chảo có khi lại còn được việc. Từ đấy bà mặc chúng nó, thích làm gì tùy ý.

Bà Trọc ngoài công việc đồng áng ra, sáng bà thường dậy rất sớm, cấp cái chổi ra hàng cây bên hồ quét lá rụng, gom về làm cái dun. Buổi chiều xách cái giỏ đi hái rau dại. Gia cảnh túng thiếu, bữa cơm bữa cháo cũng chẳng đều, hai đứa con, cứ đến bữa ăn lại lâu bầu vặc mẹ:

- Ngày ba bữa húp cháo, gọi là sống mà chẳng biết đến bát cơm là cái gì?

Bà đáp:

- Ăn mặc là còn phải tùy vào gia cảnh mình!

Con bà lại nói:

- Ăn, ăn xong bữa sáng hãy nói đến bữa tối, đi tới trời đất nào, thì nói tiếng của trời đất ấy.

Thế là tự tay chúng đi nhào bột, cán mì, nướng bánh. Ăn căng bụng ra, rồi ông ổng hát, nghe như sói gào:

Như ta đây, đã sống tròn hăm nhăm tuổi.

Quần rách toang vẫn chẳng có người khâu...

Nhưng cậu Hai cũng có được một cái tài, một tay chơi nhị hồ cực hay. Những người ở thôn bờ

hồ đều không biết nhạc lý là gì, đánh đàn, tấu nhạc tất cả đều do thầy truyền khẩu dạy cho. Sư phụ của Hai Trịnh là Lưu Lâm Tử. Lưu Lâm Tử là người thô kệch, nhưng lại có cái tai tuyệt vời, chỉ nghe một lần là nhớ hết. Vở kịch hát "Chém con trưóc nha môn" ông có thể hát từ đầu tới cuối, biết thổi kèn, biết kéo nhị hồ, nhưng Hai Trịnh chỉ học được kéo nhị hồ. Kể từ khi Lưu Lâm Tử qua đời, chỉ còn lại một mình Hai Trịnh ngồi nhà chơi một mình. Nhưng Hai Trịnh chơi nhị hồ cũng có quy luật của nó, khi anh ta chơi nhạc, mọi người liền biết ngay rằng, trong nhà anh ta chẳng còn gì để ăn, và tiếng cò cữ ấy là để câu lũ trẻ con đến xem, đến xem là chúng phải mang theo gạo, mỳ, khoai, hoặc củ cải.

Hoặc như nhà nào có đám hiếu, đám hỉ, mời anh ta đến góp phần, cơm rượu đầy đủ, và anh ta chẳng bao giờ quên bà Trọc.

Anh ta giơ một ngón tay cái lên nói:

- Này, xâu mấy miếng thịt làm phần đem về cho mẹ tôi!

Hai Trịnh không gọi là u, mà gọi là mẹ, anh ta dùng chữ mẹ vô cùng trang trọng, với cung cách rất anh chị.

Hai đứa con ấy, không biết tự khi nào, chúng đi làm cái việc hại người, hại giới, đồi bại, là giữa nửa đêm khuya khoắt đi đào trộm mồ mả. Mười lần đào, cả mười lần đều kiếm được những vật đáng tiền. Nhờ thế mà trong nhà cũng bớt túng thiếu đi, trong nhà xí vớt cả đồng vỏ chai rượu rỗng, bà Trọc ban

mộ của ông ta chắc hẳn là có nhiều đồ tùy táng quý giá?

Đứa con muốn dò hỏi xem, trong đám mồ mả nhà họ Triệu, ngôi nào là ngôi của Triệu Âm Dương.

Bà Trọc thất sắc, sợ hãi, chợt nghĩ lại chuyện cũ từ bốn mươi năm trước. Bà nói:

- Muốn đào trộm mả nhà ai thì đào, nhưng mộ của Triệu Âm Dương là không được động tới. Khi ông qua đời, chính tao có mặt lúc khâm liệm cho ông ấy, trong quan tài không có bất cứ thứ gì đáng giá một xu, chỉ toàn là quả bách với tro than.

Từ đó, mới thấy được cái duyên cố, tại sao khi sắp chết, Triệu Âm Dương lại cố chờ có Trọc trở về, để bà nói cho các con bà biết. Hai đứa con bà tuy đầu bò đầu bướu, nhưng khi biết rằng ngay từ bốn mươi năm trước, ông Triệu Âm Dương đã bầm độn, dự tính ra được cái nghiệp chướng của chúng, nên cả hai bất chợt hồn xiêu phách lạc, thốt tim vỡ mật...

Ngày hôm sau, Hai Trinh cặp chiếc nhị hồ vào vách, ra khỏi cửa, đi xa, một đi không hẹn về. Cả Trinh ốm to một trận, khi khỏi bệnh, thành một thằng rồ, nhưng sức lực vẫn khỏe như vâm, và ăn uống vẫn thùng bát chi thỉnh.

NHÂN DUYÊN

Lại nói về Tiên Nhất Nhân, là thanh niên trí thức, người thuộc thành phố Châu Thành ở Hiệp

Nam. Hạ phóng, tham gia sản xuất ở thôn bờ hồ, tất cả có ba người. Hai người kia là con em cán bộ, nhưng thuộc loại du thủ du thực, láo-lếu, bậy bạ. Một đêm, hai người kia rủ Nhất Nhân đi ăn trộm gà của nông dân, Nhất Nhân từ chối, hai thằng giặc rón rén áp sát một chuồng gà, lấy đèn pin chiếu thẳng vào mắt gà, rồi lấy một thanh gỗ ghếch lên cửa chuồng, gà bị ánh đèn pin làm cho quáng mắt, không kêu một tiếng, ngoan ngoãn, theo thanh gỗ bước ra, hai tên với thanh gỗ, ăn trộm được ba con gà một lúc. Ngày hôm sau, Nhất Nhân tố cáo chuyện đó với nông dân, ông bà nông dân làm toáng lên. Đội trưởng Đội sản xuất phạt hai tên con em cán bộ năm đồng bạc. Từ đó ba người nhìn nhau bằng con mắt thù hằn, chia ra ăn riêng ở riêng, không đi lại với nhau nữa. Năm sau con em cán bộ đều được tuyển làm công nhân, vào thành phố, riêng Tiền Nhất Nhân vẫn ở lại nông thôn, cứ ba tháng lại trở về thành phố thăm cha già một lần. Cha anh làm đầu bếp ở nhà ăn, hai cha con lại thêm một phen chửi đổng chuyện đời, và lau đi một đôi dòng nước mắt.

Nhất Nhân thuộc loại người nhu mì, sống hướng nội, lại xinh xắn, điển trai, nên được thôn dân rất quý mến, ngày lễ, ngày tết, bao giờ cũng được dân mời đi đánh chén. Nhất Nhân gặp ai cũng cười nói vui vẻ, nhưng khi có độc một mình mình lại âm thầm, trầm lặng, khổ tâm vì không nghĩ ra được diệu kế nào để được trở về thành phố.

Có một hôm Nhất Nhân đến nhà "Ông Quân Nhu" khám bệnh, trong lúc chuyện trò, nhân nhả, anh nói:

- Ôi dào! Những kẻ có ô có dù, đều được tuyên di công nhân vào thành phố hết, chỉ còn lại mỗi một mình cháu chịu tội ở nông thôn!

"Ông Quán Nhu" nói:

- Anh mới đến đây có gần ấy ngày mà đã than vãn phải chịu tội ở nông thôn. Nếu thế, người nông dân biết nói thế nào, chẳng lẽ lại do giới sinh ra, rồi chịu tội đời đời kiếp kiếp sao?

Thoáng nghe, Tiên Nhất Nhân đã thấy giật mình, biết mình nói lỡ miệng. Từ đó về sau, chẳng nói thêm nữa lời.

Vào đông, hồ vô danh đóng băng, đó là cả một thế giới trắng phau như pha lê, trẻ con trong thôn đều rủ nhau ra đây chơi đùa, nghịch ngợm. Trẻ con trong thành phố không có sân trượt băng thật thì có sân trượt băng bằng xi măng, xô chân vào những đôi patanh mà lướt đi. Trẻ con ở thôn bờ hồ có sân băng thật, nhưng lại không biết trượt, chúng chỉ lấy một chiếc ghế gỗ, lật ngửa lên, ngồi vào đó, rồi vừa chạy vừa đẩy. Lũ chó cũng theo ra sân băng, lũ chó thường là chó trắng, nhưng khi ra đến sân băng bỗng trở thành chó gio. Tiên Nhất Nhân đứng xem ở trên bờ hồ, cũng thấy tạm quên được nỗi buồn trong dạ ít nhiều.

Suốt ba ngày liên, gió trên núi Hổ thổi dữ dội, băng lại dày thêm lên một tầng nữa, kéo dài ra đến đảo đá giữa hồ. Có rất nhiều trẻ con và cả những cô gái không biết bơi, kéo nhau ra đảo xem phong cảnh. Về sau, băng tan dần, ở chỗ chân đảo đá chỉ

còn lại lớp băng rất mỏng, mỏng lắm, cho nên đã có người lấy một tấm ván, ghếch lên đảo làm cầu. Chiều hôm đó, chỉ có một mình Tiền Nhất Nhân lần ra đảo đá, nhìn thấy tấm ván, chợt nghĩ ngay ra một chuyện, rồi anh quay lại bên bờ hồ băng ngồi hút thuốc lá. Giữa lúc đó, có một đám trẻ kéo nhau ra hồ, chúng réo gọi, rủ nhau lên đảo đá. Cô con gái choai choai, lớn nhất đám, dẫn đầu, và là người đầu tiên bước lên tấm ván làm cầu, khi đi đến đoạn giữa tấm ván, tấm ván bị lật sập, cô con gái chỉ kịp kêu lên một tiếng "ối" rồi ngã nhào, và lớp băng dưới tấm ván lập tức vỡ ra, cô gái chìm xuống hồ, chẳng còn nhìn thấy tấm dạng nữa. Bọn trẻ còn sợ hãi, kêu cứu ầm ĩ. Cái cảnh ấy thật đúng với cái cảnh của La Thịnh Giáo ngày xưa, và Tiền Nhất Nhân cũng học tập theo gương La Thịnh Giáo, anh chạy như bay tới, rồi nhảy tùm xuống hồ, cứu vớt cô gái.

Nước dưới lớp băng như kim đâm vào da thịt, nên Tiền Nhất Nhân vừa xuống nước là người đã tê dại hẳn đi. Anh nhịn thở, lặn xuống và chạm ngay vào người dưới nước. Người dưới đó thấy có cái gì đó có thể tóm được, nên tóm chặt lấy không chịu buông tay ra nữa. Tiền Nhất Nhân bị ghì chặt dưới hồ. Nhất Nhân là người biết bơi, và anh hiểu, nếu cứ bị ghì chặt như thế, không những sẽ không cứu được người, mà mình cũng chết đuối luôn, nên anh đã lấy chân đạp mạnh vào bụng cô gái một phát. Cô gái như người đã chết, không còn động cựa gì được nữa, anh liền tóm lấy tóc cô, bơi lên trên mặt

nước. Khi đó trên mặt băng đã đứng đầy người từ trong thôn chạy ra, họ lấy hai tấm chân bông, quần chạt cho từng người, rồi vác, chạy như bay về trong thôn.

Sau khi xoa rượu lên khắp người và uống nước gừng sống, cơ thể đã mềm mại trở lại, Tiền Nhất Nhân mới biết rằng mình đã cứu sống được cô con gái rượu của "Ông Quán Nhu", tên cô là A Viên.

Những năm tháng đó là thời kỳ của những người anh hùng tới tấp ra đời, nhưng người ở thôn bờ hồ chưa bao giờ được chính mắt nhìn thấy một người anh hùng bằng da bằng thịt, nên vô cùng cảm phục Tiền Nhất Nhân, thậm chí còn vô cùng xúc động nữa. Họ không chịu để mang nợ ai một mối thù hận nào, và họ cũng không chịu để mang nợ ai một chút ân đức nào, vì thế họ đem việc đó báo cáo lên công xã, Ban cán sự thanh niên trí thức công xã báo cáo lên Đoàn ủy huyện. Từ đó Tiền Nhất Nhân trở thành người tiên tiến, thành một điển hình. Ba tháng sau, anh đã được kê khai đầy đủ vào một tờ biểu, chuẩn bị đi tuyển làm công nhân, vào thành phố.

Tiền Nhất Nhân có cái số không được vào thành phố, vì khi ấy, cha cậu ở trong thành phố, uống rượu say, trước mặt mọi người bôi móc, chửi bôi, gọi chính sách đưa thanh niên trí thức xuống nông thôn, là chính sách đen, chửi những người làm quan cộng sản là lũ Quốc dân đảng. Những người có mặt tại chỗ đều sững sờ, ngơ ngác, tiếp sau đó là mặt mọi người đều tối sầm lại, khi có một người nói:

- Hấn đang đọc những lời phản cách mạng!..

Lập tức mọi người xô lại, vả vào miệng ông, rồi kẻ giằng, người kéo, lôi ông lên đồn công an.

Khi tỉnh rượu, ông Tiền thấy mình đã ngồi trong phòng giam. Ông không còn được nấu cơm phục vụ người khác nữa, mà người khác đã nấu cơm phục vụ ông, mỗi ngày hai bữa, mỗi bữa 3 lạng (*1 cân Trung Quốc có 10 lạng, và bằng 0,5 kilô .ND.*), ông thè cái lưỡi dài, liếm chiếc bát không, đến một mảnh trấu cũng không sót.

Tiền Nhất Nhân lại trở thành Tiền Nhất Nhân ngày trước, và xem ra còn không được bằng ngày trước nữa kia. Lá đơn dự tuyển công nhân, trở thành một tờ cười, nó bị Ban cán sự thanh niên trí thức công xã xé làm giấy cuốn thuốc lá vụn hút. Anh và cha anh đoạn tuyệt mọi quan hệ, không bao giờ anh đến trại giam thăm nom. Tất cả các thanh niên hàng xóm của anh cứ từng tốp, từng tốp được tuyển vào thành phố, mà vĩnh viễn không có tên anh trong danh sách đó.

Nhoáng một cái, anh đã là một người hai mươi ba tuổi, trên mép đã mọc những hàng râu tơ.

A Viện mười tám tuổi, thất đày lưng ong. Cô rất hay dẩu mồm, mỗi khi mồm dẩu lên như thế, mắt cô cũng hơi xếch lên, cười tít mắt, rất yêu kiều, xinh đẹp. Cô thường hay đến nhà bà di chơi, trên đường về lại ghé vào phòng Nhất Nhân chốc lát, cô không quên Nhất Nhân là ân nhân của mình, cô thường giúp anh cơm nước, giặt giũ. Cuối cùng bao giờ cô cũng hỏi:

- Anh thực là một con người có lòng dạ thẳng ngay, nên tôi thực bụng muốn truyền nghề thuốc cho anh, không biết anh có chịu theo học tôi không?

Nhất Nhân đã định nói:

- Hồi đi học, cháu là một học sinh giỏi toán, lý, hóa và cháu muốn trở thành một kỹ sư.

Nhưng anh biết rằng, đây, quả là đã nằm mơ giữa ban ngày. Anh nhìn "Ông Quân Nhu", rồi đột nhiên ứa nước mắt, quỳ xuống:

Nhất Nhân đã tỉnh tâm lại, đọc sách thuốc. Vốn thông minh, đọc nhiều bài thuốc hay dân gian. Anh đã chữa được bệnh liệt dương, bệnh xuất tinh sớm, bệnh chốc lở, bệnh hậu sản mất sữa, bệnh sốt buổi chiều ra mồ hôi trộm (chớm lao), bệnh khí hư, bệnh cảm gió, bệnh đau răng nhiệt, bệnh đái rắt, bệnh ly ra mũi ra máu, bệnh lòi dom. Thậm chí còn nhớ được cả đơn thuốc muốn đẻ con trai: Bạch đàn: 20 gam, bạch khấu nhân: 6 gam, thiên nam tinh: 10 gam, bạch phục linh: 9 gam, tử hà sa: 60 gam. Nhưng còn cách phục thuốc như thế nào, thì "Ông Quân Nhu" chưa truyền thụ cho. Tiền Nhất Nhân không vội vã, và cũng không sẵn đón hỏi han, cũng không tự đặt mình nằm ra ngoài vòng thuốc men, anh từ tốn chờ đợi, ngoan ngoãn, cung cúc như một con vật nuôi trong nhà.

A Viện có đến nửa năm nay ở tịt bên nhà bà đi. Đột nhiên về, khí sắc hăm hăm, đập bát đập đĩa trong nhà. Nhất Nhân nghi rằng A Viện không bằng lòng việc anh đi lại nhà cô quá nhiều, nên mấy ngày

liền, anh không bèn mắng tới đó nữa, hôm anh đến, "Ông Quân Nhu" giữ anh lại ăn cơm, anh thấy khó xử, không biết nên ở hay nên về.

"Ông Quân Nhu" nói:

- Nhất Nhân, cứ ở lại ăn cơm đi, tôi đã bảo A Viện xào nấu vài món, ta uống rượu, tôi có chuyện muốn nói với anh.

Khi rượu vào đã ngà ngà, "Ông Quân Nhu" nói:

- Nhất Nhân! Gần đây có tin tức gì của ông cụ nhà không?

Nhất Nhân đáp:

- Cháu không có cha.

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Cắt đứt quan hệ cũng phải thôi, nhưng anh còn trẻ, phải nghĩ tới tiền đồ chứ. Sao anh không lên huyện đề nghị với người ta cho anh được dự tuyển vào công nhân?

Nhất Nhân đáp:

- Cháu chẳng có hy vọng gì!

"Ông Quân Nhu" lại nói:

- Không đi công nhân cũng chẳng sao. Anh là một người học trò khá của tôi, cũng đã có nghề, cho nên chẳng thể chết đói trong cõi đời này đâu.

Nhất Nhân ủ rũ cúi đầu, lau nước mắt nói:

- Bác thương cháu, giúp đỡ cháu, cháu thật tình coi bác là ân nhân cứu mạng của cháu vậy!

"Ông Quân Nhu" nói:

- Chính anh mới là ân nhân cứu mạng của A Viện nhà tôi. Nếu như anh không xem thường tôi, tôi muốn gả con gái tôi cho anh đấy.

"Ông Quân Nhu" nói xong, dăm dăm nhìn anh.

Lòng dạ Nhất Nhân vô cùng bình tĩnh. A Viện tuy không phải là con gái thành phố, nhưng cô có được cái khí chất điều khiển nổi thần linh, dất mũi được ma quỷ. Việc về thành phố của Nhất Nhân đã trở thành vô vọng, lại thân cô thế cô ở cái thôn bờ hồ này, nay lại có được một cái tổ dựa dẫm mà sinh con đẻ cái, giữ lấy cái gốc của tổ tông, Nhất Nhân sung sướng đến ngất đi.

Tối tối, lui lui, cuối cùng Nhất Nhân bị "cưới" về.

"Ông Quân Nhu" đem toàn bộ sổ sách thuốc của mình giao cho Nhất Nhân, đem toàn bộ những phương thuốc dân gian giao cho Nhất Nhân. "Ông Quân Nhu" hành nghề nhưng chẳng theo học một lớp y khoa nào, mà chỉ toàn dựa vào những cuốn sách đó, như vậy thật chẳng khác gì việc đem giao nộp toàn bộ niêu cơm của mình. Nhất Nhân theo đó mà hành nghề y, anh biết được cái cách phục dụng bài thuốc muốn sinh con trai, tức là đem thang thuốc đó sắc lên, rồi vợ chồng, mỗi người uống một nửa, và uống vào buổi sáng buổi tối mỗi lần 6 gam. Cấm vợ chồng đi lại trong một tháng, và đợi đến khi sạch kinh của tháng sau ba ngày, vợ chồng mới giao hợp với nhau, như thế không những có mang mà còn sinh con trai nữa. Nếu vẫn thang thuốc ấy mà thêm vào 30 gam cỏ ích mẫu, sẽ sinh con gái.

Hai vợ chồng anh đã sinh được đứa con đầu lòng, là con trai, đặt tên là Mao Dán.

Hồi mới cưới nhau, hai vợ chồng hình như còn có một sự ngăn cách nào đó, nhưng sau hai năm, tình nghĩa lại vô cùng sâu nặng, và được coi như một cặp vợ chồng kiểu mẫu trong thôn. Họ rất thích đi tản bộ với nhau, khi hoàng hôn xuống họ đi sóng đôi với nhau vòng quanh bờ hồ, rồi vào rừng anh đào, giữa con đường đất nằm trong ruộng ngô tốt ngập đầu. Ban đầu người trong thôn cũng thấy vướng mắt, khó coi, nhưng về sau lại cho rằng Tiên Nhất Nhân vốn là người thành phố, còn A Viện thường cũng hay đi lại nhà người dì, mà nhà người dì lại toàn là cán bộ công nhân nhà nước, nên người ta quen như thế rồi, cho nên mọi người cũng thôi không ai xi xào bàn tán gì nữa. Ban đêm, bọn Hai Trịnh thường tụ tập rượu chè, cờ bạc, rủ rê, lôi kéo Tiên Nhất Nhân, chơi đến nửa đêm, Nhất Nhân đòi về nói:

- Thôi thôi, A Viện chờ tôi ở nhà! Tôi mà không về là cô ấy không chịu đi ngủ đâu.

Hai Trịnh chế diễu anh là bé ngoan của vợ.

Một buổi chiều hè, hai người đi dạo trên con đường nhỏ nằm bên ngoài thôn, hai bên đường cũng vẫn là những ruộng ngô cao bằng người, rườm rà xanh tốt, phủ lên con đường nhỏ như một con đường vòm. Không thấy ai, hai người hôn nhau.

A Viện nói:

- Sao lười anh ngần thế?

Nhất Nhân hỏi:

- Thế lưỡi ai dài hơn lưỡi anh?

A Viện hơi sững lại một lát, rồi nói:

- Không dài bằng của em.

Giữa lúc ấy, từ một bãi trống đầu đường làng kia, có một người đang ngồi xổm đi ngoài. A Viện thấy thế bèn hỏi:

- Em đố anh biết cái người ngồi chồm hóm ở kia là cán bộ công tác hay là nông dân?

Nhất Nhân đáp:

- Ai mà biết được.

A Viện nói:

- Cứ xem họ dùng cái gì để chùi thì biết ngay, nếu dùng giấy, là cán bộ công tác, nếu dùng đất cục, là nông dân.

Nửa năm trở lại đây, ở thôn bờ hồ, thường có những người lạ mặt trông có vẻ cán bộ đi lại.

Hai người lặng lẽ đi qua, người ngồi đại tiện trông thấy, lập tức đứng lên, kéo quần mà chạy, người bỏ chạy đó là Cả Trịnh.

CHỢ MA

Sau khi Hai Trịnh bỏ làng ra đi, thì tại một thị trấn cách nơi đây hai chục dặm cổ loan truyền một cái tin đồn:

Ở vùng đất phía sau hồ vô danh, tức là cái vùng đất từ bãi tha ma của thôn bờ hồ, đi vào nơi đất

trung của núi Hổ, bỗng có một thời gian có rất nhiều người tới đó họp chợ. Trời mới nhập nhoạng tối là chợ đã bắt đầu họp, người ta đồn rằng ở đó đã từng có một gia đình cư trú, dòng giống truyền đến bốn đời, vậy mà số đình trong nhà vẫn chẳng đông đúc gì, sang đời thứ năm, toàn chết trước tuổi lấy vợ. Từ đó chẳng còn ai đến ở đấy nữa. Nhà xiêu, tường đổ, và tự nhiên mọc lên một cây bách có dáng hình kỳ lạ. Vậy mà bây giờ đột nhiên lại có rất nhiều người, ồn ào ầm ĩ cứ như một "xã hội" gì đó. Người đầu tiên của thôn bờ hồ phát hiện chuyện đó, chính là Cả Trịnh, rồi một truyền mười, mười truyền trăm, tất cả mọi người đều rất lấy làm kỳ lạ, tìm đến xem, quả đúng là như thế. Những người ấy đều có hàng hóa, rồi mua mua, bán bán. Cứ nhìn dáng vẻ cung cách ăn mặc thì rõ ràng đó là những người thuộc vùng này, nhưng lại toàn là người lạ, hỏi họ tên, bán quán, chẳng ai trả lời, chỉ có biết bán hàng. Những thứ đồ đem bán như gương soi, chum, vại, chậu, vò sứ... tất cả đều có những kiểu cách rất lạ. Đồng thời cũng bán cả những đồ trang sức cho phụ nữ như trâm cài đầu, vòng tai, vòng tay, những thứ dùng cho đàn ông có tẩu hút thuốc, ấm chén, bát đĩa đẹp, lò sưởi, nệm褥. Giá cả rất rẻ. Tuy giá rẻ, nhưng những người ở bờ hồ lại chẳng là người sung túc gì, thóc gạo đã chẳng đủ ăn, nên đồng tiền lại càng eo hẹp.

Người bán hàng bảo:

- Không có tiền, có cái gì đem đổi cũng được. Bánh trái, hoa quả, gà luộc, vịt luộc và cả thịt thú lợn cũng đổi được cả.

Người trong thôn nghĩ rằng: Dưới hồ vô danh rất nhiều cá, mà người bờ hồ lại không ăn cá hồ. mới hỏi đôi cá có được không? Những người bán hàng đáp:

- Đồ ăn thức uống, gì cũng đôi được, nhưng riêng cá thì không. Cá tanh, lại có xương, chúng tôi đâu phải là mèo!

Tối ngày hôm sau, cả thôn kéo nhau đi mua hàng, người mua bằng tiền rất ít, mà chỉ toàn đem gà vịt bánh trái đi đổi lấy hàng. Trao đổi sòng phẳng, ai ai cũng vui vẻ. Chuyện đó loan truyền tới mấy thôn bên cạnh, phiên chợ đêm lại càng đông, càng vui hơn.

Những thứ mua được ở chợ về đều cất vào trong hòm, trong tủ. Một ngày không làm sao, hai ngày không làm sao, nhưng đến ngày thứ mười, xem lại, tất cả các thứ hàng hóa ấy đều thành đồ cũ hết. Gương chẳng phải làm bằng thủy tinh, mà là bằng đồng, lại đây, gỗ xanh. Chậu, bình... chẳng phải làm bằng sứ mà toàn là gốm. Cả thôn đều kinh ngạc, cứ tưởng những người bán biết làm trò ảo thuật, nên đánh lừa được mình. Họ nói với anh em nhà họ Trịnh, để chúng đứng ra, cầm đầu, dạy cho bọn bán hàng một bài học.

Nhưng Hai Trịnh lại nói:

- Đây không phải là đồ mới, mà toàn là đồ cổ cả đấy!

Họ mang ra ngoài nhờ người xem xét, giám định hộ, quả đúng là đồ cổ hết, vô cùng quý giá, và được người ta chuốc mua ngay. Tiền lãi gấp mấy trăm lần.

Lúc ấy dân thôn ven hồ mới biết là họ đã đi chợ ma.

Có lợi là làm, ma quỷ cũng chẳng sợ, hơn nữa những người bán hàng ở chợ đều ăn nói nhỏ nhẹ, thái độ thân mật. Người trong thôn đổ xô đến chợ, mua tranh bán cướp, các loại mặt hàng chum vại, bình vò, đồ dùng hàng ngày, cho đến đồ trang sức ngày một hiếm dần, nên bọn ma quỷ nâng giá. Gấp đôi lúc ban đầu, rồi dần dần lên tới gấp năm, người trong thôn thấy giá cả lên cao, bèn vận dụng sự thông minh của con người, họ nhét đá vào ruột bánh, chiếc bánh to dùng, pha thêm bột ngô vào với bột mỳ, rồi lại trộn thêm cả bột vỏ cây du, bột hạt cây keo vào nữa, bọn ma quỷ cũng chẳng thấy làm sao, vẫn cứ hàng đổi lấy hàng, đã thế họ lại còn bán thêm khá nhiều đồ dùng súc vật khác như trâu, ngựa, lợn, gà vẫn với giá rất rẻ. Người trong thôn mua về, chỉ về đến nhà là tất cả thứ đó đều đổi khác, xẻng cuốc cây bừa toàn là những thứ tết bằng cỏ, trâu, dê, lừa, ngựa đều là thứ gấp bằng giấy. Lúc ấy con người mới biết con quỷ nó lừa.

Anh em nhà họ Trịnh cầm đầu một số người ra chợ đánh nhau, bọn ma quỷ không có phòng bị trước, nên kết quả là đại bại, thua chạy tan vỡ hết, người trong thôn tịch thu được hết mọi đồ vật. Chắc chắn là cái chợ ma ấy sẽ tan. Nào ngờ, đêm hôm sau, chợ đông vận hoàn đông. Con người lại vẫn giữ thói cũ, anh em nhà họ Trịnh lại cầm đầu đi cướp phá. Một con ma, chắc là tên đầu sỏ, can lại nói:

- Có phải là các anh thật sự không sợ ma quỷ không?

Hai Trinh đáp:

- Này! Đến bọn người sống, chúng ông còn không biết sợ, huống hồ là lũ quỷ chết chúng bay.

Thế là hai bên xông vào loạn đả; bọn ma quỷ quyết không chịu lùi, chúng cứ quần riết vào với nhau, đồng tâm hiệp lực, không dùng vũ khí, mà chỉ toàn bằng tay chân... Cuối cùng dân thôn thất bại.

Quay về đến nhà, tất cả những chỗ bị ma quỷ đâm dả, bắt đầu sưng tấy và mưng mủ, loét ra giống như sâu quặng. May mà "Ông Quân Nhu" lại có bài thuốc chữa sâu quặng rất hiệu nghiệm, nên mới cứu được nổi đau cho mọi người. Còn những chỗ bị ma quỷ cấu véo, thịt cứ thâm lại, đau nhức vô cùng, "Ông Quân Nhu" cũng đành chịu bó tay. Cả Trinh bị ma véo lên đầu, từ đấy bị điên điên, dại dại, trở thành phế nhân.

Kể từ đêm hôm đó, chợ ma biến mất, không họp nữa, Hai Trinh vốn là anh hùng nhất khoảnh, mà lại bị thất bại nhục nhã, lấy làm xấu hổ, nên bỏ nhà mà đi.

Từ đó chuyện này loang ra.

Ở thị trấn cách đây hai chục dặm, chuyện này càng trở nên huyền bí, khiến cho rất nhiều người mò mẫm đến tận chỗ hồ vô danh này, tìm đến chỗ họp chợ. Nhưng tất cả vẫn chỉ là đám đất phẳng trong vùng khe núi, với một cây bách kỳ hình quái

dạng. Họ dò hỏi người trong thôn, người trong thôn ai cũng bảo không biết, với nét mặt đầy giận dữ. Nhưng cũng có một số người ít ỏi đã phát hiện ra Cả Trịnh ở trong rừng anh đào, anh ta đúng là một thằng rồ, cứ nhìn thấy đàn bà con gái là toét miệng ra cười cười.

Có người hỏi Cả Trịnh:

- Này Cả Trịnh, lớn dùng ròi, làm sao vẫn chưa cưới vợ?

Cả Trịnh đáp:

- Cười.

Người kia lại nói:

- Có phải người béo ị, chân ngắn, mặt đen, tai to dùng không?

Cả Trịnh không hiểu người ta bảo anh cưới lợn, nên đã nghiêm túc, cải chính lại:

- Không! Mặt trắng, vú to...

- Ở chợ ma à?

- Không! Ở trên thị trấn cơ.

Người mà Cả Trịnh nhắc tới là Sửu Sửu. Cô Sửu Sửu bán bách hóa trong một cửa hàng trên thị trấn. Cô là cháu của Triệu Âm Dương, nhà họ Triệu đã hết đàn ông nối dõi tông đường, cô cháu gái này lấy chồng trên thị trấn, ông bố chồng là cán bộ, đương nhiên, Sửu Sửu cũng được che ô mà đi làm công nhân viên chức, cho nên nhà cửa của cha mẹ ở nhà quê cũng khóa cửa để đấy, đã hai năm nay không về.

VUA CÁ

Đến cuối tháng ba năm X... bà Trọc vừa lên giường đi ngủ, chợt có người gõ cửa. Tiếng gõ cửa rất gấp gáp. Bà vội khoác áo, xuống giường, hỏi:

- Ai đấy?

Tiếng bên ngoài cửa đáp lại:

- Con! Mẹ ơi! Thằng Hai đây!

Bà mẹ kêu lên một tiếng, rồi mềm nhũn người trên bậc cửa.

Trong vòng một hai năm nay, Hai Trịnh đi đến những đâu, buôn bán, làm gì? Hai Trịnh cảm như hén, nên mẹ cũng chẳng hỏi han thêm gì nữa. May mà khi Hai Trịnh bỏ nhà ra đi, người trong thôn cũng chẳng ai biết do duyên cớ gì, việc cũng lại đã lâu rồi, nên cũng chẳng ai nhắc lại chuyện cũ nữa, Hai Trịnh vẫn cứ là Hai Trịnh.

Vì chẳng phải là loại xênh xang áo gấm hồi hương, nên mọi người cũng chẳng cần phải vồ vập, nịnh nọt gì, nhưng trong lúc riêng tư, mọi người vẫn vểnh tai lên nghe tiếng nhị hồ.

Người trong thôn không còn phải là (thầy tướng số) Triệu Âm Dương nữa, cho nên đoán mò đoán mẫm đều là đoán sai cả.

Hai Trịnh ăn cơm ở trong nhà, nói thật to:

- Xào, xào... cái món thịt ấy lên...

- Uống, uống... cho thật say vào...

Kỳ thực khi ấy, Hai Trinh với mẹ đang chỉ có ăn củ cải, và "uống" tức là uống nước cháo loãng.

Mọi người lại bảo nhau:

- Thăng ôn này, chắc là đi ra ngoài cũng kiếm chác được.

Trên cổ tay của Hai Trinh có đeo một chiếc đồng hồ, trên miệng túi phía bên trái của chiếc áo hồng vệ binh có cài tới ba chiếc nút máy mỗi khi la cà tới nhà hàng xóm láng giềng.

Hàng xóm hỏi:

- Anh Hai, chắc phát tài hả? Anh về hồi nào vậy?

Hai Trinh đáp:

- Tối qua.

- Ngồi bát?¹

Những người trong thôn chửi thảm trong bụng:

- Cái lũ văn minh này, làm sao ngồi bát ngồi đĩa mà về được?

Họ nhìn ba chiếc nút máy, nhưng vì không có văn hóa nên không dám hỏi về nó, nên họ hỏi:

- Anh Hai, mấy giờ rồi?

Hai Trinh nhìn đồng hồ, nhưng đồng hồ là loại đồng hồ bánh xe làm bằng nhựa, không chạy được.

1. "Tối qua" và "ngồi bát" là những chữ đồng âm dị nghĩa. Vì anh chàng này mót giọng tỉnh thành, nên dân làng nghe nhầm ra nghĩa nọ thành nghĩa kia. Lối chơi chữ này của tác giả không dịch nổi (ND).

Hai Trinh đã từng bị dân thành phố đánh lừa mình, nay về nhà, lại lừa lại dân thôn.

Hai Trinh đáp:

- Sáu giờ!

Mọi người nhìn mặt trời còn đỏ, chẳng biết giờ giấc ra làm sao nữa. Họ ngoác miệng ra ngáp, hình như đang buồn ngủ thật:

- Ôi! Sáu giờ rồi, mà trời vẫn chưa tối nhì!

Nhưng Hai Trinh không cho họ đi ngủ, anh ta khuyến khích hãy làm giúp mình một công việc, có lãi cùng hưởng.

Việc ấy đã làm cho dân thôn cười đến vỡ bụng:

- Anh định bắt cá dưới hồ vô danh?

- Tôi tính có khi phải tới ba nghìn cân cá đấy!

- Bắt vào ngày mồng năm tháng tư?

- Ngày ấy, người các nơi khác đến đông, nhất định là kiếm được.

- Chú mày điên chắc?

Thôn dân nhìn Hai Trinh, không những thấy anh ta đã phát điên, mà còn thấy bộ mặt của anh ta thật đáng ghét. Ý kiến chung, được mọi người đồng ý: Không ăn cá là phong tục truyền thống của tổ tiên. Không bắt cá trong hồ là quy định của toàn thôn. Thế mà nay lại định bắt cá, đã thế, lại đòi bắt cá vào đúng ngày mồng năm tháng tư, đem cho người ta mổ bụng sao? Bàn bạc tới tận cùng, với lòng dạ đau xót, họ quyết liên hiệp lại, cảnh cáo Hai Trinh:

"Nếu dám bắt cá vào ngày mồng năm tháng tư, tất cả dân thôn sẽ cùng ra đảo đá, nguyên rửa Hai Trinh trước mặt Long Vương!"

Hai Trinh về đến nhà, tức giận rút phất ba chiếc bút máy vứt toẹt lên giường, một chiếc đập đủ các bộ phận, còn hai chiếc chỉ là hai cái nắp. Rồi cởi sạch quần áo, bà mẹ hết cả hồn vía, nhảy dựng lên vì nhìn thấy hai con rắn quấn quanh thân hình Hai Trinh. Đó chỉ là những vết xăm, nhưng bà mẹ hoa mắt tưởng rắn thật.

Sớm ngày mồng năm tháng tư, trong khi ngoài trời vẫn còn tối đen, chợt có một tiếng nổ, rồi tiếp theo là tiếng nổ thứ 7, thứ 8... thứ 12.

"Ông Quân Nhu" nghe tiếng nổ, mắt nhắm mắt mở nói:

- Không biết nhà nào dậy đốt pháo, cúng Long Vương sớm thế?

Nói xong, ông lại lơ mơ chìm ngay vào giấc ngủ. Cả thôn cũng chưa ai tỉnh giấc.

Trời sáng hẳn, mọi người mới trở dậy, quét dọn nhà cửa sân vườn, đốt giấy tiền, đốt pháo, rồi mới lũ lượt kéo nhau ra bờ hồ. Trên hồ vô danh đã có những người chèo những chiếc thuyền được chuẩn bị sẵn từ mấy hôm trước. Trên thuyền đầy ắp những sọt cá, những con cá dài một thước, ba thước, (*3 thước Trung Quốc bằng 1 mét .ND.*), con vây lưng đỏ, con vây lưng đen. Mười người trên thuyền, có đến chín là người lạ. Người quen thuộc duy nhất chính là Hai Trinh, vẻ mặt đầy ngóng nghênh. Người

cá thôn chỉ còn biết há miệng trợn mắt chòng chọc nhìn hần.

Đầu tiên, Hai Trịnh đi thuê mấy người ở thôn khác, gói bọc phá ném xuống hồ. Lũ cá tưởng thức ăn, tập trung cả lại, bọc phá nổ, cá bị choáng, phòi bụng trắng hồ. Hai Trịnh chỉ còn việc đem vớt đến vớt lên y như đi hái nấm sau mưa.

Dân thôn chỉ còn biết đứng ngây mà nhìn, từng gánh cá, lần lượt được gánh đi.

Ngày mùng năm tháng tư ngày cúng tế Long Vương, đã trở thành ngày Hội thề của toàn thôn. Họ đã dùng những lời lẽ cay độc nhất, thô lỗ nhất để nguyên rủa Hai Trịnh. Họ cầu khẩn Long Vương làm cho mụ Trọc càng trọc hơn, làm cho Cả Trịnh điên rồ càng điên rồ hơn. Làm cho những người ăn cá thành thói miệng, đi ỉa thì thói dít.

Nhưng, thế giới vẫn bình yên vô sự.

Khi Hai Trịnh xách một túi tiền về nhà, hần cũng đã học được cách ăn cá. Đưa cá vào phía trái miệng, nhè xương ra phía bên phải miệng. Hần muốn bắt cá thêm một lần nữa, hần đi rủ rê mấy nhà hàng xóm, nhưng chả nhà nào chịu vào hùa, nhập bọn với hần. "Ông Quân Nhu" tuy không nhập bọn nhưng lại ủng hộ hần. Khuyên hần không nên dùng thuốc nổ, mà nên làm thuyền, đánh lưới, những con bé, thả ra cho lớn tiếp, những con lớn, tươi nguyên vận chuyển ra khỏi núi. Hai Trịnh tiếp nhận ý kiến đó, lại còn tổ chức cả một mạng lưới bán cá tươi. Hần thả cá vào những thùng có nước, chỉ trong vòng một

đêm, cá đã được vận chuyển tới thị trấn. Ở thị trấn sang tay cho những người buôn, ngày hôm sau, đóng vào túi ni lông, đưa tiếp cá tươi đó lên Châu Thành. Đến Châu Thành, cá được giao cho những người buôn thứ ba, rồi được phân phối đến cho các cửa hàng ngay trong đêm, thế là sang đến ngày thứ ba, ngay từ sáng sớm, cá đã đến tay người tiêu dùng.

Người Châu Thành thích ăn đậu phụ, họ bảo đậu phụ là căn cốt của mình, nhưng bây giờ có cá, họ cũng chẳng cần đến cái căn cốt ấy nữa. Cá ở Châu Thành rất hiếm, cá tươi lại càng hiếm hơn. Loại hợp đồng ba bước phân phối cá ấy, đã làm lưu thông được thông suốt từ nông thôn tới thành thị, và khiến cho chợ búa tấp nập hẳn lên. Ủy ban thành phố Châu Thành liên quan tâm tới chuyện đó. Họ biểu dương, khen ngợi dân hàng cá. Và gọi Hai Trịnh là "Vua Cá", (Ngư Vương).

Người ở thôn bờ hồ, đem việc này kiện lên xã, nhưng kiện cũng chẳng ăn thua gì. Ban đầu họ còn coi khinh Hai Trịnh, nhưng sau lại cùng đổ xô ra hồ bắt cá. Họ tuyên bố: Hồ là hồ của chung, anh bắt, tôi bắt, tất cả đều bắt.

Mặt hồ bị chia ra, như chia ruộng đất vậy, mỗi nhà một khoảnh. Nhưng nước hồ lại sâu, không thể ngăn bằng lưới thép, đập sắt được, trong khi cá lại hoàn toàn tự do, chúng bơi từ "lãnh hải" nhà anh, sang "lãnh hải" nhà tôi. Cho nên, cá ở hồ vô danh, ai ai cũng có thể đánh bắt được.

Hai Trịnh tuyên bố:

- Tôi bao thầu cả cái hồ này, ai muốn, phải vào cổ phần, hàng tháng tôi sẽ chia tiền lãi cho từng cổ phần một.

Thôn dân tuy trong lòng vui mừng đến cực độ, nhưng bên ngoài lại làm ra vẻ bất cần, nói:

- Thế cũng được!

Đến đây, Hai Trịnh sướng đến phát điên lên được, hẩn viết báo cáo gửi lên Ủy ban xã, báo cáo kế hoạch của mình, cần phải mở rộng mặt hồ, xây dựng hàng rào. Đóng cọc xi măng, chằng dây thép gai để ngăn cách một số hồ nhỏ với hồ lớn. Thả thêm cá giống. Mua thức ăn chăn nuôi. Xây dựng mạng lưới bán cá. Tất cả của tất cả, cốt sao vay lấy mười vạn đồng.

Nhà nước trả lời, ủng hộ, cho vay bảy vạn.

Hồ vô danh dùng dùng đổi mới. nó hoàn toàn không còn tí tẹo gì bóng dáng ngày xưa nữa. Hai Trịnh cũng chẳng còn phải là Hai Trịnh hồi trước. Anh ta xây một ngôi nhà mới ba gian, trong nhà có quạt điện, bình nước nóng tự động, đệm mút, ti vi. Đúng như đời sống của người thành phố Châu Thành. Rồi bất chợt trong nhà anh ta lại vang lên tiếng nhị hồ, bọn trẻ kéo đến xem, mới biết rằng không phải Hai Trịnh kéo nhị hồ, mà tiếng nhị, tiếng đàn được phát từ một chiếc máy ghi âm, cát sét. Âm lượng mở đến hết cỡ.

Cả thôn đều phát ghen lên với cái thằng Hai Trịnh này. Đồng thời cũng phát ghét lên với cái thằng Hai Trịnh này. Họ tính toán ngay trước mặt bà Trọc: bảy vạn đồng, một đồng vay một năm phải trả lãi

tám xu, bảy vạn đồng tức là năm ngàn sáu; bảy vạn cộng thêm năm ngàn vị chi là bảy vạn năm ngàn. Thử hỏi cá bán được bao nhiêu tiền? Nếu muốn trả hết nợ, Hai Trịnh phải trả trong ba chục năm, thế là trả nợ đến già chứ sao nữa. Nợ này rồi phải truyền cho con; con lại truyền cho cháu. Chuyện Ngu Công đời núi, cũng là họ đào núi hết đời nợ sang đời kia...

Bà Trọc sợ quá, đến ngay chàng Cả điên rồ cũng sợ, ở nhà, nói với Hai Trịnh: Sợ sợ.

Một hôm, Hai Trịnh từ bên ngoài về. Làm một mâm cỗ. Kính mẹ một chén rượu, kính anh một chén rượu. Cuối cùng mới nói:

- Thưa mẹ, thưa anh, việc tôi làm một mình tôi chịu, hoàn toàn không có liên quan gì tới mẹ, tới anh cả đâu. Tôi đã lên Ủy ban xã làm một giấy chứng nhận rồi đây. Hai Trịnh không biết mẹ, biết anh; anh tôi, mẹ tôi cũng không coi cái thằng tôi là con, là em. Hai Trịnh là người độc thân, một mình chịu trách nhiệm với Nhà nước!

Bà mẹ già và ông anh ngốc nghếch cũng chẳng biết nói gì.

Hai Trịnh lại nói:

- Rồi đây, bằng bất cứ giá nào, hoặc là tôi sẽ lên Bắc Kinh oai vệ bước vào Đại lễ đường, hoặc là bị tổng vào nhà lao, ăn đạn!

Đến năm sau, cá nuôi trong hồ cực béo. Trong khi đào móng chôn hàng rào, lúc đào tới lớp đá gốc, Hai Trịnh cậy được một khối thạch bản. Trong khối thạch bản có 13 con cá. Những con cá đều ở tư thế

bơi rất tự do thoải mái, có con lao đầu lặn xuống, có con nghiêng mình nhao lên, có con há miệng bơi tới, có con quẫy đuôi bơi đi. Tất cả đều rất sinh động, rất có thần. Cá này là thuộc loại cá cổ xưa, giữa lúc chúng đang sống bình thường, vỏ trái đất bỗng thay đổi, nên cứ nguyên như thế mà đông cứng lại, và đã trở thành hóa thạch hàng ngàn hàng vạn năm. Hai Trịnh vui mừng vô cùng, bảo rằng đây là diêm lạnh, dứt khoát sẽ trở thành "Vua Cá".

Khối hóa thạch ấy được đặt ngay ở cửa ngôi nhà mới của Hai Trịnh.

Nhưng, ai có biết đâu, đây lại là diêm dư! Trước kỳ bắt cá ở hồ ba ngày. Hai Trịnh ra thăm hồ cá thật sớm. Đầu tiên chỉ nhìn thấy mặt hồ trắng xóa, cứ tưởng rằng đây là ánh trăng dọi xuống... hắt lên, khi ngẩng đầu lên nhìn trăng, trên trời lại tối sầm tối sì, đến một ngôi sao cũng không có. Hai Trịnh thấy ngờ ngợ, lên thuyền bơi ra hồ, mới thấy, cái màu trắng xóa ấy toàn là bụng cá phơi lên chết.

Toàn bộ cá trong hồ bị đầu độc, chết hết.

Sự việc thật rõ ràng, đúng là có người hạ độc thủ rồi. Hai Trịnh có vợ, nhưng đã bỏ nhau. Tuy cũng tăng tịu với mấy cô khác, nhưng chẳng làm thủ tục đăng ký với cô nào. Nếu như có con, việc này cũng ngang với việc đem con quẳng xuống giếng vậy. Hai Trịnh mời công an đến điều tra. Nhưng điều đi, tra lại vẫn chẳng điều tra ra được một tí cái gì. Mớ tóc lưa thưa của bà Trọc chỉ một đêm trắng phớt cả ra. Riêng Hai Trịnh vẫn là Hai Trịnh, thu thập-hết tiền trong nhà, rồi cao chạy xa bay.

Hai Trịnh cờ bạc ở một nơi thuộc vùng núi Nam Sơn. Lần đầu tiên thắng ba ngàn. Lần thứ hai lại thắng năm ngàn. Lần thứ ba cho rằng mình đang vào "cầu son", có tử tinh chiếu mệnh, (*Tử có nghĩa là tia, là tím như tia tử ngoại ND*), tám ngàn bạc dốc sạch ra chiếu, thua trắng. Chiếu bạc là nơi phải bày tỏ khí phách, Hai Trịnh đỏ ngầu mắt, không chịu, thế là rút phắt dao ra. Hấn cả sức lại cả gan, một nhát dao đâm thẳng vào đùi kẻ địch, còn cánh tay hấn xơi gọn một hòn gạch, máu đen ồng ộc tuôn ra. Hấn vùng dậy, nhằm vào kẻ địch chém tới, lực mạnh, tuột tay, dao sắc, làm đứt phăng cả năm ngón tay hấn, còn người kia ngã vật xuống đất, không kịp kêu được một tiếng nào. Sinh mạng con người ta thật kỳ lạ, bảo rằng mạnh mẽ thì thật mạnh mẽ, bảo rằng yếu đuối cũng thật là yếu đuối. Hai Trịnh không ngờ được rằng hấn đã giết chết một con người.

Hai Trịnh quơ lấy đồng tiền trên chiếu rồi bỏ chạy. Năm ngón tay vẫn còn giãy giãy trên mặt đất.

Năm ngày sau, trên tầng gác của một tửu điểm nhỏ ở thành phố Châu Thành. Người ra kẻ vào. Chợt có một chiếc mô tô thuyền lao tới, hai người công an mang súng từ trên xe nhảy xuống, lao lên gác. Những người đi ngoài đường chẳng biết có chuyện gì, nên xúm đông lại trước cửa tửu điểm xem. Một lát sau, một người bị bắt, bị trói quặt tay ra đằng sau, được lôi xuống, ném thẳng vào thùng xe. Mọi người chen đến xem mặt kẻ phạm tội, nhưng nhân viên công an đã ấn đầu tên tội phạm vào chỗ để chân tối tăm của thùng xe, nên mọi người chỉ còn

trông thấy cặp móng hân, và đôi tay bị trói quặt ra đằng sau, trong đó có một bàn tay quấn băng kín.

CHUYỆN "ÔNG QUÂN NHU"

Sau khi Tiên Nhất Nhân đi ở rể và có con trai, theo quy định của thôn bờ hồ, đứa trẻ sẽ mang họ Vũ. Khi ấy ông bố ở trong tù chết đã được hai năm, anh âm thầm đau khổ bởi từ đây nhà họ Tiên coi như tuyệt tự, nên thường khóc thầm, khóc lặng một mình. Tâm sự ấy của anh, A Viện đã báo cho bố biết, "Ông Quân Nhu" đã rộng lượng cho đứa trẻ được mang họ Tiên, khiến Tiên Nhất Nhân ơn sống ơn chết, trăm đường ngoan ngoãn, cố gắng hết mình. Cuối cùng đứa con thứ hai ra chào đời, không ngờ lại là một đứa con gái. Chính sách của Nhà nước chỉ được phép đẻ có một con. Đẻ đứa thứ hai sẽ bị phạt tiền, nộp phạt xong còn phải thất ống dẫn trứng. Tiên Nhất Nhân đã có giấy phép hành nghề y, lại mới học được phương pháp thất ống dẫn trứng, anh đã "thiến" rất nhiều, rất nhiều phụ nữ, nên tiện thể, anh "thiến" luôn cả A Viện.

Đứa con trai do A Viện trông nom cho đến lớn. Khi đứa con gái được sinh ra, "Ông Quân Nhu" đã nghỉ, thôi không bốc thuốc nữa, nên suốt ngày công đưa cháu gái trên lưng đi la cà khắp thôn xóm. Đứa bé như ngọn cỏ gặp gió. Nửa tuổi biết bò, một tuổi biết đi, ba tuổi, leo trèo, chẳng khác gì con khỉ. "Ông Quân Nhu" chẳng còn việc gì để mà làm nữa.

Tục ngữ đã nói: Khi về già có ba điều: Thích tiền, sợ chết, và mất ngủ. Điều gay go nhất đối với "Ông Quân Nhu" là mất ngủ. Đêm đêm nằm ngủ ở trong buồng, nghe sói gào, chó sủa và nghe cả tiếng con dế rí rả bên ngoài nhà. Nửa đêm, Nhất Nhân đi chữa bệnh trở về. A Viện không mặc quần áo, ra mở cửa, ông nghe Nhất Nhân nói:

- Hai cái bánh bac nóng hổi...

Trong lòng ông bỗng thấy giận, nghĩ: Hừ, đi chữa bệnh mang bánh về, không thèm đem biếu người già lấy một cái, mà lại đem nịnh vợ.

Mấy ngày liền, mặt mũi ông lúc nào cũng sa sầm.

Lúc đi chơi, gặp bà Trọc, nói chuyện nhà cửa, ông than vãn về con người, và rồi ngẫu nhiên buột miệng nói ra chuyện ấy. Bà Trọc đi tìm Nhất Nhân và A Viện, có ý trách cả hai vợ chồng, A Viện mặt đỏ dừ lên, giải thích: Cái lần mở cửa đêm hôm ấy, là chuyện Nhất Nhân nâng nằng bộ ngực cô lên, rồi nói chuyện riêng của hai vợ chồng thế thôi. Bà Trọc cười sặc sụa đến suýt tắc thở, rồi đi tìm "Ông Quân Nhu", mắng cho ông một trận rằng: Già mà còn dở...

Tuy "Ông Quân Nhu" đã giải được nỗi sầu trong dạ, nhưng đêm đêm vẫn không sao ngủ được. Nửa đêm nghe thấy tiếng chiếu giường cọt két, sột soạt, cùng tiếng cười rúc rích ở buồng bên kia, cũng không tránh khỏi việc tủi phận cô đơn của mình.

Nhất Nhân và A Viên đối xử với ông lão rất tốt, khi bước vào mùa hè, may ngay cho ông chiếc áo lụa. Chớm đông lại may thêm chiếc áo bông. Sáng sớm đun nước nóng cho ông rửa mặt, ban đêm đi đổ bô cho ông. Có miếng gì ngon, đều mời cha ăn trước, cha ăn không hết mới cho các con ăn. Ăn no, mặc ấm, trong túi lúc nào cũng rủng rinh tiền tiêu vật. "Ông Quân Nhu" là một ông già có phúc ở thôn bờ hồ. Nhưng ông già có phúc ấy cũng còn có điều chẳng muốn nói ra, khi thấy con gái và con rể nói cười trong bếp, rúc rích trên giường, rồi mỗi ngày, khi hoàng hôn xuống, lại sống vai nhau, đi dạo bên ngoài thôn, "Ông Quân Nhu" lại cảm thấy lòng mình trống rỗng, đơn côi, cô tịch, và nơi khóe mắt lại ứa ra một giọt lệ to, mặn chát.

"Ông Quân Nhu" bắt đầu ký gửi tình cảm của mình cho chiếc hồ vô danh. Ông làm một chiếc cần câu thật dài, rồi suốt ngày ngồi xõm ở đó yên lặng đợi chờ. Suốt ngày chẳng câu được một con cá nào, bởi vì lưỡi câu của ông chỉ là một chiếc đinh ghim để thẳng, và cứ khoảng độ mười phút, ông lại thay mỗi một lần. Khương Thái Công câu cá là để cho người cần câu, "Ông Quân Nhu" câu cá chẳng để cho người cần câu, mà còn có ích cho ai đến với mồi, rĩa hết mồi rồi đi, chẳng sao cả. Điều ông muốn hưởng thụ là rửa tay mà ngồi, để chiếc cần câu dài truyền sự tịch mịch vào trong nước, gợn lên trên mặt hồ một làn sóng nhẹ, và trên sóng, một làn gió thoảng. Ông muốn chiếc cần câu dài câu lên được một niềm an ủi, câu lên được sự thanh nhàn, sao cho qua được cái thời gian dằng dặc tuổi xế chiều.

Nhưng ông câu được nhiều hơn cả là những hồi ức.

Một lần, thậm chí tới hai lần, trong khi ông ngồi buông câu, ông nghe thấy thoảng trong gió có những tiếng nấc nghẹn. Ngoảnh mặt lại nhìn, mặt nước dịu hùi, lá khô xào xạc, bà Trọc đang cuộn mình, trong một bụi cây ở nơi xa, tức tưởi khóc. Đó là khi Hai Trinh đã nói rõ rằng mình đoạn tuyệt mọi quan hệ với mẹ già, anh ta bảo vệ mẹ, nhưng cũng chính là hãm hại mẹ, trong khi anh ta sống trong rượu chè, cờ bạc, trai gái, thì bà mẹ vẫn như xưa, trong thùng không một hạt gạo, trong bếp không một que củi. "Ông Quân Nhu" đã tìm đến an ủi bà, dẫn bà về nhà họ Vũ cơm nước một vài bữa.

Khi "Ông Quân Nhu" ra bờ hồ câu cá, bà Trọc cũng lững thững tới với ông, hai người đứng trước gió trò chuyện, rất tâm đầu ý hợp.

Có một hôm trong thôn có người xẻ gỗ, tiếng cưa xẻ rất vang. Hai người yên lặng lắng nghe một lúc.

"Ông Quân Nhu" nói:

- Bà nghe xem, cái tiếng ấy có phải nó kêu "xoẹt, xoẹt, xoẹt" không?

Bà Trọc đáp:

- Không phải, nó kêu "sà, sà, sà...".

"Ông Quân Nhu" lại nói:

- Nó kêu: phạch, phạch, phạch...

Bà Trọc lại nói:

- Nó kêu: la, la, la...

Cứ như thế hai ông bà tranh luận với nhau đến tận chiều.

Cuối cùng đi đến kết luận: Ai bảo nó kêu thế nào, tức là nó kêu đúng như vậy.

Thấy cha hay đến nhà bà Trọc, ban đầu Nhất Nhân và A Viện cũng chẳng để ý, nhưng về sau thì ngăn cản, không cho ông tới đó nữa.

Ông nói:

- Tao đi chơi cho đỡ buồn.

A Viện nói:

- Nếu vậy, cha đi hẳn ra ngoài mà chơi. Nhà họ Trịnh nhí nhố, bữa bãi chết đi ấy, cha đến đấy làm gì?

Cha đáp:

- Thằng Hai Trịnh đi rồi, nhà mới, sạch sẽ, gọn gàng, với lại, tao đến để đánh bài nhân thể.

A Viện nói:

- Cha thật là!

Thế rồi cũng đến một ngày, "Ông Quân Nhu" đã tự nói ra những điều mà A Viện lo ngại: Ông định kiếm cho ông một người bạn già.

Tuy ông không nói người bạn già mà ông muốn tìm kiếm là ai, nhưng cả hai cha con đều đã hiểu cả.

A Viện khóc, nước mắt rùng rùng nói:

- Cha đã bảy mươi rồi, các cháu đã lớn bằng ngàn này. Rồi mọi người sẽ bàn ra tán vào ra sao? Có phải là tại con với anh Nhất Nhân bất hiếu bất mục hay không?

"Ông Quân Nhu" chẳng biết trả lời ra sao, nhìn con gái khóc lóc thảm thiết, ông cũng chảy nước mắt theo.

Từ đấy, ông lão chẳng còn bao giờ nhắc tới chuyện đó nữa. Nhưng A Viện thấy rằng, ông lão độ này ăn uống kém hẳn, nói năng càng ít hơn, thường chỉ ngồi ngây trước sân nhìn mây. Con mèo nhảy lên đỉnh tường sân, làm rơi xuống một hòn ngói, ông cũng chỉ lạng lê nhìn, rồi bất chợt quát lên:

- Mèo! Mèo... Vỡ rồi!

"Ông Quân Nhu" phản ứng rất chậm. Khi tiếng viên ngói rơi vỡ, ông cũng chẳng nghe thấy, mà chỉ nhìn thấy "vỡ rồi".

A Viện cũng cảm thấy rất tội nghiệp cho cha.

Nhất Nhân bàn, hay là cha lại tiếp tục xem bệnh bốc thuốc như xưa, có việc làm, cũng đỡ buồn, nhưng ông từ chối không chịu. Ông chỉ mong mỗi làm sao cho y đạo và y danh của con rể vượt qua được mình.

A Viện đi lên thị trấn, tìm một người bạn học thuở thiếu thời của cha. Ông ấy hiện đang là ủy viên mặt trận, mỗi tháng được nhận 50 đồng tiền lương phụ cấp, và vẫn thường được lên họp trên huyện. A Viện nhờ ông ủy viên đó khuyên giải cha mình.

Ông ủy viên nói:

- Mọi việc, chú cố thể làm giúp cháu được, chứ việc này thì không, tính nết ông lão kỳ cục lắm!

Ông ủy viên còn nói thêm:

- Sao không để cha cháu tham gia mặt trận? Trên huyện người ta hay tổ chức họp hành, đi đi về về cho vui.

Năm mươi năm trước, cha của A Viện là một thanh niên rất tuấn tú, học trường tiểu học ở thị trấn rất giỏi, rồi đến một mùa thu, lưng đeo chân dè, lên huyện học trung học, giữa đường gặp một đám lính, đám lính này chẳng phải quân tử tế gì. Chúng chặn đường bắt đi 18 người, một sợi thừng, trói tất cả thành dây, dắt đi. Từ đấy cha A Viện trở thành người chuyên đi công lương thực.

Ông đến Sơn Tây, rồi tới Hà Bắc, lại đến Quan Trung. Cha A Viện chẳng phải là con người trận mạc gì, ông thông minh, lại khá chu đáo, đầu tiên làm cấp dưỡng, sau làm cần vụ. Cuối cùng cũng được làm quan, đó là quan "Quân Nhu" vậy. Hai năm sau, đơn vị này gặp quân đội cộng sản ở Hoàng Long, Thiểm Bắc, hai bên đánh nhau, cuộc ác chiến diễn ra ba ngày bốn đêm. Nhưng chỉ sang đến ngày thứ hai, ông bỏ trốn. Ông đóng giả làm người ăn mày, tìm đường về quê cũ, bắt đầu đọc lại bố sách thuốc của tổ tông truyền lại. Đơn vị cũ của ông sau ba ngày bốn đêm đã bị đại bại, đơn vị sư đoàn của ông bỏ chạy về Kiều Sơn, tuyên bố khởi nghĩa. Ông Sư trưởng vốn biết ông, nên đã cho người về tận bờ hồ tìm ông, mời ông đi tiếp. Nhưng khi ấy, ông đã quá ham mê đóng sách thuốc, ông thết đãi rượu chè người đến tìm ba ngày liền, rồi tiễn người đó ra đi.

Những người chỉ huy sư đoàn quân đội Quốc dân đảng năm đó, sau giải phóng, tất cả đều vào tù, bây

giờ cũng là ủy viên mặt trận huyện, luôn luôn họp hành, được ăn lương phụ cấp. Đơn vị bộ đội của "Ông Quân Nhu" đã từng tuyên bố khởi nghĩa, còn "Ông Quân Nhu" vẫn cứ là nông dân.

A Viện đem tất cả những chuyện đó nói lại với cha, trong lòng cũng thấy hay hay, nên ông đã tìm tới mặt trận huyện.

Mặt trận nói:

- Phải có người ở chính cái đơn vị ấy làm chứng, chứng nhận mới được. Nếu không có gì làm chứng cứ để chứng minh ông là "Quân Nhu"?

Ông lão đáp:

- Ai mà chẳng biết cơ chứ, trong thôn tôi, mấy chục năm nay mọi người đều gọi tôi như thế. Cái ông Sư đoàn trưởng đã từng ngồi tù kia còn được, sao tôi lại không được? Chẳng lẽ tội ác càng lớn, lại càng được hưởng thụ lớn hơn sao?

Mặt trận nói:

- Người ta đã được Nhà nước đại xá, có đầy đủ công văn giấy tờ của cấp trên đấy!

Ông chỉ còn mỗi một cách là viết thư cho ông Sư đoàn trưởng cũ, mà bây giờ đang làm Tư lệnh trong một quân khu ở Giang Nam.

Nhưng ông Tư lệnh không trả lời. Ông Tư lệnh vẫn nhớ "Ông Quân Nhu" đấy, nhưng ông vẫn tức ở chỗ, khi lâm chiến, "Ông Quân Nhu" bỏ chạy, quay lưng lại với ông. Điều đáng tức hơn là đã cử người đi mời, lại dứt khoát không chịu gia nhập quân khởi

nghĩa, nên ông Tư lệnh đã đem lá thư vứt vào thùng giấy lộn.

Cả thôn, ai cũng lấy làm tiếc cho "Ông Quân Nhu".

Riêng bà Trọc lại lấy làm mừng. Bà nói:

- Ông đã không đói ăn, lại cũng không thiếu mặc, đi làm cái chân ủy viên ấy để làm gì? Ở cái vùng hồ vô danh này sướng biết bao nhiêu. Nếu ông được lên huyện họp hành, liệu ông phát biểu được mấy câu? Mà ai người ta đã chịu nghe ba cái câu phát biểu ấy của ông cơ chứ?

"Ông Quân Nhu" nghĩ lại cũng thấy phải, dần dần rồi cũng quên phắt những ý nghĩ về cái mặt trận đó đi.

Bà Trọc chính thức dọn về nhà mới của Hai Trịnh để ở, bởi đã có tin chắc chắn rằng, Hai Trịnh đã bị công an bắt giam. Địa phương chưa tịch thu tài sản của anh ta, tính ra tiền nó cũng chỉ mới bằng khoảng một phần năm số tiền mà anh ta mang nợ. Cuối cùng Hai Trịnh đã mắc một món nợ âm, kiếp sau có làm thân trâu ngựa, cũng chẳng trả hết được món nợ ấy. Đây là chuyện sau này. Nhưng khi chính quyền địa phương tịch thu ngôi nhà mới của Hai Trịnh, lại thấy tình cảnh bà Trọc thật đáng thương, cho nên đã bán cho bà ngôi nhà ấy với giá rẻ nhất. Trong ngôi nhà mới của mình, bà Trọc đã đắp thêm một cái giường đất mới, đắp thêm một cái bếp lò mới cho Cả Trịnh điên rồ, hai mẹ con tách ra, ăn riêng.

Nhà bà Trọc trở thành một nơi tụ tập đánh bài. Ai đến đánh bài, người đó tự mang đồ ăn thức uống tới, đến bữa, bà Trọc giúp mọi người sắp mâm cùng ăn. Hội đánh bài có khi kéo dài tới nửa đêm. Nửa đêm, tan hội, mọi người ra về, nhưng "Ông Quân Nhu" thì ở lại, ông vui vẻ với bà Trọc cho tới sáng.

A Viện với cha cũng đã cãi lộn mấy trận to, to đến nỗi người ngoài biết hết, nên cũng chẳng cần giữ gìn tai tiếng gì nữa, cô cũng đã đến tận nhà mới của bà Trọc làm ầm ĩ mấy phen rồi. Năm đó vùng Thiểm Nam gặp đại hạn, ở sân ngôi nhà mới, có một cây lê nhỏ, quả ra nức nủ, nhưng lá lại héo quăn queo hết cả. A Viện bước vào sân, vốn đã định làm cho bà Trọc tan hoang một phen, nhưng vào sân rồi, lại chẳng nói được câu nào. Bởi vì A Viện nhìn thấy cha mình cũng ở sân, đang múc nước dưới giếng tưới cho cây lê nhỏ. Cây lê lay động, rụng xuống một quả lê nhỏ, héo quắt chát xít, lăn lông lốc tới trước mặt A Viện.

TRÊN THỊ TRẤN

Cháu gái ông Triệu Âm Dương làm nhân viên bán hàng trong một cửa hàng trên thị trấn. Điều đó cũng đã gây ra một trận xôn xao, không to, không nhỏ trong những người ở thôn bờ hồ. Ở thôn này, có đến trên trăm năm nay chưa có ai là người làm việc nhà nước, nên cô Sửu Sửu được coi là người đầu tiên. "Ông Quân Nhu" tuy cũng đã từng đóng quan, nhưng lại là quan ngục, lịch sử chẳng có gì

gọi là quang vinh cả, hơn nữa giữa đường, lại quay về làm dân, thế còn ra cái thế thống gì không? Tiên Nhất Nhân tuy là người xuất thân từ thành phố, nhưng bây giờ cũng quê một cục, nên chẳng có gì đáng gọi là vinh vang được. Triệu Sửu Sửu lại kinh doanh hàng bách hóa, ngồi trong phòng mát, nể chẳng tới mặt, ăn lương nhà nước, thế thì có ta nhờ vào cái gì? Có người bảo đó là âm đức của Triệu Âm Dương. Triệu Âm Dương biết xem phong thủy, biết tính toán được hậu vận, ông đã tìm được huyệt chôn cất cho chính mình đúng vào chỗ đất tốt, cho nên đời sau mới được hưởng âm phúc. Chứng cứ về phần mộ này vẫn còn sờ sờ ra đó: năm trước, phần mộ của người khác, phần lớn đều bị đào bởi ăn trộm, nhưng phần mộ của Triệu Âm Dương vẫn nguyên vẹn, chẳng sút mẻ gì. Có người nói: Bảo rằng phần mộ nhà họ Triệu được đặt vào cái huyệt tốt. Vậy tại sao sang đến đời thứ ba lại chẳng có con trai? Thế rồi đến đời đứa cháu gái mới được ăn lương nhà nước? Tất cả chỉ là trông vào cái mệnh, cái duyên, cái số của chính Triệu Sửu Sửu mà thôi.

Có người lại nói: Nếu bảo rằng cô ta tốt số, làm sao lại chỉ học hết có tiểu học. Đường kim chỉ vá may làm sao bằng được A Viện, đường bếp núc làm sao bằng được Tú Nhung? Lời đáp là: Ông cứ trông cái hình dáng, cái dạng vẻ con người thì biết! Kiểu dáng của Sửu Sửu là thuộc loại tiêu chuẩn đấy! Nếu như những người ở thôn bờ hồ, là những người đã đọc sách thánh hiền chắc sẽ nói: Cao thêm một phân là quá cao, thấp bớt một phân là quá thấp, béo thêm

một tý là quá béo, gầy bớt một tý lại là quá gầy. Cuối cùng, mọi người đi đến một kết luận mới: Người đàn ông có phúc hay không có phúc không phải do xấu đẹp quyết định, mà phải trông vào tài sức của mình. Đàn bà chủ yếu cần phải đẹp. Xinh đẹp, những người đàn ông có tài mới lấy làm vợ, lấy nhau rồi, mới phu quý phụ vinh, giả dụ như cô con gái đó là con một lão ăn mày, cô con gái đó từ bé chỉ sống trong chuồng lợn, nếu không xinh đẹp, chỉ có làm vợ nông dân, nếu xinh đẹp, sẽ là người yêu của những người làm công việc nhà nước, nếu thật xinh đẹp, sẽ là vợ các quan.

Người yêu của Sửu Sửu là nhà giáo, ông bố chồng là chủ tịch thị trấn, nên Sửu Sửu thuộc loại con gái nằm giữa khoảng xinh đẹp và thật xinh đẹp.

Người trong thôn thường lên thị trấn, hay đi qua cửa hàng bách hóa, cũng ngó đầu vào xem. Trông thấy Sửu Sửu mặc áo khoác ngoài trắng, ngồi đằng sau quầy hàng cắn chặt hạt dưa. Cái dáng cô cắn hạt dưa thật đẹp. "Tách" một cái, vỏ hạt dưa nứt ra, đầu lưỡi đỏ, nhọn hoắt đưa ra dính lấy cái nhân, đồng thời cái vỏ bay vèo ra ngoài...

Bốn năm trước, ngày Sửu Sửu đã đính hôn nhưng còn chưa cưới, khi mặt trời dọi vào những tấm kính trong cửa hàng, hắt lên mặt cô những quầng sáng mờ mờ ảo ảo, vòng vòng cong cong như sừng, mà người trong thôn thường bảo là những vòng hào quang trên đầu Phật Bồ Tát, được coi là rất thần bí, rất trang nghiêm. Vừa khéo rằng, hôm đó Cả Trịnh lên

thị trấn, đang ăn thạch ở một hàng bán thạch, và đã có một người hỏi:

- Anh Cả ơi, thích lấy vợ không?

Cả Trịnh đáp:

- Thích! Vợ ủ ấm chân.

Người kia bảo:

- Gọi tôi bằng chú, tôi kiếm giúp cho một cô vợ.

Cả Trịnh gọi ngay:

- Chú!

Cả Trịnh vốn tính cảm hấp, liền bỏ không ăn thạch nữa, mà túm vạt áo người bắt mình gọi bằng chú kia, nâng nặc đòi vợ. Người ấy bèn chỉ Sửu Sửu trong cửa hàng bách hóa nói:

- Cô Sửu Sửu kia là vợ anh đấy!

Cả Trịnh tưởng thật, cười toét miệng. Từ đó Cả Trịnh mắc thêm một thứ bệnh, hễ trông thấy đàn bà con gái là cứ ngẩn ngơ cười.

S Sửu Sửu đã là vợ của Cả Trịnh, và anh ta coi đó là cả cuộc sống mới của mình, người trong thôn cũng có cái mới để trêu trọc. Nhưng Cả Trịnh đúng là "một ông tổ sư hấp", hấp một cách rất đứng đắn, đồng thời cũng hấp một cách rất lưu manh. Anh ta chẳng động chân động tay gì tới Sửu Sửu, nhưng cứ hễ gặp cô là cười ngất cười nghéo, cười đến ngất đi được.

Cả Trịnh cũng có những ngày cố định của mình, mỗi tháng vào ngày rằm, anh ta sẽ đi bộ từ bờ hồ lên thị trấn. Đứng ở cửa hàng bách hóa, nhìn Sửu

Sầu mấy cái, rồi rất thoa mãn mà về. Đủ sức hưng phấn trong cả tháng.

Có một hôm, người trong thôn, nói trêu Cả Trịnh:

- Này, anh Cả, anh chẳng biết gì sao? Vợ anh đang ốm to đấy.

Cả Trịnh không tin, bảo họ nói dối, liền giáng một cú đấm mạnh vào mũi người ấy, khiến mũi tóe máu tươi. Đánh người ta xong, anh ta vẫn tất tả đi bộ lên thị trấn. Nhìn thấy Sầu Sầu vẫn khỏe mạnh tươi roi rói, anh ta lại ngất ngư cười, anh ta bị bọn trẻ ở thị trấn tuột mất giày, ném lên trên nóc nhà. Chàng Cả cứ chân đất đi về, chân tóe máu tươi.

Mùa hè năm ấy, khi anh đào chín. Cả Trịnh hái một làn to, xách lên thị trấn, trong lúc còn đang ngó nghiêng bên cạnh cửa cửa hàng bách hóa, Sầu Sầu đã trông thấy anh ta trước. Sầu Sầu vẫn không biết rằng mình là vợ anh ta, nên chân tình thân mật theo kiểu đồng hương quen thuộc, vui vẻ nói:

- Ái dà! Anh Cả Trịnh, anh cũng lên thị trấn đấy ư?

Cả Trịnh cười sằng sặc, cười có thể ngắt đi được.

Các cô bán hàng liền hỏi Sầu Sầu:

- Anh ta là ai vậy? Sầu Sầu cũng quen biết anh ta sao?

Sầu Sầu đáp:

- Người cùng thôn! Hâm ấy mà!

Rồi cô hỏi Cả Trịnh:

- Anh Trịnh rồ, anh có cho em ăn anh đào của anh không đấy?

Hai tay Cả Trịnh ôm làn anh đào đổ sạch ra mặt quầy. Tất cả nhân viên bán hàng đều xô lại ăn.

Cả Trịnh đứng nhìn, mặt anh ta sa sầm lại. Cầm cái làn rỗng quật lấy quật để những người "ăn theo". Sầu Sầu vui quá, nói:

- Ôi chao! Anh Trịnh rồ chỉ thích đồng hương thôi. Chỉ thích cho một mình em ăn thôi.

Cả Trịnh lại ngất ngư cười. Vừa cười vừa đi ra khỏi cửa hàng.

Sầu Sầu về nhà ăn cơm, ở bàn ăn Sầu Sầu đem chuyện đó ra nói cho ông bố chồng đã về hưu nghe.

Bố chồng cô nói:

- Cái thằng ngốc ấy cũng biết yêu Sầu Sầu của bố đấy! Thằng mù mà vẫn tỉnh.

Ông bố chồng đã sáu mươi lăm tuổi. Khi còn tại chức, vốn là người có rất nhiều quyền thế, nên những người kéo đến nhà có cả nam lẫn nữ. Ông vẫn thường phải hăm nước sâm uống. Sầu Sầu lại không biết tại sao ông bố chồng uống nước nhân sâm, mà vẫn cứ gầy yếu, thậm chí còn cả lưng. Có một hôm, ông bố chồng nói chuyện với người quen, mặt mày hớn hờ, tươi rói, xoạc ngón tay ra đếm:

- Một, hai, ba... mười lăm, mười sáu...

Đếm đến số mười chín, không đếm tiếp nữa, rồi nói:

- Không nhớ hết được nữa rồi. Có lẽ phải làm lại con tính. Bây giờ... hông rồi, tâm có dư, mà lực bất túc!

Sửu Sửu bưng trà tới, nói:

- Bố về hưu rồi, Nhà nước cho bố nghỉ, bố cũng nên nghỉ thôi!

Người khách quen kia cười ha hả. Tự nhiên Sửu Sửu thấy luống cuống, không biết mình đã nói sai sót ở chỗ nào, khiến người ta phải cười to như thế.

Bố chồng bây giờ đã nghỉ hưu rồi, vẫn giữ nguyên cả lương. Ông là một người có tiền.

Phong tục ở vùng Thiểm Nam là khi trong nhà có con dâu, cô con dâu, đêm đêm, phải đem chậu đựng nước tiểu vào phòng bố mẹ chồng, sáng ra, lại vào bưng đi đổ. Nông dân như thế, cán bộ cũng vậy. Khi bà mẹ chồng còn sống, sáng sáng cô vẫn đi đổ nước tiểu như vậy, đã ngẫu nhiên mấy lần nhìn thấy, hai ông bà chỉ gối có mỗi một chiếc gối, khi nghe tiếng chân cô bước vào, bà giả vờ ngủ, còn ông liếc nhìn cô. Cô đỏ mặt đi ra ngoài, nghe tiếng bà mẹ chồng trong buồng nói:

- Xấu chưa?

Ông đáp:

- Con dâu nhà mình ấy mà! Tôi cứ nhìn nó bưng chậu nước tiểu, không hiểu sao tôi lại cứ nghĩ tới cái hạnh phúc tuổi già của mình.

Về sau bà mẹ chồng chết, chồng phải đến trường, cái lệ bưng nước tiểu vẫn không thay đổi. Sửu Sửu thấy khó nghĩ quá. Nhưng nghĩ ông là bố mình, nên vẫn cứ việc làm, nhưng không bao giờ dám ngó mắt lên giường nữa. Khi ra đến cửa, cô nghe tiếng bố chồng nói theo:

- Khép cửa vào cho bố!

Thì ra ông bố chồng vẫn thức.

Bố chồng xuất thân là cán bộ, hiểu biết nhiều; cơm nước, đều bảo Sửu Sửu ngồi chung bàn cùng ăn, cũng cười cười nói nói thân mật với Sửu Sửu. Sửu Sửu đã được chứng kiến nhiều kiểu mâu thuẫn giữa con dâu với bố chồng, nên tự mình được thế, cô cũng cảm thấy rất hạnh phúc.

Khi có con, đứa bé rất lười bú, cứ mỗi lần cho nó bú là lại phải dỗ dành đến vãi bọt mép. Ông bố chồng ghé vào bên cạnh cũng dỗ cháu, ông nói:

- Bú ngoan đi cháu, sữa ngọt đấy!

S Sửu Sửu cảm thấy những lời nói đó nó thế nào ấy. Ông bố chồng không biết giữ ý, nhưng nghĩ thật, cũng chẳng làm sao. Một hôm đứa bé lại không chịu bú, ông nội lại đi đến, dỗ cháu:

- Cháu không bú, ông bú đấy.

Ông nội muốn dạy cháu, lại muốn làm mẫu cho cháu xem, và rất nhanh, ông tớp luôn một miếng.

Mọi việc xảy ra rất nhanh, khi Sửu Sửu kịp phản ứng lại, mọi chuyện đã rồi. Cô đỏ mặt, bỏ vào phòng riêng, thấy ông bố chồng lảng nhãng. Song việc này không thể nói cho người ngoài biết được, chiều thứ bảy, đợi chồng từ trường học về nghỉ, cô nói lại cho chồng nghe, anh chồng nổi máu điên lên, nói:

- Cả đời bố vẫn cứ là cái bệnh chết tiệt ấy!

S Sửu Sửu giật thót người:

- Cái bệnh chết tiệt?

Anh chồng không nói thêm gì nữa, đứng bật dậy đi tìm bố. Sầu Sầu sợ quá, nằm co quắp trên giường, không dám động cựa gì. Một lúc sau, cô nghe thấy tiếng hai bố con cãi nhau ở trong phòng, ông bố chồng nói bằng giọng đầy giận dữ:

- ... thanh toán hả? Nếu vậy thì thanh toán đi. Mày bú vợ tao ba năm liền, thử hỏi, tao có nói gì không nào? Tao mới bú vợ mày có mỗi một lần, thế mà mày đã nổi xung lên... Nào... thanh toán đi...

Anh chồng mắng:

- Bố chẳng phải là thằng bố! Mà là đồ súc vật!

Rồi không biết quật vớ một cái gì đó, thấy tiếng kêu loảng xoảng.

Về sau, Sầu Sầu mới biết rằng, chính vì "cái bệnh chết tiệt" ấy mà ông bố chồng đã khổ cả đời, nếu không ông đã có thể thăng lên đến chức chủ tịch huyện, nhưng vì thế mà suốt đời chỉ làm chủ tịch thị trấn. Sầu Sầu theo chồng dọn nhà ra khỏi ngôi nhà ấy, đến ở nhờ một gian phòng trống của thị trấn.

Từ bỏ ông bố, điều khó khăn nhất của hai vợ chồng là thiếu tiền tiêu pha. Trong khi không có nhà ở, Sầu Sầu chợt nhớ tới ngôi nhà của gia đình mình ở thôn bờ hồ. Ở đấy chẳng có ai ở, nhà bỏ không. Cô định về quê bán nhà, rồi làm một cái nhà mới ở thị trấn.

Ngày 28 tháng 9, Sầu Sầu về tới quê.

Ngôi nhà nhà họ Triệu tuy đã cũ nát, nhưng cái sân vẫn nguyên vẹn đẹp đẽ, rất rộng. Sầu Sầu

mở cổng, khóa đã gỉ cả, cuối cùng phải phá khóa mà vào. Sân vốn được lát gạch, cỏ mọc đầy trong các kẽ gạch, cũng thành từng ô vuông một, nhưng trông cứ thấy đẹp như một tấm thảm. Trong nhà đã phủ một lớp bụi dày, bài vị của ông, bà vẫn còn nguyên vẹn, bài vị của cha, mẹ cũng hãy còn. Nhưng tất nhiên là, chẳng có ai hương khói gì. Có vết chân của chim sẻ ra vào, với rất nhiều hình chữ "cá", (*chữ "cá" giống như hình chân chim - ND.*). Sầu Sầu mượn của nhà hàng xóm một tấm đệm, sau khi quét dọn một cái giường, cô ra ngoài sân, một mình ngồi suy nghĩ đến sự biến đổi của cuộc đời này, thế sự tang thương, dâu bể. Khi ấy đêm đã khuya, vạn vật đều chìm trong tịch mịch. Cô mơ hồ nghe thấy tiếng đế rì rả kêu bên ngoài cổng, bất chợt cô thấy rùng mình, rợn tóc gáy. Tiếp theo cô nghe thấy những tiếng sần sật nho nhỏ, một lát sau, lại chẳng nghe thấy gì nữa. Sầu Sầu hãi quá, nhìn ra bốn xung quanh, tất cả vẫn yên tĩnh. Cô nghĩ, chắc là chuột bỏ gì đó, rồi tự mình động viên mình mạnh bạo đi ra cổng kiểm tra xem then chốt đã cài cẩn thận chưa, sau đó sẽ vào đi ngủ, đột nhiên cô thấy cánh cổng "két" lên một tiếng, rồi hé ra một khe hở. Cũng may mà khi đóng cổng, tuy cánh cổng bị lỏng, nhưng bên trong đã quàng bằng một sợi xích sắt, nên cánh cổng cũng chỉ đẩy ra thành một khe hở mà thôi. Một tiếng cười từ đó vang lên, rồi tiếng cười kéo thành cả một chuỗi cười. Sau đó như có một cái gì đổ ục xuống, chuỗi cười cũng nhỏ dần đi. Sầu Sầu quá ư sợ hãi, kêu thét lên. Hàng xóm bốn bên, khoác áo chạy ra.

Thấy Cả Trịnh đang ngả sóng sượt bên ngoài cổng nhà Sửu Sửu.

Mọi người diu Cả Trịnh đi. Cả Trịnh vẫn cười ngất ngư, hớn hển nói:

- Sửu Sửu đã về! Vợ tôi đã về!

BÁN NHÀ

Khu nhà đất của Triệu Âm Dương, người cả thôn bờ hồ ai cũng khen đẹp, giá cả lại vừa phải. Nhưng khi Sửu Sửu tìm người để bán nhà, mọi người cũng rất khó nghĩ. Thôn bờ hồ là một thôn nghèo, ai dám ngay một lúc, mua cả một dinh cơ? Hơn nữa, hiện nay nhà cửa quả đúng là khó khăn thật, nhưng chặt chội một tí cũng thấy chẳng làm sao, chui vào nhà, một chiếc giường đất to dùng, lớn bé già trẻ rúc vào đấy cũng tiện. Sửu Sửu là người chẳng gặp may. Tiếc rằng Hai Trịnh đã bị bắt, nếu như Hai Trịnh còn tại ngoại, nhất định anh ta là người đầu tiên chạy đến hỏi mua nhà.

S Sửu Sửu đếm trên đầu ngón tay, tính những nhà khá giả trong thôn. Tất nhiên Sửu Sửu tính theo hiểu biết cũ của mình, nên đã nghĩ ngay đến nhà "Ông Quân Nhu". Buổi chiều xám xám, khi gặp Tiền Nhất Nhân ở đầu thôn, thấy Tiền Nhất Nhân đi chậm rãi như đếm từng bước một.

S Sửu Sửu bèn nói:

- Thầy lang, thầy lại đi dạo đây ạ? Thế còn chị em đâu?

Tiền Nhất Nhân cười buồn.

- Vừa mới về, nhà tôi về nấu cơm.

Sửu Sửu nói:

- Vợ chồng anh thật hạnh phúc.

Tiền Nhất Nhân đáp:

- Khổ hạnh thì có!

Anh nói với giọng đầy đau buồn.

Giọng Sửu Sửu cũng lắng xuống, cô thấy độ này Tiền Nhất Nhân gầy rộc hẳn đi, chẳng còn phong độ đẹp trai như ngày xưa nữa. Lại thấy trên tay phải anh xước một cái chai. Đó không phải là chai rượu, vì trên nắp chai còn có một ống nhựa, chọc thẳng vào bên trong vạt áo.

Sửu Sửu hỏi:

- Anh bị bệnh đấy à?

Nhất Nhân đáp:

- Sao không?

Sửu Sửu nói:

- Thầy thuốc cũng mắc bệnh?

Nhất Nhân nói:

- Cô Sửu điều tôi rồi.

Trong chiếc ống nhựa có tiếng kêu ùng ục, và bên trong có một thứ nước đen đen vàng vàng, đặc xuất hiện. Tiền Nhất Nhân ngồi thụp ngay xuống, nét mặt đầy vẻ mệt mỏi, bối rối.

Sầu Sầu biết ngay rằng anh đang mắc chứng bệnh gì. Cô bèn tỏ vẻ hết sức thông cảm, hai tay nâng Nhất Nhân đứng dậy.

- Sao anh lại mắc bệnh này? Mà anh bị từ bao giờ thế?

- Đã hai tháng nay rồi. Đầu tiên đi ngoài ra máu, vẫn cứ tưởng bị trĩ. Sau máu ra như tước, lên huyện khám, thế là hồng huyết. Cũng còn may, là cứu được cái mạng.

Tiền Nhất Nhân sống hòa thuận, như keo như sơn với A Viện, người trong thôn đã từng hâm mộ, ngợi khen, nhưng cũng không khỏi có những bàn ra tán vào. Nội dung sự bàn bạc của họ là thế này: Hai người này riu ra, riu rít với nhau chẳng có về vợ chồng, mà cứ như là: ở kiếp trước, họ có ân đức với nhau, nên kiếp này lại lên trần để cùng báo đáp. Trong kinh nghiệm của người dân bờ hồ, vợ chồng bao giờ cũng phải là đối đầu, thù oán nhau, mà bỏ thì thương, vương thì tội. Đánh đập, chửi bới nhau, là chuyện thường tình, vả lại một cặp vợ chồng bình thường, không bao giờ được trường cửu ở với nhau suốt đời. Cuối cùng họ đoán định: Nhất Nhân và A Viện rồi cũng chẳng được lâu bền.

Quả nhiên Nhất Nhân ngã bệnh, chẳng phải thứ bệnh cảm cúm, đau đầu, mà là bệnh ung thư, đến nỗi phải phong bế hậu môn. Thầy thuốc đi chữa bệnh cho người, vậy mà thầy thuốc lại mắc phải cái thứ bệnh chết người này, chẳng phải là nghiệp chướng thì là cái gì?

Việc Sầu Sầu định bán nhà, hoàn toàn chẳng có một tia hy vọng nào. Cô chỉ có cách nhờ người đến dỡ nhà xuống mà thôi, cô định, gạch ngói sẽ bán rẻ bán đất ở đây, gỗ lát vận chuyển lên thị trấn làm nhà mới. Hôm dỡ nhà, cả thôn đến làm giúp. Làm một ngôi nhà thật khó, nhưng dỡ một ngôi nhà lại nhanh vô cùng. Mọi người dỡ ngói trước, sau đây là dỡ rui, mè rồi đến xà ngang xà dọc, lần lượt được buộc dây hạ xuống. Khói bếp, bụi bặm như đã làm biến dạng tất cả. Không thể thiếu được vai trò của Cà Trịnh. Anh đứng ở chỗ nguy hiểm nhất, giữ công việc nặng nhọc nhất. Khi một cây hoành bị gãy, rơi xuống, đập vào vai anh, máu lập tức tóe ra, Cà Trịnh vội vã nhảy xuống, tay ôm lấy vai, lăn lộn, còng queo dưới đất.

Mọi người nói:

- Chàng Cà ơi, chẳng có làm sao đâu, việc này là anh làm cho vợ anh cơ mà.

Quả nhiên Cà Trịnh không cho Sầu Sầu ngó vào chỗ đau của mình, và nói:

- Không đau, không đau. Tôi không sợ đau!

Rồi anh cười sáng sủa, và lại leo lên trên ngọn tường.

Sầu Sầu nói:

- Này các bác đừng có đùa dai như thế mà chết cả đấy.

Mọi người đáp:

- Chết cả á? Cà Trịnh chẳng chết đâu, Cà Trịnh mới là người biết rõ tất cả.

Mọi người làm cho đến tận chiều, ngồi nghỉ luôn trên đầu những bức tường. Từ núi Hổ bỗng ào về một trận gió. Gió xoáy trong sân, rồi sau đó vượt qua tường nhà, xoáy thẳng ra con đường đất ở đầu thôn. Mọi người nhìn thấy trong trận lốc xoáy đang đi xa dần đó, có Tiên Nhất Nhân và A Viện lẫn trong đám bụi bặm. Cặp vợ chồng trẻ ấy lại đi dạo. Bây giờ họ không vai kề vai sánh bước nữa, mà là A Viện dìu Nhất Nhân đi, và bên tay trái cô còn cầm giúp anh cái chai đựng nước phân.

Mọi người trong thôn đều rất xúc động, họ muốn nhắc lại câu chuyện ngày xưa, khi hai vợ chồng đi dạo, A Viện cứ đi một bước, lại hôn Nhất Nhân đánh "chụt" một cái. Nhưng bây giờ, câu chuyện cười dĩ dõm đó chẳng sao nói ra được nữa, ai cũng chỉ thở than rằng cuộc sống thật bất trắc, khen ngợi A Viện là cô vợ đảm hiền. Và cũng không tránh khỏi sự bối rối với mình. Họ chửi bối tâm bậy, rồi lại nói:

- Họ sống với nhau hòa thuận như vậy thực cũng chẳng phải là cái điềm tốt, điềm lành gì, vợ chồng là phải chửi bối, đấm đá lẫn nhau, suốt từ lúc trẻ tới khi về già cơ. Cái chàng Cả nhà ta có yêu Sửu Sửu không? Yêu quá đi chứ! Nhưng chàng Cả với Sửu Sửu có thể thành vợ thành chồng được không? Thật không may trong lòng Sửu Sửu lại chẳng có bóng dáng của chàng Cả. Chính cái anh chàng Cả này vì ngốc nghếch, diên rồ như thế mới là cái chết. "Ông Quán Nhu" với bà mẹ chàng Cả, cũng được đấy chứ? Nhưng rồi cũng chẳng thành được đâu. Nếu

mà thành ấy mà, cứ để ý mà xem, một trong hai người sẽ sớm trở về với đất.

Sửu Sửu đang vội cùng với mấy người nữa làm cơm trong bếp, cô chẳng được nghe những lý lẽ này. Cô đứng bên lửa, bầu sữa căng lên, đau nhói nhói, cô chợt nghĩ tới đứa con bỏ lại ở thị trấn. Mấy ngày hôm nay, nó không được bú tý nào, cặp vú căng mọng sữa của cô tứa ra, ướt đầm cả vùng áo trước ngực. Cô vội vã đi vào nhà xí, vắt bớt sữa đi, bất chợt cô nghĩ tới cái bệnh chết tiệt của ông bố chồng, cô cảm thấy tất cả những người dân thôn bờ hồ này đều là những người trung hậu, quý hóa. Từ trong nhà xí bước ra, Tiên Nhất Nhân và A Viện cũng đã đi tới trước cổng.

A Viện nói:

- Chị Sửu ơi, chúng em thật có lỗi với chị, chúng em chẳng giúp chị được việc gì.

Sửu Sửu đáp:

- Thím nói đi đâu thế nhỉ. Tôi đâu còn dám làm một nhọc thêm tới chú thím.

Nhất Nhân nói:

- Sửu Sửu dỡ nhà đi thế này, e rằng sẽ chẳng còn bao giờ về đến cái thôn bờ hồ này nữa.

Sửu Sửu đáp:

- Đâu có! Tiết Thanh minh cũng phải về viếng mộ tổ tiên chứ.

A Viện chợt nhớ tới sự kỳ lạ về bói toán cúng lễ của Triệu Âm Dương xưa, bèn nói:

- Giả như ông cụ nhà cô còn sống, nhất định ông sẽ giải hạn được cho Nhất Nhân, bệnh tật của anh Nhất Nhân nhà tôi có khi qua khỏi được.

Sửu Sửu nói:

- Bệnh tật của anh Nhất Nhân nhất định là sẽ qua khỏi thôi, vợ chồng chú thím thân thiết, đậm đà như thế, đến thần phật, ma quỷ cũng phải cảm động.

Sửu Sửu nói xong, đưa mắt tiễn vợ chồng A Viên về nhà.

Sang đến ngày hôm sau, Sửu Sửu đã dỡ xong toàn bộ ngôi nhà, gạch ngói còn chưa bán được cho ai, đem xếp thành đống ở giữa sân. Sau đó lại nhờ vả dân thôn ba ngày nữa, vận chuyển hết gỗ lạt lên thị trấn.

Trong suốt bốn ngày ấy, hầu như Sửu Sửu không được chợp mắt một lúc nào, sau khi thu xếp xong mọi việc trên thị trấn, cô mang rất nhiều bánh kẹo, hoa quả, đi từng nhà cảm ơn từ biệt. Cuối cùng cô đi ra mộ, cô tưới rượu, đốt giấy tiền, châm thuốc, cúng lễ ông bà, tổ tiên. Cô cũng không quên đến mộ Triệu Âm Dương khấn khứa:

- Cha ơi, nếu cha có linh thiêng, cha hãy âm trì âm giải cho anh Tiền Nhất Nhân. Con xin cha nhận lấy lời cầu khẩn của con.

Lời cầu khẩn của Sửu Sửu chẳng hiệu nghiệm gì, hoặc có thể là ông Triệu Âm Dương không nghe thấu. Bệnh của Tiền Nhất Nhân bỗng đột ngột nặng

hơn, trong cái chai ấy bắt đầu có thêm máu. Chỉ trong vòng hai ngày đã nằm liệt.

Người trong thôn buộc vội một cái cáng mềm, khiêng Tiên Nhất Nhân lên huyện. Bệnh viện huyện không trị nổi, chuyển tiếp lên bệnh viện thành phố Châu Thành. Khi mổ bụng ra kiểm tra, khối ung thư đã bắt đầu khuếch tán. Các bác sĩ cũng chẳng cắt bỏ đi bộ phận nào, cứ để nguyên như thế khâu lại. Tiên Nhất Nhân lại được khiêng về thôn bờ hồ.

Hôm đó lại đúng vào ngày mùng Năm tháng Tư, hồ vô danh tế thần Long Vương. Người thì vẫn rất đông, nhưng xem ra, mọi sự không còn được rầm rộ như trước, song cũng chẳng ai chê cười. Tiên Nhất Nhân được khiêng ra ngoài đảo đá, những con cá sống bơi ra, Nhất Nhân là người nhìn thấy đầu tiên.

NỖI LÒNG

Tiên Nhất Nhân nằm liệt trên giường, anh không khóc, khi đau đớn, anh cũng chẳng rên rầm. Anh uống thêm nhiều thuốc chỉ thống, nhưng thực vẫn khó mà chịu đựng nổi.

Anh cười nói:

- A Việ, em và các con hãy đi đâu đấy một lúc đi, anh muốn yên tĩnh ngủ một lát.

A Việ cùng con trai là Mao Đán, và con gái là Nhung Hoa dắt nhau đi, anh liền cấn lấy một góc chân, giấy giụa, tóc anh xòa xuống thành từng đám, từng đám.

A Viện sống ngày dài như năm, nhìn Nhất Nhân đau đớn, từ sáng sớm cô chỉ mong trời chóng tối, tối đến, cô lại vạch thêm một vạch lên tường, bức tường đã đen kịt lại.

"Anh ấy chỉ còn có hai mươi ngày".

Điều đó các bác sĩ đã nói cho A Viện biết.

A Viện cũng hận rằng một ngày cô không kéo được thành một năm.

Đến ngày thứ 17, cả ngày, hầu như Nhất Nhân không bị đau đớn gì, rồi lại mơ màng ngủ suốt đêm, trời sáng mới trở dậy, đòi A Viện bế ra ngoài sân. A Viện nghĩ bụng, biết đâu lại chẳng có chuyện lạ lùng xảy ra với Nhất Nhân, anh ấy sẽ qua khỏi cũng chưa biết chừng. Bế Nhất Nhân ra ngồi yên ở sân, cô chỉ những đám phù vân trên núi Rồng. Khi ấy mặt trời cũng đã bắt đầu mọc, những đám phù vân được ánh mặt trời chiếu nhuộm trở nên đẹp lung linh.

A Viện nói:

- Ngày mai, em sẽ bế anh ra bờ hồ, ngoài hồ, cá lại rất nhiều rồi, những con cò trắng cũng bay về rất đông.

Nhất Nhân nói:

- Cá nhiều mà Hai Trinh lại vắng nhà.

A Viện đáp:

- Nghe nói Hai Trinh đã bị bắn chết rồi. Quân ấy cũng thực đáng chết.

A Viện chợt hồi hận vì đã nhắc tới chữ chết, nên vội vàng nói rằng:

- Anh có biết chuyện của anh chàng Cả Trịnh điên rồ với Sửu Sửu không?

Nhất Nhân nói:

- Có chuyện gì vậy? Có phải là cái thằng Trịnh rồ lại giở chuyện lung tung với Sửu Sửu rồi không?

A Viện nói:

- Trịnh rồ yêu Sửu Sửu đến khắc xương khắc cốt, lúc nào cũng bảo Sửu Sửu là vợ mình.

Nhất Nhân cười:

- Cái thằng rồ!

A Viện nói:

- Rồ nhưng yêu thật, chỉ đáng tiếc là rồ.

Nhất Nhân lại nói:

- Nó rồ nó mới yêu thật.

Nhất Nhân nói xong, liền nhìn A Viện cười cười. A Viện cảm thấy có gì đó khác lạ trong cái cười của Nhất Nhân.

Rồi lại một ngày nữa qua đi, A Viện cũng chẳng bé được Nhất Nhân ra bờ hồ. Hôm đó trên mặt hồ, cò trắng về hàng đàn, trông như tấm khăn ngọc trắng phủ trên mặt nước xanh. Nhưng Nhất Nhân không được xem cảnh đó, vì ngay trong đêm, bệnh anh càng trở nặng hơn, đã không ăn uống gì được nữa. Những ngày tháng khắc nghiệt đáng sợ chỉ còn lại có hai; trái tim A Viện thất lại, như bị treo lên cổ. Cô không

còn nhân tâm nói dối chồng việc anh sắp ra đi, nên cô đã đem những lời của bác sĩ nói lại với anh.

Cô nói:

- Anh Nhất Nhân. Con cái đang ở bên cạnh anh đây. Anh còn muốn dặn dò gì nữa, anh hãy nói hết ra đi.

Nhất Nhân nhìn hai đứa con, nhìn rất lâu, rồi anh cười, và anh phẩy tay bảo chúng nó ra ngoài.

Cử chỉ đó của anh khiến A Viện rất kinh ngạc. Bọn trẻ đã ra ngoài, bọn chúng cũng cảm thấy buồn buồn, không biết rằng cha chúng đã yên tâm vì chúng đã lớn, cũng hiểu biết chút ít việc đời? Hay là cha chúng cho chúng còn bé bỏng, không nhất thiết phải nghe những lời dặn dò cuối cùng? Cô bé con còn ngây thơ, chạy đi tìm ông, khóc. Cậu con trai lại ngồi xồm bên ngoài cửa sổ, để nghe xem cha còn nói những gì.

Tiền Nhất Nhân chợt vươn tay ra khỏi giường cầm lấy tay A Viện, nói:

- A Viện, anh biết rằng anh chẳng còn sống được nữa. Anh bảo các con ra ngoài, là muốn được riêng tư với em một lúc.

Nước mắt A Viện trào ra khắp mặt.

Nhất Nhân nói:

- Em đừng khóc nữa, A Viện! Khi anh chết, em cũng không nên khóc. Thật thế đấy.

Anh rất bình tĩnh.

A Viện đáp:

- Nhất Nhân, sao anh lại nói như thế?

Nhất Nhân nói:

- A Viện, em nói cho anh biết, anh sống có tử tế với em không?

A Viện đáp:

- Cả thôn này, ai cũng bảo mình sống tử tế với nhau.

- Là anh muốn chính em nói cơ.

A Viện đáp:

- Tử tế, anh sống rất tử tế với em.

Nhưng Nhất Nhân lại nói:

- Không đâu A Viện ạ. Thực ra anh cũng rất muốn đối xử tử tế với em. Nhưng anh sắp chết rồi. Anh cần phải nói với em một câu. Câu nói này anh đã giấu giếm hơn mười năm nay rồi. Anh giấu giếm không dám nói với em, bây giờ anh sắp chết. Anh không thể không nói nó ra.

Tim A Viện đập thình thịch, không biết anh định nói gì?

- Ai cũng đều bảo rằng vợ chồng mình sống tử tế với nhau. Nhưng anh đâu có tử tế gì. Anh hiểu được rất rõ ý nghĩa của một câu nói như thế này: Người vợ là người không hiểu chồng mình nhất. Em có biết không? Cái năm mà anh bị hạ phóng xuống cái thôn bờ hồ này ấy. Vì cha anh là người chẳng có quyền có thế gì. Anh không được tuyển làm công nhân để vào thành phố. Anh muốn làm một người anh hùng, lập công, để được tuyển làm công nhân.

Nén anh bắc một tấm ván làm cầu trên đảo đá. Cố ý kê vào dẫy một hòn đá, vì thế đã làm em ngã xuống hồ. Anh không phải là ân nhân cứu mạng cho em, mà chỉ là người hại em, đẩy em xuống nước.

Đột nhiên sắc mặt của A Viện bệch bạc hẳn ra, cô ngòai chết gi ở đầu giường như bị điện giật.

Nhất Nhân từ từ nhắm mắt mình lại. Nét mặt anh đã bình tĩnh hơn trước rất nhiều. Thân anh đã được nhẹ nhàng vì sự việc trọng yếu nhất trong cuộc đời anh, anh đã làm xong trọn vẹn.

A Viện ngoảnh đầu lại, nhìn như đóng đinh vào chông mình. Bất chợt nước mắt ào ra, phộc trên người Nhất Nhân cô nói:

- Nhất Nhân, em chẳng trách móc gì anh hết. Dù sao anh cũng là người đã cứu sống em! Không phải anh là người có lỗi với em, mà chính em mới là người có lỗi với anh, em xin nói để anh nghe... Anh còn nhớ người anh họ của em không? Trước khi anh với em cưới nhau, người anh họ ấy đang học đại học, anh ta đã đồng ý yêu em, lấy em làm vợ, em đã đem cái thứ quý giá nhất của em tặng cho anh ta. Nhưng anh ta chơi xong, là phải tay vứt bỏ em... khi cưới anh, em chẳng còn phải là gái trinh nữa... Trước nay em không dám nói với anh, mà em chỉ đối xử với anh cho thật tử tế, để đền bù lại tội lỗi của mình... Nhất Nhân... Nhất Nhân...

Nhưng Tiền Nhất Nhân chẳng còn nghe thấy gì nữa, anh vĩnh viễn không còn nghe được những lời sám hối của A Viện. Anh chết đi, mà khuôn mặt

anh không bị biến dạng do phải chiến đấu với tử thân, mà khuôn mặt anh vẫn tươi, môi anh vẫn đỏ, y như trước khi bị bệnh.

Khi A Viện biết rằng Nhất Nhân đã chết. Anh lên đường sớm một ngày, và anh ra đi thanh thản, nhẹ nhàng. Anh nhàn nhã mà đi, song lại để lại một gánh đời quá nặng nề, A Viện cảm thấy mình quá nhọc nhãng xấu xa. Cô gào khóc như xé tim xé phổi.

Cùng lúc ấy, bên ngoài cửa sổ cũng có một tiếng thét đến vỡ họng. Nhưng đôi tai của A Viện đã mất hết chức năng của nó, nên cô chẳng nghe thấy gì hết.

Người dân thôn bờ hồ, ai cũng đau buồn trước cái chết của Tiên Nhất Nhân, họ lao vào giúp đỡ người quả phụ trẻ tuổi, hiền thực A Viện. Họ mua về cỗ quan tài bằng gỗ bách, mua về vải vóc để cắt may quần áo, mua về ngói mới gạch mới để xây mộ phần, mua về vải trắng vải đen lập bàn thờ vong. A Viện ba ngày ba đêm khóc lóc phục vị trên đám rơm lúa mạch bên linh cữu. Cô khóc thảm thiết ai nghe cũng phải mủi lòng, nhưng hoàn toàn không phải khóc cho cái kiếp sống quả phụ của chính mình, mà mỗi tiếng khóc là một lời trách móc, xỉ vả mình, mong sao linh hồn của Nhất Nhân ở trên Thiên đường tha thứ cho cô.

Người dân thôn bờ hồ càng cảm thấy rằng, thật khó có thể kiếm được người dân bà nào tốt đẹp hơn A Viện.

Nhưng suốt trong ba ngày, thằng con trai của Nhất Nhân chẳng ai trông thấy mặt mũi nó đâu. Bởi mọi người còn bận túi bụi vào việc chuẩn bị chôn cất nên chẳng có ai để tâm đến chuyện này. Khi bàn thờ sắp đặt xong, mới chợt nhớ tới nó. bèn nhào nhào đi tìm kiếm khắp nơi, nhưng chẳng thấy. Cho đúng đến ngày chôn cất, con trai phải mặc áo xô gai, bụng chậu hiểu, lăn đường đưa ma, vậy mà vẫn không thấy Mao Đán trở về. Mọi người phát hoảng lên, tất cả đổ xô đi tìm, tìm khắp nơi, trong làng, trên núi, ngoài bờ hồ. "Ông Quân Nhu" và bà Trọc cũng đi tìm. Cuối cùng, khi bà Trọc đi rút rơm (lúa mạch), trên cây rơm, đánh đồng sau nhà, mới thấy thằng bé đang ở trong đó.

Không ai có thể ngờ rằng thằng bé đã phát điên.

Thằng bé bảy tuổi, trần như nhộng, quần áo đã bị nó xé thành từng sợi, quần tất cả lên đầu. Nó bị mọi người cưỡng bức bụng chậu hiểu đi đưa đám, nó đập vỡ chậu, cười sặc sụa, cười cứ y như người lớn.

Có một vị bề trên tát cho nó một cái thật mạnh. Việc ấy vốn chỉ nhằm mục đích xua đuổi ma tà đang ám nhập trong con người nó mà thôi, nhưng cái tát quá mạnh, thằng bé ngã lăn quay ra mặt đất, ộc máu mũi. Ấy vậy mà nó vẫn cười. Mọi người nhận ngay ra một điều rằng, không có thuốc nào có thể cứu chữa được cho nó, đành túm chặt lấy nó, lôi nó ra huyết, để gọi là có mặt con, trong lúc hạ huyết cho bố.

VỎI RỒNG

Hồ vô danh lại nhưng nhúc, đầy ắp cá như xưa, lại khôi phục lại cái cảnh nước xanh cá béo thuở trước. Hai Trịnh tuy đã bị bắt, ngồi chịu tội trong khám tử hình, nhưng những quy củ cũ của thôn bờ hồ từ đó đã hoàn toàn bị phá bỏ. Ngày Tết Rồng vào mùng Năm tháng Tư cũng không còn được trang nghiêm trọng thể như trước. Cá cũng chẳng phải là thần vật hay ác vật gì, người ta coi nó như một đại danh từ của đồng tiền. Các gia đình quay về quản lý 'khoảng mặt hồ đã được chia cho gia đình mình.

Chẳng còn có nhân vật Hai Trịnh số hai xuất hiện nữa, cả khu hồ không còn là thứ bao thầu toàn bộ, các gia đình phải dựa vào nhau, không phải ai cũng có thể là người tới đó đánh bắt được. Nhưng cái kiểu nhìn nhau, dựa vào nhau đó cuối cùng cũng không ngăn cản được nhà họ Vương ở ngay ngã tư đường thôn. Họ ỷ vào thế đông người và sức mạnh hùng hậu trong nhà, nên vào một buổi sáng sớm, họ tự tiện lôi nhau ra hồ đánh bắt cá.

Nhà họ Vương đánh lên được mười hai sọt cá, con nào con nấy đẹp, mắt như những nén bạc, những người xung quanh vô cùng bức tức bắt đầu tranh cãi, đấu lý với nhà họ Vương.

Nhà họ Vương cũng đưa ra lý lẽ rất thuyết phục của mình:

- Khoảng mặt hồ này là đã chia cho gia đình nhà tôi, sao lại cấm tôi đánh bắt. Tôi đâu có đánh

cá trên khoảng mặt hồ đã chia cho gia đình nhà các ông.

Đúng là trên mặt hồ có chia ranh giới cho từng nhà. Nhưng lại không đóng cọc, chỉ có cắm một cái mố đá trên bờ hồ. Mố đá nhà họ Vương lại là một tấm bia, được khênh từ sân sau nhà ra trồng ở đó, trên bia khắc những chữ đại tự theo kiểu Hán Lệ: "Đá Thái Sơn trấn giữ".

Một người đứng bên nói:

- Cá nó biết bơi, cá nhà tôi bơi sang bên nhà ông.

Người nhà họ Vương nói:

- Ông có dám đảm bảo rằng cá nhà tôi nó không bơi sang bên nhà ông không?

Cái lý là khó nói, vì nói lý chính là do cái lưới mềm. Kết quả là cả thôn cùng nhau kéo ra hồ, nhà nào đánh bắt tại khu vực đã được chia của nhà nấy. Cá nhảy lung tung, nháo nhào, anh nào vớ được con nào, con cá đó là của nhà mình. Con lớn mười cân, con nhỏ hai lạng, thả lưới vét tất. Nhà nào cũng có thu hoạch, nhà nào cũng có một khoản tiền kha khá do số cá đánh bắt được.

Có tiền rồi, gia đình nhà họ Vương đem chia theo đầu người. Mấy anh em nhà ấy có tiền, liền đưa vợ, đưa con, lên huyện, lên thành phố Châu Thành du lịch. Tuy nhiên chuyến đi du lịch ấy cũng chẳng được vui vẻ gì, cô con dâu thứ hai vào ở trong khách sạn trên thành phố Châu Thành, cửa ra vào khách sạn là cửa quay, cô ta bị kẹt đuôi, thành thương. Đây

là chuyện về sau, chưa nói vội. Còn những nhà khác có tiền đều bị cánh đàn ông quân hết, họ bắt đầu hối hận rằng đã không mua dinh cơ của ông Triệu Âm Dương. Họ có tiền, chỉ để mua nhà, mua đất, nhưng bây giờ đất đai thuộc sở hữu nhà nước không thể tùy tiện bán mua, nên có tiền họ chỉ để làm nhà. Tuy ngôi nhà của ông Triệu Âm Dương đã bị dỡ bỏ đi rồi, nhưng đồng gạch ngói xếp đầy, vẫn đang chờ bán, mọi người bắt đầu tính toán.

Trên thị trấn, Sửu Sửu nghe tin đó, liền chuẩn bị trở về thôn bờ hồ để tổng táng cái đám gạch ngói ấy đi. Nhưng ngay hôm đó, "Ông Quân Nhu" đã cùng thằng cháu Mao Đán đến tìm cô.

S Sửu xoa đầu thằng bé, nói một cách thông cảm:

- Thật đáng tiếc. Thằng bé như thế này mà lại mắc phải cái chứng bệnh ấy.

Bệnh điên của Mao Đán phát từng cơn, khi đó lại đang rất tỉnh, nhưng cặp mắt vẫn dài dại ngơ nghếch, nó sợ, đứng nép vào bên ông ngoại như một chú mèo con.

"Ông Quân Nhu" hỏi:

- Cô Sửu, ông cụ khỏe chứ?

S Sửu Sửu đáp:

- Dạ khỏe.

- Thế còn cháu và anh ấy?

- Khỏe cả.

- Gần đây nhà ta có ai lên Châu Thành không?

- Chả có ai đi. Bác có việc ở trên Châu Thành ă?

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Ấy là tôi muốn đến tìm cô, vì công tác này của cô quen thuộc nhiều người, hoặc biết có ai đó sắp lên Châu Thành... Tôi muốn nhờ đưa cháu Mao Đán lên Châu Thành đến nhà một người quen, chữa bệnh cho cháu.

Sửu Sửu nói:

- Bác là thầy thuốc, bác chữa lấy cho cháu cũng được chứ ă.

"Ông Quân Nhu" đáp:

- Quả là tôi cũng có phương thuốc trị cái bệnh này, nhưng ở đây không có thuốc.

Sửu Sửu đáp:

- Ô! Thế bác chờ vài ba hôm nữa có được không ă? Nghe nói mấy ngày nữa, ông bố chồng cháu cũng đi Châu Thành.

"Ông Quân Nhu" tính ngày, nói với vẻ khó khăn:

- Dợi mấy ngày nữa thì hỏng mất, tôi tính phải càng nhanh càng tốt. Tôi già rồi, cái chân tôi cũng hỏng rồi, nếu không, đích thân tôi phải đưa cháu đi.

Sửu Sửu liền đến đơn vị công tác của cô. Một lúc sau, cô trở về nói:

- Thế là xong rồi. Lãnh đạo của cơ quan cháu đi họp, các ông ấy đầu tiên còn từ chối, nhưng sau cháu nói khó mãi, cuối cùng các ông ấy cũng đồng ý. Sáng sớm mai là đi. Bác cứ để Mao Đán ở tạm lại nhà cháu.

"Ông Quân Nhu" cảm ơn khôn xiết. Ông bảo ông đã viết thư lên cho người quen ở Châu Thành rồi, đưa được cháu tới đó là xong. Sau đó ông hỏi thăm xem nhà mới của Sửu Sửu bao giờ bắt đầu xây dựng? Sửu Sửu cũng hỏi đến việc người ở thôn bờ hồ định mua gạch ngói, và nhờ "Ông Quân Nhu" nghe ngóng trước, đánh tiếng hộ, cho chắc chắn, vài ba hôm nữa cô sẽ về.

Ba hôm sau, Sửu Sửu về quê. Nhưng điều làm cho "Ông Quân Nhu" hết sức kinh hoàng là ngay trong đêm đầu tiên, đồng gạch ngói to lù lù của nhà Sửu Sửu đã bị người ta ăn trộm sạch. Sửu Sửu hỏi nhà này, nhà này bảo không biết. Hỏi nhà kia, nhà kia cũng chẳng hay. Nhưng nhà nào cũng có gạch ngói, Sửu Sửu chẳng có chứng cứ gì, nên không thể đổ cho người ta là quân ăn trộm được. Còn như bảo cả thôn là quân trộm cắp, chẳng hóa ra Sửu Sửu cũng là người không tốt sao?

S Sửu Sửu khóc lóc nói:

- Chẳng hiểu cái thôn bờ hồ này nó ra thế nào nữa? Làm sao mà lại toàn là những người xấu, mới có tiền một cái mà đã hòng đến thế rồi ư?

Cô quý trước mộ ông Triệu Âm Dương, nắm tay tự đâm vào đầu mình, tự trách mình không ra cái thứ gì, không giữ nổi tài sản của nhà họ Triệu. Rồi cô lại oán trách nhà họ Triệu không có đàn ông nổi dõng, tất cả đổ lên đầu một người con gái yếu đuối. Cô lại trách cả cha mình là ông Triệu Âm Dương khôn ngoan sắc sảo một đời, mà không tính toán đề phòng những tội ác của cái thời đại này.

Cũng chính trong ngày hôm đó, trên một bãi cát sông Nam Châu cách thành phố Châu Thành hơn 500 dặm, có một tiếng súng vang lên. Hai Trịnh đã bị xử tử chết. Người thi hành án thấy Hai Trịnh ngã vật xuống một hố cát, liền lên xe đi ngay. Những người đến xem xử bắn ào đến như một cơn nước lũ. Một đứa bé, bé tí tẹo, giống như một mũi tên bắn, lao đến gần đầu tiên, vội vã lấy chiếc bánh mì hấp vẫn để ở đó, rồi lại lập tức quay đầu lao trở lại, vừa chạy nó vừa ăn chiếc bánh mì hấp ấy. Những người đến xem xử bắn ào ào chạy tới bên hố cát, nhìn thấy đầu Hai Trịnh bị bắn vỡ toác, giống như một quả bầu nậm bổ đôi, nhưng là một quả bầu nậm rỗng, không có ruột.

Mùa đông năm đó, hồ vô danh đã thay đổi rất nhiều, dưới đáy nước sâu đã bắt đầu trồng những chiếc cột xi măng, căng lưới sắt, thành những khu vực dài thượt ngăn cách nhau. Trong thôn bờ hồ cũng đã có những nhà mới xây dựng và những nhà mới sửa chữa. Ai cũng bảo rằng vài năm nay làm ăn khấm khá, nhưng mọi người vẫn còn có những điều ra tiếng vào. Họ thấy trong lòng dễ chịu, nhưng cũng lại cảm thấy băn khoăn. Gọi là dễ chịu nhưng cũng chẳng nói ra được là dễ chịu như thế nào? Còn băn khoăn cũng chẳng nói ra được sự băn khoăn ấy nó ra làm sao?

Bà Trọc ở trong ngôi nhà ba gian do Hai Trịnh xây dựng, bà ho hắng suốt đêm. "Ông Quân Nhu" cũng chẳng lấy điều đó làm khó chịu, ông vẫn ngủ ngon giấc. Cứ mỗi buổi sáng, "Ông Quân Nhu" lại

dẫn đứa cháu gái đi loanh quanh, ông bảo rằng đi như thế cho giãn gân giãn cốt, thở hít không khí trong lành, ông gọi bà Trọc cùng đi, bà Trọc bảo không. Bà thích giấc ngủ sớm mai hơn, và bà ngủ cho tới bữa cơm sáng. Trong những giấc ngủ như thế, bà thường có những giấc mơ kỳ quái: Bà luôn luôn thấy tay bà cầm một con rắn. Tiềm ý thức của Freud nói: Đàn bà nằm mơ thấy rắn là biểu hiện của tình dục. Nhưng thực tế bà Trọc chẳng có nhu cầu đó, nhưng cứ theo cách nói của dân quê, thì nằm mơ thấy rắn tức là sẽ bắt được tiền. Cho nên khi tỉnh mộng, bà thường rất vui.

A Viện làm được một món ăn ngon, nhớ đến cha, bèn sai thằng con đã chữa khỏi bệnh hoàn toàn, đi mời "Ông Quân Nhu". "Ông Quân Nhu" khi ấy vẫn đi dạo ngoài bờ hồ với cô cháu gái. Tuy hồ vô danh đã bị chia cắt thành vô số ô, nhưng nước hồ vẫn rất trong xanh. Sáng tinh mơ, mặt trời và mặt trăng vẫn cùng có mặt tại đó, cá vẫn bơi lội loanh quanh hoặc nhảy tung lên khỏi mặt nước, rất nhiều những con chim lớn bay lượn trên mặt hồ. "Ông Quân Nhu" nhìn thấy những con chim ưng bụng trắng, to như cái sàng bay lượn trên bầu trời, và cũng nhìn thấy những con chim mỏ đỏ chỉ bằng chén uống rượu đùa rớt trên mặt sóng. Vật lớn có cái vui của vật lớn, vật nhỏ cũng có cái thích thú riêng của vật nhỏ, các con chim đều làm những công việc riêng của mình, tấp nập mặt hồ. "Ông Quân Nhu" xúc cảnh sinh tình không tránh khỏi đôi lời cảm khái, mà đứa cháu gái ông chẳng hiểu nổi tý gì.

Đứa cháu gái ông, khi ấy lại đang bị một hiện tượng kỳ dị lôi kéo mọi sự chú ý của cô. Cô nhìn thấy ở nơi đất trũng có mọc cây bách và đã từng là chợ ma kia, có một cái cây lớn bốc lên cùng bụi đất. Nhưng rồi nó lại chẳng phải là cái cây nữa, mà giống như một ngọn tháp.

Cô hỏi:

- Ông ơi, kia là cái gì? Sao nó dài thế?

- Đây là vòi rồng.

- Trên 'núi Rồng có rồng, có phải rồng nó đang xuống núi không?

- Không phải. Đó là hai ngọn gió mạnh¹, từ núi tuyết bay xuống.

- Hai ngọn gió mạnh, sao lại cứ cuốn dài lên cao?

- Hai ngọn gió ấy, vốn là thổi theo hai hướng khác nhau. Gặp nhau, chúng chống lại nhau, chẳng ai chịu nhường ai, và hai sức mạnh ấy cứ vọt mãi lên cao, lên cao, chúng quấn chặt lại với nhau mà quay xoáy, càng quay xoáy chúng càng vọt lên cao hơn, thế là thành ra vòi rồng.

"Ông Quân Nhu" vốn đã từng làm quân nhu, nên ông hiểu biết được nhiều.

Nói xong, ông cùng đứa cháu gái nhìn vòi rồng xoáy qua vùng đất trũng, kéo qua thôn bờ hồ, cuối cùng ra đến mặt hồ, nó biến thành một ngọn tháp nước...

1. Nguyên văn là "Nganh phong", một từ trong môn học Địa lý, vì giải thích cho trẻ con nên tạm dịch là "gió mạnh" - N.D.

Thành phố Ma

Tối qua, thuyền từ sông Nhiệm Hà vào sông Hán Giang, tôi đã ngủ vùi trong khoang thuyền, những tay chân sào vắn thức, ngồi uống rượu. Sáng nay tỉnh dậy, họ lại đã ngồi ở mũi thuyền đang uống rồi, người nào người nấy mặt đỏ tưng bừng, giọng nói đã lè nhè mất chính xác. Ngô Thất không có mặt tại đó, mà đang từ trên bãi cát liêu xiêu chạy về, tay xách một con gà, vừa bước lên thuyền, anh đã càu nhàu:

- Mả mẹ nó, tiền là cái con chó gì, tiêu đi, rồi nó lại về! Con gà này còn tơ lắm.

Mọi người đều đứng cả dậy, ai cũng bảo Ngô Thất là một người bạn chơi được, họ bưng tới một bát hoàng tửu, bảo Ngô Thất uống. Ngô Thất mặt mày đen nhẻm, vụn cổ con gà, con gà vẫy vẫy cánh mấy cái rồi rơi trên ván thuyền, nhưng đầu con gà vẫn còn nằm trong tay anh, máu phun ra, bắn tung tóe lên vách thuyền, trên tay anh cũng đầy máu gà, anh thè lưỡi ra nếm nếm, nói:

- Thế này là không còn sợ ôn dịch gì hết! Mẹ kiếp! Tớ mời các cậu đấy, nhưng hãy đợi tớ đi vật lông, làm thịt.

Tôi vẫn nằm không động dậy. Tôi không uống rượu, không ăn thịt, trên suốt dọc đường, tôi đánh rơi mất danh dự của một người "lương thiện", tôi lười biếng chẳng làm một công việc gì. Bếp đã nhóm lên, con gà được luộc chín rất nhanh, những bàn tay to như những chiếc quạt thò ra xé chiếc đùi gà. Tôi nằm trong khoang thuyền, chỉ nghe thấy tiếng nói thô lỗ tục tằn của họ:

- Cậu không uống lại không ăn, cậu giỏi giang cái con củ thiêu ! Nào uống thêm một bát đi, có dám không hử?

- Ngô Thất ơi, tớ đâu có dám dọ với cậu chứ.

- Thế tớ hơn cậu một cái đầu lâu hả?

- Đúng thế, cậu từ thành phố Ma tới đây kia mà.

Mấy ngày hôm nay, bọn họ cứ luôn luôn bảo rằng Ngô Thất từ thành phố Ma tới đây, còn Ngô Thất chỉ cười khùng khục mà chẳng nói năng gì.

Tôi đã từng hỏi anh:

- Nhà anh ở thành phố Ma à?

Sắc mặt anh chợt biến đi. Anh đeo quây, réo mẹ lên chửi.

- Thành phố Ma ở đâu? Tại sao lại réo cái tên như thế?

Thấy câu hỏi của tôi có vẻ thành thật, anh lại cười sằng sặc, cuối cùng anh cũng chẳng nói thêm câu nào và cứ sằng sục cười mãi...

Bây giờ tôi lại nghe họ nhắc tới thành phố Ma, nên tôi nhồm dậy, đi ra ngoài khoang thuyền, nhưng

họ đã lái câu chuyện sang việc khác, văng tục, chửi bới, đánh đấm, thỉnh thoảng lại khênh một người quảng ùm xuống sông, bọn họ đều như những con rái cá, nên chẳng xảy ra chuyện gì hết, và họ rất vui vẻ, sôi nổi. Tôi lại chợt cảm thấy cô đơn, đứng ở đuôi thuyền, nhìn dòng nước ào ào dưới sông, bắt đầu một ngày trống trải mới.

Anh Ngô Thất đứng dậy, tay giơ cao một cốc rượu, đi đến gần tôi.

- Này, anh chàng mò nga chân chì!

Ba ngày trước đây, tôi bước chân lên chiếc thuyền chở hàng hóa này, anh đã gọi tôi như thế.

- Cậu thực không biết uống rượu hả?

- Không biết thật.

- Cậu coi khinh cái lũ rượu chè be bét chúng tôi phải không?

Tôi vội vã giải thích với anh rằng tôi hoàn toàn không biết uống rượu, nhưng lại rất thích nghe những cuộc trò chuyện của các anh. Tôi nói, nhìn thẳng vào anh, thực tình tôi sợ anh không vui, nổi cáu, rồi túm ngay lấy tôi, quảng xuống sông.

- Mẹ kiếp! Làm ăn trên sông nước thế này, rượu là cuộc sống. Này cái con vịt cạn, cậu có thấy thích cuộc sống trên thuyền thế này không?

- Rất thích.

Tôi nói, tôi từ Quan Trung tới, tôi thật sự không ngờ rằng trên sông nước lại có lắm chuyện hay đến như thế. Tất cả những người chân sào đều cường tráng khỏe mạnh như những con trâu đực, năm năm,

tháng tháng, dầm mình trong dòng Hán Giang, từ An Khang tới Nhiệm Hà, trên mấy trăm dặm đường sông nước, chuyên chở trà, mộc nhĩ, hạch đào, sơn sống, đẳng sâm, long tu thảo, tre, nứa, gỗ... Vùng Ba Sơn, Tân Lĩnh này, thật đúng là một kho báu tự nhiên, lấy không kiệt, dùng không hết.

Anh nói:

- Tôi nói về người cơ, người thì sao?

- Rất tuyệt!

Tôi nói, mấy ngày hôm nay, theo đường sông nước, đến bất cứ huyện thành nào, thôn trấn nào, cảng sông phố sông nào, đều có thể trông thấy đàn bà con gái đẹp như tranh, Kêu như ai cũng trắng trẻo, thắt đáy lưng ong, rất đáng yêu. Thủy thổ của một vùng, bao giờ cũng được thể hiện qua người con gái. Nếu không tới đây, ai cũng chỉ nghĩ rằng nơi này là nơi ma thiêng nước độc, nhưng có ngờ đâu, ở những nơi núi rừng heo hút nhất, mà con gái lại thông minh và đẹp như tiên sa.

Ngô Thất dăm dăm nhìn tôi, rồi bất chợt moi từ trong túi ra một nắm nhộng, nhét vào miệng, nhai đến trào cả thứ nước đục trắng ra hai bên mép, anh đột nhiên hỏi:

- Còn tôi, còn lũ đàn ông chúng tôi thì sao?

- Đều có thể trở thành anh hùng.

Tôi nói một cách khẳng định, câu nói khiến anh vui hẳn lên, lột luôn chiếc áo cộc mặc trên mình, lộ ra tấm lưng phẳng phiu màu đồng điệu, cho ánh mặt trời và ánh phản quang từ dưới nước chiếu lên,

xòe năm ngón chân trên bàn chân trần, bấu lấy ván thuyền. Thế rồi không động đậy gì thêm nữa, anh quay người nhìn những rừng núi xanh hai bên bờ sông, mắt từ từ sụp lại, cầm cốc rượu nhẹ nhàng tưới xuống dòng sông.

Điều đó làm tôi hết sức kinh ngạc, bất chợt cảm thấy bàng hoàng, không biết người đàn ông này sẽ có hành động gì tiếp theo. Nhưng rồi anh chỉ lên những ngôi mộ nằm rải rác ven sông nói:

- Có nhìn thấy những ngôi mộ kia không, đó là nơi sau này ta phải đến. Mẹ kiếp, một đời ngụp lặn trong nước, vậy mà khi chết, lại phải lên non, tránh cho xa dòng nước.

Tôi hỏi:

- Có phải anh là người của thành phố Ma không?

- Nơi đó chính là nơi, tớ phải tới, nhưng không bao giờ tớ chịu chôn xác ở đó cả.

Anh nói bằng giọng trầm, rồi chậm chạp quay mình, đi về phía những người chân sào. Cái thần sắc ấy, cách thức ấy, hoàn toàn khác với những ấn tượng về một anh Ngô Thất trong tôi qua mấy ngày vừa rồi. Có những lúc, tôi tưởng như tôi đã hiểu hết về những người chân sào này, nhưng rồi sau đó tôi lại rơi vào trạng thái hoàn toàn hồ nghi. Mảnh đất An Khang này, vốn là con đường giao thông thủy lộ trọng yếu, đó là biên giới của ba tỉnh, nơi Tân Lĩnh và Ba Sơn liền kề, người Tân sống trên đất Thục, người Thục cấy cấy trên ruộng nương nước Sở, đất đai bạc màu, sức đất kém cỏi, cấy trồng nhiều

mà thu hoạch chẳng bao nhiêu, vì thế mà đến một phần ba dân số lần xuống sông vận tải hàng hóa, một phần ba dân số kéo lên núi trồng chè. Những người chân sào này là điển hình cho sự kết hợp giữa sông nước với núi non: Vợ, con gái trồng chè trên núi với sự khéo léo của phương Nam, chồng và con trai vầy nước dưới sông, kế thừa sự trung thực đôn hậu của phương Bắc. Cứ đời nọ nối đời kia, năm này theo năm khác, núi là kho tàng ăn mặc của họ, còn nước là mạch sống sinh tồn của họ, lặng lẽ làm việc, âm thầm đấu tranh, hoàn thành cuộc sống của một con người.

Thuyền lại rời bến. Những người trên thuyền đều bận rộn hẳn lên, tôi cũng chạy đi chạy lại giúp họ một vài công việc, còn Ngô Thất lại lớn tiếng quát tôi, đừng có mó mảy tay chân vào đấy, làm như thế có khác gì đánh rắm thay gió, không những chẳng giúp ích gì được cho họ, mà còn làm vướng chân vướng cẳng họ ra.

Những người chân sào bảo tôi:

- Anh cứ yên tâm mà ngồi xuống, anh là cái thá gì, có đến mười người như anh cũng chẳng bằng được một Ngô Thất. Anh ta từ thành phố Ma đến kia mà!

Mọi người cười ngả cười ngón.

Ngô Thất đắm thình một cái lên mũi thuyền chửi bới:

- Cái mồm mẹ chúng mày! Đứa nào còn há miệng nói tới thành phố Ma, tao sẽ cho một con sào, xuống sông, nuôi thưởng luồng.

Các tay chân sào không còn ai dám ho he gì nữa.

Thuyền đã đi được nửa ngày đường nữa, đã đến vùng phía dưới thành Tử Dương chừng năm chục dặm, mặt sông bỗng hẹp lại, hai bên bờ là những ngọn núi chon von chắt ngắt, dưới nước là lớp lớp những tảng đá ngầm buống bình, thuyền đi phải thận trọng từng giây, xuôi theo dòng chảy sát với vách đá bờ Nam, ngẩng đầu nhìn, thấy toàn những mỏm núi chênh vênh chồm ra trùm lấy mặt sông, bên trên còn len lách một con đường đá nhỏ hẹp, trông giống như một sợi dây thừng ngoằn ngoèo treo nghiêng, và chột như cảm thấy trái tim mình chồi lên làm tắc họng, nghĩ rằng, nếu từ con đường đá đó, nhìn ra mặt sông cuộn cuộn, ào ào gào thét, sao còn ai dám bước chân đi?

Những người chân sào nói:

- Cẩn thận, ở đây có ma đấy!

Mọi người đều cảm lạnh, tập trung mọi chú ý điều khiển con thuyền. Hai tay tôi giữ chặt lấy cột buồm, đề phòng bất trắc, người toát mồ hôi lạnh. Thuyền qua được cái eo nhỏ hẹp đó, tôi mới dám hỏi, tại sao lại bảo ở đây có ma.

Những người chân sào đáp:

- Anh có biết không? Trong cách mạng văn hóa, hai bè phái đánh nhau một trận quyết liệt ở con đập phía trước, bên này bắt bên kia làm tù binh, tất cả đều bị trói chặt. Một phái đem họ tới một bãi sông nguy hiểm cách đây mười hai dặm ở phía trước, lấy đá đập cho chết tươi. Phái kia bèn trả

thù, năm ngày sau, đem tất cả tù binh đã bắt được của phe địch đến chính chỗ này, rồi lần lượt đẩy từng người xuống sông, làm bánh trôi nước, mỗi lần chết độ vài ba chục người đấy, cái thảm cảnh đó, thật là hiêm thấy trên toàn quốc.

Tôi nghe mà dựng hết tóc gáy, không còn dám nhìn lên những mỏm đá và mặt sông nữa.

- Những tù binh đó là những ai vậy?

- Thì cũng giống như chúng ta thế này cả thôi! Thường ngày vốn vẫn quen biết nhau, ngay đến tên sữa của bố nhau cũng còn biết cơ mà. Khi Ngô Thất bị dẫn tới mỏm đá cheo leo kia, cậu ta vùng chạy được.

- Ngô Thất? Ngô Thất cũng tham gia vào cuộc đánh nhau này?

- Anh ruột cậu ta là trùm sỏ đấy!

- Thế anh ấy bây giờ ra sao?

- Ở thành phố Ma ấy...

Những người chân sào bắt chợt lại im thin thít. Tôi biết họ sợ. Nhìn sang Ngô Thất, thấy mặt anh lạnh như tiền, răng nghiến chặt, hự hự lao cây sào xuống nước, cả thân hình anh vươn ra như một con vượn, chậm chạp, từ từ đi theo cây sào về phía đuôi thuyền, con thuyền cứ lạnh lùng trôi, khi ấy tôi chỉ còn nghe thấy tiếng nước trầm trầm róc rách, và tiếng thở trầm trầm hắt từ trong lồng ngực ra.

Thuyền lại xuôi được hơn mười dặm nữa, mặt sông bỗng mở rộng ra, đáy sông là một lớp đá màu xanh đen, do nguyên nhân địa chất, lớp đá vụn đó

vốn phẳng phiu, nhưng do sóng xô nước đẩy khiến chúng trở thành những doi đá dài kề nhau, cao thấp không đều, trông giống như những sợi dây thừng to lớn, và cũng giống như những vảy hàn điện xếp thành vệt chồng lên nhau. Tôi nghĩ tới lời của những người chân sào, không biết dưới lớp đá hỗn loạn, nhấp nhô kia đã chôn vùi, tiêu diệt bao nhiêu sinh mạng? Ở dòng sông Hán Giang trong xanh này, ở cái nơi không khí mát lạnh này, ở cái nơi đã sinh ra và nuôi dưỡng những cô gái đẹp, nhu mì, đôn hậu này, vậy mà đã dề ra những chuyện thảm thê tàn bạo như vậy sao? Những người chân sào nói, những người bị giết chẳng có gì khác họ cả, những kẻ giết người, cũng lại chẳng có gì khác họ sao? Những con người chất phác, chăm làm hoặc là người bị giết, hoặc là kẻ giết người, tất cả đều là cùng làng, cùng họ, là bạn bè, thân thích, vậy thì cái gì đã đẩy đưa họ vào tình trạng thù hận sâu đậm đến thế? Anh Ngô Thất, anh Ngô Thất đang hiện diện trước mặt tôi đây, đã từng bị người ta đem giết, anh cũng lại đã từng giết người sao? Tại sao những người chân sào lại bảo anh từ thành phố Ma tới đây? Cuộc đại cách mạng văn hóa đã qua rồi, mà tôi vẫn như những đứa trẻ thơ của thời buổi ấy không biết phải trái là gì, vậy mà đến nay lại giở những trang sách triết học nhân sinh ra đặt trước mặt mình. Nhưng tôi không dám hỏi Ngô Thất chuyện đó, cũng như không dám hỏi xem thành phố Ma nằm ở nơi nào.

Lúc hoàng hôn, thuyền tới An Khang, thuyền ghé bến, không đi nữa, bởi loại hàng hóa miền ngược

vận chuyển trên thuyền còn phải chờ tới huyện Bạch Hà, rồi lại bởi những người chèo sào phần lớn đều ở quanh vùng An Khang này cả, nên ban đêm chỉ để lại có một người coi thuyền, còn mọi người tỏa hết lên bờ. Tôi bỗng nhiên trở thành bơ vơ dưới thuyền, tính toán con đường còn phải đi sao cho tới được huyện Hán Âm xem xem còn bao xa nữa? Còn phải ngồi trên con thuyền này bao nhiêu thời gian nữa?

Đột nhiên Ngô Thất đi tới vỗ vai tôi:

- Mẹ kiếp, chúng nó đi hầu hạ các con vợ nó hết cả rồi. Thế còn cậu, cậu mò ngà chân chì?

Tôi đáp:

- Tôi trông thuyền, đọc sách.

- Đọc nhiều như thế cũng buồn! Cậu có thích đi với tớ tới thành phố Ma không?

Thành phố Ma, đây là nơi ở của gia đình anh sao? Anh không cho phép mọi người nhắc tới nơi đó, vậy mà lại tự nguyện mời tôi tới đó? Tôi vui hết chỗ nói.

- Đi tới nhà anh ư?

- Ở đó, vĩnh viễn, không bao giờ là nhà tớ cả, chỉ là đi thăm một số người quen cũ của tớ thôi.

Tôi theo anh lên bờ, ngay trên bờ sông là thành An Khang, nhà cửa mọc liên theo dọc sông, nếu cứ theo đường sông mà nhìn lên, nó cũng giống y như các thành trấn khác dọc sông, sẽ thấy trên bờ sông có vô số những con đường nhỏ hình chữ chi, dẫn tới sát nách những ngôi nhà xây dọc theo bờ sông.

Những ngôi nhà của mỗi gia đình ở đó, đều nhỏ bé như những chiếc chuồng chim, hai tầng, ba tầng, một nửa gác trên mặt đá, một nửa nhô ra khoảng không, bên dưới chống bằng cọc gỗ. Cũng có nhà xây những cột đá thật cao, rồi làm thành nhà sàn lên trên cột, bên trên nhà sàn, treo thêm một gian phòng nho nhỏ bằng gỗ tấm và dây rợ, trông như đeo một cái địu, được coi như một ban công, sân nghỉ.

Qua cổng thành, đường phố bên trong cũng rất hẹp, người lại rất đông, trước những khuôn cửa gỗ của mỗi nhà, chỗ nào cũng là quán rượu, quán trà, hàng mì, hàng bánh canh. Chủ nhân đều là phụ nữ da trắng tóc đen, mắt sáng long lanh, nói năng nhỏ nhẹ trơn tru, âm cuối cùng bao giờ cũng uốn cong lên, cứ như là hát vậy. Những khách ăn uống phần lớn là những tay chân sào, quần áo ẩm ướt còn tanh nguyên mùi cá, ăn to uống nhiều, tiền bốc trả từng nắm, rồi lấy móng tay gãi gãi những tấm lưng mà sông nước đã nhuộm thành màu đồng điệu, tạo ra những vết dài trắng xóa. Tôi mời Ngô Thất đi ăn, anh uống luôn một mạch ba bát rượu gạo, nét mặt tối sầm sầm, lời tôi đi thẳng về phía Nam thành. Ra khỏi cổng thành, anh lúi lúi đi, không thềm ngoảnh đầu nhìn lại, một mạch kéo tôi đi, về lối leo lên sườn núi phía Nam.

Trên núi trồng toàn thông, bên trong rừng thông đó, có nhà của một số gia đình nằm ẩn sau những bụi tre. Có ngôi tường trắng lợp ngói đỏ, có ngôi tranh tre. Vách núi cao thật là cao, nhưng tường

trước, tường sau ngôi nhà lại rất thấp, đỉnh mái nhà hình chữ nhân nhô lên cao vút. Những khu đất trống trước nhà, sau nhà đều đã được khai phá, trồng trọt hết, có miếng cấy lúa, có miếng vun thành luống trồng chè. Những con chó nằm trước dậu, thấy chúng tôi, chúng không sủa không cắn, mà chỉ dựng đôi tai lên vẫy vẫy rồi lại cụp xuống. Những con gà lặng lẽ kiếm ăn... Tất cả nơi này đều rơi vào tĩnh lặng, những vật đồi nhấp nhô hình sóng lược, hình như đang tấu lên một ca khúc trữ tình nhẹ nhàng mà say đắm.

Tôi nói:

- Ô! Cái thế núi ở đây hoàn toàn khác với thế núi bên bờ sông.

- Thật không?

- Thành phố Ma của các anh là đây ư?

- Cái con mẹ nó... Thành phố Ma còn ở phía bên kia kia!

Tôi bắt đầu nghi ngờ: Thành phố Ma còn ở phía bên kia, cảnh sắc ở đây có đến nỗi nào đâu cơ chứ, thật đẹp là khác, vậy tại sao lại có cái tên kinh khủng đến thế? Thế còn thành đâu, thành phố gì mà lại chẳng có chút gì có vẻ là thành phố cả?

Đột nhiên, không biết từ đâu đó vang lên tiếng kèn tồ tồ, tồ tồ te, cùng tiếng hát ôi a, ôi a... Tôi đứng dừng lại, quay nhìn ra bốn xung quanh tìm kiếm, nhưng vẫn chẳng thấy có một phường bát âm nào, ngược lại, Ngô Thất túm lấy cánh tay tôi, kéo tôi cùng chạy gần với anh. Vòng qua dốc núi, tôi

thấy trước mặt là con ngòi, trong ngòi lững lờ một dải nước nông chèo, một đám người mặc tang phục trắng, khênh một chiếc quan tài đang đi lên dốc núi. Phía sau quan tài có hai người thổi kèn: một nam, một nữ. Trên miệng mỗi người ngậm những hai chiếc kèn, một cái ngồng lên trời, một cái chúc xuống đất, bài kèn ấy nghe vừa thê lương vừa rầu rĩ. Còn cái tiếng "ôi a, ôi a..." kia vốn là bài hát đưa tang, nhưng trong vùng hoang vắng, nó lại trở thành vô cùng bi tráng. Từ xưa tới nay, tôi chưa từng bao giờ được thấy một đám ma như thế, cũng chưa bao giờ được nghe một bài kèn đám ma như thế! Gấp gáp đuổi theo, tôi mới thấy người thổi kèn còn rất trẻ, anh con trai gù lưng, người con gái thọt chân. Điều đó làm tôi vô cùng thương cảm, chẳng còn thiết gì đến việc theo dõi cái đám ma ấy nữa, tôi đứng sang một bên chờ anh Ngô Thất tới nơi.

Anh Ngô Thất, ngược lại, lại cúi gục đầu, bước những bước vô cùng chậm chạp, từ từ leo ngược dốc mà lên, với những bước đi đầy vẻ nặng nề, như có sức nặng nghìn cân níu lại. Tôi hỏi anh đến mấy câu liền, anh đều không trả lời, rồi anh lại trở lại cung cách thô lỗ y như lúc ở trên thuyền, anh gắt:

- Mẹ kiếp... Hỏi gì mà hỏi lắm thế?
- Tôi hỏi là đã đến thành phố Ma chưa?
- Đi theo tớ!

Anh vẫn lúi lúi đi trước, gạt mạnh những cành cây chia ra cản đường, bẻ chúng thành từng đoạn, từng đoạn, tôi giận dữ đi chậm lại. Anh đứng nán

lại chờ, cho tới khi đi kịp anh, anh lại lùi lùi đi trước. Tôi biết anh đang hối hận vì vừa rồi đã nặng lời với tôi. Tôi cũng mặc xác anh, đi theo con đường của mình.

- Mẹ kiếp! Cái anh chàng mở ngà chân chi kia, làm sao chẳng nói năng với người ta một câu? Họng bị câm rồi hả?

Tôi chợt thấy sờ sợ, cũng muốn nói với anh một câu gì đó, nhưng mãi vẫn chẳng biết nói gì với anh cho phải.

Trên sườn núi, chẳng còn có cây cối gì nữa, khắp nơi chỉ toàn thấy mờ mả ngổn ngang, trước mỗi ngôi mộ đều đã được xây lên một bức tường nhỏ trông giống giống như một cái cửa giả, trên dải núi màu lục, những chiếc cửa giả xanh xanh cứ từng dãy từng hàng, tầng tầng lớp lớp kéo ngược mãi lên triền núi trên cao, trải ra đầy ứ, chật ních cả một sườn núi rộng, từ dưới nhìn lên, trông tựa tựa như những đống ong mật, từ trên nhìn xuống, trông lổn nhổn như những chiếc bánh mỳ hấp. Giữa khu tha ma mộ địa ấy có một con đường nhỏ thẳng tắp, rành rẽ phân thành hai phía. Đám ma vừa rồi leo lên phía sườn núi bên phải, bắt đầu làm lễ hạ huyết. Ngô Thất vẫn cứ lùi lùi len lách giữa các nấm mộ đi ngược lên cao. Đột nhiên anh dừng lại trước một ngôi mộ nhỏ, đứng sững như một cái cột đá khắc, không động cựa gì nữa.

Tôi đi lên hỏi:

- Làm sao lại dừng lại không đi nữa?

- Còn đi đâu nữa?

- Thành phố Ma ấy?

- Mẹ kiếp! Đây là thành phố Ma chứ còn đâu nữa.

Thành phố Ma! Thì ra đây là thành phố Ma! Nhưng nơi đây quả đúng là một thành phố Ma thật. Sắc trời dần dần sẫm đen lại, bốn bề núi non bủa vây mênh mang mờ mịt, cây thông đứng chon von trên đỉnh núi khe khe lay động trong gió chiều trông như một bức tranh thủy mặc (*vẽ theo lối vẽ mực - ND.*). Tiếng thông reo trầm trầm ù ù từng đợt hắt về phía tôi. Tôi cảm thấy vô cùng khiếp sợ, nhưng lại không rõ khiếp sợ cái gì, Ngô Thất, một con người sống tươi rói như thế, chẳng lẽ lại là người từ nơi này mà ra đi hay sao?

- Người nằm dưới mộ này là thế nào với anh?

- Anh ruột tôi.

- Anh ruột?

Ngô Thất ngồi trước mộ, nhìn về đám tổng táng phía bên kia, thấy những người đi đưa ma đã bắt đầu xuống núi, vậy mà phượng bát âm một gù một thọt kia vẫn cứ tiếp tục thổi kèn đến ầm ầm vang trời, Ngô Thất bất chợt bật cười không thành tiếng.

Tôi lại hỏi trong sự ngơ ngác, chưa hiểu rõ nguồn cơn:

- Ông anh ruột anh chết rồi ư?

- Chết rồi, anh ấy đã chết hẳn rồi.

Tôi nhìn ngôi mộ, nắm đất bé con con, tôi bốc một nắm đất rắc lên trên mộ.

- Đừng có bồi đất vào cho anh ấy. - Ngô Thất nói - Thực ra là không nên đắp diêm cho anh ấy nắm mồ này. Mẹ kiếp, nhưng do muốn cho mọi người biết rằng anh ấy chết thật rồi, nên mới phải đắp nắm mồ này lên.

Tôi không hiểu tại sao: Một người em ruột, đối với người anh khúc trên khúc dưới của mình mà lại lãnh đạm, lạnh lùng đến thế! Họ có thù hận gì với nhau không?

Anh lại chợt nói:

- Về thôi!

- Về?

- Mẹ kiếp! Không về thì làm gì ở đây nào? Anh ấy đáng phải ở đây, lẽ nào mình cũng phải ở lại nơi này sao.

- Đã thế, anh còn đến đây làm gì?

- Mình đến để xem xem mình đã từ đây ra đi như thế nào.

- Tôi không hiểu nổi...

- Không hiểu cái con ...X! Đây, anh chàng mở ngà chân chì! Về!

Tôi không hỏi han anh thêm câu nào nữa, tôi cảm thấy người đàn ông mấy ngày trước đây "có chuyện không thể không nói cho người khác nghe", nay không hiểu sao lại trở thành khó hiểu đến thế, từ nơi xa xăm tới đây, chỉ để nhìn qua một nắm đất rồi về ngay? Tôi chỉ đành tự giận mình, tự trách mình

là quá ngu dốt, cả tin để anh ta lừa chơi một chuyến, chửi bới một hồi.

Xuống hết sườn núi, tôi lại thấy anh rất phấn chấn, dứt khoát bắt buộc tôi đến chơi, thăm một ngôi nhà nhỏ độc nhất dưới chân núi. Tôi không đồng ý, dứt khoát đòi trở về thuyền, anh lại bắt đầu chửi bới tôi:

- Không đi thì đập bỏ! Mấy cái tên mỗ ngà chân chì chúng mày là không chơi được! Này, có mang tiền không? Cho vay hai chục đồng, để cho mấy đứa ở trong ngôi nhà nhỏ ấy. Mẹ kiếp, đừng có lo, cái thằng họ Ngô này chưa nói dối đứa nào bao giờ đâu nhá. Về thuyền là trả ngay tức thì.

Tôi rút ra hai mươi đồng bạc, đưa cho anh, anh chạy gần về phía ngôi nhà tranh đơn độc.

Một mình tôi quay trở lại thuyền, những người chân sào chưa có ai trở lại. Bác Lưu Thạch coi thuyền là người đàn ông duy nhất có mặt tại đó, chưa đi ngủ mà vẫn ngồi hút thuốc bên đèn. Bác nhìn cái thần sắc thâm hại của tôi, hỏi tôi đi đâu về, tôi nói lại cho bác nghe những chuyện không vui vừa qua, ông lão kéo một hơi thuốc thật dài, nói:

- Ngô Thất là một người cực tốt, anh ấy làm chân sào đã lâu, nên nhiễm phải cái thói nghiện rượu và ăn nói thô lỗ, cậu trách móc anh ta, anh ta cũng phải chịu thôi. Nhưng nếu cậu ở trên thuyền lâu lâu một tí, cậu sẽ hiểu lời tôi nói.

Tôi hỏi:

- Nhưng tại sao anh ta lại nói dối tôi? Lẽ nào lại chỉ đi đến nhìn đồng đất một cái?

Ông lão không nói gì nữa, nhưng ông đứng dậy đi nấu trà. Ông bưng trà lên mời tôi rồi nói:

- Cậu là người có chữ nghĩa, nên tôi nói hết cho cậu nghe, chuyện anh ta có thể viết được cả một pho sách đây.

Ông lão bèn nói lại mọi chuyện cho tôi nghe, ông nói rất nhiều nhưng cũng rất lung tung, trong đó có những đoạn theo tôi là những sự kiện vô cùng quan trọng, ông lại chỉ nói một câu là hết.

Đời cha Ngô Thất cũng làm chân sào, nổi tiếng khắp vùng An Khang với cái tên "Hồn Giang Long". Nhưng khi Ngô Thất còn rất nhỏ đã mồ côi cả cha lẫn mẹ. Người anh ruột là Ngô Sơn, nuôi em cho đến lúc trưởng thành, cả hai anh em đều theo nghề cha, chỉ có biết việc thuyền bè trên sông Hán Giang. Khi cuộc cách mạng văn hóa bắt đầu, họ không làm chân sào nữa, cả hai anh em vào thành làm tạo phản. Chỉ mới trong việc "chống bốn cái cũ", Ngô Sơn đã đem một người tên là Lưu Ngũ sống trong một ngõ nhỏ ở phía nam thành ra đấu tố. Lưu Ngũ làm nghề thổi kèn, một tay kèn tài ba, bất cứ nhà ai có việc có sự gì, đều mời ông đến thổi những bài kèn lưu truyền lại từ xưa. Ngô Sơn bảo rằng Lưu Ngũ là nằm trong hàng ngũ "bốn chống", nên đem người tới khám nhà, rồi lôi Lưu Ngũ đi đấu tố lưu động. Từ đấy, hai nhà ấy kết mối tử thù. Sau này đến khi đánh lộn nhau bằng vũ khí, Ngô Sơn bỏ vợ và đưa con gái ở nhà, một mình ra đi. Lưu Ngũ cũng bỏ lại vợ với một đứa con trai ở nhà, một mình ra đi, và họ đã tham gia vào hai phái đối lập nhau. Cuộc choáng nhau của họ càng ngày càng thêm ác liệt, và hai

người đều trở thành trùm sô của hai phái. Có một ngày, phái họ Lưu bao vây thành An Khang, đánh đuổi phái họ Ngô. Lưu Ngũ đến khám nhà Ngô Sơn, đem vợ và con gái Ngô Sơn ra khảo dã, đánh chết tươi bà vợ, còn cô con gái bị đánh gãy một chân. Ngô Sơn nhận được tin đó, liền sai Ngô Thất lên đưa cô con gái ra ngoài, đem đến gửi ở nhà một người quen. Còn Ngô Sơn dẫn quân đi tấn công vào thành, đánh ba ngày, phá được thành, Lưu Ngũ bị bắt, ngay lập tức bị trói bằng giây thép, đeo cho một gói thuốc nổ trên lưng, châm ngòi nổ, rồi thả cho chạy trên bãi sông. Lưu Ngũ nhân cơ hội đó, truy đuổi Ngô Sơn, nhưng chưa đuổi kịp, gói thuốc nổ trên lưng đã nổ bùng, xác tan thành từng mảnh trên bãi sông. Tất cả những tù binh còn lại, đều nhất loạt lấy đá đập chết. Phái họ Lưu bèn liên kết với một phái từ xa tới, rồi trong một đêm, xông tới, bắt người của phái họ Ngô. Lần này Ngô Thất bị bắt, bị áp giải đến bờ sông Hán Giang làm bánh trôi nước trôi sông, may mà Ngô Thất đã vùng chạy, trốn được.

Tất cả những người chết trong cuộc choảng nhau đó, đều đem chôn trên sườn núi nằm ở phía Nam thành, phái kia chôn ở phía bên kia, phái này chôn ở phía bên này, rồi cứ dần dần đông mãi lên, cuối cùng hai bên chỉ còn cách nhau bằng một con đường nhỏ ở giữa, từ đấy không còn ai dám lại vãng tới vùng này nữa, và người xa kẻ gần đều gọi nó là thành phố Ma.

Sau khi Ngô Thất chạy trốn, thoát hiểm, liền đi tìm Ngô Sơn, khuyên anh trai nên rửa tay, không làm những việc đó nữa, Ngô Sơn đỏ mặt giận dữ,

không thềm nghe lời khuyên, mà còn ra lệnh cho Ngô Thất đi tìm bắt lấy đứa con trai của Lưu Ngũ, vì nhỏ cò cần phải nhỏ cả rể. Ngô Thất bắt được thằng bé, nhưng anh lại đem nó tới chỗ con gái Ngô Sơn đang ẩn náu, rồi cả ba cùng cao chạy xa bay, không còn tin tức gì nữa.

Từ đó, Ngô Thất đem theo một đứa con trai, một đứa con gái, mai danh ẩn tính, lang thang tha hương. Hai đứa trẻ đó ban đầu không ai biết ai là ai, sau đó rồi cũng biết, và nhân một lần Ngô Thất vắng nhà, chúng đánh lộn với nhau, cô con gái thọt quật một gậy khiến con trai nhà Lưu Ngũ bị thương ở sống lưng lăn ra đất. Ngô Thất trở về thấy vậy, trước hết là cho mỗi đứa trẻ một cái bạt tai, và mắng:

- Đồ chó chúng mày, tao giữ chúng mày lại nuôi nấng là vì tao thương lũ chúng mày. lòi chúng mày ra khỏi mọi thứ tai họa, vậy mà chúng mày lại đánh lộn nhau, tiếp tục mỗi oán thù. Nếu vậy thì thôi tất cả cùng chết vậy! Trước hết, tao bóp cổ cho chúng mày chết hết, sau đó tao đập đầu tao vào tường cho nát cái sọ ra là xong.

Hai đứa bé sợ quá, con gái Ngô Sơn quỳ xuống mặt đất, còn cậu con trai của Lưu Ngũ đang nằm vật trên mặt đất, bò lại ôm lấy chân Ngô Thất, khóc tu tu, xin Ngô Thất tha tội.

Ngô Thất cũng mềm lòng nói:

- Thôi được, đã không muốn chết, thì phải sống tiếp thôi, các con phải quên hết cha mẹ mình đi, các con không phải con của họ, bọn họ đều là lang

là sói. Ta cần là cần người sống. Phải sống cho ra sống!

Ba người lại trở lại sống êm ấm với nhau, họ lang thang khắp Quan Trung, Cam Túc. Ngô Thất đi làm thuê kiếm tiền nuôi hai đứa con. Ngày nọ nói ngày kia, hai đứa trẻ cũng đã lớn lên, đứa con trai của Lưu Ngũ hồng lưng thành gù, nhưng ngay từ bé đã học được nghề thổi kèn của bố, Ngô Thất để dành tiền mua một chiếc kèn cho nó thổi. Con trai Lưu Ngũ vốn rất thông minh, không những tự mình thổi kèn càng ngày càng khá, mà còn dạy được con gái Ngô Sơn cùng thổi, đầu tiên học thổi những khúc quân hành chiến đấu, sau thổi đến những ca khúc lưu hành trong dân gian, nhà nào có đám hiếu là đến thổi, dần dần nổi tiếng, thành tài, đáp đổi lẫn hồi kiếm sống nuôi nhau.

Về sau Lưu Thất lại là người đứng ra, tác thành cuộc hôn nhân cho đôi trẻ.

Đến năm một ngàn chín trăm bảy mươi, cuộc đánh lộn trong toàn quốc kết thúc, bắt đầu là cuộc vận động ba chống. Ngô Thất nghe được tin đó, đưa ngay cặp vợ chồng chưa cưới này trở lại An Khang. Cô thọt sợ rằng sau khi trở về nhà, cha đẻ mình sẽ không tán thành cuộc hôn nhân này, Ngô Thất lại đứng ra bảo đảm, hứa mọi việc cứ trông vào mình. Ba người từ Cam Túc trở về, dọc đường đi vừa thổi kèn vừa kiếm sống, họ cũng dành được khối tiền, tính rằng khi về tới nhà sẽ làm lễ thành hôn. Khi về tới một nơi còn cách An Khang chừng hơn ba chục dặm, nghe nói Ngô Sơn bị thanh tra, bị bắt

để chờ xét xử, và hôm đó đứng vào ngày tòa án tiến hành xét xử công khai. Ba người vội đi gấp trở về, vừa về đến An Khang là đến ngay nơi xử án. Nhưng cuộc phán xét đã kết thúc, và xác Ngô Sơn đã ngã xuống ở pháp trường.

Ba người đứng trước thi thể Ngô Sơn không khóc, không chảy nước mắt. Hai người trẻ định quay đầu bỏ đi, nhưng Ngô Thất đã đi mua một chiếc chiếu, thuê người kéo xe, kéo đi, và hai đứa con đi theo sau xe, chiếc xe vượt qua thành An Khang, trong khi dọc đường đang vang lên tiếng pháo.

Ngô Thất nói:

- Các con ạ, các con hãy thổi kèn đám ma cho cha các con đi, ông ấy nên chết, chúng ta hãy vui vẻ đưa ông về thành phố Ma.

Những tiếng kèn bắt đầu được gióng lên, chiếc xe tang được chậm rãi kéo về phía thành phố Ma.

Tôi nghe đoạn câu chuyện kinh hồn lạc phách ấy, liền hỏi thêm ông lão:

- Về sau này thì sao?

- Về sau, Ngô Thất lại trở lại với dòng Hán Giang này, hai đứa trẻ đó đã lấy nhau, song cả hai đều là người tàn phế, nên được sắp xếp về lâm trường phía sau núi thành phố Ma để trông rừng. Chúng dựng một ngôi nhà nhỏ phía trước con ngòi, cùng nhau sống lại ở đó. Và chúng cũng vẫn thổi kèn đám ma như cũ, hơn nữa, càng thổi càng hay, cũng khá nổi tiếng, những người chết sau này, tất cả đều đưa về chôn cất ở đó, và cái thành phố Ma đó dần

dân trở thành nghĩa địa của toàn thành An Khang, và chúng cũng vẫn thôi kèn cho các đám ma đó.

Kể từ khi cặp vợ chồng đó ở lại đây, thành phố Ma không còn là một nơi đáng sợ nữa, mọi người cũng thường hay về đây, cũng không còn thấy những truyền thuyết về ma rất đáng sợ như xưa, nhưng họ lại nói khác đi rằng, cặp vợ chồng phờng bát âm đã trấn át được cả ma lẫn quỷ.

Tôi từ biệt ông lão, chui vào khoang thuyền đi ngủ, ban đầu, không làm sao mà ngủ được, nằm lắng nghe tiếng nước chảy bên mạn thuyền, nghe những tiếng huyền não từ thành An Khang vọng xuống...

Ngày hôm sau, khi tôi tỉnh giấc, con thuyền đã rời bến và đang lững lờ trôi. Tôi bật nhôm dậy, nhìn ra bên ngoài khoang thuyền, thuyền đang đi qua một bãi cạn, tôi không nghe thấy tiếng những người chèo sào uống rượu, hút thuốc và nói tục ở mũi thuyền. Có mấy người đang ra sức chống sào đẩy thuyền đi, và trên bãi cát, tít ở chân núi xa, có ba người cỡi trâu đang kéo dây thuyền, người đi đầu chính là Ngô Thất, anh choãi người bước đi, rất nặng nhọc, với những bước vững chãi, cùng những tiếng hầy dô, hầy dô, phát ra từ lồng ngực đầy sức mạnh...

Đất cát

Ở Thương Châu núi rất cao, nhưng sông lại không sâu. Dọc theo đường sông Đan Giang thường có nhiều eo, nổi lên những bãi bồi. Ở phía tây cách Vũ Quan tám mươi dặm đường, có một dòng sông con chảy theo hướng Bắc Nam, đổ vào sông Đan Giang, vùng đất eo sông này hình ba cạnh. Ở bờ phía tây con sông con, là một loạt những xóm làng, nhà cửa cao thấp, nhấp nhô, tạo ra được một con đường phố. Ôm lấy con đường phố này, nhà cửa xóm thôn cứ kéo dài mãi ra, nhà mọc lộn xộn, chẳng theo một trật tự nào, chẳng hề có ngõ xóm, và đường ngang nào hết. Thôn này, có tên là thôn Eo Liệt (Liệt Loan), với mấy trăm hộ gia đình, thuộc đại đội sản xuất Trà Phường, một đại đội đồng nhân khẩu nhất.

Ở bờ phía đông con sông con là một bãi cát vàng rộng lớn, không trồng trọt được, chỉ lơ thơ mấy cây liễu ngả nghiêng. Cát trôi của con sông con nhiều, gặp những khi mưa to gió lớn, bùn cát từ con ngòi phía sau đổ xuống theo. Trước hết là nó trải ra dọc hai bờ sông, những nhà ở bên bờ phía tây thường phải chịu mọi tai ách của nó, về sau đắp được một con đê bồi, lòng sông mỗi năm một cao dần lên, con

đê bồi cũng ngày một nâng cao hơn, bây giờ đã cao hơn nóc nhà đến hai lần rồi. Trong khi bên bờ phía đông chẳng có đê đập gì hết, và trở thành thế giới hoang vu của cát vàng. Người ta cũng đã từng thử trồng sậy ở đấy, nhưng cũng chỉ sống được có mỗi một vệt ven sông, còn vẫn là đất cát trần trụi, ban ngày có thể nhìn rõ vết chân của các loài chim, loài thú, ban đêm nghe tiếng sói gào, như trẻ con khóc dạ đề.

Về sau làm lại đường công lộ Trường Bình, tuyến đường chạy vòng ra phía sau thôn Eo Liệt, lại chạy đúng vào khu đất đỏ phù sa bên rìa bãi cát đó, và bên dưới gốc cây liễu già dựng lên một mái lều, mái lều lúc đầu không lợp bằng cỏ, mà chỉ che bằng giấy dầu. Dân công làm đường đã từng đến ăn nghỉ khi một loạt lán dựng lên, phần lớn đều làm bằng gỗ, dựng tạm, duy chỉ có một gian đặt bể lò rèn, là được lấy đất đắp vây lại. Đường làm xong, dân công rút đi, những gỗ lạt giấy dầu đó, phần lớn do công trường dỡ mang đi, còn một phần nhỏ đã bị dân thôn Eo Liệt đến lấy, tất cả chỉ còn lại bốn bức tường đất. Bây giờ, cây que đã được gác lên, lợp tranh, và có một hộ, sống tại đó.

Hộ này, thực ra chỉ có một người đàn ông.



Người đàn ông này tên là Lưu Thành, người Hà Nam; giờ này ông đang trần trụi trọc, nằm phục trên mặt cát, lên xuống đôi tay, luyện tập. Nắng ngày

Tam Phục¹ như đổ lửa, mặt cát nóng như rang, toàn thân ông toát ra một thứ mồ hôi đầu, đen bóng, khi ông chống tay lên, bụng ông thót lại như một cái gáo làm bằng nửa quả bầu nậm, khi ông dần xuống, toàn thân ông nổi lên những bắp thịt đen nhánh. Ông luyện tập như thế đến nửa canh giờ, (*một tiếng đồng hồ, N.D.*), cuối cùng ông nằm nguyên tại đó, giống như một con cá kinh phơi mình trên bãi cát, lơ đãng nhìn về phương xa vời. Trên bãi cát, một cơn gió quẩn, xoáy vòng một lát rồi biến mất, chỉ còn lớp hơi mỏng manh, trắng trắng bốc lên, như những sợi tơ, mà người ta có cảm giác rằng, đó là những sợi tơ của cát sôi bay lên, quẩn quanh, phơ phất mãi trên cao, làm cho cặp mắt không sao chịu đựng nổi. Bất chợt, ông vung đôi nắm đấm lên, đấm mạnh xuống mặt cát như người đánh trống, tựa như một con sư tử phát điên, tựa như đôi tay ấy không phải bằng xương bằng thịt, tựa như trước mặt dù là một khối sắt cũng bị đập vụn tan tành. Lát sau, ông bình tĩnh lại, mắt nhìn như đóng đinh vào đàn kiến dưới lớp cỏ, đang xúm đen trên mình một con sâu, con sâu giãy giụa, vật vờ, quăng quật, nhưng vẫn bị đàn kiến từ từ tha đi. Ông chồm tới, lấy tay miết chết đàn kiến, đặt con sâu bé nhỏ lên tay, thổi thổi cho nó, quay trở lại, đặt vào chùm lá mao liễu, và bất chợt ông bật cười.

1 Những ngày nóng nhất trong năm. Tam Phục bao gồm Sơ phục, Trung phục và Mạt phục. Sơ phục gồm 10 ngày, tính từ ngày canh thứ ba sau Hạ Chí. Trung Phục gồm 20 ngày, tính từ ngày canh thứ tư sau Hạ Chí. Mạt Phục gồm 10 ngày tính từ ngày canh thứ nhất sau Lập Thu. N.D.

Ông cười thật sảng khoái, có đến năm phần là cái cười hồn nhiên của trẻ thơ, và năm phần là cười cái tức cười của người lớn.

Cái tính khí chất phác đó của ông, người thôn Eo Liệt đã thấy nhiều, nhưng vẫn chẳng ai đoán thủng ra được. Trước đây nửa năm, ông dắt theo cô con gái tên là Diệp Diệp, đến đây mãi vô kiếm ăn, chân tay ông lạnh lợi, lại ăn to nói lớn, còn kèm thêm cái xinh xắn của cô con gái, nên việc kiếm ăn cũng khá. Cứ mỗi buổi mãi vô, trừ tiền ăn uống đi rồi cũng còn dành ra được một xâu tiền xu. Nhưng khi đến thôn Eo Liệt, Diệp Diệp bỗng ốm nặng rồi qua đời, một cái chết vô cùng đột ngột. Ông khóc lóc một trận kịch liệt, chôn cất cho con, rồi biến thành một con người hoàn toàn khác trước. Ông không đi giang hồ mãi vô nữa, muốn dừng gót lang thang trú ngụ lại hẳn ở nơi này, trông nom quán quýt với mảnh cô hồn của Diệp Diệp.

Nhưng, người Eo Liệt lại không chấp nhận ông.



Eo Liệt có hai ông đội trưởng, một ông họ Lý, một ông họ Tạ. Ông đi tìm ông Lý, ông Lý nói: Đây là một việc lớn, bản thân ông cũng muốn làm việc tốt, nhưng rất khó bàn bạc với ông đội trưởng họ Tạ.

Ông đến tìm gặp ông đội trưởng họ Tạ, ông Tạ lại bảo: Việc này, ông Lý là chính, chứ ông không dám quyết...

Ông làm một mâm rượu, mời luôn cả ông Lý lẫn ông Tạ cùng đến đánh chén, hai ông hết cách thoái thác, rượu vào, mặt đỏ bừng bừng, cười khà khà nói:

- Đây là việc lành mà, một mình ông, một cái lỗ miệng, chẳng lẽ cái thôn to lớn thế này lại chẳng dung nổi ông hay sao? Huống hồ ông lại là một con người tài ba, chúng tôi đồng ý thôi. Nhưng mà cái thôn này, nó lớn, bách nhân bách tính, để tôi họp đại hội xã viên, lựa lời nói với xã viên trước.

Một tháng, rồi một tháng nữa trôi qua, đại hội xã viên vẫn chẳng thấy họp.

Ông đã ở lại đây đến gần nửa năm, chỉ dành ngày ngày một mình hi hụi đi làm một số công việc kiếm sống. Hôm nay chẳng có ai đến thuê ông đi làm, luyện tập xong, ông bèn trở về cái lều tranh của mình ngồi. Gian lều quá tồi tàn, những bức tường đất, không kèo cột, một bệ bếp lò đắp bằng đất, một chiếc chảo, một chiếc vại nước, mấy cái âu đựng dầu mỡ, mắm muối. Một cái giường đắp bằng đất, một bộ chăn đệm, bên cạnh có một chiếc hòm gỗ mộc, xếp quần áo thay đổi bốn mùa. Ngoài ra chẳng còn cái gì khác, trừ những dao gươm, giáo mác để mãi vô kiếm tiền.

Thấy bụng đói, ông đi làm cơm. Bát thứ nhất đặt lên trước tấm ảnh cúng con. Khi ông vừa bung bát cơm lên định ăn, chợt ngoài cửa có tiếng gọi to tên ông:

- "Gính Hà Nam"! "Gính Hà Nam"!

Người ở đây, toàn gọi ông bằng cái tên như thế. Khi ông mới tới đây, ông gánh một gánh đồ đạc, dụng cụ, nên người thôn Eo Liệt gọi ông là "Gánh xiếc Hà Nam", nhưng rồi về sau, người ta gọi ngắn lại và trệo đi thành "Gính Hà Nam", rõ ràng ràng, trong đó có ý khinh người. Ông cũng chẳng lấy đó làm phiền lòng, và cũng chẳng cần đính chính lại tên thật họ thật của mình.

Khi ông chạy ra, thấy đó là Lai Cử, người trong thôn Eo Liệt. Lai Cử vốn là một cậu bé mồ côi, năm nay đã hai mươi hai tuổi rồi, vẫn chưa vợ. Khi mới tới đây, ông trú trọ trong nhà Lai Cử. Cậu thanh niên trẻ tuổi ấy, đối xử với ông rất tử tế, nhưng rồi dần dần, ông cũng biết được dụng ý của anh: Thứ nhất là muốn học võ, thứ hai là muốn gần gũi Diệp Diệp. Có một lần, Diệp Diệp đứng cán mỳ trong nhà ngang, Lai Cử đứng ở cửa nhà trên liếc nhìn trộm. Khi vừa bước vào cổng, ông đã bắt được, ông đằng hắng, ho to. Lai Cử tụt vào trong cửa trốn. Ông không nói lại chuyện đó cho con gái biết, mà chỉ bảo con rằng, không thể ở đây được nữa. Từ đó, hai bố con ra ở cái lều nát này, không cho Diệp Diệp tiếp xúc với Lai Cử, và cũng chẳng dạy võ cho Lai Cử nữa.

Sau khi Diệp Diệp qua đời, ông cảm thấy mình có lỗi với Lai Cử, nên mỗi khi Lai Cử tới đây, ông đều niềm nở tiếp đón. Và chàng thanh niên này cũng là người trong thôn Eo Liệt đi lại nơi này nhiều nhất.

Lai Cử đứng ngoài cửa, không vào, quần áo trên người rách bươm, mặt nhoe nhoét máu, thở hổn hển nói:

- Ông đội trưởng cho gọi bác.

Ông phản khởi hỏi:

- Nhưng là ông Lý hay ông Tạ?

- Cả hai ông đều cho gọi. Bác nhanh nhanh lên.

Ông buông đĩa buồng bát, khoác thêm chiếc áo rồi đi. Cửa bỏ ngõ không khóa; bọn trộm cắp đổ đám trộm cắp nhà ông, và lại ông cũng chẳng có gì mà trộm cắp.

Vừa đi ông vừa hỏi:

- Có phải là việc xin ở lại đây không?

Lai Cử đáp:

- Gọi bác đi "oánh" nhau.

Ông sưng người:

- Đánh nhau?

- Bọn thôn Nam lại đến bắt nạt ta, bọn họ đòi đắp thêm một con đê nữa, bên ta ra cãi lý, thế là hai bên đánh nhau.

Ông dừng lại, không đi nữa. Mâu thuẫn giữa thôn Eo Liệt và thôn Nam thì ông biết, nhưng ông không thể đi tham dự vào việc đánh nhau được. Hai thôn này, nằm đối diện với nhau ở hai bên bờ sông, trước đây ít năm, người thôn Nam đắp thêm một con đê, đẩy dòng chảy về phía bên này, làm cho đất cát bên Eo Liệt bị xói lở rất nhiều. Khi ấy cũng đã kiện cáo lên trên, nhưng việc giải quyết không đến nơi

đến chốn, nên người thôn Nam càng thêm to gan, lại phát triển rộng ra ngoài bãi, đắp thêm một con đê thứ hai... Nay xảy ra chuyện đánh nhau, và đúng là ông có võ nghệ thật, nhưng hà cớ gì lại đi đánh nhau mới được chứ?

Lai Cử thấy ông dừng lại, liền nói:

- Đi thôi, đi thôi, đang lúc cần tới võ nghệ cao cường của bác.

Ông gào lên:

- Thế là gọi tao đi hành hung người ta à? Tao đâu có phải là người Eo Liệt, tao đi đánh nhau với người ta để làm gì?

Lai Cử nói:

- Cái nhà ông "Gính Hà Nam" này, bác có đánh thắng được bọn họ, người Eo Liệt mới cho bác hộ khẩu chứ? Lẽ nào chỉ cho bác nhập hộ khẩu, giồng giọt trên đất người ta, ăn lương thực của người ta không thế sao?

Ông bất chợt nổi hung lên, túm ngay lấy cổ áo Lai Cử, nhấc bổng, quát to:

- Mày dám ăn nói như thế hở? Mày thử nói lại tao nghe xem nào.

Lai Cử sợ đến tái xanh tái xám mặt mày.

Ông buông tay xuống, ngoắt đầu, đi thẳng. Đi được vài bước, ông quay đầu nhìn lại, vẫn thấy Lai Cử đứng trân trân ra đấy.

Ông quát to:

- Cái thằng thối thây kia! Mày vẫn còn ý xác ra đấy mà chờ người Eo Liệt bị đổ máu sao?



Ông đi tới bờ sông trước thôn, quả nhiên ở đấy đây những người, đang túm nắm, giằng xé, đánh dấu nhau. Người thôn Nam rất hung dữ, ào ào xông tới. Người Eo Liệt lại chẳng đồng lòng đồng dạ, người đằng trước đánh nhau, người đằng sau bỏ chạy, thế là người đằng trước đâm nản lòng, cuối cùng có hai người bị bao vây, bị đánh cho ngã sóng soài trên mặt đất. "Mặt trận" bên này thành hỗn loạn, và tan vỡ, phía bên kia thừa thắng xông lên, cướp lại những thứ đã bị cướp đi như đòn gánh, xe cải tiến, lồng sọt...

Ông đi tới đó, nhìn tình cảnh, một nỗi giận chột bùng lên trong ông, ngay lập tức, ông co hai nắm đấm lên ngang hông, rồi những cú đấm gió vút tới. Người thôn Nam vẫn còn đứng dưới sông, chưa kịp lên bờ hết, nhìn thấy ông, lập tức đầu đứng đó.

Người thôn Nam nói:

- Trong muối không có ông, trong dấm không có ông, dính gì đến ông nào?

Mặt ông đen sặt lại:

- Tao đánh vì lẽ công bằng!

- Cái con mèo hoang kia, có cút ngay đi không?

- Nếu không cút thì sao?

Một tay thanh niên lao tới, ông chỉ giơ một tay ra đẩy, anh chàng đã ngã chổng vó xuống nước. Ông bật cười lớn. Người Eo Liệt nhân cơ hội đó lại ào tới. Ông ngăn họ lại, đợi cho người thôn Nam lên hết trên bờ đá. Người thôn Nam lên bờ, bắt đầu đứng vào thế, đột nhiên có người nắm một nắm cát, ném thẳng vào mắt ông, ông "ối" lên một tiếng, đưa hai tay lên dụi mắt, thế là cả đám người sấn tới, dề sắp ông xuống. Người Eo Liệt thấy vậy, liền ào ào bỏ chạy. Đột nhiên, chân tay ông dậm, đập tung ra bốn phía, và ngay lập tức có bốn người bay tung, xa đến gần một trượng, những người ấy, còn chưa kịp bỏ dây, ông đã tung người lên, nhảy vọt tới chỗ cách đó hai thước. Ông lột bút tất, trợn tròn mắt, quát to:

- Nào! Thăng nào có giỏi cứ lại tất cả đây!

Những người bị hất ngã, người nào người nấy mặt đầy máu mũi, vội vã chạy tuốt xuống sông... Người Eo Liệt lại ào ào xông tới, đuổi qua sông, đập phá xe cộ, bẻ gãy đòn gánh, lồng sọt của phía bên kia.

Ông Lý, ông Tạ vội vã chạy tới, hân hoan nói:

- Đáng lẽ ông phải bẻ gãy ngoéo ngay mấy cái cánh tay của chúng nó đi.

Ông buồn phiền nói:

- Các ông định đưa tôi đi tù chắc?!

Ông nhặt lại những chiếc bút tất của mình, vắt chéo chúng lên vai, đi về phía một người bị thương còn nằm rên rỉ tại trận. Ông dừng chân, lạnh lùng nhìn, nhìn xong, ông rút từ túi áo ra một chiếc lọ nhỏ, ném vào ngực anh ta nói:

- Cầm về mà xoa bóp, những vết tím bầm kia sẽ lặn ngay.



Người thôn Nam bị thua to, bắt đầu biết điều hơn, không còn đòi đắp con dê thứ hai nữa. Tiếng tăm của ông lừng lẫy khắp vùng, và ông đã nhanh chóng được cấp hộ tịch nhập vào thôn Eo Liệt.

Lai Cử rất khoái chí, thường hay kể công với ông rằng, may mà có anh gọi ông đi đánh nhau. Ông chỉ cười, không ra tán thành, cũng không ra phản đối. Lai Cử mời ông về ở tại nhà mình, ông không về, vẫn cứ ở nguyên trong ngôi lều tranh rách nát ấy, có điều ông vay của đội sản xuất mấy chục đồng, mua mấy cái cây trồng ở bờ dê, làm kèo, làm xà, rồi lợp rơm trên mái.

Từ đó, ông không còn phải là kẻ lang thang cơ nhỡ nữa, mà ông đã có chỗ trú chân hẳn hoi. Ông cũng chẳng còn đi mãi vô làm xiếc kiếm sống nữa, mà bắt đầu tham gia sản xuất cây cà. Nhưng người trong làng, vẫn chẳng có ai chịu gọi ông bằng tên thật của ông, mà già trẻ lớn bé vẫn gọi ông bằng cái tên "Gính Hà Nam".



Ngày xưa, hồi còn sống ở Hà Nam quê nhà, ông đã từng kéo cối xay, lăn trực lúa, cầm cày, cũng là

một lao động giỏi trong làng, một người có tiếng trong công việc, nay làm những công việc nặng trong nghề nông, ông vẫn là một tay giỏi giang. Có điều rằng, nơi quê ông, không có ruộng nước, cũng không có gò đồi, còn ở Eo Liệt này lại một nửa nương khô, một nửa ruộng nước, nương cũng có một nửa là nương phẳng, một nửa là nương dốc, nên đối với ông cũng có thể gọi là mới lạ, không quen. Đầu tiên ông không biết cấy, hàng mạ ông cắm xuống luôn xiêu xiêu vẹo vẹo, cong lệch chẳng bao giờ thẳng. Ông không quen dầm chân cả buổi dưới ruộng nước, mỗi khi thấy đĩa bám vào bắp chân, là người đã nổi hết da gà lên. Ông bèn đi gánh mạ, người khác gánh ba mươi con, ông gánh hẵn năm chục, và khi đứng trên đầu bờ, quăng mạ xuống ruộng, ông có thể ném từ đầu bờ ra đến giữa ruộng, chân dẫm trên gốc rạ đến bật máu, mọi người thấy thế, đều phát sợ, nhưng đối với ông vẫn chẳng mùi gì, nên việc gánh mạ, một mình ông làm tất. Làm trên nương dốc, ông không quen dùng cào cào đá, ông đi vác đá đắp bờ, thông thường cứ hai người khênh một hòn, còn ông cứ vác một mình một hòn. Vì thế mỗi khi phải vác đá đắp bờ, chỉ cần hai người khênh đá đặt lên vai ông, ông vác lên đến bờ vừa nhanh vừa chắc. Chỉ trong một thời gian ngắn, trên vai, trên lưng ông, đã thành những cục chai.

- Dẫm ra mình có duyên với mảnh đất này.

Ông thường nằm bên bờ ruộng, gối đầu bằng đôi giày, chân gác lên một vật gì đó, rồi luyện công phu theo thói quen, và miệt mài thì nói thế.

Ông nghỉ, trong bao nhiêu năm rông lang thang khắp nơi như thế, gót giang hồ đã đặt lên không biết bao nhiêu vùng đất, nhưng chẳng có nơi nào làm nảy ra trong đầu ông, cái ý định dừng chân ở lại, vậy mà, nay lại định cư, lập nghiệp trên mảnh đất này. Đất hoàng thổ vùng này, ông đã chôn cất Diệp Diệp của ông, chỗ dựa, niềm hy vọng duy nhất của ông trong lúc tuổi già trên cõi đời này. Ông quyết tâm dừng chân lại nơi đây, đợi hết những năm cuối đời của mình, rồi sang thế giới bên kia, lại ở cùng với con gái của mình.

Những công việc nặng nhọc ngoài ruộng nương, đã khiến thu nhập của ông ngày một tăng, ông đã trả hết món nợ vay của đội sản xuất, lại trát tường trong nhà, sắm thêm ít chậu gốm, vại gốm, trong vại đã có đủ loại gạo mỹ, và mua thêm cả một bộ chân đệm mới. Ngoài những cái đó ra, tất cả số tiền còn lại ông mua rượu, thịt đánh chén.

Ai, ai cũng bảo ông là người vui vẻ thẳng thắn, kiếm được bao nhiêu, chén bấy nhiêu, một bát thịt bung ra, ông chưa bảo cầm, đồ ai dám cầm, mỗi khi ông ra khỏi nhà, ông vua bếp cũng đi theo. Nhưng mỗi khi từ ngoài nương ngoài ruộng trở về, cứ đến cửa túp lều, ông lại quen miệng hỏi to:

- Diệp ơi! CƠM nước xong chưa con?

Ngày xưa, cứ mỗi lần về nhà, ông đều hỏi con gái như thế, và bao giờ cũng vậy, Diệp Diệp đáp lời ông "Rồi ạ", rồi cô đi ra, để ông ngồi ngoài cửa, cô đi bung nước cho ông rửa tay rửa mặt. Ngay sau đó cô đã dọn ra bữa cơm rau nóng hổi. Bấy giờ, sau

khi cất tiếng gọi con, ông mới lại chột hiểu tất cả. Ông đứng sững ở đó một lát, đầu cúi xuống và nước mắt ứa ra.

Vào trong nhà, ông chẳng còn lòng dạ nào mà đi làm một bữa ăn tử tế nữa, nên chỉ quấy quá nhồi nhét cái gì đó vào bụng. Thấy rằng chẳng còn có thể ngồi ở nhà được nữa, ông ra bãi cát trước cửa, đắp đá, tập võ.



Những khi đó, dân làng thường chạy tới xem, trước hết là đám trẻ con, sau đến lượt các người già. Có một ông già, đã hơn sáu chục tuổi, trong chế độ cũ, đã từng đi xa buôn bán, ngược lên đến Tây An, xuôi xuống đến Hán Trung, khá từng trải lịch duyệt, đứng xem ông luyện tay, rèn chân, rồi chạy tới nói:

- Chân tay thật tuyệt vời. Cũng may mà đất này được cái thế tốt, mới giữ được chân con người như thế này. Chúng tôi, đúng là phải cảm ơn ông.

Ông khoanh tay, kéo ông lão ngồi xuống nói: chính ông mới là người phải mãi mãi cảm ơn mảnh đất này, bởi con gái ông đã được gửi gắm ở đây, và cũng nơi đây đã dung nạp một con người lưu lảng...

- Không, không, nếu không có ông, thôn này đã bị thôn Nam bắt nạt, chèn ép rồi...

Ông lão nhắc lại trận đánh nhau hồi nọ, rất thán phục bản lĩnh của ông, và nói quá lên rằng, chính

ông đã được trời sai xuống, để giữ vững cái thôn Eo Liệt này.

- Cái võ nghệ này của ông, thật đúng là vào bậc thầy ở khắp vùng sông nước Thương Châu này.

Ông lão đã coi trọng ông, ông cũng quý mến ông lão, họ trở thành bạn, ông thường tới nhà ông lão chơi bời, và cũng hay vào thôn xóm chạy quanh chạy quẩn hơn. Mọi người gặp ông, vẫn cứ thấy hơi瑟瑟, ăn nói với ông cũng nhỏ nhẹ, nếu phải tranh luận gì đấy, họ là người im tiếng trước, bởi sợ ông nổi nóng, vung tay vung chân lên thì khốn. Mỗi khi trẻ con nhà nào quấy khóc, bà mẹ đã dọa ngay:

- "Gính Hà Nam" kia kia...

Trẻ con lập tức nín khóc.

Đã có một thời, ông trở thành một nhân vật huyền thoại, xa gần, đồn đại về ông rất lắm chuyện. Họ bảo rằng: Năm đám của ông đã giáng chết một con trâu tơ, bảo rằng: Chân ông đã đá gãy một cái cây to bằng miệng bát, và cũng còn nói rằng: Trên cột sống sau lưng ông có mọc ba sợi lông cứng, mỗi khi ông nổi hung lên, những sợi lông ấy dựng đứng lên như ba cây kim. Cho nên có khá nhiều thanh niên tìm đến nhà ông, xin tôn ông làm thầy, để học võ. Song ông không nhận một ai làm học trò. Những chàng thanh niên ấy đành chỉ rình rình xem trộm ông luyện tập, cũng học lỏm được mấy đường, rồi đi khoe huênh hoang khắp nơi. Thỉnh thoảng đi gây gổ ở một chỗ nào đó, nếu đối phương định giở võ ra, là họ lập tức đe dọa:

- Xin mời! Tao đã theo học thầy "Gính Hà Nam" của tao hai năm rồi đấy, đang buồn chân buồn tay đây.

Thế là đối phương im re, không dám ho he gì nữa.

Bằng đi một thời gian, chẳng có ai dám đến quấy nhiễu cái thôn Eo Liệt này nữa. Bọn trộm cắp xa gần, cũng không dám lần mò tới đây mà xoáy cái này, chôm cái nọ.



Uy tín của ông càng ngày càng cao, người trong thôn tới tấp lều của ông càng ngày càng nhiều, nhiều nhất, ngoài Lai Cử và ông lão bạn già trên sáu mươi kia, là đội trưởng Lý và đội trưởng Tạ. Thôn Eo Liệt xưa kia vốn chỉ một dòng họ Lý, vào đời ông của đời ông họ trước kia, trong thôn, có ba anh em với ba nhà, sau đó sinh con đẻ cái ra, nên lên tới mấy chục nhà. Nhưng cho đến sau giải phóng, bắt đầu có những dòng họ khác đến cư trú tại đây, nào là họ Lưu, họ Tạ, họ Vương, sinh sôi nảy nở, tiếp tục phát triển tới mấy chục hộ nữa. Bao nhiêu năm nay, làm mưa làm gió ở thôn Eo Liệt là họ Lý, cho nên cán bộ to, cán bộ nhỏ, tất tât đều là họ Lý, đi làm lính, đi làm công nhân, cũng đều là họ Lý. Họ Lý ăn cơm nhà nước và nắm quyền sinh quyền sát trong tay, những người họ khác, do bất mãn, do bức tức, đã dần dần liên kết lại với nhau, thêm vào đó là những tay thanh niên sừng sỏ trong họ Lý đều rời làng đi xa hết, trong khi thanh niên của các họ khác cứ phát triển lên, thế là hàng ngũ cán bộ bắt đầu có những đổi thay, những lực lượng lao động chính

cùng thay đổi, từ đây họ bắt đầu ngăn chặn họ Lý lại, thế lực đối địch bằng nhau. Trong mấy năm gần đây, đội trưởng Lý là người đại diện cho những hộ "cự trào", đội trưởng Tạ đại diện cho những hộ "tân trào", hai người chống đối nhau kịch liệt. Đến bây giờ, thấy ông "Gính Hà Nam" cũng đã là một "nhân vật", nên ngay lập tức ai cũng hâm nhiệt tình với ông, tốt với ông, để lôi kéo ông về với phe mình.

Đầu tiên là đội trưởng Lý tới tìm ông. Ở thôn này đã thành lệ, bất cứ nhà nào có chuyện hiếu chuyện hỉ đều mời chào, lôi kéo ông tới. Trên bàn rượu, nhiều người, nhân có rượu của chủ nhà, đã chuốc cho ông bát lớn, bát bé, rồi sau đó đề nghị ông, ra múa một bài quyền cước phục vụ đồng bào. Trước sau, ông đều từ chối, song cũng chẳng làm ai phật lòng.

Có một hôm, có người đàn bà ăn xin đến thôn này, với ba đứa con trong tay, đứa lớn là một cô bé mười lăm tuổi, hai đứa bé đều là con trai. Người đàn bà đau ốm, nằm ở miếu Quan Đế, ba đứa con dắt nhau đến từng cửa xin ăn, cô con gái đã biết xấu hổ, nên lần nào cũng chỉ giục hai đứa em đến mọi nhà, xin được cái gì, cô bé lại đem về miếu Quan Đế. Nhìn cảnh ấy, mắt ông bỗng ướt nhoèn, ông chạy về nhà, cầm năm chiếc bánh trong lòng hấp đem ra cho mẹ con nhà ấy. Đội trưởng Lý cười ông về cái trò từ thiện ấy, ông bảo, ông nhớ tới Diệp Diệp. Diệp Diệp của ông đã cùng ông đi lang thang suốt mấy năm trời, ông biểu diễn quyền cước, cô bé xin tiền, trong những ngày đầu, cô nương không chịu làm việc ấy, ông đã từng đánh cô, cô bé khóc liên

ba ngày, từ đây ông ân hận, giận mình, bàn tay ông, không còn bao giờ đập lên người con gái nữa, và cũng không sai cô đi quanh xin tiền nữa. Vừa nói, nước mắt ông vừa ứa ra.

Đội trưởng Lý cũng theo ông, buông một tiếng thở dài. Đợi đến khi cùng trở lại tới túp lều. Đội trưởng Lý, lại bất chợt chúc mừng ông.

Ông ngỡ ngàng chẳng biết chúc mừng điều gì, hỏi:

- Chúc mừng cái gì mới được chứ?

Đội trưởng Lý đáp:

- Đây thật đúng là cái duyên ông trời xe... Tôi bắt được rồi đấy nhé, ông rất có cảm tình với nhà bà ấy. Bà ấy tuy gọi là ốm, nhưng chẳng qua chỉ là cảm mạo mà thôi. Người cũng còn trẻ, trông cũng khá. Việc gì mà không giữ bà ta ở lại đây, còn ấm hơn chăn hơn đệm đấy.

Mặt ông bất chợt đỏ bừng lên, ông chỉ thẳng vào mặt đội trưởng Lý nhếch mồm:

- Đúng ông là cái thằng thói mồm! Người ta, mẹ góa con côi, đang trong cảnh hoạn nạn, đã không thương thì chớ, lại còn định ép buộc, bắt chẹt người ta, nữa.

Đội trưởng Lý vội vàng toét miệng ra cười, thanh minh rằng, mình chẳng có ý xấu gì, chẳng qua chỉ là quan tâm tới ông thế thôi. Ông nhìn nét mặt của đội trưởng Lý quả là đầy vẻ chân tình, cuối cùng, cũng thôi, không nói thêm gì nữa, và đầu hơi cúi xuống.

Kể từ khi bà vợ hiền của ông qua đời, ông đã sống cảnh đơn côi đến hơn mười năm rồi, ban đầu còn Diệp Diệp bên mình, nên cũng chẳng thấy cô đơn, nhưng khi Diệp Diệp mất đi, ông cũng đã từng nghĩ tới một người bạn già nào đấy, nhưng đâu có dễ mà gặp được, ông nghĩ, mình vốn là một kẻ lang thang, ai người ta chịu lấy mình? Thế là việc ấy đành gác lại. Đến nay, chợt đội trưởng Lý nhắc tới việc ấy, ông lại thấy lòng mình rung động, nhưng khi nghĩ tới người đàn bà đang đau yếu nặng, lại một nách ba đứa con nhỏ như thế, lòng ông lại bần khoản.

Ông nói:

- Thôi, thôi... Hãy cứ để cho tôi yên chân ở nơi này cái đã, chuyện ấy tính sau, tuổi tác cũng đã trên năm mươi rồi còn gì?

- Thì chính vì đã ở vào cái tuổi ấy, mới cần người chăm sóc ông - Đội trưởng Lý nói - Rồi ra, có vợ, lại có con, thế là ông có cả một gia đình yên ổn. Vấn đề hộ khẩu của họ ấy mà, ông cứ trông vào tôi, tôi xin bảo đảm đấy. Cái lão họ Tạ ấy mà không đồng ý, thử hỏi đã làm gì tôi tốt?

- Ông tính chuyện này xong được chứ?

- Tất nhiên là thế rồi. Tôi xin đi làm ông mới giúp ông.

- Thế thì tôi biết cảm ơn ông thế nào mới được.

- Xin đừng có cảm với ơn vội. Đợi khi ta trị xong cái lão họ Tạ ấy, rồi lại hoàn thành việc vui mừng của ông, lúc ấy ông cảm ơn tôi cũng chưa muộn.

Ông nhìn mặt đội trưởng Lý, bật cười. Ông biết tông cái bụng cái dạ của ông đội trưởng Lý này: Chẳng phải là thương ông cô đơn, mà là muốn lôi kéo ông vào chuyện tranh chấp với những dòng họ khác. Ông bảo, thôi chuyện đó để ngày mai bàn tiếp, đẩy đội trưởng Lý ra về...

Nhưng ngay đêm hôm đó, ông lên tới miếu Quan Đế, dúm cho người đàn bà ăn xin kia hai mươi đồng bạc, rồi bảo mẹ con bà phải đi khỏi cái thôn này ngay lập tức.



Về sau, Lai Cử đi lại với ông càng nhiều hơn, hôm nay bê đến một bó củi, ngày mai xách tới một làn rau, lần nào đến cũng bảo là đội trưởng Tạ sai mang lại. Mùa đông năm ấy, đội trưởng Tạ tới túp lều tranh, đề nghị ông "đánh giá" về thôn Eo Liệt, ông cũng chỉ nói quấy quá, tào lao cho xong chuyện. Đội trưởng Tạ nói cho biết về từng nhà của dòng họ Lý, rồi lai lịch của từng người, ông cho biết, dòng họ Lý kèn cựa, chèn ép các dòng họ khác, ngày trước không cho ông họ khẩu chính là do cái lão Lý này phá thói. Cuối cùng, cũng lại nhắc tới việc nhân duyên của ông. Người đàn bà ông Tạ định giới thiệu cho ông, là em vợ ông, họ Nhiễm năm nay bốn chục tuổi tròn, trước đây mắc bệnh tim, nên vẫn chưa lấy chồng lần nào, nay bệnh cũng đã đỡ, rất nhiều người đến hỏi, nhưng rồi có người lo đi ấy không để đái được,

nên thôi, cũng có người chấp nhận, nhưng đi ấy lại không đồng ý.

Đội trưởng Tạ nói:

- Thôi, để tôi chấp mối cho hai người.

Ngay lúc ấy ông đã thoái thác, lấy cớ là tuổi tác cách nhau quá xa.

Đội trưởng Tạ liền đả thông cho ông một hồi:

- Xưa nay trên cõi đời này, chỉ đàn bà chê đàn ông già, chứ chẳng có người đàn ông nào lại chê đàn bà quá trẻ. Con trâu ăn cỏ cũng muốn tìm đám cỏ non.

Ông chẳng biết tính sao, nên cũng đành để ông Tạ lôi đi xem mặt. Người đàn bà quả cũng còn trẻ, người ngợm cũng ra dáng, lại cũng đã từng được nghe nói rằng ông là người rất vị tha, nên cũng tỏ vẻ đồng ý ngay... Song ông lại đánh bài chuồn. Đội trưởng Tạ chạy theo ông ra ngoài, hỏi ông tính sao. Ông chỉ lắc đầu đáp:

- Không ổn!

- Không ổn?

- Không hợp!

- Không hợp?

- Người này, không phải là để dành cho những người như tôi.

- Cái nhà ông "Gính Hà Nam" này thật là... dễ thường mắt ông để lên trên lông mày rồi chắc? Người ta không vương vীu, lôi thôi gì, không chòng mà cũng chẳng phải là quả phụ, tuổi tác như thế, người ngợm như thế... Nói thật với ông một câu nhá: Người ta

mà đi sánh vai cùng ông, chỉ có làm đẹp mặt ông lên thôi... Ấy thế mà ông lại còn không bằng lòng là sao?

Ông cười như mếu:

- Ôi giời! Tôi già lão như thế này, lại vừa đen vừa xấu, một đóa hoa nhài đem cắm bãi phân trâu sao?! (*Nguyên văn: Một cây cải trắng mà đem cho lợn ăn sao? N.D.*). Tôi đã quen nét lang thang rồi, không đủ sức để chăm sóc người ta, tôi đến muôn vạn lần không dám tạo ra cái nghiệp chướng này.

Những lời nói đó khiến ông đội trưởng Tạ chỉ còn biết há miệng, trợn mắt kinh ngạc. Việc nhân duyên thế là lại một phen thất bại, chuyện ấy đã thành câu chuyện đàm tiếu trong dân thôn. Ai cũng bảo là ông quá ngớ ngẩn.



Hai phen hôn nhân đều không đi đến đâu nên người trong thôn chẳng còn ai muốn mối lái cho ông nữa. Ông cô đơn, loi lẻ trong túp lều tranh, một ngày mấy bữa đi làm, sớm sớm, tối tối lại luyện tập võ nghệ trên bãi cát. Hai ông đội trưởng cứ chạy quanh ông như chiếc đèn kéo quân đến tìm gặp ông. Ông vẫn nhiệt tình tiếp đón họ, nhưng nói rất ít. Thế là bước chân của hai ông đội trưởng cũng xa dần.

Năm đó, cuộc đấu của các dòng họ ở thôn Eo Liệt càng trở nên kịch liệt hơn, trước hết chỉ là những cuộc công kích giữa dòng họ họ họ với họ kia, dòng họ nào cũng ra sức che đậy sự sai trái của

dòng họ mình. Đội trưởng Lý và đội trưởng Tạ cũng đối đầu rõ rệt, anh định lật đổ tôi, thì tôi phá thói anh, ý kiến chưa bao giờ thống nhất với nhau được. Chính vì sự tranh chấp âm ỉ đó, mà chẳng còn ai chú ý gì đến việc sản xuất nữa. Con người tẻ bạc với ruộng nương, thì ruộng nương cũng tẻ bạc với con người, vì thế đến mùa thu hoạch, tất cả các thôn xóm xa gần đều được mùa, bội thu, riêng ở Eo Liệt lúa màu giảm đi đến ba phần (mười). Xã viên xôn xao phản đối, và bắt đầu không tán thành sự kèn cựa nhau này, đồng thời tỏ ra rất khó chịu đối với đội trưởng Tạ và đội trưởng Lý, cái mà họ cần là thóc lúa tống vào miệng.

Thu hoạch xong, toàn thôn lao vào việc cải tiến, họp liên tục mất ba tối liền mà vẫn không sao bầu được đội trưởng mới. Dòng họ Lý định bầu Lý Lão Ngũ, những dòng họ khác kiên quyết không tán thành, họ đòi bầu cho Lưu Tịch Sơn, nhưng người họ Lý lại kiên quyết không thông qua. Có người đã đề nghị cử bầu theo cách thức cũ, tức là mỗi dòng họ cử ra một người...

Ông "Gính Hà Nam" từ lúc tới họp vẫn ngồi im lặng trong một xó hội trường, thấy như thế là không ổn, bèn đứng dậy xin có ý kiến. Ông nói:

- Phải hòa hợp lại với nhau mới được, cho nên vẫn cứ nên để ông Tạ và ông Lý cùng làm, đây là ta chọn đội trưởng chứ không phải chọn tộc trưởng. Làm sao cho ra được thóc lúa mà ăn mới là công việc chính, nếu cứ như thế này mãi, sang năm, cái mỏ của chúng ta đều bị gác lên hết.

Thế là chẳng còn ai nói thêm gì nữa, bởi đều thấy lời ông nói là có lý.

Chợt có người vỗ đùi nói lớn:

- Có rồi, có rồi! Cái ông đội trưởng ấy chẳng đang "lù lù trước mặt đây là gì? Còn phải chọn lựa gì nữa chứ??"

Mọi người xôn xao hỏi là ai.

Người đó chỉ tay nói:

- Đó... "Gính Hà Nam" đó! Ông đội trưởng Lý đã không lôi kéo nổi ông ấy, ông đội trưởng Tạ lôi kéo mà cũng chẳng ăn thua gì. Ông ấy chẳng vương vịu, bẻ cánh với ai, mà chỉ một lòng một dạ nghĩ đến sản xuất...

Mọi người đều ào lên đồng ý, tán thành. Đó là điều mà ông, thật tình, chưa bao giờ nghĩ tới, nên ông từ chối ngay lập tức. Lý do là vì ông vừa chân ướt chân ráo tới đây, chưa nắm được mọi tình hình, lại không có kinh nghiệm sản xuất, nên ngược xuôi, dốt khoát không làm. Cả thôn ai cũng lấy làm tiếc, cuối cùng đành chỉ bầu cho Lai Cử. Lai Cử đối với đội trưởng Tạ cũng còn có những mối liên quan mật thiết, nên người họ Lý vẫn còn có ý kiến. Ông "Gính Hà Nam" đề nghị bầu thêm hai người đội phó, đó là ông lão bạn ông hơn sáu mươi tuổi, và cả ông nữa. Ông lão bạn phụ trách sản xuất, còn ông phụ trách đường lối chung.

Mọi người đều tán thành.



Sau khi Lai Cử được bầu cử làm đội trưởng, Lai Cử rất hăng hái, mọi việc sản xuất đều tranh thủ

hỏi han ý kiến của ông, mọi chuyện phải trái anh đều dựa vào ông cả, cho nên công việc của đội sản xuất, tiến vù vù. Song khắp nơi xa gần mỗi khi nói đến đội trưởng đội sản xuất thôn Eo Liệt, họ chỉ nhắc tới mỗi một mình ông. Chẳng việc gì ông không làm, và cũng chẳng việc gì ông không dám làm. Có khi, lần này ông đã làm mất lòng dòng họ Lý, nhưng lần sau, ông lại đứng ra kiên quyết bảo vệ những ý kiến hay của họ. Cho nên, rồi ngày dài tháng ngắn, cả hai dòng họ ấy đều rất thán phục ông. Tuy nhiên vẫn có những người ghen ghét với ông, song lại chẳng có cái lý nào và cũng chẳng đánh đổ nổi ông, nên đành cấn răng chịu đựng.

Ban cán bộ mới làm việc được một năm, lòng dạ mọi người cũng đã sắp lại được gần nhau, nói chung là, không còn có sự phân biệt giữa dòng họ Lý với các dòng họ khác. Đến khi đó, ông xin từ chức; một mình, được thanh thoi hơn.

Ngồi một mình trong túp lều tranh, chẳng có việc gì làm, ông cũng thấy buồn, có người khuyên ông chơi cây cảnh, nuôi chim hoặc nuôi cá vàng, nhưng ông đâu có tha thiết gì với những thứ trò chơi ấy, ông chỉ thích nuôi lợn.

Ông không nuôi lợn thịt, cũng chẳng nuôi lợn xè, mà ông nuôi một con lợn hạch.

Nguyên con lợn này là ông mua của một người lái lợn, từ bên ngoài núi mang về, con lợn hạch ấy cũng đã qua tay nhiều chủ, nhưng tính tình nó rất hung hăng. Tường chuồng cao mấy nó cũng húc đổ, ba bốn thanh niên cũng không đè nổi nó, đã thế

lại hay dớp người. Biết thế, nhưng ông vẫn cứ mua nó về. Mọi chuyện lại thành kỳ lạ, kể từ khi nó về đến túp lều tranh với ông, nó bỗng hiền khô, như một chú mèo, bảo đi thì đi, bảo nằm là nằm, ông quý mến nó, đối xử với nó y như đối xử với một con người.

Con lợn thực chóng lớn, chỉ nửa năm sau, nó đã lớn như một con nghé con, và đã bắt đầu cho lấy giống được. Ở vùng này trước đây, không có lợn để phối giống, khi những con lợn cái của mọi nhà động hờn, phải đưa lợn lên tận trại chăn nuôi trên thị trấn, cách đây tới mười lăm dặm đường. Nay có lợn hạch tại đây, mọi người coi như vật báu hiếm có. Ông cũng rất lấy làm đắc ý, càng chăm sóc chu đáo hơn con vật không biết nói dó. Mỗi bữa cơm, ông nấu một cháo, ông ăn nửa cháo, còn nửa cháo đem nuôi lợn. Nhiều khi thấy lợn đã đánh sạch phần mình, thương nó, ông lại xẻ thêm bát cơm đang ăn cho nó. Mỗi khi ông rồi rãi, ông thả lợn ra khỏi chuồng, lấy tay gãi gãi ngứa cho nó, cái con lợn cũng hiểu được tính người, nên mới chỉ khế chạm tay vào nó một cái, nó đã xoạc bốn chân, nằm phục ngay xuống.

Người trong thôn nói trêu ông:

- Cái con lợn này ấy mà, nó là một nhân khẩu của ông "Gính Hà Nam" đấy nhé.

- Bà vợ của ông ấy đấy.

- Thảo nào mà trước đây, ai làm mối cho ông ta cũng không xong được.

Ông nghe thấy hết, nhưng ông chẳng trách móc lại ai, mà còn khen ngợi con lợn trước mặt mọi người. Ông bảo, đêm đêm con lợn này còn canh nhà cho ông, cứ có người đến, là nó hồng hộc lên ngay. Có một lần, ông ốm, con lợn đã nằm phục bên ông suốt ngày, dứt khoát không chịu rời xa ông một bước.

Về sau, ông cho con lợn vào ở hẳn trong nhà với ông, con lợn cũng được cái tính sạch sẽ, không bao giờ ị bậy, tè bậy trong nhà, cứ lúc trời bắt đầu tối, là nó đã chui vào cái ổ rơm ở góc lều nằm ngủ. Mỗi khi ông đi làm về, cơm nước xong, ông thích kéo con lợn ra bãi cát, con lợn dũi cát bên bờ sông, còn ông luyện võ.

Những người cả vùng xung quanh, đem lợn cái đến lấy đực mỗi ngày một đồng, ông cũng giảm bớt công việc đi làm ngoài đồng. Một lần cho phối giống, ông thu một đồng, vừa nhanh vừa tiện, nếu không lấy được giống, ông tuyệt đối không thu tiền. Chẳng bao lâu sau, việc đó lan truyền khắp nơi. Trại chăn nuôi thị trấn cách đây mười lăm dặm, phái người đến mời ông ra công tác ngoài trại giống, ông từ chối, bảo rằng, ông đâu có phải người chuyên môn làm công việc này, ông chăn nuôi chẳng qua là để cho có bạn, ông chăm sóc con lợn tử tế cũng chẳng qua là nó mang lại lợi ích cho ông, ông ơn nó. Người của trại chăn nuôi bèn quay sang chuyện thương lượng mua con lợn giống này với giá cao, nét mặt ông bèn trở nên khó khăn, không cho phép người đó được nhắc lại việc này, cuối cùng, ông đã tống khứ người đó ra khỏi cửa.

Người trong thôn bắt đầu thấy hoảng ông, không còn dám lấy con lợn ra trêu chọc trước mặt ông nữa, mà chỉ bàn tán khắp nơi rằng, ông là một ông chủ lắm tiền. Đúng, tiền ông không thiếu, ngoài việc gạo đầu mầm muối, với mỗi ngày một vài lạng rượu¹, và vào các phiên chợ, ngày 3, ngày 6, ngày 9 phải mua cám bã cho heo ra, số tiền còn lại, ông đem cuộn tròn, nhét vào một kẻ vách nào đấy, khi có người đến vay mượn, ông lại lôi từ trong các kẻ vách ra cho vay. Ai trả được thì trả, chẳng trả được cũng chẳng có gì quan trọng, thậm chí có khi ông cũng quên khuấy đi mất.

Nhưng rồi, chính trong thời gian đó, ông đã gặp một vận xui lớn: Con lợn hạch của ông lăn cổ ra chết.



Đó là việc xảy ra vào mùa xuân một năm, ông đã cho con lợn hạch phối giống mấy ngày liền, ông sợ lợn ốm, nên cho nó nghỉ, không cho phối giống nữa, ông ở nhà chăm sóc nó. Buổi trưa, cho nó ăn xong, ông đem buộc nó ra gốc cây trước cửa, còn mình nằm trong giường nghỉ ngơi, rồi do mệt mỏi, ông chợp mắt đi mất. Bất chợt, ông như mơ hồ nghe thấy tiếng con lợn ở ngoài cửa hộc hộc lên, ông lắng nghe, ngoài đó hình như còn có tiếng người. Ông

1. Ngày xưa, và bây giờ ở nông thôn, đặc biệt là những vùng núi của Trung Quốc người ta bán rượu theo cân, lạng. (N.D).

ngẩng đầu lên nhìn, chợt giật mình, thì ra có mấy người trong thôn đã lôi một con lợn nái tới đó, và họ cho con lợn đực nhảy giống trộm. Ông đang định nhảy ra mắng cho họ một trận, nhưng khi đó, con lợn đực cũng đã phối giống xong rồi, nên ông lại nhắm mắt lại, mặc cho họ lôi con lợn nái đi...

Ngày hôm sau, lại đúng vào lúc ông đang nằm nghỉ, con lợn đực lại học lên, ông bò dậy nhìn, lại đúng là mấy người hôm qua lại dắt một con lợn nái khác tới cho phối giống. Ông bực bội, lảng lạng bước ra, mấy người kia đang mài châu đầu lôi kéo con lợn, chẳng để ý gì đến ông. Ông túm ngay lấy vạt áo của một người. Người đó ngẩng đầu lên, kêu "ối" lên một tiếng, còn những người khác đều co cẳng chạy, ông giơ tay ra, cái bạt tai được giáng xuống, nhưng nó lại biến thành một đầu ngón tay gì gì nhẹ vào trán người đó hai cái, rồi nói:

- Anh thật quá đáng, hôm qua đã cho lợn nhảy trộm rồi, hôm nay anh lại cho nhảy nữa, liệu con lợn hạch này có chịu đựng nổi không?

Người đó "ối ối" lên mấy tiếng, rồi ôm mặt chạy biến...

Ông gọi với theo:

- Đừng có chạy...

Người đó chợt đứng dừng lại, đôi chân như nhún ra, rồi quỳ xuống van lạy xin tha tội.

Ông không thèm nhìn người đó, nhưng lại nói:

- Dem con lợn nái của anh lại đây!

Sau khi người đó trở về, ngay trong đêm đó, trên trán anh ta tấy đỏ, rồi nổi lên một cái u tím bầm,

to như chiếc chén uống rượu, và suốt nửa tháng giời, anh ta xấu hổ, không dám bước ra khỏi cửa. Ông nghe biết chuyện đó, cũng cảm thấy mình có điều gì đấy, ông lên chợ, mua một cân mỳ sợi, định đem đến nhà thăm anh ta. Nhưng khi đi đến đầu thôn, ông quay trở về, đem cả cân mỳ, nấu chín, đổ vào máng lợn.

Một tháng sau, ông dắt lợn ra bờ sông cho nó ăn cỏ, con lợn đã gặm phải thuốc độc, nó nôn ra một đồng bọt trắng, rồi lăn cổ ra chết. Ông biết những người ghen ghét ông, đã đem thuốc độc đổ ra đó, nhưng cái khổ là chẳng có chứng cứ nào, nên ông đành im lặng không nói một câu, công con lợn về lều.

Suốt ba ngày liền, ông không ra khỏi cửa. Trên cái mảnh đất này, ông lại mất đi thêm một sinh mệnh, bầu bạn của ông. Ông khóc một trận thảm thiết. Những người có lòng tốt với ông ở trong thôn, đều chạy đến khuyên giải ông, không nên quá đau thương như thế, tốt nhất là đem mổ lợn, bán thịt, cố thu lại một phần vốn liếng. Nhưng ông chẳng nói năng gì, và con lợn chết, ông để nó ở trong nhà đúng năm ngày. Tới sáng sớm ngày thứ sáu, người ta thấy ông công con lợn chết, lặng lẽ ra ngoài bãi cát trước cửa, đào một cái hố lớn, sâu hai trượng, mai táng cho con lợn ấy.



Ông thay đổi hẳn tính nết. Từ đây ông không bao giờ đi mua lợn về nuôi nữa, cũng không bao giờ ăn thịt lợn nữa.

Ngoài những giờ phải đi làm ngoài ruộng trên nương, ông về ngồi lì trong túp lều tranh, một mình, ngồi hàng nửa giờ đông hồ. Trời tối, ông bò lên giường nằm. Thu nhập của ông, càng ngày càng kém sút đi. Chiếc chăn trên giường rách đến nỗi không còn đắp được nữa, ông đành tháo chiếc đệm ra, vá chăn, mùa đông, mùa hè, đều nằm trên chiếu trần. Chiếc gối đã thủng, ông đem vá chăn, gối đầu bằng một hòn đá.

Ông bắt đầu đào những chiếc hố trên bãi cát, gánh từng gánh đất phù sa đổ quạch ở chân đê đổ vào đó, rồi ông trồng bầu dậu, bí đỏ, rau xanh, ớt, vào những chiếc hố ấy. Đến mùa thu, ông có được một mùa thu hoạch ngoài sức tưởng tượng. Bí đỏ ăn không hết, ông lấy dao xắt thành từng khoanh từng khoanh, xâu lại, treo từng dây, từng dây trên tường và cả trên xà ngang nhà.

Cứ như thế, lại một năm nữa trôi qua, ông thôi không ra đồng làm việc đồng áng nữa. Không có công điểm, đội sản xuất có ý trợ cấp cho ông theo chính sách, ông kiên quyết không nhận, ông chỉ xin mua phần lương thực điều hòa, rồi bổ sung vào đó bằng bí rau ông trồng được, cũng là từng tiem, qua ngày đoạn tháng.

Còn môn võ nghệ, quyền cước của ông, xưa nay ông chưa bỏ không luyện tập bao giờ, bãi cát là trời

đất riêng của ông, những ngày tam cử rét mướt, ông chỉ phong phanh chiếc áo mỏng nhảy nhót ở đó, những ngày tam phục nóng bức, ông xoay trần đấm đá. Thường hay có những người đi trên quốc lộ Trường Bình đứng lại xem, vừa thưởng thức vừa thán phục võ nghệ của lão hán. Dần dần, có những thanh niên từ rất xa, tìm đến xin tôn ông làm thầy, học võ. Ban đầu, ông hoàn toàn từ chối, nhưng về sau, không sao từ chối được sự níu kéo nữa, hơn nữa ông thấy tuổi mình cũng đã cao, không thể quẳng bỏ, để mất không, cái nghề cái nghiệp của mình, nên ông đã giữ ba chàng trai ở lại trong túp lều tranh của mình. Về sau, dòng họ Lý, và một dòng họ khác ở trong thôn đưa đến hai chàng trai nữa, và ông bỗng thành đại sư phụ, một lòng một dạ truyền thụ võ nghệ cho lớp đàn em.

Khi đã có đồ đệ trong nhà, ông cũng chẳng còn cái nếp sống cô độc, đơn côi nữa. Một tiếng hô, là các đồ đệ của ông lăn lộn, giao đấu trên mặt đất, khi ông chưa bảo dừng, chưa cho phép dừng, mà anh đồ đệ nào đã dừng, là ông quất cây roi làm bằng cành táo lên lưng. Trước sau đã có hai anh đồ đệ bị đánh khóc.

Nói:

- Sao ông lại đánh người? Cha mẹ tôi ở nhà, chưa bao giờ đánh tôi như thế.

Mặt ông sắt lại, quát như gào lên;

- Mẹ mày, bố mày không biết dạy dỗ mày.

Hai chàng trai đó, cuối cùng không chịu được khổ, đã bỏ về nhà. Một chàng trai người phương xa, học tập cũng khá, ông đưa lên tỉnh dự thi, và được tiếp nhận vào đội võ thuật của tỉnh. Chỉ còn lại hai chàng ở thôn Eo Liệt, một là Lý Cường con ông nguyên đội trưởng họ Lý, một người là Nhiễm Lục, con di con già với Lai Cử.

Lý Cường và Nhiễm Lục cũng theo học ông được ít nhiều võ nghệ, ban đầu cũng vẫn còn giữ được khiêm tốn, nhưng về sau, bắt đầu huênh hoang khoác lác lên, rất muốn tỏ vẻ ta đây với thôn xóm. Ông cũng bảo ban, uốn nắn mấy lần, nhưng tính xấu vẫn không thay đổi, nên ông đã giữ lại những môn cao siêu hơn, không truyền dạy cho nữa.

Lý Cường và Nhiễm Lục dần dần nhận ra cái ý ấy của ông, thế là họ cũng bỏ, chẳng học nữa, chuồn về nhà, từ đấy họ càng ngông nghênh, điên cuồng chẳng khác gì những tên lưu manh. Vào mùa thu, nho ở Bắc Sơn bội thu, sơn dân ngày đêm vận chuyển nho tới xí nghiệp rượu của huyện, trong một đêm, Lý Cường và Nhiễm Lục đã chặn đường, cướp một gánh nho. Về sau vụ việc vỡ lở ra, công an huyện mò tới, bắt cả hai tên giam đến nửa năm trời.

Chính trong nửa năm trời ấy, ông già sạm hẳn đi, ông cảm thấy chẳng còn mặt mũi nào mà gặp ai, ông có lỗi với mảnh đất này, đồng thời ông cũng cảm thấy rằng, mảnh đất này chẳng còn phải là nơi ông yêu ông quý nữa. Đột nhiên ông vô cùng tưởng nhớ tới mảnh đất cũ Hà Nam quê nhà, rồi trong

một đêm tối trời, ông khóa cửa, lẳng lặng đi về phía đông, qua Vũ Quan, về Hà Nam...



Mọi người xôn xao bàn tán rằng, ông sẽ chẳng bao giờ còn quay lại nơi này nữa, hơn thế lại còn có cả tin từ xa đưa tới, ông đã chết ở một nơi nào đó rồi. Nhưng nửa năm sau ông lại lù lù quay lại.

Người thôn Eo Liệt đều rất kinh ngạc, bởi chỉ trong vòng nửa năm trời, mà ông đã gầy còm, tiêu tụy đến thế. Ống quần rách toét thành từng mảnh, áo mòn thủng khuỷu tay. Tóc mấy tháng không cắt, dựng ngược lên cao. Râu ria trùm lên nhau, vừa bẩn vừa rối như mớ cỏ khô. Ông cơ hồ như chẳng còn nói năng gì được nữa, đi lại, đứng ngồi con mắt ông cứ trơ ra như một hòn sành. Có đến một ngày, rồi hai ngày, không một nếp nhăn nào trên mặt ông động đậy, và trên môi ông cũng chẳng bao giờ có được một nét cười.

Một người, xưa nay vốn thuộc loại thông thạo tin tức, bây giờ có lẽ rúc vào một góc trong túp lều tranh của ông, rồi lại ngồi xổm ngoài ruộng rau của ông mà nghe ngóng, cũng chẳng biết được gì. Mọi người hầu như đã quên bẵng ông đi, quên hẳn đi mất một con người đang ở trên bãi cát, bên phía đông con sông nhỏ trong đất đai của họ.

Tất cả đều vắng lặng, nhưng đó lại là điều ông mong muốn, và cũng chính là điều ông cảm thấy

bình thường. Ông vẫn thường đi ra mộ con gái, nhổ bớt những cây cỏ mọc quá cao ở đó. Ông cũng hay ra mộ con lợn hạch, đắp điểm vào những chỗ chuột đào. Mùa hè nóng bỏng, ông vẫn cỡi trần, rèn luyện gân cốt trên bãi cát; ngẫu nhiên ông trông thấy một con sâu nào đó lập tức ông nghĩ ngay rằng đó chính là con sâu mà ngày xưa ông đã cứu nó từ miệng những con kiến ra, rồi ông cứ để cái bóng đen của mình đổ xuống dưới ánh mặt trời, trầm lặng suy nghĩ rất lâu, và cũng chẳng ai biết ông suy nghĩ những gì.

Một mùa đông qua đi, lại một mùa xuân qua đi... Rồi đến mùa hè năm đó, trên con đường Trường Bình chạy qua trước cửa túp lều tranh của ông, bắt đầu có những cậu bé học sinh ngày đêm lũ lượt đi qua. Những cậu bé đó đeo băng đỏ, đeo cặp sách, hò hét. Có đêm chúng ngủ lại trong túp lều của ông, ở ngoài hiên nhà ông. Có cậu hiếu kỳ, thấy ông có vẻ cổ quái, đã vẽ cho ông một bức chân dung, gọi ông là "người nguyên thủy"... Sau đó đưa cho ông một chiếc huy hiệu, viết khẩu hiệu lên tường, rồi lại ra đi.

Ông bỏ ra mười ngày trời liền, dựng lên bên đường một nhà xí thật to, để cho những người qua đường, càng ngày càng nhiều, vào đó mà tiểu tiện, đại tiện. Sau đó ông cứ gánh từng thùng, từng thùng nước phân, tưới cho vườn rau của mình.

Nước mưa mùa hè, mùa thu cực tốt, bí, rau của ông tốt chưa từng thấy, bữa nào ông cũng nấu món cháo bí, rồi lại xắt đem phơi được mười mấy xâu bí khô. Ông thu nhặt tất cả các loại hạt bí, hạt rau,

rồi ngày 3, ngày 6, ngày 9, phiên chợ, ông đem lên chợ bày hàng ra bán.



Hôm đó, trong lúc ông đang bày các loại hạt của ông ra chợ bán, đột nhiên tiếng trống, tiếng phèng phèng rộ lên, rồi từ hai đầu phố ập tới hai đoàn người, ban đầu họ hò hét, nói những cái gì đó mà chẳng ai hiểu được cả. Cuối cùng, hai đoàn quay ra cái nhau, càng cái càng kịch liệt, kết quả là họ xông vào đánh lộn. Ngay lập tức chợ vỡ, mọi người kéo nhau chạy trốn. Hàng họ của ông là thứ khó thu nhặt, nên bị đổ nháo nhào, vãi lung tung, chẳng làm sao bốc hót được nữa. Ông rất bức mình, lên tiếng chửi bới, nhưng ngay lập tức có người bịt miệng ông lại, quay đầu lại nhìn, thì ra đó là Lai Cừ. Lai Cừ nói nhỏ:

- Đây là cách mạng văn hóa đấy, ông dám chửi bới lung tung hả?

Ông cóc cần đến cái thứ văn hóa văn hung đó, bởi vì các loại hạt giống của ông đã mất bao công khó công nhọc, mới thu nhặt, gom góp lại được, thế mà bây giờ bỗng chốc mất toi của ông mất mấy chục bạc. Ông càng nghĩ càng tức, thế là ngay tại chỗ, ông tung hê tất cả đám hạt giống của ông lên trời, rồi ưỡn ngực đi thẳng về nhà.

Từ đó về sau, trên mặt đất này, bị cày đảo lung tung hết cả lên, chẳng còn một chút an ninh, trật

tự nào cả. Từ đây, hết nghe nói chỗ này đấu võ với nhau, đấu đến chết người, lại nghe tới chỗ kia nổ cả súng, làm sập nhà sập cửa. Chợt búa không sao mà hợp đúng phiên được nữa, các thứ dùng hàng ngày như dầu mỡ mắm muối, ông cũng phải đi ra cửa hàng năm lần bảy lượt mới mua nổi. Những bí đỏ với rau củ của ông, ăn không hết cũng chẳng đem bán cho ai được, nên lại càng tốt lên bởi bởi, để già. Những quả bí đỏ vàng suộm lẫn lóc bên bãi sông, ông sợ có kẻ đến ăn trộm, nên lẫn lộn suốt ngày đêm ngoài bãi cát, trên những quả bí thật to đó, ông lấy móng tay bấm thành một chữ "thập", để đánh dấu.

Hôm đó trong khi ông đang bấm lên trên quả bí một chữ "thập", ông chợt có cảm giác như có ai đó đang đi đến bên mình, ông ngẩng đầu lên nhìn, thì ra đó là Lý Cường. Anh chàng này, so với trước kia càng có vẻ tráng kiện hơn, lưng hùm eo gấu, mặc bên ngoài một chiếc áo khoác, trên áo lót cộc tay, mặc trong, in một đám chữ đỏ, một chiếc thắt lưng rộng bản quấn ngang lưng, có giắt một khẩu súng lục, rồi "phịch" một cái, quỳ một chân xuống, hai tay khoanh trước ngực, nói:

- Thưa sư phụ, đồ đệ đến thăm sư phụ đây!

Ông chẳng lấy điều đó làm kinh ngạc, ông vẫn ngồi chồm hóm trên mặt đất, nét mặt ông không động đậy, và tiếp tục cúi xuống, cẩn thận khắc nốt chữ "thập" lên vỏ trái bí.

- Thưa sư phụ, đồ đệ thật không phải với sư phụ. Nhưng đây là những chuyện đã qua rồi, bây

giờ đồ đệ đem vinh quang đến với sư phụ đây, đồ đệ là đội trưởng đội tạo phản, trong tay có tới ba trăm con người.

Ông đứng dậy, ngắm nghía Lý Cường. Lý Cường cười cười với ông.

Ông nói:

- Anh là thủ lĩnh, tôi xin chúc mừng anh. Nhưng tôi không phải là sư phụ của anh, anh cũng chẳng phải là đồ đệ của tôi. Anh đến đây làm gì?

Lý Cường đáp:

- Đồ đệ đến động viên sư phụ tham gia đại cách mạng văn hóa.

- Đại cách mạng văn hóa?

Ông chợt nghĩ tới những mệt hạt giống của ông, ông nghĩ tới những phiên chợ không họp được, nghĩ đến những tin tức về người chết, về nhà cửa bị phá sập, ông nghiêng chặt răng lại, hai bắp thịt trên cánh tay ông, nhô lên, cuộn cuộn, rồi nó lại từ từ xẹp xuống, phẳng phiu...

Ông nói:

- Thế là làm thổ phỉ biết không?

Lý Cường nói:

- Là tạo phản, thừa sư phụ! Sư phụ không thể không quan tâm tới quốc gia đại sự. Bây giờ toàn thôn Eo Liệt đã nổi dậy rồi, dòng họ Lý và những dòng họ khác đã chia thành hai phái, cái thằng Nhiễm Lục kia nó đã phản bội lại sư phụ, nó đánh bị thương khá nhiều người của bọn con, sư phụ hãy đến giúp chúng con đi. Nếu sư phụ đi với chúng con, chúng

con sẽ tôn sư phụ làm tổng chỉ huy, và các dòng họ kia, coi như là đi đứt.

Thế là ông đã hiểu hết mục đích của Lý Cường đến bái vọng ông, ông bật cười ha hả, rồi mặt ông chợt sắt lạnh lại. Ông nói giọng khô khốc, cứng nhắc:

- Anh là anh hùng, anh cứ việc đi mà làm lấy, tôi già rồi, đừng có ai hòng lôi tôi ra khỏi cái ruộng bí này nhá.

Nói xong, ông đi thẳng, không quay đầu lại.



Từ hôm đó, ông thấy rằng, các trái bí của ông càng ngày càng ít dần đi, ông cứ tưởng lũ trẻ chăn trâu hái trộm mất, về sau ông mới phát hiện ra rằng, những trái bí của ông đều bị dao chém làm đôi, vứt lung tung trên bãi cát, lúc ấy ông mới hiểu, đã có những kẻ cố ý làm hại ông. Ba ngày đêm liền, ông canh giữ vườn bí, để xem xem kẻ nào là kẻ đã làm cái việc ma quỷ này. Nhưng trong ba ngày đêm liền ấy, đến bóng người to bằng con chó cũng không có, trong khi đó thì Nhiễm Lục lại hay thì thọt đến thăm ông. Mỗi lần đến, anh ta đều đem theo cho ông một túi bột mỳ, ông thấy ngờ ngợ, nên kiên quyết không nhận, Nhiễm Lục cứ van vài mãi, rồi cũng làm ông mềm lòng, ông nhận.

Bột mỳ của Nhiễm Lục còn chưa kịp ăn hết, ông đã nghe phong thanh rằng Nhiễm Lục đi rêu rao ở khắp nơi rằng, ông là chỉ huy của phái họ, và cảnh cáo phái của Lý Cường, nếu không biết điều, thì cẩn thận, sẽ bị tống ra khỏi thôn. Đến lúc ấy,

ông mới biết rõ, ruộng bí của ông chính là do bè phái của Nhiệm Lục đã ra tay phá hoại. Khi Nhiệm Lục lại tới nhà ông, ông chửi cho một trận nên thân, rồi tống cổ ra khỏi nhà.

Nhưng cuộc đánh đấm ở Eo Liệt cũng vẫn diễn ra mấy lần liền, và bè phái của Lý Cường quả nhiên bị tống cổ ra khỏi thôn. Bọn họ liên liên hợp với bọn người trên thị trấn, trên huyện tấn công vào thôn xóm mấy lần, nhưng cũng chẳng ăn thua gì. Cho đến ngày cuối cùng, chỗ này vang lên mấy tiếng súng, chỗ kia cũng vang lên mấy tiếng súng, mọi người sợ hết hồn, kéo nhau bỏ chạy, hoặc đóng cửa ở tịt trong nhà, không dám lộ mặt ra, chỉ có một mình ông, vẫn bình thường ra chăm sóc vườn rau của mình, được tận mắt nhìn thấy, những quả bí nhỏ, những quả bí non, cứ lớn dần lên, rồi lần lượt già cỗi.

Vào hoàng hôn hôm ấy, ông vừa ăn cơm xong, trời rất oi nùng, ông đi ra gốc cây liễu, cởi áo, trải trên mặt cát, ngả mình ngủ một giấc. Trong lúc đang mơ mơ màng màng, ông chợt như nhìn thấy có những bóng đen, lướt qua sau túp lều tranh của ông, rồi biến mất, ông thấy ngờ ngờ, dụi dụi mắt, quơ vội đôi giày, định đứng dậy, đột nhiên, có một người ôm chặt lấy ông. Ông vô cùng kinh ngạc, vùng dậy, nhưng người kia cứ hết sức đè ông xuống, đồng thời còn một tên cúi chống hông tiếp sức. Ngay lúc đó, ông không sao giãy giụa được, giữa lúc cấp bách, từ dưới hông nhìn lên, ông nhằm đúng vào chân một tên, đập mạnh một cái, hấn kêu "ối" lên một tiếng, ngã vật xuống, nhân đó, tay ông kẹp chặt lấy ngón tay của tên chống hông, rồi vùng dậy, nhìn kỹ tên

đã bị ông kẹp tay, đó là Lý Cường, còn tên bị ngã trên mặt đất, ông không biết là ai, hấn vẫn còn đang ngồi đó, ôm chân đau đớn nhăn nhó. Lý Cường cong lưng, quằn quại một cách vô hiệu, hấn chỉ mong vùng thoát ra, nhưng không sao vùng thoát ra được, nên đành cất tiếng van xin, tha tội.

Ông quát:

- Cái thằng mất dạy, ranh con này! Mày định hại tao hả?

Lý Cường vẫn van vì:

- Dạ dạ, con đâu dám! Ý con là chỉ muốn sự phụ tham gia vào phái tạo phản của chúng con, nhưng sợ sự phụ không đi, nên chúng con đến cưỡng sự phụ đi thôi...

Ông sằng sặc cười to, bảo rằng để xem xem chúng mày đến đây cưỡng bức tao như thế nào, rồi ngay trước mặt mấy tên bọn chúng, ngay trên mặt cát, ông vịn ngón tay của Lý Cường một vòng, ông buông lỏng tay ra, Lý Cường lão đảo ngã bật ngựa về phía sau, nằm còng queo trên mặt cát.

Ông đứng đó, quát:

- Lý Cường, thằng nhóc con, đúng tao là một thằng mù, nên tao mới dạy võ cho cái loại đồ đệ như mày.

Lý Cường không dám cãi một tiếng, quay người đi...

Ông quát như sấm sét cuồn cuộn:

- Đứng lại!

Lý Cường dừng lại.

Ông nói:

- Quả là tao đã có dạy mày một vài miếng võ, nên mày mới trở thành một tên tàn hại dân thôn, đó là cái tội của tao. Nay tao muốn cho mày trở lại làm một con người tử tế, nên trước hết, hãy đánh gãy một cánh tay mày...

Ông cúi xuống nhặt một hòn đá trên mặt cát, đang định ném vào hắn, Lý Cường quay người, một tiếng nổ "đoàng", một viên đạn đã trúng vào đùi ông. Ông ngã xuống mặt cát, máu ông ộc tuôn chảy.



Lớp tuồng đại cách mạng văn hóa, cuối cùng rồi cũng kết thúc.

Đại cách mạng văn hóa là đã đem lại cho thôn Eo Liệt những khu ruộng hoang rộng lớn, là bắn chết mất ba nhân mạng, là sắp đổ mất mười ngôi nhà ngói... là Lý Cường bị bắt theo luật pháp, là làm ông bị tàn phế một chân, đi lại cà nhót cà nhấc.

Ông sớm có một dự cảm rằng đời ông sẽ có một kết quả không hay, nhưng nay chỉ tàn phế mất một chân thôi, chính điều ấy, làm ông bình tâm, tĩnh trí lại, và ông tỉnh ngộ ra được một điều rằng: Đã đến lúc ông phải vĩnh biệt với cái quá khứ chiếm mất quá nửa đời ông, nay là lúc ông cần sống bình thường, yên ổn trong những ngày cuối đời còn lại của mình.

Rằm tháng giêng, chính là ngày sinh của Diệp Diệp, ban đêm trăng sáng vàng vạc, ông lê chiếc chân què lần lượt đi khắp thôn, ăn cần mời mọc người già người trẻ. Ông chịu tốn kém, đi hâm rượu, làm nộm món bí khô, mời mọi người nâng chén. Sau ba tuần rượu tiếp khách, ông bưng lên một chiếc bát sứ màu đen, rót vào đó gần nửa bát rượu, rồi tuốt bát tắt, nói với mọi người, thứ nhất là ông cảm ơn tất cả những ai đã chăm sóc, thăm hỏi, khi ông bị bắn vào đùi, thứ hai, nhân trước mặt mọi người, ông sẽ biểu diễn toàn bộ môn quyền cước võ thuật của ông, để mọi người cùng xem...

Nói xong, ông bước ra sân, ông bắt đầu cử động tay chân dưới ánh trăng, chỉ một lát sau, ông vung dao múa kiếm, sử gậy dùng thương, ném đá bắn chim, chém tay vỡ gạch, từng môn từng bộ, miếng này thế nọ, khiến mọi người xem, hoa cả mắt, cuối cùng, một tay ông xách một khối đá to như cái bu gà nâng lên, đặt xuống, như chơi một trái bóng, mọi người vỗ tay rào rào, và hoan hô không dứt. Chính vào lúc cao trào, đẹp mắt, ông đột nhiên "hự" lên một tiếng, ông quỳ xuống mặt cát, hướng về phía mọi người, rút về thế bái tổ. Mọi người xúm lại đỡ ông dậy, nước mắt ông đã giàn giữa đầy mặt.

Ông nói:

- Hôm nay nhân có cuộc rượu, tôi trình diễn võ nghệ cống hiến bà con xem, và cũng là để mọi người biết được bản lĩnh võ nghệ của tôi, và tôi cũng thực tình, không khua môi múa mép gì đâu, nhưng cả một vùng sông nước Thương Châu này, chưa có

người nào dám tỷ thí cùng tôi. Khi Lý Cường bắn gãy đùi tôi, tôi vẫn còn chống đỡ được với bốn năm tên chúng nó. Nhưng hôm nay, đây là buổi diễn võ cuối cùng của tôi, nhân có mặt đông đủ mọi người, lại trước nắm mồ của Diệp Diệp con gái tôi, tôi sẽ vĩnh viễn không còn là "Gính Hà Nam" nữa.

Nói xong, ông nhấc hòn đá, đập bỏ những dao sắt, kiếm thép bẻ gãy những côn trùy, đập vỡ những tạ đá, lao đá, đào một cái hố, đem tất cả những thứ gỗ đá sắt vụn ấy ném xuống hố, rồi lại bẻ một hòn đá xanh thật to, viết tên mình lên, ném theo xuống, rồi đột nhiên ông cất tiếng khóc thảm thiết, ai ngăn cũng không nổi, ai khuyên cũng không xong, và trong tiếng khóc thảm thiết ấy, ông lấy tay lấp hố.



Ông trở thành một lão nông đến chân răng, kẻ tóc. Ăn mặc nông dân, nói năng nông dân, tóc ông không buộc dóc lên nữa, mà cạo trọc đầu, chỉ để bộ râu bộ ria thật rậm, thật dài, cũng không mặc quần túm ống nữa, mà mặc quần rộng dưng, thỉnh thoảng cũng xốc xốc lại quần, cứ như là cạp quần sắp tụt xuống vậy. Ông chú tâm đến từng mầm rau mới nhú, tới mỗi quả bí non vừa rụng rốn, ông chống gậy gánh phân, cuốc ruộng...

Đội sản xuất lại thêm lần nữa đề xuất việc cứu trợ cho ông, để mỗi khi thiếu ăn, cứ đến đội mà lĩnh, thiếu cái đun, cứ ra sân phơi mà ôm. Nhưng

ông không, vẫn cứ đun bằng củ phôi khô, vẫn cứ ăn hàng ngày nửa gạo nửa bí.

Thân thể ông, mỗi ngày một gầy guộc thêm đi, trên mặt ông xuất hiện những chấm tàn nhang đen, tóc tai, râu ria đều ngả màu tro. Đến tháng hai, tháng ba, giáp hạt, cơm nước, rau củ lại càng thiếu thốn hơn, mặt ông bắt đầu phù ra, lưng còng về phía trước, đã thế, cái chân lại hay đau nhức mỗi khi thời tiết thay đổi, nó tê dại đi, đến mất hết cảm giác. Mắt nhìn thấy cỏ hoang mọc đầy ruộng rau, mà chẳng còn hơi còn sức đâu đi chăm rau, nhổ cỏ.

Lai Cử cũng đã đến thăm ông mấy lần, anh chàng Lai Cử này cũng đã bị bật bãi trong thời kỳ đại cách mạng văn hóa, nhưng vẫn quý trọng tấm lòng quý hóa của ông, nên vẫn thương ông, muốn đón ông về sống ở nhà mình.

Ông đáp:

- Tôi không đi đâu cả.

Lai Cử nói:

- Đến như thế này rồi mà ông vẫn cứ kháng kháng không chịu, ông cứ nhìn lại cơm nước của ông xem. Đây có phải là cơm nước của con người không?

Ông đáp:

- Đây là những thứ mà tôi làm ra. Tôi ăn hèn uống kém, tôi đâu có cần ăn ngon?

Ông nghiện rượu nặng, cứ góp góp từng xu một, khi có đủ tiền là lại mò ra quán rượu, mua một lạng, uống ực một cái, rồi quay người đi luôn, dầm dề, lâu ngày, cái cân hồng đi, nếu không đủ cân đủ lạng,

cân non đi, thế nào cũng có một trận cãi cọ tới số, nếu cân đủ, chưa uống xong, ông đã đặt bát, co giò đi thẳng.

Đã từ hơn nửa năm nay, ông không được ăn một miếng thịt, thịt lợn ông kiêng không ăn rồi, thịt trâu thịt bò, thịt cừu, ông chẳng có tiền mua, ông bèn xắn ống quần, lội xuống ao mò ốc. Có người thấy thế, thương hại ông, cũng xuống ao mò giúp, ông chẳng nói một lời, bỏ lên bờ đi ngay.

Ông đã biến thành một thứ có hồn, ẩn hiện ra vào nơi bãi cát bên bờ con sông nhỏ, ai cũng bảo ông già này điên mất rồi, chẳng còn ai dám đến tìm ông chuyện trò, trêu đùa gì ông nữa. Mọi người muốn quên dứt ông đi, ông cũng muốn quên hết cả cõi đời này, và cái bãi cát vốn hoang lạnh, càng trở nên âm thầm, u tịch, nặng nề đáng sợ hơn.



Nhưng không biết tự khi nào, người ta thường thấy ông già ấy hay vác trên vai một chiếc cuốc, cứ đi loanh quanh, luẩn quẩn hết đường lớn, lại đường nhỏ. Người trong thôn tin rằng ông đã bị điên thật rồi, song người ta lại vẫn cứ thấy ông đi nhặt từng hòn đá lỏn nhổn trên mặt đường, đem xếp sang ven đường, rồi cuốc cuốc xới xới lấp cho thật bằng những chỗ lồi lõm lổm nhổm trên đó, ông lại xách hết giỏ đá này đến giỏ đá khác, đi kê những tấm ván cập kênh trên cầu cho chắc lại.

Cuối cùng, thì ông ngồi lý ở trước cửa túp lều tranh của mình, ông kê trước mặt một tấm đá xanh thật lớn, đặt lên đó ba chiếc chậu sành đựng nước chè nguội. Thực ra đấy không phải là nước chè, mà là nước lạnh hòa với sữa đậu tương, để cho người đi đường, ai khát rẽ vào mà uống. Ông không thu tiền. Có người đi đường uống một bát, trả tiền, ông lắc đầu. Khi có ai nói cảm ơn ông, ông cũng đáp lại một lời cảm ơn như thế. Ông nhờ người viết cho mấy chữ trên một tấm gỗ, đem cắm ở đó, trên tấm gỗ viết:

"Nước chè nhà tôi không lấy tiền".

Cũng chính vào thời gian đó, ông bắt đầu ốm, đau như khắp mình mẩy, ho liên tục. Một ngày ngoài ba bữa cơm, ông bò xuống khỏi giường nấu nướng, còn mọi thời gian ông đều nằm trên giường. Riêng cái thứ nước chè nguội mà ông vẫn đặt bên ngoài cửa đó, thì cứ mỗi khi dậy làm cơm là ông lại mang nước ra đổ đấy.

Ông ngủ liền ba ngày, lại ngủ liền năm ngày, người thôn Eo Liệt thỉnh thoảng lại không thấy bóng ông trên bãi cát ven sông, mọi người đều lấy làm lạ. Cho đến khi họ chạy đến túp lều tranh thăm ông, mới biết ông nằm phục ở đấy, chỉ thấy ông thở hắt ra mà không thấy hít vào.

Tin đó được loan ra, mọi người bất chợt nhớ lại mọi sự tốt đẹp của ông, đều cảm thấy rằng, ông lão này vốn chẳng phải là một ông già mà họ muốn chết đi cho mau cho chóng, nên nhiều người vội vã đi mua quà mua bánh đến thăm.

Ông nằm đó, đôi mắt trũng sâu xuống thành hốc, những cục gỉ đùn đầy hai bên khoe mắt, chẳng còn nhìn thấy môi miệng ông đâu nữa, bên trong bộ râu xồm xoàm chỉ còn là một cái lỗ đen ngòm. Ông nhìn mọi người, trên mặt ông giật giật, ông đang cảm thấy một niềm giận dữ và đau khổ, ông chẳng thích gì mọi người đổ xô đến với ông như thế, ông muốn yên lặng và bình thản ra đi, vậy mà mọi người xôn xao kéo đến, điều đó đối với ông là một sự sỉ nhục, đồng thời cũng là một sự trừng phạt! Ông cố gắng quát lên một tiếng, bảo mọi người hãy đi đi, nhưng ông đã quá mệt mỏi, môi ông không còn mấp máy được nữa rồi, ông đành trợn cặp mắt trắng dã lên.

Lai Cử và ông đội trưởng mới đứng trước giường ông, nói với ông một câu:

- Bác "Gính Hà Nam" ơi, chúng cháu đã bàn bạc với nhau rồi, ngày mai chúng cháu sẽ đưa bác lên bệnh viện huyện.

Ông cố gắng thều thào:

- Đừng, đừng! Nếu các anh có thương tôi, xin đừng bắt tôi phải rời khỏi mảnh đất này. Ở đây còn có Diệp Diệp của tôi; còn có con lợn hạch của tôi; còn có đồ nghề của tôi; còn có vườn bí của tôi...

- Bác cứ đi nằm viện ít ngày, rồi bệnh tật sẽ khỏi hết thôi mà.

- Tôi được thế này đã là quý lắm rồi. Tôi không muốn làm tổn tiền của đội. Tôi đến với mảnh đất này bằng đôi bàn tay trắng. Khi tôi đi, tôi không để lại được cái gì, và tôi cũng không muốn mang

theo những lời trách móc, si vả. Thôi các người đi đi, đi hết đi!

Lai Cừ và ông đội trưởng mới chẳng còn cách nào khác nữa, đành phải lui ra. Họ quyết định, dù thế nào đi nữa, sáng sớm ngày mai, phải đưa ông lão lên bệnh viện huyện.



Nhưng, ngay trong tối hôm đó, túp lều tranh bốc cháy.

Lửa cháy rất to, sáng rực hết cả khu bãi cát, người thôn Eo Liệt bật dậy giữa giấc ngủ, chạy đi chữa cháy, túp lều tranh cháy rực, không ai có thể đến gần được, cây xà sụp xuống rất nhanh. Đợi đến khi dập tắt được đám lửa, chạy tới xem, trong lều không còn sót lại một thứ gì, ngoài bốn bức tường đất ra, mọi thứ đều cháy hết. Ông "Gính Hà Nam", ông già đáng thương ấy, nằm co quắp trên chiếc giường đắp bằng đất, cũng đã bị cháy rụi, không còn phân biệt được hình hài gì nữa.

Mọi người đều đoán định nguyên nhân, và mỗi người nói một cách.

Có người bảo, có người đến đốt nhà của ông lão, ông lão thật đáng thương, đến lúc già rồi, mà vẫn còn bị hồng mất một chân, rồi lại bị chết khổ chết sở như thế.

Có người bảo, có khi tại ông lão bỏ dây đun nước, lửa từ trong bếp cháy lan ra ngoài, rồi bén vào rơm

ra, cùi dóm, ông cố bò dậy dập lửa, mới chết người, cháy nhà.

Lại có người bảo: Các nguyên nhân khác đều không đúng, nhất định rằng chính ông lão tự phóng hỏa đốt nhà, vì ông sợ đội sản xuất đưa vào bệnh viện, chắc là ông lão cố tình lật đổ cái đèn, cháy chân chiếu, rồi lửa bùng lên.

Mọi người đều có vẻ tán thành cái ý kiến cuối cùng này, nhưng cũng chẳng hiểu nổi được, tại sao ông lão lại phải làm như thế?

Mọi người chỉ đành thờ dài, rồi tiện tay đẩy đổ bốn bức tường, chôn luôn ông lão trong đó. Thật là một cái lễ tang rất đặc biệt, không có áo tang, không có tiếng khóc, tất nhiên cũng chẳng có con có cháu nối dõi để chống gậy, lăn đường. Có điều chỉ khi mai táng đã xong, người ta mới thấy trên tấm đá xanh bên đường, vẫn còn nguyên ba chiếc chậu sành, đầy ắp nước chè. Thế là mỗi người một chân một tay, đem quăng tất những cái đó vào ngôi mộ.

Kể từ đó, bãi cát bên bờ con sông con, lại trở về với cảnh hoang vu, lạnh lẽo ngày xưa. Những cây sậy vẫn không mọc nổi thành bãi, và trên những khoanh khóm vốn là vườn rau ruộng bí, mọc lên đầy cỏ gà. Con sông con lại có một lần nước lên to, một lớp phù sa lắng qua, rồi cát trôi lại lặng lẽ trào lên từng lớp mỏng. Đôi khi bên cạnh những bụi cây, bụi cỏ, có một con sâu nào đó bị thương, lại bị ngay đàn kiến bâu quanh, cắn cho đến chết, rồi tha lôi về tổ. Vết chân của các loài chim, loài thú, lại xuất

hiện trở lại, ban đêm lại nghe thấy tiếng sói gào, như tiếng trẻ con khóc dạ đề.

Nhưng cái chết của ông lão, và câu chuyện về bốn ngôi mộ trên bãi cát đã được lan truyền đi, truyền đi đến những nơi rất xa, rất rộng, thời gian càng dài, sự lan truyền lại càng rộng lớn hơn. Những người hiếu kỳ ở khắp các nơi xa gần, đều tìm đường về đây tham quan. Mỗi khi có một chiếc ô tô khách chạy trên đường Trường Bình qua đây, lái xe đều dừng xe lại, để hành khách xuống tham quan và bàn tán. Ai cũng bảo đây là một nhân vật truyền kỳ, một câu chuyện truyền kỳ...

Cứ như thế, thôn Eo Liệt cũng trở thành một địa danh có tiếng tăm, tất cả mọi người đều biết rằng, ở trong vùng sông nước Thương Châu có một nơi như thế.

Vườn hạch đào

Ông La Lục Tử, phó bí thư một công xã ở Thương Châu. Năm 58 tuổi, đầu tóc, râu ria đều trắng xóa, lại thêm chiếc chân này ngắn hơn chiếc chân kia rất nhiều, lưng không thẳng lên được, trông càng hom hem. Con gái là thợ làm đầu, đã từng nhuộm tóc cho ông một lần, kết quả lại càng thêm thảm hại: Trên cùng một cái đầu, tóc ở bên trên thì đen, râu ria ở bên dưới lại trắng, nên cứ hai ngày, phải cạo râu một lần. Do da cảm nhũn nhão, cạo mặt thường bị phạm, chảy máu nhiều chỗ, người ta thường nói khích ông:

- Bí thư La, ông định tự tử hay sao thế? Tự tử mà cũng không tìm được đúng chỗ sao?

La Lục Tử đáp:

- Tôi muốn tự tử à? Chuyện ấy khó gì?

La Lục Tử nói thế, cũng chẳng phải ông nói tâm bậy cho xong chuyện, thực ra ông từng đã có ý định tự tử rồi đấy, xong đó là chuyện của nhiều năm về trước. Về sau ông lại cảm thấy hổ thẹn: Tự mình kết thúc cuộc đời mình, đâu phải là trách nhiệm của con người; một sợi thừng, một miệng giếng, hoặc

vài chục viên thuốc ngủ, rồi mở mắt đi... thế là... không còn phải là La Lục Tử nữa rồi.

Từ đấy ông không còn đi nhuộm tóc nữa. Năm năm mươi chín tuổi, ông về hưu non.

Con gái, con rể đều làm cho nhà nước, có lòng tốt muốn đón ông lên huyện ở cùng, nhưng ông không tán thành, mà nhất quyết trở lại bình nguyên Quan Trung quê cũ.

- Đất hoàng thổ chôn vùi bố, dù có phải làm hồn ma, cũng vẫn thấy yên tâm hơn.

Con gái, con rể nói:

- Bố đã từng làm việc ở vùng sơn địa ba chục năm, núi ở đây, nước ở đây và không khí ở đây không hơn vùng bình nguyên đó sao?

Ông thở dài:

- Cái chân của bố...

Lý do duy nhất và cuối cùng của ông là cái chân què.

Ở vùng sơn địa, sự "đãi ngộ" đối với những người tàn phế, hoặc những quan chức là thế này. Họ chỉ gọi họ, mà không bao giờ gọi tên. La Lục Tử lại rơi vào cả hai trường hợp ấy, ở trụ sở công xã, ở trên bàn hội nghị, trước mặt ông, họ gọi ông là *La bí thư*, nhưng trong xóm ngõ, trong bếp núc, sau lưng ông, mọi người gọi ông là *La què*, nhất là trên con đường cái quan trải nhựa trắng tấp, hai bên đường là những hàng dương cao vút, ông từ xa đi tới, bước thước tư, bước thước bảy (*ba thước ăn một mét, N.D.*)

mọi người chế diễu ông là đôi chân không nhất trí, và ông chế mặt đường trái lệch.

Năm năm mươi tuổi, ông bị què chân. Tám chín năm trở lại đây, cái chân què ấy có đặc dị công năng: Cứ mỗi khi trời u ám đổ mưa, cái chân lại đau, và mỗi khi đau là y như trời đổ mưa, u ám, chính xác chẳng khác gì những máy móc tinh vi. Về sau, cũng không còn chính xác lắm nữa. Bác sĩ bảo rằng nó đã trở thành bệnh tâm lý, nói đau là đau liền, nói không đau là không đau ngay, cứ như người giả vờ ốm vậy. Khí hậu ở vùng sơn địa thay đổi thất thường, ông lo rằng cứ đau như thế và kéo dài mãi, ông đến chết mất.

- Ba mươi năm... mới đấy mà đã ba mươi năm rồi...

Ông xòe những ngón tay, nhớ lại những năm tháng của mình.

- Lẽ nào mà sau ba mươi năm, bố lại kéo lê cái chân tập tễnh ấy về quê?

Con gái, con rể ông nói thế, khiến ông im không nói gì.

Nhưng khi còn lại một mình trong nhà, ông lại thêm một lần nữa nhất quyết trở về bình nguyên Quan Trung quê cũ.

Tính nết ông ương bướng, bản thân ông cũng biết rõ điều đó, nhưng không sao thay đổi đi được. Khi bà lão còn sống, thường hay ngăn cản ông, mỗi khi hợp hành, ông phải báo cáo, bao giờ bà lão cũng ngồi ngay ở hàng ghế đầu, khi thấy ông hơi nổi nóng

lên, nói năng đã bắt đầu quá lời, bà liền đưa mắt cho ông. Ông xem chiếu bóng, phim *Lâm Tắc Từ*, ông rất tâm đắc với bức hoành mang hai chữ "NÉN GIẬN" (Chế Nộ) treo ở trong phòng Lâm đại nhân, và trong một thời gian dài, ông đã từng gọi bà lão là *bà Nén Giận*.

Đến nay bà lão đã mất, tính nết ông không còn bị gò bó, kiểm soát nữa, nên khi, cái quyết tâm trở lại bình nguyên quê cũ không còn ai có thể lay chuyển được ông, ông bắt tay vào việc thu xếp hành trang.

Đồ đạc trong nhà ông ít ỏi đến thảm hại. Ba mươi năm trước ông còn là một chàng trai tơ, từ Quan Trung lên vùng sơn địa Thương Châu, làm anh liên lạc trong Ủy ban huyện. Ngày ấy công văn giấy tờ không nhiều, lại chẳng phải dậy sớm hàng ngày để lấy nước sẵn cho ông Huyện trưởng rửa ráy, hoặc phải quét dọn gì, mà chỉ có mỗi một việc là Huyện trưởng sai chạy giấy xuống các xã bằng ngựa, ông chỉ việc lo ăn lo uống cho chú ngựa là xong. Về sau ông làm nhân viên bán hàng, rồi cán sự công xã, thậm chí còn gánh vác cả công việc của Hội Phụ nữ - khi ấy cán bộ nữ còn rất ít - ông đã làm chủ nhiệm Hội Phụ nữ. Cũng trong thời kỳ ấy ông có làm quen được với một cô gái người địa phương, và từ đó cô trở thành vợ ông. Thời ấy người ta không ưa việc mua sắm đồ đạc gia đình, mãi về sau này mới có cái một mua sắm thêm "mấy chục cái chân" (ý nói *chân bàn, chân ghế, chân giường, N.D.*), nhưng thói quen của ông không thay đổi được nữa, vì thế, trong nhà ông bây giờ chỉ có hai chiếc hòm con con

mỗi một, và chỉ trong một buổi tối ông đã thu xếp xong mọi thứ hành trang. Ông đi đến mộ vợ ông lần cuối để từ biệt bà lão, ông ngồi trước mộ bà rất lâu, sau đó ông đến vái mấy vái trước hai nấm mộ cha mẹ mình đặt phía sau ngôi mộ vợ ông.

Nhưng cô con gái và cậu con rể kiên quyết không cho ông ra đi, họ đem hai chiếc hòm nát giấu về nhà ở trên huyện.

Trong thời gian còn chưa ra đi được, ông sống một mình trong gian phòng tập thể của công xã. Mỗi khi hoàng hôn buông xuống, ông thường thích một mình ra ngồi trên mỏm núi trước trụ sở công xã. Mỏm núi rất dốc, bên dưới là một dòng sông. Dòng sông bao quanh một khối đá tròn to như thế, nên con sóng, trước sau chỉ đập vào một nơi, không đổi thay sắc thái, lúc nào cũng chỉ là một màu trắng, không giống tuyết, cũng không giống hoa, mà nó giống như những dải giấy trắng nhỏ, dài, vo thành từng mớ, từng mớ. Không khí vùng sơn địa thật trong lành, ngồi ngắm nhìn sự đổi thay của bóng mây, dáng núi, lắng nghe tiếng âm nhạc của sóng sông găm vào vách đá, vậy mà lòng ông rối loạn, mà chẳng tìm cho ra được đầu nào, mối nào, những lúc như thế ông thường lần trong túi, lấy ra hai hạt hạch đào, vo nắm trong tay khiến chúng vang lên những tiếng lách cách, lách cách nho nhỏ.

Hai hột hạch đào không to, đây những nếp nhăn dọc ngang xoắn xuýt, ông quý mến nó, coi nó như một thứ bảo bối của mình, đi đâu ông cũng mang theo nó trong người, khi không có việc gì, ông lại

lấy nó ra vo nắm trong tay, làm cho nó vang lên những tiếng lách cách, lách cách. Mồ hôi trong tay làm cho hai hột hạch đào bóng lộn lên, và đổi thành màu nâu sẫm, đến độ trông chúng chẳng còn có vẻ là hột hạch đào nữa.

Buổi chiều có một cô gái mới chừng hơn mười ba tuổi, đến bên môm núi. Cô đi chân dê, cô đã lấy một cái thừng thật dài buộc con dê vào thân cây, để cô có thể chơi bởi một mình ở đó. Và cô bé nhìn ông chăm chăm.

Ông hỏi:

- Cháu là con nhà ai thế?

"Cháu là con nhà ai thế?". Ông cảm thấy cô bé thật đáng yêu.

Cô bé đáp:

- Cháu là con của mẹ cháu.

Ông cũng nói:

- Bác cũng là con của mẹ bác.

Từ đó một già một trẻ thành bạn với nhau, và trong rất nhiều ngày họ trò chuyện với nhau ở đây. Ông cảm thấy trong người ông nguôi ngoai đi được thật nhiều. Có một lần cô bé cầm lấy mấy hột hạch đào của ông, hỏi ông đấy là cái gì? Ông trả lời cô bé. Cô bé bèn cất tiếng lanh lảnh kêu lên:

- Bé tỳ tẹo thế này mà đã già rồi.

- Già ư?

- Mặt nhăn nheo hết cả, giống như mặt bác ấy.

Ông bật cười, gần như bị sặc.

Cô bé lại hỏi, hột hạch đào này có ăn được không? Ông bảo, có thể ăn được. Cô bé lại hỏi, nó làm bằng gì? Ông bảo cho cô bé biết, nó mọc ở trên cây, có thể lấy đem trồng, rồi nó sẽ mọc thành một cây thật lớn, thật to, và một cây có thể mọc ra hàng ngàn hạng vạn cái quả.

Kết quả là hôm sau, cô bé đã lấy trộm của ông những hột hạch đào ấy đem chôn nó xuống một ụ đất, lấy đá vây quanh thành một cái ổ. Mấy hôm sau cô lại đào hột hạch đào đó lên, chạy đi hỏi La Lục Tử:

- Làm sao nó không mọc thành cây?
- Con đã đem nó đi trồng đấy ư?
- Nó chết rồi.

Ông trầm lặng ngắm nhìn cô bé, nghĩ ngợi trong lòng: đúng là nó chết rồi. Nhưng ông chẳng nói điều đó ra, và sau khi cầm lại hai hột hạch đào, ông ồm luôn một trận.

Sau khi khỏi ốm, ông đi thẳng lên huyện thêm một lần nữa, đòi các con phải để cho mình trở về bình nguyên Quan Trung quê cũ. Cái tính ương bướng của ông lại nổ bùng ra, lời lẽ vô cùng cứng nhắc. Đầu tiên cậu con rể còn khuyên giải ông, cuối cùng cũng chẳng giữ được nữa, anh bảo ông không nên về hưu non, rồi lại bảo ý chí cách mạng của ông bị sút giảm, đã làm việc, công tác ở vùng sơn địa đến ba chục năm, mà vẫn chẳng có chút tình cảm nào với vùng sơn địa cả. Lời lẽ ấy đã đâm thẳng

vào trái tim ông, ông dần mạnh cốc nước, giận dữ mắng con:

- Mày lên lớp tao đấy phải không? Ba mươi năm trước, khi mày còn là thằng oắt con, ngồi trên đùi bố, tao đã đến nơi này rồi đấy. Khi ấy, đây còn là rừng thiêng nước độc, làm sao tao không bỏ mà về? Tao đã quyết sống chết với mảnh đất này, đem bán hết cả nhà cửa nơi quê cũ đi, không giữ lại một hòn ngói, tao đã cắt đứt con đường trở lại, mày biết không? Tao đã đem cả hài cốt cha mẹ tao chuyển đến nơi này, vậy mà tao không yêu mến vùng sơn địa này sao? Cái chân tao... cái chân tao...

Ông không nói thêm được nữa, và ông lại lấy tay chà sát hai hột hạch đào vang lên những tiếng lách cách, lách cách nho nhỏ.

Chàng rể về nói với vợ, cô con gái La Lục Tử nói cho chồng biết: Chức vụ cao nhất trong cả một đời bố là bí thư khu ủy¹, đó là khu Thanh Du miền cực tây của huyện. Năm đó ông hô hào mọi người trồng hạch đào, và ông đã liên hệ đem được một số lớn cây giống từ nơi khác về, rồi lại đích thân đi mời cán bộ kỹ thuật về hướng dẫn nhân dân cách thức trồng trọt chăm bón, quyết tâm biến cái vùng đất núi hoang vu ấy thành vườn hạch đào. Ông ngồi đứng không yên, lặn lội hết nơi này đến nơi khác, giải thích tuyên truyền, bàn bạc quy định để thực

1. Đơn vị hành chính của Trung Quốc là: xã, khu, huyện, địa, tỉnh. Tương đương với xã, tổng, huyện, phủ, tỉnh, thời xưa của ta (N.D.).

hiện việc trồng cây. Ông động viên không nên trồng cao lương ở những mảnh đất bạc màu trên đỉnh núi nữa... Kết quả là, trong một đêm, khi đi ngang qua con đường đá ở bờ sông, mắt ông bị hoa lên, rồi bước hụt chân...

Từ đấy ông phải mang trên mình một chiếc chân què.

Nhưng ở cái vùng sơn địa ấy, từ xưa đến nay chưa bao giờ có cây hạch đào, chưa bao giờ được trông thấy, nhìn thấy và cũng chưa bao giờ trồng nó, nên nông dân không chịu tin ông, tập quán xưa nay của họ là gieo hạt trên những mảnh đất hoang, mỗi năm thu hoạch một vụ với cung cách cứ phải đi mười bước chân mới thấy được một cây cao lương.

- Con người là phải sống bằng ngũ cốc. Cái cây này có ăn được không? Có uống được không?

- Nó có thể kết thành trái hạch đào. Đó là loại cây rung ra tiền đấy!

- Năm nay có ra được tiền không?

- Đồ mắt chuột chỉ nhìn được mấy tấc đường.

Ông càng cương quyết, bướng bỉnh hơn, yêu cầu mỗi công xã đều phải có vườn hạch đào, có nơi không làm, ông bèn gọi cán bộ tới, lớn tiếng toát cho những trận nên thân.

Từng khoang từng khoảnh đất hoang trên đỉnh núi, đều được trồng hết hạch đào, một năm chẳng có thu hoạch gì, hai năm chưa nhìn thấy lợi ích của nó ở đâu... Những lá đơn kiện cáo tới tấp bay lên huyện ủy, địa ủy, tỉnh ủy: "*Cây hạch đào cái quái*

cái quý gì?". Có "cây hạch người", "cây hao tài tổn của" thì có.

Thế là La Lục Tử - ông bí thư khu ủy - bị đổ cái rụp, trong tiếng than vãn, phàn nàn, trách móc của quần chúng. Ông được điều tới công xã Núi Trắng (Bạch Sơn) heo hút giữ chức vụ phó bí thư công xã.

Ông thất bại. Rời khỏi khuôn viên khu ủy, ông chẳng có tí của cải gì, vẫn chỉ là một bó chân chiếu, một chiếc bát sắt tráng men, một chiếc đèn pin, và hai cái hột hạch đào. Ông vừa đi vừa khóc.

Chín năm nay, ông không một lần trở lại khu Thanh Du ấy nữa.

Chàng rể lúc ấy mới hiểu được tâm can của bố vợ, thấy ân hận vì đã không thấu hiểu hết được tấm lòng ông, anh lần xuống công xã xin lỗi ông.

Nhưng ngay từ sáng sớm ngày hôm đó, La Lục Tử đã lặng lẽ ra đi.

Khi bước chân lên xe, không có bất cứ một người nào vẫy chào ông, duy chỉ có một người bạn - cô bé chân dê - đến tiễn biệt ông. Ông cúi hôn cô bé thật nồng nhiệt, rồi lên xe. Tấm kính mỏng manh trên cửa sổ xe đã ngăn cách ông với cô bé con, đã ngăn cách ông với những rặng núi xanh xanh, với con sông đầy nước trắng xóa. Một lớp kính mỏng manh, đã khiến cho vùng sơn địa, nơi ông đã làm việc ba chục năm, trở thành một bức tranh, trở thành một ảo ảnh mỹ lệ.

Xe ô tô chạy hướng ra phía bên ngoài núi.

Xe chạy qua khu Thanh Du. Ông nhắm tịt mắt lại, nhưng rồi cũng không thể không mở mắt ra để thoáng nhìn. Cái vùng đất ấy đã khiến ông ngã ngựa người, đã khiến trái tim nồng cháy của ông nguội tắt. Ông đã từng nguyện rửa mảnh đất ấy, và cũng đã từng định rằng ông sẽ bắt đầu bò dậy từ chính mảnh đất mà ông đã ngã xuống để làm lại từ đầu, nhưng ông đã già mất rồi, tâm có thừa mà lực lại không đủ, bây giờ, bỗng nhiên ông lại đi ngang qua mảnh đất này, và còn đang mang trên mình một vết nhục mà đi.

- Thôi, thôi, hãy cứ để cho họ muôn đời nguyện rửa ta thôi.

Từng ngọn núi lùi dần, lùi dần về phía sau xe, nhưng trên đỉnh núi càng ngày càng hiện ra nhiều những bóng dáng màu xanh, đó là những vạt rừng, nhưng nó là thứ cây gì mới được chứ?

Ông lại lúi ra hai hột hạch đào, vò vò nó trong tay cho vang lên những tiếng lách cách, lách cách nho nhỏ.

Một người đàn bà ngồi bên cạnh hỏi ông:

- Ông có phải là người ở vùng Thanh Du này không?

- ...

Ông chẳng biết trả lời sao, và cảm thấy chiếc chân què của mình đau nhức nhối.

- Hạch đào của các ông bao nhiêu tiền một cân?

- Hạch đào? Của chúng tôi...?

Ôi! Vậy thì ra, ở trên đỉnh núi kia, những cây hạch đào đã mọc thành rừng! Đã chín năm rồi, chắc chắn hạch đào đã phải cho quả. Điều đó lẽ nào lại là một sự thực được sao? Cái cây hạch đào cho quả, quả nó ra làm sao nhỉ?

Ông đề nghị bác tài xế cho dừng xe, bảo rằng ông bị đau bụng đi ngoài. Bước xuống xe, vẫn sông ấy núi ấy, chỉ trong nháy mắt, những ảo tưởng bị ngăn cách bởi tấm kính mỏng manh của chiếc ô tô đã trở thành hiện thực. Ông lớn tiếng nói với bác tài:

- Cứ cho xe chạy đi, tôi xuống xe ở đây thôi.

Ông đi về phía dốc núi bất chợt thất vọng: ... Nếu như đây không phải là rừng hạch đào? Rồi nhờ lại gặp mặt một người quen nào đó thì sao? Làm sao có thể chịu đựng nổi những ánh mắt đầy giận dữ kia? Ông cứ bước từng bước tậm tịt, vòng qua một hẻm núi, và thật bất ngờ, trước mặt ông lại hiện ra một con đường cái quan, vòng vèo uốn lượn, quanh co, rồi vượt lên một đỉnh núi, và ông chợt "a" lên một tiếng: Phía trước mặt xa xa, quả nhiên là một vườn hạch đào cực lớn.

Những cây hạch đào rậm rạp, lá đã đổ vàng, nhưng còn chưa rụng hết, và nức nịu những quả hạch đào. Ông không nhìn thấy cuối vườn đằng kia, ông chỉ nhìn thấy trong nơi sâu nhất một ngôi lều cỏ, mà hai mái của nó úp sụp xuống đất thành một hình tam giác. Sương sớm tản mạn, giăng mắc đó đây, và biến thành màu lam khi tụ lại trên đỉnh những ngọn cây của cả rừng cây.

Ông nghe thấy từ phía đó, tiếng những cây sào tre đập quả rào rào và tiếng quả rụng bồm bộp, và có cả tiếng một người nói to:

- Mảnh vườn này chia cho nhà anh rồi hử?

- Chứ sao!

- Đây là Vương chuyên viên chuyên ngành, thân chinh đến thăm vườn hạch đào của anh đấy.

- Ô! Thật vinh dự, rất hoan nghênh, xin mời các vị ném thử hạch đào đi.

- Vườn này, năm nay mới cho quả phải không?

- Dạ vâng, thưa đồng chí chuyên viên, năm nay nó mới cho quả.

- Một cây có thể thu hoạch được bao nhiêu?

- Dự tính khoảng độ năm, sáu trăm cân¹.

- Ồi chao, thật đúng là cây rung ra tiền! Vườn này được trồng từ năm nào vậy?

- Tám, chín năm rồi!

- Tám chín năm mới thấy được hiệu quả, điều này có lẽ cần phải thông báo cho toàn địa khu biết, ở đây nó đã được trồng ra như thế nào?

- Dạ thưa, câu chuyện dài dòng lắm, đây là do cái ông bí thư La què năm đó bắt chúng tôi trồng, khi trồng xong hạch đào ông bị đổ, nghe nói là bị phê bình, giáng chức, và bị điều đến một nơi xa tít mù tấp nào đấy rồi.

- Ồi chao!

1. Một cân Trung Quốc ăn nửa kilô (N.D.).

- Khổ nỗi, chuyện lại do chính chúng tôi kiện cáo ông, vì lúc đó mọi người cứ tưởng rằng thế là hao tài tốn của. Bây giờ chúng tôi được ân quả, còn ông ấy, chẳng biết lưu lạc tận phương trời nào, và cũng chẳng biết còn sống hay đã chết mất rồi.

La Lục Tử đứng ở đó, trong lòng như muốn gào lên: Tôi đang ở đây! Nhưng ông lại câm lặng, đứng chôn chân ở đó, và nước mắt chảy dài.

Nghe tiếng nói của người chủ vườn, ông không nghe ra được đó là tiếng nói của ai, cũng có thể ông chưa hề quen biết người này. Ông không nhận ra được người chủ vườn, vậy mà người chủ vườn lại gọi ông là La què!

Tiếng người chủ vườn từ phía đó lại vang lên:

- Nhận biết được một con người thật khó.

Ông ngồi phệt xuống đó, người ông nhũn nhão chừng như không còn được một chút sức lực nào nữa. Chín năm nay, tại sao ông không nghe được một lời nào như thế? Tại sao ông lại không cố mò mẫm tới đây lấy một lần? Tròn tròn chín năm nay ông phải vác trên vai cái tội danh muôn người nguyên rửa, vạn người chửi bới, nếu như được nghe lấy một lời như thế, liệu ông có bị suy sụp già đi một cách nhanh chóng như thế này không? Liệu ông có phải về hưu non để trở lại bình nguyên Quan Trung quê cũ?

Lời nói đó ông đã phải chờ đợi trọn vẹn chín năm dài.

Ông hiểu ra rằng, một chân lý, một đạo lý, một sự kiện, một con người, muốn có được sự công nhận

chân chính, cần phải qua khảo nghiệm, song sự khảo nghiệm lại phải cần tới thời gian, có thể là một tháng, một năm, hoặc tám, chín năm, và cũng có thể là cả một đời người dằng dặc.

Cuối cùng thì mảnh đất này đã được trải qua khảo nghiệm.

- Ta cũng đã được khảo nghiệm.

Ông ân hận một cách thực lòng, ân hận vì tính nết của mình cùng với tác phong mệnh lệnh thời đó. Đồng thời, ông cũng cảm thấy xấu hổ, ngượng ngùng vì chín năm qua ông đã nguyên rủa, oán trách mảnh đất này.

Những giọt nước mắt âm thầm của ông rơi lã chã.

- Sao ông khóc?

La Lục Tử ngẩng đầu lên, đứng trước mặt ông là một cậu con trai, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, gánh một gánh hạch đào, vừa mới từ phía sau vườn đi tới.

Cậu bé lấy ngón tay quệt quệt lên má mình chế diễu ông.

Ông hỏi:

- Hạch đào này có bán không?

- Tất nhiên là bán chứ ạ.

Ông đứng lên, rút ra năm đồng bạc, mua một túi xách.

Cậu bé nhìn ông, đột nhiên nói:

- Ông lấy đi, cháu chẳng lấy tiền của ông làm gì.

- Tại sao vậy?

- Ông là người quê mà.

- Quê quật? Thế là chiếu cố người tàn tật phải không?

- Không, người lớn ở đây nói rằng: Tất cả hạch đào ở đây là do ông La quê bảo trồng, ông được lạm hưởng phần quang vinh của ông ấy.

- Thế cũng được. Tôi lạm hưởng phần quang vinh của ông ấy.

Ông bốc đây một túi xách tay, rồi ông lấy đá đập những hột hạch đào, ngồi ăn.

Hột hạch đào nhả nheo bốn mặt dọc ngang, ông đập vỡ, cái nhân ở bên trong trông giống như một bộ não của con người. Ô thì ra, khi nó già, nó chín, ăn được, không phải chỉ có những nếp nhân ngang dọc, mà còn có một bộ óc nữa.

- Tên cậu là gì?

- Có chuyện gì thế ạ?

- Bác gửi cậu lời hỏi thăm tới tất cả dân làng.

- Hỏi thăm?

Ông đưa cho cậu bé mấy hột hạch đào mà ông vẫn coi như bảo bối của mình.

- Nói rằng có một người quê gửi lời hỏi thăm.

Cậu bé đã nói lại chuyện đó với dân làng, những người lớn hỏi hình dáng người quê ấy, rồi tất cả cùng reo lên:

- Đúng là bí thư La quê rồi còn gì nữa.

Tất cả đổ lên núi, đi tìm La Lục Tử, nhưng không tìm thấy, và rồi họ bắt đầu lói chuyện ngày xưa ra

nói lại, đoán mò đoán mẫm xem trong chín năm qua ông đã ra sao, và già nua đến mức độ nào rồi? Tất cả đều nghĩ tới ông.

Duy chỉ có mỗi một cậu bé là chính mắt đã nhìn thấy La Lục Tử, và hình dáng La Lục Tử chỉ có mỗi một mình cậu là được trông thấy rõ ràng nhất.

Ngòi Nhà Hĩm*

Chưa chắc đây đã là sự sĩ nhục, hay điều đáng xấu hổ thiếu công bằng của mảnh đất ấy trên cõi đời này! Mười lăm năm trước, tôi, anh học trò từ cái mảnh đất đó lần đầu tiên tới một thành phố lớn nhất thuộc miền tây Trung Quốc để theo học tại trường cao học.

Giáo sư hỏi:

- Họ tên?

* Cứ theo thông lệ, dịch đúng nguyên văn, tên truyện này phải dịch là "Ngòi nhà Biết" hoặc "Ngòi nhà họ Biết", (chữ này còn một âm cổ đọc là "tất"), nghĩa của nó là méo mó, lép kẹp, nhưng âm của nó lại trùng với âm của chữ "bi" có nghĩa là "âm hộ". Đây là lối chơi chữ, nghịch ngợm của tác giả, và nương theo ý ấy, tạm dịch làm "Hĩm", chứ không theo âm Hán dịch là "Biết" là "Tất", mặc dù đó là "một dòng họ", (vốn không có).

Cũng như vậy, dưới đó vài dòng ta lại gặp chữ "Ao", tên của tác giả. "Ao" có nghĩa là "lỗm" hay là "trúng". Tác giả cũng dùng chữ "Ao" này theo nghĩa "Lỗm" để tự điều mình, cho "vui câu chuyện". Bởi nghĩ, có như vậy, mới "dịch" được cái ý hóm, nghịch ngợm, và rất dân gian của tác giả ẩn giấu đằng sau những con chữ.

Anh học trò đáp:

- X...X... Lôm.

Giáo sư chàng thấy thích thú gì với cái chữ "Lôm" ấy.

Hồi tiếp đến quê quán, anh học trò lại đáp:

- Ngòi Nhà Hìm!

Vâng đúng vậy, dưới gầm trời này, làm gì có cái họ nào là họ Hìm, song đó lại là cái tên tục mà người quê tôi vẫn quen dùng, hơn nữa nó còn là một từ tượng trưng cho bộ phận sinh dục của đàn bà.

Vị giáo sư kinh ngạc cơ hồ rơi cả kính, và quát:

- Hoang đường!

Nói xong, vị giáo sư liền đem gắn thêm cả chữ "Lôm" vào đấy nữa, nên đã tỏ đầy vẻ khinh bỉ anh học trò ấy. Còn anh học trò nhút nhát kia, từ đó mỗi khi phải kê khai quê hương bản quán, không bao giờ viết ba chữ "Ngòi Nhà Hìm" ấy nữa.

Chú thích này được viết không qua một chú thích hoặc một nhận định của tác giả hay của người Trung Quốc nào, mà là hoàn toàn của riêng người dịch, vì sau khi đọc một số tản văn, truyện ngắn, tiểu thuyết của Giả Bình Ao, thì thấy những dấu ấn "nghịch ngợm" như thế, thường rất đậm nét. Ngay những truyện in trong tập này, cũng đã rõ được điều đó. Đặc biệt là: chỉ đọc mấy dòng tác giả tả con ngòi trong truyện này cũng thấy. Bởi vậy nếu đây là một chú thích sai, xin độc giả thể tất về sự khiên cưỡng của người dịch, đồng thời xin thông cảm với "cái khó" của người dịch sách. (ND).

Trở thành một thị dân nơi tỉnh thành, dần dần cũng tiếp thu được nhiều thứ của nền văn minh, anh thấy, cái tên quê hương mình cũng chẳng có gì là sai trái. Nhưng chữ "Him", cái âm "nặng nặng", nên nó cũng có cái "vị" chối tai. Trung Quốc có Hoàng đế Vô Tắc Thiên vô cùng đáng sợ, khi còn sống, bà đã cố ý dựng lên ở đồng bằng Trung Nguyên một lăng mộ đàn bà, với hai bầu vú đặc biệt, gọi là núi Đầu Vú, và đứng nhìn từ phía xa, rõ ràng đó là một người đàn bà nằm ngửa ở chân trời. Cho đến bây giờ, nếu cứ theo lý luận của Freud, thì hoa là bộ phận sinh dục của cây cỏ, vậy mà trong mỗi gia đình ở thành phố, đều hết sức tươi tắn, chăm nom, để trên bàn, cắm trong lọ, sáng ra ngấm ngấm, đêm tối ngửi hương đó sao? Hơn nữa cứ theo như đạo lý thông thường mà xét, bất cứ một vĩ nhân nào, hoặc bất cứ một kẻ ăn mày ăn nhật nào, đều chẳng từ đó mà ra chào đời là gì.

Tiếp đó, sau khi anh học trò tốt nghiệp, anh đã theo đuổi sự nghiệp văn chương, anh đã dùng cảm miêu tả cái địa hình ấy của quê hương trong một bài bút ký:

Bờ con ngòi hình bầu dục. Đất màu nâu hồng, mọc đầy những bụi cây lúp xúp. Bên trong cái hình bầu dục ấy, lại có một hình bầu dục nữa. Trong đó có vành đất như bờ tường nhỏ, trơn tru, sạch bóng, đỏ như lá ngậm sương, mưa mưa gió gió, chẳng bao giờ mòn lở. Bên ~~tiếp~~ ngoài hình bầu dục lớn, ven theo bờ ngòi, hai con đường do chân người đi bộ dẫm đạp lên trở thành màu trắng trông thật rõ ràng.

chỗ hai con đường gặp nhau có một cây hòe cổ thụ, bóng cây hòe râm mát như một đám mây. Và phía dưới cái hình bầu dục, hẹp lại như một dải cống, mọc đầy lau sậy, rồi bờ bờ, che khuất một rêu lồi mỏng manh, như có như không, bốn mùa nước xâm xấp không bao giờ cạn.

Bài viết của anh học trò đó chỉ là miêu tả một điểm của Ngòi Nhà Hĩm, mà chưa miêu tả được một cách tường tận, chi tiết những phong cảnh vùng xung quanh Ngòi Nhà Hĩm. Trước mặt Ngòi Nhà Hĩm là con sông Son Phấn nước chảy lững lờ, sỏi đá mang đủ năm màu sắc, bám đầy rong rêu. Phía sau chệch về bên trái con ngòi là một ngọn núi, gọi là núi Tiên, tương truyền rằng đời nhà Tần có một đạo sĩ đã từng luyện đan ở đó, và Tần Thủy Hoàng muốn trường sinh bất lão, nên đã phái người lên núi, tìm đạo sĩ, hái thuốc tiên. Nhưng sử sách lại ghi chép rằng, Tần Thủy Hoàng chưa già mà đã chết, người địa phương đều nhất mực cho rằng con sông Son Phấn sở dĩ thành tên là do bà Hoàng hậu của Tần Thủy Hoàng ra sông rửa mặt. Còn Ngòi Nhà Hĩm chính là "cái hĩm" của bà Hoàng hậu. Mà ở cửa con ngòi, cũng chính là chỗ dưới gốc cây hòe, và trên một khu ruộng lúa mạch đẹp như gấm như vóc đã được dựng lên một ngôi đền, gọi là đền Thần Hĩm.

Hương lửa trong đền Thần Hĩm chẳng bao giờ tắt. Hầu như khắp cả vùng thượng hạ sông Son Phấn, nếu cặp vợ chồng nào muốn sinh con đẻ cái, đều đến đền cầu tự. Tất cả mọi người đến xin con đều

quỳ trên đám bụi trước ban thờ mà tha thiết khẩn cầu:

- Xin cho con một đứa con!

Lời cầu khẩn van xin nghe thật não lòng não ruột. Có những chuyện mà ma không biết, người không hay cũng đem nói tuốt tuốt cả ra. Ba mươi năm trước, cô con dâu nhà họ Trương về nhà chồng mãi mà chẳng đẻ cái gì, cô ta đã đến đây khẩn khứa:

- Thần Hים ơi là Thần Hים, xin hãy cho con một đứa con đi! Nếu như bảo rằng con không biết đẻ cái gì, thì không phải, bởi vì khi con còn là con gái ở nhà với mẹ con, con cũng đã đẻ được một đứa rồi; Nếu như bảo chồng con là vô tích sự, cũng không đúng, bởi vì con đâu chỉ dựa vào có một mình chồng con...

Khi ấy, lão Quán vốn là thợ vẽ trong làng, đang ngồi vắt vẻo trên xà ngang của đền vẽ những bức tranh mới, nghe xong, không nín nổi cười, rồi ngã nhào từ trên xà ngang xuống đất, gãy mất một chân. Nhưng cô con dâu nhà họ Trương sau đó quả có đẻ được một thằng con trai, đặt tên là Sinh Lâm, nhưng tướng mạo lại rất kỳ quái, trán gồ, mũi hăn ra, mà sau gáy, lại bẹp dí bẹp dẹt, trở thành một nhân vật quái dị trong làng.

Trên bờ sông Sơn Phấn, có thôn Ngòi Hים, vì hương khói quanh năm không dứt, nên nhân khẩu vô cùng đông đúc, riêng vùng hạ của Ngòi Nhà Hים, tuy chỉ có một dòng họ, nhưng cũng đã chia được thành một số chi, nhà cửa, ăn ở cũng chia thành

bốn xóm: xóm Tiên, xóm Trung, xóm Hậu và xóm Mới. Số người ở xóm Trung và xóm Hậu phát triển rất nhanh, hầu như nhà nào cũng là tam đại đồng cư, tứ đại đồng đường, rồi con con, cháu cháu, lấy vợ lấy chồng, sinh con đẻ cái, làm nhà ra đất khác ở riêng, và cuối cùng thành xóm mang tên xóm Mới. Xóm Tiên nhân khẩu lại thưa thớt, gần như mất giống, tuyệt chủng, nhưng lại có điều rất đáng nói, đó là lão Quán, ông thợ vẽ, mà tiếng tăm vang dội khắp gần xa. Cứ tính tuổi ra, lão Quán vào tuổi cha của tất cả mọi người trong thôn Ngòi Hím. Ông có thể là cha của bố, và cũng có thể là ông của ông. Cứ theo như phong tục của vùng này, lên đến bậc ông, là coi như tột đỉnh. Ông lão Quán được mọi người trong làng tôn xưng là "Lão làng". Ông "Lão làng" mỗi khi làm cơm, ông tổng ráo rạo cả bột ngô vào nồi, rồi cứ thế, để trào tuốt tuốt ra ngoài, đáng lẽ ra, từ đó ông phải rút ra được một kinh nghiệm gì đấy. Song đáng tiếc rằng, ông là người không có chữ nghĩa, lại chưa từng bước chân ra khỏi vùng núi, khi cái cậu học trò Thạch Thuận đi làm nhà văn, trở về làng sau mười lăm năm xa cách nói chuyện về chỗ cửa ra của tàu điện ngầm ở thành phố, ầm ầm ào ào, cứ lần lượt, một cái đầu thò ra, lại một cái đầu khác thò ra tiếp, ông lão chỉ cười khà khà, và bảo, thì con người ta, khi ra chào đời cũng chẳng là như thế sao. Nhưng vẫn chỉ là thôn Ngòi Hím ấy, mà xóm Trung, xóm Hậu, xóm Mới con người cứ mỗi ngày một đông, còn xóm Tiên của ông chỉ còn lại có mỗi một mình mình, ông âm thầm lo lắng

đến rạc người, và trong bụng, tất nhiên là không tránh khỏi việc chửi bới tên Châu Thọ Oa dâm ba câu.

Bốn mươi năm trước, ở vùng đất thấp của Phong Hỏa đài có một tên ác bá, đó chính là Châu Thọ Oa. Châu Thọ Oa thấy cái thế phong thủy của Ngòi Nhà Hĩm rất tốt, lại thêm đền Thần Hĩm hương khói quanh năm, nên đã bỏ tiền ra mua cả một vùng gò làm của riêng, tất cả những người đến lễ bái, đều phải trả tiền mới được vào đền cầu cúng. Song trong bao nhiêu năm bá chiếm như thế mà Châu Thọ Oa vẫn chẳng phát được đại tài, đã thế đến hồi mới giải phóng, Châu Thọ Oa lại còn bị chính phủ trấn áp, và cả dinh cơ nhà họ Châu ấy đúng vào đêm hôm rằm, lại bị một ngọn lửa trời rơi xuống thiêu rụi. Bà vợ cả nhà họ Châu có đẻ nhưng không có nuôi, bà vợ bé cũng có sinh hạ được một đứa con gái. Cô con gái ấy sau này lấy đứa cháu đích tôn của ông lão Quán.

- Tất cả đều là do cái tai họa của nhà họ Châu!

Lời nguyên rủa ấy lão Quán cũng đã nhắc đi nhắc lại đến mấy chục năm nay rồi, cho nên đối với sự tuổi cao ngậm miệng chẳng cần nhắc tới làm gì, song ông vẫn cho đấy là điều sỉ nhục. Cứ nhìn cái đám thuộc đời con đời cháu trong thôn, ngày một già lụ khụ, tóc bạc da mồi, dần dần ông chẳng biết rằng ông còn sống hay đã chết rồi, và ông cũng biết rằng khi ông nói chuyện với người khác thì đó là người sống nói với người chết, hay người chết rồi đang nói với người sống.

Đó là chuyện về sau, nên chưa nhắc tới ở đây. Nhưng hương nến ở đèn Thần Hỉm của Ngòi Nhà Hỉm vẫn nghi ngút ngày đêm. Những cặp vợ chồng muốn sinh con đẻ cái vẫn tới đây, sáu lạy ba vái, và cầu xin:

- Xin cho con một đứa con! Xin cho con một đứa con!

Thậm chí trong những sớm bình minh, hay những chiều hoàng hôn, trong làn mưa bụi bay mờ mịt, những cặp vợ chồng khao khát một đứa con, đã ngồi phệt xuống giữa đám lau sậy rồi bời của Ngòi Nhà Hỉm, nhìn vào đám đất nâu hồng ẩm ướt giữa hình bầu dục nhỏ bên trong và hình bầu dục lớn bên ngoài, lăm răm kể lể về của nả giàu sang cùng những lạc thú vui chơi, để dẫn dụ những linh hồn sắp được lên làm người. Những lúc đó, trên trời thường có sấm, vang dội, giòn tan, tựa hồ như linh hồn kia đã đồng ý tán thành, điều đó làm bụng người đàn bà bỗng có cảm giác nặng nặng, và cũng tựa hồ họ người thấy cái loại mùi vị rất khác thường của Ngòi Nhà Hỉm.



Điền Vương trang nằm ở phía dưới Ngòi Nhà Hỉm, xa năm dặm. Nguyên là bên bờ Bắc sông Sơn Phấn, có một cái khe hình Vành Trăng vươn về phía Tây, và một cái gò cao Phong Hỏa đài vươn về phía Đông, giống như hình một lồng ngực, ôm gọn Ngòi Nhà Hỉm vào giữa, nhưng vách đá của cái khe Vành

Trăng lại dúm dó, gập khúc, không đều rồi quanh theo một eo sông nhỏ, thì thấy Điền Vương trang nằm gọn trong đó. Trong trang, cây cối rậm rạp, toàn một loại du xanh, từ gốc tới ngọn, rêu mọc đầy, âm u tới mức mà người ta cứ tưởng như mặt trời còn chưa chín, xanh lét. Bên ngoài eo sông là những khối đá ngổn ngang, ngổn ngang rất nghệ thuật, rất lãng mạn, đã có nhiều họa sĩ đến vẽ ở đây. Giữa đám đá ngổn ngang đó có một con đường vòng vèo, đi tuốt ra Ngòi Nhà Hầm, do con người cứ nháo nhào ngược xuôi, dẫm đạp lên mà thành.

Đây là nơi vắng vẻ, hoang vu nhất của tỉnh Hà Bắc, nhưng lại có một ngôi nhà được xây dựng bằng đá rất kỳ quái. Năm Dân Quốc đầu tiên, có một người Ý Đại Lợi, râu xồm, đến truyền đạo Thiên Chúa, trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, gian khổ. Tất nhiên rằng vị giáo sĩ này về sau cũng chết ngóm. Trong cuộc tao loạn của cách mạng văn hóa, nhà thờ cũng đã từng biến thành chuồng trâu, ba con trâu thiến và năm đầu nghé. Trong những năm đó, ở ngôi nhà đá lại có tiếng chuông rung. Có một bức tranh vẽ một người đàn bà rất đẹp, rất nhu mì, bắt đầu là một người đem biếu những người nào đó, rồi những người nào đó ấy đem viết tên mình cùng áp triện của cá nhân mình lên tranh làm bằng, sau đấy bức tranh được treo lên giữa điện thờ. Bức tranh ấy đã làm vô khối đàn ông tưởng tượng xa xôi. Về sau người ta bảo rằng cả tám đầu trâu nhốt trong nhà thờ ấy đều chết sạch, vì đều mắc bệnh sỏi mật, do vậy người ta lấy được rất nhiều ngưi hoàng. Con trâu mà có

ngưu hoàng, cũng giống như con người được lên trời làm tiên vậy. Thế là tám con trâu đều được lên thế giới cực lạc.

Anh phó mộc Bính Căn đến Điền Vương trang để đóng áo quan cho bà Hậu Thất. Bà Hậu Thất là cô hai của nhà họ Hậu trong xóm Mới. Anh phó mộc làm được ba ngày, tối đó anh ra bờ hồ ngồi hút thuốc. Bà Hậu Thất nói với anh:

- Anh Bính Căn, anh không vào đó ư?

Bính Căn đáp:

- Con không biết, nên cũng không thua.

Từ cổng, anh nheo con mắt nhìn lên cái hang nằm trên dốc núi phía đối diện. Trong hang, suốt ngày đêm có một chiếu bạc, thua, được, thua thua được được. Tiền nong của Bính Căn cũng chẳng nhiều nhận gì, anh lại chưa lấy được vợ, nên Bính Căn đã thề là không dúng tay vào đấy. Bà Hậu Thất cười "khích" một cái, rồi nói:

- Là tôi muốn hỏi, có ai cho anh một bức tranh không?

Bính Căn hơi ngượng vì sự hiểu lầm đó của mình, nói:

- Cái bức tranh cô con gái ấy ă? Mắt không nhìn thì lòng không rời. Anh Đức Thủy bên khe Vành Trăng có một bức đấy, thế là đêm đêm bị mộng tỉnh, người bị thoát dương.

Bà Hậu Thất vội vạch một dấu chữ thập, nói:

- Anh nói bậy nào, đấy là Thánh Mẫu đấy!

Mấy ngày liền, Bính Căn treo mình trên cao, kéo chiếc cửa lớn, cứ nghĩ ngẫm nghĩ ngẫm rằng: Cái bà Hậu Thất rất hiền từ này, lại rất buồn cười. Bà Hậu Thất là tín đồ công giáo, mà làm sao lại luôn luôn mắc chứng đau đầu. Còn mẹ mình sống đến tận bảy mươi tư tuổi mà vẫn nói:

- Thấy chưa, không còn xâu được kim nữa rồi, làm sao mà không để cho tôi chết đi cho xong!.

Ấy những người cứ nhắc luôn tới cái chết, lại không chết, bà sống đến tận tám mươi hai tuổi mới qua đời. Bà Hậu Thất mới vừa sáu mươi mốt tuổi, mà đã kiêng không dám nhắc tới chữ "chết", vậy mà chưa chi đã vội đóng quan tài.

Bính Căn mới làm được nửa công việc đóng áo quan, thì bệnh của bà Hậu Thất càng trở nên trầm trọng. Bà nhả lời, rồi viết thư cho mời gọi tất cả họ hàng thân hữu về gặp mặt, và không quên cả người bạn thân thiết, ở tuổi hăm hai, đã véo vào đùi bà bên dưới sân khấu. Đã có một ông già mặt nhăn nhúm như hạt hạch đào từ tám mươi dặm xa xôi đến với bà. Hai người chuyện trò với nhau một hồi lâu, rồi ông già đi ngay. Bà Hậu Thất rất tiêu tụy, bà đem chiếc tẩu bằng thiếc pha đồng biếu Bính Căn để làm vật lưu niệm thật lâu, lâu dài dài.

Nhà tiên tri của giáo hội nghe tin, đến bảo:

- Không sao đâu! Sẽ chẳng có chuyện gì hết mà. Không nên uống thuốc, không thuốc ta, thuốc Tây cũng không uống. Cứ ngày ngày cầu nguyện Đức Giêsu là bệnh khắc khỏi.

Bà Hậu Thất ngày ngày đêm đêm cầu kinh. Hai tay đặt chồng nhau trước trán, không động dấy. Bính Căn tưởng bà ngu gât, mấy lần chạy vào đỡ, bà Hậu Thất lấy ngón tay gì gì vào trán anh. Bà đóng cửa, cầu kinh.

Diên Vương trang nằm kề với sông Sơn Phấn, có một cái khe của con ngòi chảy qua giữa làng, khi đó nghe thật rõ tiếng nước chảy róc rách rất nhịp nhàng. Bính Căn cười không thành tiếng, cười xong, anh mới cảm thấy, trong cái cười của mình, có phần nào là dành cho bà Hậu Thất, đồng thời cũng có dành phần nào cho chính mình. Anh ngẫu nhiên nghe thấy dân làng bảo rằng, bà Hậu Thất mắc chứng ung thư, họ rất khó chịu với việc cầu kinh của bà, mà theo họ, tốt nhất là dốc hết số tiền dành dụm được, ăn cho sướng, uống cho thỏa, cho biết mọi sự đời.

Anh nghỉ tay, đi tiểu ở trong rừng đằng sau làng, chợt nhìn thấy nhà tiên tri đi ngang qua, anh muốn chửi lão một câu là "đồ nói dối", muốn tước cả cái đám nước đá nóng hổi này lên đầu lão.

Ba ngày sau, có một người từ thành phố về làng, mang theo nhiều bánh kẹo và một bó sách, Bính Căn xưa nay vốn là người mau miệng, bô lô ba la, nhưng khi đứng trước mặt con người ấy, anh bỗng trở nên tắc tị như hến, đến đi cũng chẳng vững nữa. Người ở thành phố đó là con trai bà Hậu Thất. Người con đã giở sách ra tra cứu. Nói rằng mẹ bị ung thư, nên đã mua một loại thuốc "sà dương mai thảo", khen lấy khen để là thuốc hay, thuốc tốt, cho mẹ uống.

Bà Hậu Thất uống thuốc xong, bệnh chẳng thấy đỡ. Nhà tiên tri lại chạy tới hỏi han tình hình, với bộ mặt giận dữ, rồi sau đó mới nói:

- Uống thuốc vào là ngày về nơi đất chừa trời cũng đã đến gần hơn, Chúa đã chuẩn bị đầy đủ để đón con rồi.

Nghe thế, người con trai ở thành phố của bà nổi hung lên, giơ tay định cho nhà tiên tri một cái tát, bà Hậu Thất vội ôm chầm lấy con, rồi đưa nhà tiên tri về đến tận nhà thờ. Khi trở về, bà thấy con đang nằm ngất đi bên cửa ra vào.

Bính Căn đã xoa bóp gốc mũi cứu anh, điều làm cho người con trai cùng với Bính Căn ngạc nhiên nhất là khi thấy bà Hậu Thất bước vào nhà, với nét mặt rạng rỡ, khác hẳn thường ngày, trong khi vừa mới đây thôi, bà còn nằm bệt trên giường, không dậy được, vậy làm sao bà lại đi ra được, rồi lại đi về được?

Người con hỏi:

- Mẹ ơi! Mẹ khỏi bệnh rồi sao?

Bà Hậu Thất đáp:

- Mẹ chẳng còn thấy đau đớn ở chỗ nào sất.

Người con nói:

- Điều đó chứng minh rằng "nhà tiên tri" toàn ăn nói lăng nhăng.

Bà Hậu Thất nói:

- Mẹ còn năm ngày nữa là sẽ về với Chúa.

Hôm thứ nhất, Bính Căn đã đóng xong cổ áo quan. Ngày thứ hai, Bính Căn đã đục chạm xong chữ "Phúc" trên đầu cổ ván. Ngày thứ ba, Bính Căn chạm đục hoa văn ở phía cuối cổ ván. Ngày thứ tư bà Hậu Thất suốt ngày quanh quẩn bên chỗ làm việc của Bính Căn, nói chuyện vui, nói đến thời kỳ con gái của bà, và cũng nói đến cả ông già có khuôn mặt nhăn nhúm như hạt hạch đào.

Bà nói:

- Bây giờ ông ấy già rồi, trông kém hẳn đi, chứ ngày trẻ ông ấy biết đánh trống cơm, ông ấy đánh trống trông điệu lắm.

Sáng sớm ngày thứ năm, Bính Căn trở dậy, ra nhà xí, đã thấy ở sân có một người hoàn toàn khác lạ ngồi ở đó. Đó là bà Hậu Thất, bà mặc bộ thoy (*bộ quần áo để khâm niệm người chết. ND*) đã được may sẵn từ lâu, lại gội đầu, rửa chân nữa.

Bà Hậu Thất hỏi:

- Bính Căn, trời hôm nay chắc không u ám nhỉ?

Bính Căn đáp:

- Đêm qua con nhìn bốn chân trời đều ở rất cao...

Bà Hậu Thất lại nói:

- Mặt trời sẽ mọc, mọc những năm mặt trời.

Bính Căn không còn hiểu sự thể ra làm sao nữa. Bà Hậu Thất nói với con trai vừa ra khỏi giường:

- Con có đồng hồ, xem xem bây giờ là mấy giờ rồi? Mười hai giờ, giữa Ngọ hôm nay, mẹ sẽ đi.

Bính Căn ngồi trong nhà xí, cười sằng sặc, cho rằng bà Hâu Thất nói đùa.

Ngày hôm đó, quả nhiên trời đẹp, đến mười một giờ trưa, bỗng nhiên giữa trời kéo lên một đám mây, trời đất đầy vẻ tươi sáng, huy hoàng.

Bà Hâu Thất nói:

- Cửa nhà Chúa đã mở ra đón ta rồi!

Bà mỉm cười, vô cùng thanh thản, thoải mái.

Mười hai giờ, cả sân vườn rực hồng lên, Bính Căn chạy ra nhìn lên vòm trời, quả nhiên thấy xung quanh mặt trời có đến bốn vòng hào quang, nối tiếp nhau, phát ra hai luồng sáng đan chéo nhau thành hình chữ thập, trong bốn vòng hào quang có bốn điểm sáng, to và rực rỡ như mặt trời.

Bính Căn gọi người con trai thành phố:

- Thật là kỳ lạ hiếm thấy, những năm ông mặt trời.

Hai người reo hò một lát, rồi như chợt nhớ ra một việc gì, họ bước vào trong nhà xem sao, bà Hâu Thất đã nằm ngủ yên trong quan tài. Bà ngủ nhưng không thở, bộ mặt vẫn hiền hậu bình thản, đây ấp vẻ hạnh phúc, thỏa mãn.

Bính Căn nhận tiền công, rời khỏi nhà họ Hâu, khi về tới Ngõ Nhà Hùm, sau một hồi dò hỏi, anh đã chủ động đi xin bức tranh người đàn bà. Một thời gian dài, bức tranh ấy đã làm anh chẳng giữ nổi mình, nên người anh suy nhược hẳn đi.



Ông biên tập viên họ Trần làm việc trong một nhà xuất bản ở thành phố. Một hôm, lúc hết giờ làm việc, nhận được một tập bản thảo, tiện tay ông quăng luôn nó vào đồng bản thảo cao như núi, rồi đứng dậy định ra về, chợt ông nhìn thấy bức thư gửi kèm theo bản thảo, chỉ có ba dòng chữ: *"Xin gửi tới bản thảo Quê hương tôi, vì hiện tôi bị mắc bệnh ung thư, nên mong sao được đọc, duyệt nhanh"*.

Ông biên tập họ Trần nghĩ bụng: Một người sắp đi sang thế giới bên kia, vậy mà còn viết sách lập thân. Ông cảm thấy là lạ, thuận tay mở đọc một trang, bất giác ông đặt sách xuống bàn, từ từ ngồi xuống, rồi tiếp tục như say như mê. Tới 9 giờ 20 đêm, người nhà phải mò đến phòng biên tập tìm, vẫn thấy ông ngồi trên ghế với bản thảo trong tay, không còn biết giờ giấc là gì.

Người đi tìm hỏi:

- Có định về nhà nữa không đấy?

Không đáp.

Lại hỏi:

- Có định cơm nước gì không đấy?

Đáp:

- Ai bảo không ăn?

Người nhà lắc đầu cười:

- Thế là lại bị thu mất hồn vía rồi!

Lúc ấy biên tập Trần mới hiểu ra mọi chuyện, chỉ cười mà chẳng nói gì, rồi ôm bản thảo đến gõ

của nhà ông tổng biên tập, đề nghị ông đọc duyệt ngay đêm hôm ấy và nói:

- Người này sớm muộn gì rồi cũng ra đi, nhưng sách của anh ta sẽ vĩnh viễn sống trên cõi đời này.

Sau khi đọc, duyệt xong và cũng cần sửa chữa đôi ba chỗ, ngay ngày hôm sau, ông Trần vội vã tìm đến đơn vị công tác của tác giả.

Cán bộ lãnh đạo đơn vị cho biết:

- Bệnh tình của anh là không chữa trị được nữa rồi, trước đây mười hôm, cô người yêu của anh đã đưa anh về quê cũ...

Ông Trần, lại theo địa chỉ, lấy vé ô tô về Ngòi Nhà Hím.

Về Ngòi Nhà Hím vào đúng đêm mưa, ông Trần giấu bản thảo vào ngực áo, lò dò tìm tới xóm Trung, tìm thấy nhà, cửa đóng then cài im ỉm.

Hỏi hàng xóm, đáp:

- Thạch Phu? Ngòi Hím chúng tôi chẳng có ai tên là Thạch Phu cả, có khi ông tìm sai người mất rồi.

Ông Trần phân vân, nói:

- Thi anh ta viết rất rõ ràng là người ở Ngòi Nhà Hím, sông Sơn Phấn mà lại. Làm sao lại không có được?

Một cậu học trò nhỏ, đứng bên, đó là con trai của Mậu Lâm ở xóm Hậu nói:

- Cháu biết người này, Thạch Phu tức là Thạch Thuận đấy!

Người hàng xóm nói tiếp:

- À là Thạch Thuận đấy! Ông hỏi Thạch Thuận làm sao lại nói là Thạch Phu?

Ông Trần lúc ấy mới vỡ ra rằng Thạch Phu là bút hiệu của Thạch Thuận.

Hỏi thêm, người hàng xóm bỗng nhiên rơi nước mắt nói:

- Bệnh tình nặng lắm, hôm qua đã đưa lên bệnh viện của thị trấn rồi, e rằng khó mà sống nổi.

Ông Trần kinh ngạc, rồi bước cao bước thấp theo gót cậu con trai nhà Mậu Lâm dẫn đường lên bệnh viện thị trấn. Bệnh tình của Thạch Phu đã vào thời kỳ cuối, người thấp, không được 5 thước (1 mét 50), nặng khoảng 60 cân (30 kilô), da mặt xanh xám, gầy còm chẳng còn ra hình hài, nằm bệt trên giường không dậy nổi.

Hai người gặp nhau, đều ân hận rằng "quen biết nhau quá muộn". Một cô gái cạnh đó nói:

- Thưa thầy Trần, Thạch Phu hôm nay cứ thêm thiếp đi như thế, nhưng miệng vẫn cứ sai con đi mua trà, bảo rằng hôm nay có khách. Không ngờ rằng quả đúng là thầy đến thật.

Ông Trần nhìn cô gái, người đầy đặn, nhưng nét mặt lại đượm buồn, đoán rằng đó là người yêu của Thạch Phu. Hỏi Thạch Phu sao biết rằng hôm nay mình đến, Thạch Phu hoàn toàn không nhớ được đã nói những gì trong cơn mê sáng.

Sau, Thạch Phu phục trên giường sửa chữa bản thảo, nhưng lực bất tòng tâm, viết một chữ, mất một phút đồng hồ, tay run lấy bẩy.

Ông Trần bảo:

- Để tôi sửa giúp anh, sửa xong câu nào, đọc cho nghe câu ấy, đồng ý thì gặt đầu. Không đồng ý thì nói.

Cứ như thế suốt đêm. Thầy thuốc, hộ lý thấy vậy đều rất cảm động, họ nắm lấy tay ông Trần nói:

- Thạch Phu là con người kỳ lạ, bệnh tật đến như thế, mà vẫn không quên được bản thảo của mình. May mà có ông "cấp cứu" cho anh ấy, chúng tôi rất cảm ơn ông!

Sớm hôm sau, ông Trần về thành phố, trước khi đi còn nói:

- Tôi về, lập tức cho xếp chữ, bản bông sẽ ra rất nhanh. Anh nên bảo trọng!

Thạch Phu cười đáp:

- Tôi còn chưa chết được đâu, tôi còn chưa được trông thấy bản in thử mà.

Ông Trần đi rồi, bệnh tình của Thạch Phu càng trở nên nguy kịch hơn, đau đớn không chịu đựng nổi, một giọt nước cũng không uống được. Thầy thuốc cũng đã đến lúc chịu bó tay rồi, và dự tính rằng anh chỉ còn sống được độ hai ngày. Người yêu anh, ngậm lệ, đi mua quan tài và quần áo liệm. Nhưng rồi năm ngày trôi qua, anh vẫn chưa đi. Lại qua thêm năm ngày nữa, vẫn đau kịch liệt, tất cả mọi thứ thuốc thang đều vô hiệu, lăn lộn trên giường, đành

phải lấy vải bện thành thùng, trói chân trói tay anh vào giường.

Tất cả các thầy thuốc đều lấy làm kinh ngạc nói:

- Sinh mệnh của con người này thật ngoan cường, mãnh liệt.

Nhưng ngày đêm phải chứng kiến cảnh anh bị bệnh tật giày vò, họ không nỡ, nên ban đêm chỉ để một mình người yêu của anh đứng trực bên giường.

Giờ Tý, ngọn đèn dầu nhỏ như hạt đậu, phập phù muốn tắt, bên ngoài cửa sổ, trời bỗng nổi gió, hiu hắt, thê lương. Người yêu anh, thấy hình hài anh đã hoàn toàn biến đổi, ngồi thút thít khóc, rồi ghé vào hôn anh, làm giảm nhẹ đi nỗi đau đớn trong anh.

Thạch Phu tuy không rên rầm, nhưng tay anh lại ra sức giằng giật, nên thường trói đã làm tay anh sứt xước, trầy da.

Người con gái nói:

- Anh Thạch Phu, sống tội tình như anh thật quá đau khổ, thôi thì anh nhắm mắt đi đi. Em sẽ nhìn anh ra đi.

Thạch Phu không đáp chỉ biết trở mắt nhìn cô.

Đến ngày thứ hai mươi mốt, bỗng có một gói bưu kiện từ thành phố gửi về, người yêu của anh bóc ra, đó là bản in thử của *Quê hương tôi*, cô reo to:

- Linh đan thần dược đây rồi!

Quả nhiên, Thạch Phu đã ngồi tựa được lên giường, nhờ người giữ, đọc hết một lần "bông", tinh thần yên ổn, thần sắc tươi lên. Cuối cùng, đầy niềm tin, cầm bút ký lên hai chữ "Thạch Phu", rồi đột nhiên ngửa mặt ra mà cười:

- Ta chẳng hổ thẹn gì!

Theo đó, anh tắt thở.

Tin ấy truyền về thành phố, trong lúc ông Trần đang ngồi xem xét lại bản in, ông bèn cầm bút thay nhang, phục xuống bàn khóc lớn.

Lại hai mươi ngày nữa qua đi, sách đã in xong, ông Trần đem theo sách mới, về lại Ngõ Nhà Hầm, ông Trần đốt cuốn sách thay giấy tiền, tàn giấy bay cao lên đến tận không trung phấp phới như những cánh bướm bay, chẳng có mảnh nào rơi xuống đất. Hôm ấy đúng là tuần "hăm mốt ngày" của Thạch Phu.

Từ đó về sau, ông càng nhiệt thành với công tác biên tập, ông viết lên bàn viết của mình:

"Lấy văn chương hợp bạn bè"

"Coi sự nghiệp như tính mạng".

(Đi Văn chương hội bằng hữu.

Cử sự nghiệp vì tính mạng!)

Ông coi đó như câu nói gối đầu giường.

Người yêu của anh họ là Dương, tên Quân, ở ngoại ô phía Bắc thành phố. Hôm chôn cất cho anh, cô mặc đồ tang phục trắng, vịn vào áo quan mà khóc. Cô lồng tấm ảnh màu của cô vào cùng tấm ảnh của

Thạch Phu, rồi đặt trong quan tài. Về sau, khi trở lại thành phố, cô kết duyên với một người họ Thạch, tiết thanh minh năm nào cô cũng cùng chồng và mang theo mười cuốn *Quê hương tôi* về tảo mộ Thạch Phu ở Ngòi Nhà Hím. Một năm tiết Thanh minh mưa nhiều, hoa đào núi nở rộ, vợ chồng cô ngồi thuyền xuôi theo sông Sơn Phấn trở về, thuyền xuôi đến trước Ngòi Nhà Hím, anh chồng chợt nhìn thấy dưới mặt sông một đám mây hồng, nhìn kỹ, nó lại là một đám cánh hoa đào núi, cánh nọ nối tiếp với cánh kia, tạo thành cả một vòng hoa. Chồng cô thấy là lạ, chỉ cho Dương Quân nhìn, Dương Quân bỗng kêu to lên một tiếng "Thạch Phu" rồi ngắt xiêu. Chồng cô vội vàng bấm huyết nhân trung cho cô, Dương Quân tỉnh lại, nói rằng, trông thấy Thạch Phu nằm trong vòng hoa ấy, và đang đọc cuốn *Quê hương tôi*. Hai người nhìn lại chỗ đó, nhưng chẳng thấy Thạch Phu đâu, và cả cái vòng hoa cũng đã biến mất.



Nguyên ở xóm Hậu chỉ có nhà của ba người anh em ruột. Cha ông đều làm nghề nông, họ cũng biết được đôi ba chữ. Một ngôi nhà nhỏ ngăn ba, anh em quây quần ấm cúng. Về sau thấy xóm Tiền, xóm Trung, nhà cửa ngày một đàng hoàng, nên cũng cố tận tâm tận sức xây dựng, nới rộng thêm nhà mình. Ngôi nhà trên đã thành sáu gian, nhà ngang bốn gian, rồi lên tầng hai thứ nhất, rồi lại lên tầng hai thứ hai. Khi cha chết, ba anh em chia ra ở riêng.

Người anh cả nghiêm túc, người anh hai hơi ngớ ngẩn, cậu em thứ ba lại có phong độ siêu việt, thích rời nhà đi ra ngoài buôn bán. Một năm vào giữa mùa hè, đến Nam Dương buôn giấy diêm¹ rồi trên đò dọc, gặp được một cô con gái lông mày kéo dài tới tận tóc mai, mắt sáng long lanh, thế là rụng hồn lạc phách. Cô gái kia cũng chẳng né tránh, mỉm cười đáp lại. Trên ba mươi dặm sông nước đò dọc, hai người đầu mày cuối mắt, khi lên bờ đã trở thành một cặp uyên ương gió bụi. Hai tháng sau tuy chẳng buôn được giấy diêm trở về, nhưng lại thắng ở chỗ là đã đưa được một cô gái xinh đẹp về Ngòi Nhà Hím. Ông anh cả, nhận xét cô gái, khó mà bền vững được với công việc nhà nông, nên phản đối cuộc hôn nhân. Thế là hai anh em ý kiến bất đồng, thành chuyện giận dỗi, bằng mặt chẳng bằng lòng. Cô gái ấy cũng hay tỷ tốt với chồng trên giường, dẫn tới việc chị em dâu cãi cộ với nhau, làm cho gà chó cũng xôn xao. Ngồi mộ bố lại nằm trên mảnh ruộng do anh con trai thứ ba này cấy cấy, còn ông anh cả lại cứ muồn rằng, rồi mộ mình cũng sẽ mai táng bên cạnh mộ bố, cậu em dứt khoát không đồng ý, mối hận giữa hai anh em càng thêm sâu sắc, gặp mặt chẳng chào.

Cậu ba sau lại đi buôn bán ở Nam Dương, bị một bọn thổ phỉ bắt cóc, bảo rằng đã dám cướp đi cô vợ bé tên đầu sỏ của chúng, rồi lấy dao chém

1. Loại giấy có phết thuốc diêm, dùng để nhóm bếp cho nhanh.
(N.D.).

đứt ngang lưng. Khi thân trên thân dưới bị chém làm đôi, mà tim gan phèo phổi của cậu ba vẫn giằn giật, giằn giật... lại còn lấy tay nhúng vào máu, viết lên mặt đất ba chữ "Thảm! Thảm! Thảm!" rồi mới chết. Tin tức được truyền về Ngôi Nhà Hĩm, cả xóm Hậu xôn xao, bàng hoàng, khi ấy cô gái đã đang mang thai, gào thét, khóc lên khóc xuống. Ông cả, ông hai chỉ còn biết dốc sức vào mỗi một việc là thuê người đi Nam Dương mang xác em về, rồi bắt tay ngay vào việc đóng quan tài, lo đất cát, phần mộ, và đợi người ta mang xác em về, mà không chú ý gì tới cô gái bụng mang dạ chứa kia. Sang đến ngày thứ ba, có một nhà họ Lưu, từ Nam Sơn tới, xuất trình giấy tờ, văn tự, nói rằng: Người con gái kia đã bán hết cửa nhà đất ở cho họ rồi. Ông cả, ông hai chỉ còn biết kêu gọi mà thôi. Tung người đi tìm người con gái đó ở khắp nơi, nhưng chẳng bao giờ còn nhìn thấy bóng dáng cô ta nữa, chỉ còn biết chửi một câu:

- Xóm Hậu ta thế là bị con hồ ly tinh này nó hủy diệt mất rồi!

Từ đó, tất cả đàn ông đời sau, không ai lấy vợ người phương xa nữa.

Sau khi nhà họ Lưu dọn đến ở trong xóm Hậu, quan hệ giữa ba nhà cũng bình thường, bảo rằng tốt, cũng chẳng ra tốt, bảo rằng xấu, cũng chẳng ra xấu.

Qua những ngày dài tháng ngắn, việc của cậu ba dần dần cũng trôi vào trong quên lãng, song có một việc không thể quên được là cái giọt máu của

cậu ba còn lại trong bụng cô gái kia, đó là máu thịt của nhà họ Trương. Không biết sống chết thế nào, và trôi dạt ở nơi đâu bây giờ?

Mấy chục năm đã trôi qua, và vào đúng cái ngày mà ông thợ vẽ Lão Quán tròn một trăm linh một tuổi, Ngòi Nhà Hím bỗng nhận được một lá thư. Lá thư được gửi đi từ tỉnh X... X..., người viết thư là một vị phó bí thư tỉnh ủy X... X... nói rằng, trong suốt cả đời mình đã đi tìm quê hương gốc gác, và ông chính là con trai của ông ba họ Trương trong xóm Hậu của Ngòi Nhà Hím. Tất cả những người già trong xóm Hậu đều coi đó là chuyện lạ, tất cả những người còn sống nhà họ Trương, họ Lưu không ai nhớ được gì về ông ba tiên bối đó, khiến mọi người, ai nấy đều rất phân vân.

Người ta đã đem lá thư đến hỏi ông Thọ, Lão Quán, Lão Quán bắt chợt vỗ tay mà reo lớn. Một đoạn hồi ức xa xưa đã trở lại với ông, và ông đã không giữ nổi những lời cảm thán:

- Cuộc đời thật lắm nỗi éo le! Lắm nỗi eo le! Giọt máu rơi của cậu ba bây giờ đã làm quan.

Thế là Ngòi Nhà Hím lại có một ông quan lớn, nhà họ Trương ở xóm Hậu về vang là điều khôi nói, mà tất cả mọi người trong thôn Ngòi Hím đều về vang, sáng mặt ra với đời, nhắc lại chuyện ngày xưa, bao giờ họ cũng nói rằng thân phụ của ông quan lớn là một người tướng mạo đường đường, thân mẫu của ông quan lớn là một người xinh đẹp như tiên, hai người thật đúng là rồng phượng sánh đôi, như vậy tất nhiên là phải sinh ra quý tử. Thôn Ngòi

Him bèn cử ra hai người, một nam, một nữ đi đến tỉnh X... X... để thăm thân, trở về kể lại chuyện nào cũng là mới tinh. bảo rằng ngoài cổng Tỉnh ủy có vệ binh đứng gác, bảo rằng cái nhà xí của Tỉnh ủy cũng sạch bóng như gương, mình cứ tự nhiên ngồi phệt đấy mà ị, có điều đáng tiếc là bọn họ chẳng ị được hòn nào. Cuối cùng lại cứ phải ngồi chồm hổm mới xong, bảo rằng cái phòng quan thu xếp cho họ ngủ, mà trên mặt đất cũng rải thảm, họ cũng chẳng ngờ rằng cái giường lại mềm như thế, khiến họ nằm đau cả lưng, nên cuối cùng phải nằm xuống thảm ở dưới đất. Người trong thôn hỏi rằng: Làm sao ông ta lại được làm quan? Đáp rằng: ông ấy bảo rằng, ngay từ bé ông ấy đã tham gia cách mạng, đã từng làm chủ tịch huyện, rồi làm chuyên viên, mẹ ông quan chết trước cuộc cách mạng văn hóa một năm, khi chết mà vẫn còn tiếc rằng chẳng làm sao về được Ngòi Nhà Him chúng ta lấy một lần.

Người ở Ngòi Nhà Him đi tu sửa phần mộ của cậu Ba Trương, bốn xung quanh trồng đầy một loại cây bách nghìn cành.

Hai năm lại qua đi, ông quan lớn từ tỉnh X... X... về thượng nhậm ở tỉnh nhà, phụ trách công việc trọng yếu của tỉnh. Ngòi Nhà Him lần đầu tiên được tiếp đón một vị bí thư huyện ủy vốn cách xa nơi này đến hơn 80 dặm đường. Bí thư là một người đầy quyền lực, ông nói ngay tại chỗ rằng, trong cuốn Huyện Trí sắp viết, nhất định ông sẽ cho viết vào sách về địa hình địa thế, phong tục tập quán, danh nhân của Ngòi Nhà Him. Ông cũng lại đi tham quan

lăng phần của cậu Ba Trương. Ông chỉ thị cần phải dựng bia, phải khắc chữ kiểu Lệ Thư: "Trương Lão Tam tiên sinh chi mộ" (mộ ông Ba Trương).

Sau đó, trên tỉnh đã rót tiền phát triển sản xuất về, cho đắp đê quai và xây đập trên sông Sơn Phấn ngay trước Ngòi Nhà Hím, mặt sông có bị hẹp lại, nhưng tạo ra được ba trăm mẫu ruộng nước mới. Khí hậu địa lý của Ngòi Nhà Hím tốt, nên lúa nước bội thu. Trên huyện lại cho xây dựng ở ngay cuối ngòi một trại nuôi lừa, chuyên nuôi loại lừa chân cao, đặc biệt là loại lừa này, mình to lăm mớ, lừa ngựa xa gần đều đến đây lấy giống. Trương Đức Nhân người của xóm Hậu được bổ nhiệm làm trại trưởng trại nuôi lừa.

Cũng trong năm đó, ông quan lớn gửi thư về, mong quê hương chọn cho một cô gái, để lên nhà, trông coi giúp ông. Mọi người trong thôn Ngòi Hím đều suy nghĩ: Được đến nhà quan, cũng là một thứ được vịn cành cao hưởng phúc, vì lời xưa đã dạy: "Gái hầu trong tướng phủ cũng là quan thất phẩm!". Ông quan tuy chẳng phải là Thừa Tướng, nhưng theo lệ thói xưa, cũng vẫn là người của "Triều đình", nên họ đã chọn lựa rất kỹ, và gửi lên nhà ông một cô gái người xóm Mới tên là Tây Bối.

Tây Bối tuổi vừa mười sáu, trắng trẻo, mỡ màng, lanh lợi, nhẹ nhàng, chân tay khéo léo, mắt sáng long lanh, nhưng khi lên đến nơi thị thành, mới biết quan lớn là một ông già lùn tịt, người gầy như que củi. Cô bất giác "a" lên một tiếng.

Quan hỏi:

- A cái gì? Thế chưa từng gặp cảnh này bao giờ sao?

Quan lớn phẩy tay một cái, những nhân viên công tác quanh quan đều rút lui hết, quan mới bắt đầu hỏi chuyện nọ, chuyện kia. Tây Bối gật đầu, nhưng trong lòng lại nghĩ: cứ tưởng rằng đây là quan lớn là phải to, phải béo, mặt phải hồng hào bóng nhẫy lên, vậy mà lại rất bình thường, giá mà ở nhà quê, chỉ là một lão khom già.

Trong nhà quan đã có đầu bếp, công việc của Tây Bối chỉ giặt giũ áo quần, quét tước nhà cửa là xong. Công việc nhàn hạ, tẻ nhạt, nên cô thường xuống bếp, giúp ông đầu bếp nhặt rau, rửa bát, mới biết được rằng quan lớn rất hay ăn súp đêm. Súp còn lại trong nồi chỉ là mỳ. Mỳ đó coi như đồ bỏ, nhưng ông đầu bếp và Tây Bối đem ăn, ăn không hết mới đổ đi, Tây Bối thấy rất tiếc. Gần như đã thành một quy luật, hàng tuần cứ vào ngày chủ nhật là nhà này lại ăn một món thịt, trông nó giống như thịt vó bò nhưng lại không phải vó bò. Khi thái thành miếng ra, miếng nào ở giữa cũng có một cái lỗ. Tây Bối không biết đó là món gì, hỏi ông đầu bếp ở trong bếp, ông bảo:

- Ngẫu pín!

Tây Bối chẳng hiểu được "ngẫu pín" là cái quái gì, nhưng biết rằng đây là món ăn mà các vua chúa đã từng ăn, nên nhón một miếng ăn thử, sần sật, bùi bùi, rất ngon, lại hỏi lại đó là thứ thịt gì. Ông đầu bếp nói:

- Đó là cái cặc con lừa.

Tây Bối thấy nôn nao, ọe một cái, mưa ra hết, nhưng lại nghe thấy ông đầu bếp nói:

- Cái của này ấy, những người bình thường đừng có hòng đụng đến nhé... Ông ấy đang cần trắng dương.

Những lời đó, Tây Bối không sao hiểu được.

Về sau Tây Bối mới được biết rằng, cái món ăn ấy, hàng tuần, những người dưới quê cử người mang lên. Trại lửa của Trương Đức Nhân chuyên bảo đảm việc cung cấp.

Cứ đến mùa hè quan lớn bao giờ cũng ra nghỉ tại nhà nghỉ nằm ở ngoại thành. Quan đi nghỉ, đều mang Tây Bối đi theo, Tây Bối rất thích cái nhà nghỉ ấy, tre trúc thành rừng, đi trong bóng mát rợp xanh, quần áo đều trở thành màu xanh hết. Trong một ngôi nhà lầu khác của khu nhà nghỉ, có mấy cô gái ở đó, chuyên ca hát nhảy múa, Tây Bối định sang bên đó xem, nhưng quan lớn đã dặn đi dặn lại, cấm không được sang bên đó. Thế là, có đến mấy đêm trăng thanh gió mát, Tây Bối lặng lẽ ngồi ở phía bên này, nhìn vọng sang phía bên kia. Đêm hôm đó, tất cả cửa giả của ngôi lầu đều đóng chặt, có một cô gái đứng tựa lan can, hai tay chống lên cằm suy nghĩ, dáng điệu thật đẹp, nhưng lại mang đầy vẻ ưu tư.

Cũng trong chính đêm đó, ông quan lớn được người ta khênh từ trên ngôi lầu đó xuống, ông bị liệt, và cả cấm khẩu nữa. Căn bệnh ấy, khiến cho Tây Bối sợ hãi đến khóc nức lên, khóc tu tu thật

sự, về đến nhà, phu nhân bồi tình hình, cô tự đánh lên mặt mình một cái bạt tai. Tây Bối cảm thấy chính mình phải tự đánh mình, bởi cô đã không làm tròn trách nhiệm, và thấy cần phải đuổi về Ngòi Nhà Hím. Nhưng phu nhân lại lau nước mắt cho cô, và giữ cô ở lại.

Quan lớn phải nằm trong bệnh viện lâu lắm, tuy tính mạng thì giữ được, nhưng vẫn bị liệt, và rất dãi cứ tự chảy từ trong miệng ra. Tây Bối phải lấy cái ca hứng những dòng rớt dãi ấy. Về sau, chạy tìm danh y ở khắp nơi, nhưng đều không ăn thua gì. Người ở Ngòi Nhà Hím cũng cử đại biểu tới thăm, và ngẫu nhiên nhắc tới, ngôi chùa trên núi Tiên, phía sau Ngòi Nhà Hím, trong chùa có một nhà sư biết khí công, đã từng chữa được rất nhiều bệnh hiểm, bệnh khó, nếu không ngại gì, cứ thử chữa xem sao. Nhà sư được xe ô tô riêng đón về, và ở lại nhà quan suốt hai năm trời.

Nhà sư có khuôn mặt cổ quái, nhưng khí chất thật tuyệt vời, hàng ngày mỗi khi phát công chữa bệnh, trong phòng phải yên tĩnh, không người, ông vận khí một hồi lâu, rồi xùy một tiếng dài, bắt đầu đẩy, xoắn, móc, dẫn, ông quan nằm cách đó đến mấy thước mà hô hấp trở lại bình thường, lòng sáng, mắt sáng. Phát công xong, khắp người nhà sư đầm đìa mồ hôi, mềm như bùn, sau đó Tây Bối bưng thức ăn bổ dưỡng lên, ông ăn như hùm như sói.

Khí sắc của quan lớn có nhiều chuyển biến tốt, lại lao vào công tác, đi dự các loại hội nghị, đọc rất nhiều diễn văn. Khi quan được biết chất lượng

phục vụ trong các ngành phục vụ trong xã hội quá xuống cấp. Ông bèn quyết định ra ga xe lửa, lên tàu, rót nước phục vụ hành khách. Tất nhiên nhân viên công tác trong Ủy ban tỉnh, khi biết tin quan lớn sẽ lên tàu phục vụ hành khách, họ phải bố trí nhiều phương án bảo vệ, như giới nghiêm nhà ga, để đề phòng những kẻ ám sát, như đài truyền hình phải cử phóng viên tới ghi hình, như tất cả các tòa báo đưa phóng viên đến lấy tin, đưa tin. Trong suốt một ngày vất vả như thế, nên bệnh của quan lại tái phát. Nhà sư lại phải phát công thêm một số ngày nữa. Khi quan đã bắt đầu nhúc nhúc hoạt động trở lại được thì chợt quan thấy thương nhớ quê hương vô cùng, quan ra chỉ thị từ trên giường bệnh: Trích một khoản tiền mua hạt giống cây, cho máy bay gieo hạt xuống vùng sông Sơn Phấn. Quan lớn quá lao tâm khổ tứ với công việc như vậy, nên quan lại ngã bệnh trở lại.

Nhà sư nói:

- Mỗi một liệu trình như thế, có thể làm cho cơ thể khôi phục được nửa tháng. Nhưng nếu cứ tiếp tục như vậy, chỉ còn kéo dài được một tuần thôi.

Quan đáp:

- Tôi cần phải được phục vụ nhân dân chứ.

Sau đó, bệnh tình ngày càng trầm trọng hơn, quan mới đành chịu ngồi yên trên giường để chữa bệnh, khi bệnh thuyên giảm được ít nhiều, quan lại phải bố trí, sắp xếp rất nhiều công tác: Phải làm

cho thành phố càng ngày càng trở nên văn minh hơn, phải quét vôi trắng cho tất cả các bức tường ngoài mặt phố xá, rồi lấy sơn xanh sơn tất cả các mái hiên, dùng mực sơn cửa. Lại phải chọn hoa hòe Trung Quốc làm loài hoa tượng trưng cho thành phố. Cho chặt hết lượt những cây ngô đồng Tây trên cả dãy phố XX, trồng thay cây hòe vào đấy. Cần phải dựng bia kỷ niệm trên hồ chứa nước loại lớn của huyện XX, và chính ông đích thân viết văn bia. Huyện XX cần phải xây dựng một thư viện cao bảy tầng, Ủy ban tỉnh sẽ chi tiền mua sách về, và ông sẽ tới viết đề từ lưu niệm. Thậm chí ông còn có cả một ý định cao cả to lớn hơn, là sẽ xây dựng và biến cả một vùng đất Ngòi Nhà Hím thành một trọng điểm du lịch của toàn tỉnh. Như thế là nhà sư sẽ không ra đi được, bởi việc chữa bệnh không thể ngừng nghỉ được, công việc chữa bệnh cứ bảy ngày một lần, ba ngày một lần, một ngày một lần, và cứ kéo dài như thế cho đến vô cùng vô tận.

Mười tám tháng ròng, nhà sư không thể về chùa trên núi Tiên, Tây Bối cũng chẳng thể trở lại Ngòi Nhà Hím để thăm bố thăm mẹ. Tết Trung Thu, Tây Bối nhận được thư nhà, bảo rằng, bà Tây Bối đang bị bệnh hiểm nghèo, nên Tây Bối về Ngòi Nhà Hím ba tháng. Thấy đã là cuối năm, Tây Bối nhớ tới quan lớn, cần phải trở về thành phố, và ra bờ sông Sơn Phấn thuê thuyền. Cô thấy trên phía thượng lưu có tiếng mái chèo ào ào khua nước, và chợt có tiếng người reo to:

- Ôi! Thầy đã về!

Chờ cho thuyền cập bến, cô vội vá hỏi xem bệnh tình của quan lớn ra sao, nhưng chỉ nhìn thấy nhà sư chẳng nói chẳng rằng, nằm cứng trên một tấm phản, mắt nhắm, miệng méo xệch, da bọc xương, đó chỉ là thi thể của nhà sư được chở về nguyên quán.

Tây Bối bàng hoàng hỏi:

- Thầy làm sao mà chết? Chết ra sao mà trông kinh khủng thế?

Người chở xác nói:

- Ông đã phát công đến cạn hết nguyên khí của mình. Chết ngay bên dưới giường quan lớn.

Tây Bối lại vội hỏi:

- Thế quan lớn đã khỏi bệnh chưa?

Người đó đáp:

- Thầy chết được một hôm, thì hôm sau, quan lớn cũng chết theo.

Tây Bối không lên thành phố nữa. Về sau, trại lửa của Trương Đức Nhân không được rút vốn, nên chẳng bao lâu cũng vỡ.



Người ở Ngòi Nhà Him có một quy củ, phàm muốn gọi ai, phải gọi chức vụ của người ấy. Trương Đức Nhân làm trại trưởng trại lửa, nên mỗi khi gặp mặt, người ta đều gọi anh là:

- Trại trưởng Trương!

Từ bí thư chi bộ, đội trưởng sản xuất, kế toán, đến thu kho và nhân viên quản lý đều hầu như quên mất tên thật của anh ta. Dù rằng chẳng hàm tước gì, người ta cũng nghĩ mọi cách móc vào cho bằng được: Như Lý Mậu Lâm là người ghi công điểm, người ta cũng gọi là Lý Công Điểm, như Trương Nhị Mã chỉ có mỗi một việc gác sân phơi hai mùa thu hoạch, người ta cũng gọi là Trương Gác Sân. Đến ngay như anh Ngưu Thập Nhất, mới chỉ có việc đứng cầm cân trong khi phân chia lương thực, mà mọi người cũng gọi anh ta là anh Ngưu Cân.

Ngưu Cân rất khoái cái tên đó. Thử hỏi, con người lấy lương thực làm gốc, thế mà lương thực phải qua tay ai rồi mới về tới mọi nhà? Cho nên khi mọi người đã quen với cái tên ấy rồi, bất chợt có ai đó gọi anh ta là Ngưu Thập Nhất, mặt anh liền tối sầm lại, không thèm đáp lời.

Trước mặt, người ta tôn trọng, gọi anh ta là Ngưu Cân, đằng sau lại chửi anh ta là "Ngưu Cân Đều". Anh ta người gầy mà cao ngồng, môi trên cong veo, môi dưới trễ dài, đúng như trong sách đã bàn luận rằng, người môi trễ có thể đi liếm cái mông béo phì của người khác, hơn nửa lưỡi anh ta lại rất dài, ăn cơm xong, chỉ việc thè lưỡi, liếm xung quanh miệng là xong, đỡ phải lau miệng. Quả thật anh ta cũng hay liếm chiếc bát ăn cơm, vì thế mọi người gọi đều anh ta là "Ngưu Liếm Láp". Nhiều người bảo rằng, khi anh ta đứng cầm cân, nếu đấy là những gia đình cán bộ, thì đuôi cân chống ngược, còn những người dân thấp cổ bé họng, đuôi cân lại chúc xuống như

trâu uống nước (tác giả chơi chữ: dùng chữ Ngưu hai nghĩa, ngưu là họ Ngưu, và ngưu là con ngưu - con trâu, N.D.). Những lời chửi bới, nhiếc móc đó, không phải là anh ta không nghe thấy. Đầu tiên, anh ta coi khinh, nhưng về sau, khi vị quan lớn ở trên tỉnh đã chết, anh ta cũng thấy chột dạ. Quan lớn vốn là một vị đội gươm đạp đất, một nhân vật tầm cỡ, vậy mà sau khi chết người trong làng đã bắt đầu nói ra nói vào rằng khi còn sống, quan lớn chỉ thích ăn cặc lừa, ăn một cái cặc lừa tức là phải giết một con lừa, mà mỗi tuần lễ ăn một cái. Vì thế lũ lừa ở dưới Âm Ty kiện tới Diêm Vương, dứt khoát đòi lại bộ phận sinh dục của mình, vì thế, mà Diêm Vương mới đòi vị quan lớn ấy xuống Âm Phủ. Diêm Vương cũng trưng trị trại trưởng Trương Đức Nhân, bằng cách chỉ cho vợ anh ta đẻ ra toàn một lũ vịt gười mặc dù rất chịu khó đến đền Thần Hỉm cầu tự, van xin để đẻ được một đứa con trai, nhưng đẻ ra, lại vẫn là con gái.

Những lời nhiếc móc đó rất cay độc, khiến Ngưu Cân cũng chột dạ suy nghĩ: sau khi mình chết đi, người trong thôn sẽ còn nói thế nào đây? Chim bay qua để lại tiếng hót, người qua đi cần để lại tiếng thơm. Nghe nói khi vị quan lớn kia sắp toi, ông ta đã chỉ thị cho anh thư ký viết diếu văn, đọc lại từng chữ, từng chữ cho ông ta nghe, nghe xong mới nhắm mắt được. Tất nhiên rằng người ở Ngòi Nhà Hỉm khi chết không có ai đọc diếu văn, nhưng sau khi chết, người đó có được bao nhiêu người đi đưa đám, khen chê người đó thế nào, rồi viết diếu phúng ra

làm sao, lại còn vắn tắt nữa... Tất cả đều làm cho Ngưu Cẩn rất hoang mang...

Một hôm anh ta đang ngồi buồn rû trong xó nhà nhâm nhi một cốc rượu hâm nóng, chợt nghe thấy tiếng quát thét ngoài cổng, ngó ra xem, thấy cả đám trẻ con đang chơi trò "tranh ghế nhà quan" trên đồng phân ủ của nhà anh ta. Một tốp tấn công lên, một tốp lại bị đánh lăn trở xuống, chúng toàn dùng một thứ gì đó trông như khẩu súng, miệng hét "đoàng" một tiếng, lập tức phía đối phương có một đứa ngã ra. Đứa bị ngã trông rất đau khổ, toàn thân cứng đờ, giống như cảnh quay chậm trong điện ảnh. Ngã xuống tức là chết, đứa còn sống sẽ cười lên đứa chết, và cái tử thi ấy bắt đầu bò bò, đứa ngồi trên quát:

- Bò cho tử tế, cái đồ trâu ngựa này...

Thì ra tất cả những người chết đi đều biến thành súc vật.

Ngưu Cẩn nghĩ:

"- Xem ra lúc sống, con người không ai muốn chết, chết rồi dù có biến thành trâu, thành ngựa cũng vẫn cứ muốn sống...".

Sau đó anh ta lại nghĩ tiếp:

"- Nếu như sau này mình phải làm kiếp ngựa, kiếp trâu, nghe người ta bói móc cũng được, nhưng liệu có đương nổi những công việc của trâu của ngựa hay không. Điều đó biết thế nào mà nói chắc được...".

Thế là anh đi bói móc, lục tìm sổ sách bói toán mà ông bố còn để lại trên căn gác gỗ, định học cho được cái nghề ấy của bố.

Bố là một con người phi thường, cùng lứa với ông Thọ, Lão Quán, nhưng tuổi ít hơn Lão Quán, biết ngẩng lên xem thiên văn, biết cúi xuống xem địa lý, biết vẽ bùa, niệm chú... một đời sảo sảo tinh anh. Trước khi chết, ông đã chọn sẵn mộ huyết cho mình ở khe Vành Trăng, nằm về phía đông Ngòi Nhà Hím, sinh phần xây dựng rất bề thế. Ông chết được trọn mười ba năm, đến lượt Ba Trương chết uống, và đến năm thứ ba sau khi nhà cửa của Ba Trương bán sang tay nhà họ Lưu ở Sơn Nam, mà nhà họ Lưu này lại chính là cha đẻ của anh phó mộc Bình Căn. Lão cũng đủ trồ, cờ bạc, lại giỏi cả việc đi đào mả trộm, khi thua bạc đã đào trộm cả mả bố của Ngưu Căn. Khi bật nắp quan tài ra, có một luồng khí trắng vụt bay lên, thịt da đã trở thành bùn đất, chỉ còn bộ hài cốt trắng nhợt, phủ trên đầu lâu vẫn là một vuông lụa bạch. Trên đó viết:

"- Đêm: Ngày... tháng... năm... kẻ đào trộm mộ ta sẽ chết!"

Cha của Bình Căn không đọc thì không sao, nhưng đọc rồi bỗng bàng hoàng, so ra ngày đào mộ chính là ngày đã được viết trên vuông lụa bạch, ông ta thấy bay hồn lạc phách, ngã ngay xuống chính cái huyết mộ đó mà chết.

Bây giờ Ngưu Căn không có được tài năng như bố, anh ta đọc mà chẳng hiểu gì về những điều ghi trên sách, buồn phiền u uất dày vò, anh ta ngã bệnh. Căn bệnh này lạ, không ăn uống, không ỉa đái, sang đến ngày thứ ba, không tỉnh, không thở, thế là đi

đứt. Lúc đó là giữa nửa đêm, người nhà than khóc, hàng xóm xôn xao trở dậy, nhìn qua mặt đều nói:

- Ngưu Cân toi rồi!

Ba đứa con còn chưa đến tuổi thành niên, khóc lóc chia nhau đi báo tang với họ hàng, thân thích, gặp ai cũng cúi đầu bái lạy. Những người đàn ông đi làm giúp bàn thờ linh, tháo cánh cửa kê quan tài, phụ nữ của mấy nhà đi đun giúp nước lá ngải để tắm rửa cho thi thể, cắt tóc cạo râu, sơn chân nện, rồi thấp lên hai ngọn nến to bằng hai ngón tay.

Trời sáng, dưới ban thờ, trải một lớp rạ lúa mạch thật dày, con cái ngồi vào đó vừa khóc lóc thờ than, vừa đốt giấy tiền, từng tệp, từng tệp một, khiến cho không khí trong nhà nóng như hun. Ở ngoài sân, thợ mộc bắt đầu đóng quan tài, những người giúp việc xây phần mộ, chốc chốc lại chạy về lấy thêm vôi, chốc chốc lại chạy về bảo thiếu gạch thiếu ngói. Vợ Ngưu Cân vừa dài giọng khóc lóc, vừa lên gác cạy các khe gỗ ván sàn lấy tiền ra đếm để nhờ người đi mua sắm. Ngoài sân "phường bát âm" cũng bắt đầu khởi sự, nghe nào nùng, ai oán, khiến người nghe phải rơi nước mắt. Trên một chiếc bàn tọa ở góc sân, một ông thầy đeo kính, đang chấm bút vào bột kim nhũ viết lên dải cờ phan bằng tấm lụa dài hai trượng. Ông viết câu nào xong, lại đọc lại câu ấy, để tranh thủ xin ý kiến nhân dân. Ông viết toàn là một loại cổ văn có sẵn:

"Chiêu tổ tông nhất mạch chân truyền khắc cần khắc kiệm, giáo tử tôn lương hành chính lộ duy độc

duy canh". "Tâm tác lương điền bách thế canh chi bất tận, thiện vi chí bảo nhất sinh, dụng nhi hữu dư". "Lạc hoa lưu thủy diêu nhiên khứ, bạch vân thanh thiên bất tái lai...".

("Theo một mạch nguồn, tổ tông chân chính truyền cho, cần cù, tiết kiệm, dạy hai hàng con cháu theo con đường ngay thẳng, đọc sách, cấy cày". "Ruộng đất cày cấy trăm năm không hết, lấy việc thiện làm lòng, nên dùng cả đời mà vẫn còn dư". "Nước chảy hoa trôi, nay bỗng nhiên đi vào cõi mệnh mang, mây trắng, trời xanh, chẳng bao giờ còn trở lại...").

Người bên cạnh nói:

- Lời văn như thế là quá cổ kính, quá văn hoa, chúng tôi ở đây là loại ngu si dốt nát, Ngưu Côn cũng chẳng phải là người văn chương chữ nghĩa nhiều, ông viết như thế, bố ai hiểu nổi nghĩa là gì.

Ông thầy đeo kính bên dừng bút, nói:

- Thì nhà ông hàng xóm bảo rằng, anh ấy một đời công đức...

Một người nói thêm:

- Hồi còn sống anh ấy giữ cân của hợp tác, lương thực của mọi nhà đều phải qua một tay của anh ấy, viết lên rằng anh ấy là người trung hậu, chí công vô tư, cân kẹo chính xác, để sau này, mỗi khi cầm tới cái cân, phân chia lương thực, là phải nhớ đến anh ấy.

Một người khác nữa vặn:

- Cái cân của anh ấy có thực là đã cân chính xác không? Có thật là chí công vô tư không?

Lập tức lại có người phản đối:

- Thôi thôi, người cũng đã chết rồi, tội nghiệp thế, còn nhắc lại những chuyện ấy làm gì nữa chứ? Thiếu vắng mất anh ấy, nghĩ cũng khổ, dù sao anh ấy cũng đã vất vả cả một đời, anh ấy là người tốt. Mong sao sự công đức của anh ấy còn lại đời đời.

Những lời bàn ra tán vào ở bên bàn viết cờ phan, đã lọt vào tai vợ Ngưu Cẩn, điều đó làm chị thêm nghĩ ngợi, nước mắt vòng quanh, lên tiếng trách chồng chết sớm, mà chẳng cố sống thêm lấy ít ngày nữa:

- Anh ơi! Anh bỏ nhà bỏ cửa anh đi, anh bỏ lại mẹ con tôi bơ vơ, rồi cả cái nhà này biết trông cậy vào ai? Anh sợ gì bệnh nặng nằm đấy. Dù rằng anh có tê có liệt, đã có mẹ con tôi, bụng cơm bụng nước cho anh, mẹ con tôi, giường cứt chiếu dài cho anh, tôi vẫn coi anh là cái cột cái trụ trong gia đình. Nay anh bỏ mẹ con tôi, anh đi, nên dù tôi, có cương cường chống đỡ mọi bề, vẫn là một người đàn bà vô chủ...

Một khi mẹ đã khóc, thì con cái còn khóc lóc thảm thiết hơn, mẹ lại sai các con đốt thêm giấy tiền, để bố có nhiều tiền tiêu ở dưới âm gian, được hưởng nhiều âm phúc.

Ba cậu¹ con trai đã đem đốt hết giấy tiền, lại sai người đi mua thêm. Ông "trưởng ban tổ chức tang lễ" thấy vậy cũng rất cảm động, bèn gọi cả ba cậu sang một bên, bảo:

1. Ở trên tác giả viết "đề toàn con gái" nay lại có "ba cậu con trai". Xin đặt một dấu hỏi (?) ở đây! N.D.

- Các cháu đều là những người con chí hiếu, hôm nay cha các cháu đã qua đời, nên các cháu phải coi mình là người đã lớn, rồi chẳng bao lâu nữa, các cháu cũng phải chia nhà ra ở riêng, nên nhân ngày hôm nay, các cháu phải bàn định dứt khoát với nhau đi. Nào Đầu Thắt, Nhị Thắt, Tam Thắt, các cháu hãy bàn bạc tập thể về công việc của người đã khuất bóng, và nên như thế này: giỗ đầu, giỗ thứ, giỗ hết, chia ra mỗi người chịu trách nhiệm một năm... Nào các cháu có ý kiến gì không?

Cả ba cậu con trai đều nói:

- Chà có ý kiến gì ạ, chỉ có điều là trong giỗ đầu, giỗ thứ, và giỗ hết, đều cần phải có văn tế, nhưng chúng cháu đều không biết viết, thôi thì nhân có ông thầy ở đây, bác thử đi nói giúp xem ông thầy có viết trước được hộ chúng cháu ngay từ hôm nay không?

Ông trưởng ban tổ chức tang lễ nói:

- Điều đó khó gì.

Ông liền đi "có lời" với ông thầy, ông thầy viết ngay cho ba tờ giấy. Tờ nào, đoạn mở đầu cũng là:

"Duy Công nguyên nhất cừu... niên, tuế thứ ..., bất hiếu chi nam... căn di lập độc chi minh, hương yên chi nhiều, tửu tương chi tôn, chỉ tiên chi hóa, chế tế ư ân phụ chi linh tiền viết:...".

("Nay Công nguyên 19... Năm thứ X.X. Con trai bất hiếu tên là X.X xin kính cẩn, dưới đèn nến sáng, hương khói vây quanh, tôn kính dâng rượu, hỏa thiêu giấy tiền, tế lễ trước linh hồn ân phụ rằng:...").

Kỳ thực lúc đó, linh hồn của Ngưu Căn vẫn chưa đi đâu xa, anh ta trong cõi u minh, trên con đường về âm phủ dài đặc bọn ma quỷ tập nập đi lại, toàn là cầm tiền âm phủ của nhà anh ta, để: trước đi dẫn đường, sau hô ứng hộ, và tiếng khóc, tiếng gào của người trong gia đình đã trở thành một khúc nhạc thiêu, thoáng lướt qua bên tai bay theo gió viễn phương, rất chi là hoan hỉ, tiêu tan mọi nỗi sầu bi. Sau đó, một tên quỷ, tay giơ cao lá cờ phan, cùng tờ văn tế chạy lướt qua, vừa chạy, vừa đọc, vừa nói:

- Viết thật hay! Viết thật hay!

Ngưu Căn nhìn kỹ, con quỷ đó chính là chủ tịch cũ của Hiệp hội bản nông của Ngòi Nhà Hầm xưa kia. Anh ta chết đã mười năm, không ngờ dưới âm phủ mà vẫn còn đảm nhiệm chức vụ này, bèn cả gan gọi to:

- Đồng chí Chủ tịch, đồng chí có nhận ra tôi không?

Con quỷ kia nói:

- Nhận ra chứ! Khi anh cầm cân, anh toàn cân nhiều cho tôi.

Ngưu Căn đề nghị:

- Đồng chí có thể cho tôi xem cái lá cờ phan kia không?

Con quỷ đưa lá cờ phan cho anh ta xem. Nhưng đã không xem thì thôi, xem rồi nước mắt bỗng chảy ròng ròng, nói:

- Cái thằng Ngưu Căn tôi khi sống cũng đã chẳng phải sống thừa. Dân làng đánh giá tôi cao thế kia

mà, vợ con lại lưu luyến đôi với tôi như thế. Xem ra, cứ làm người sống cũng là một thứ lạc thú trên đời.

Con quý kia nói:

- Một khi anh đã đến nơi đây, không cần thiết cứ phải nói những lời của người sống, Diêm Vương mà biết được là không xong đâu.

Nói xong liền đẩy Ngưu Cân đi, Ngưu Cân cứ chậm chạp, trì hoãn, làm ra bộ khó khăn nói:

- Đồng chí Chủ tịch này, một khi đồng chí còn nhớ, nhận được ra tôi, đồng chí có thể ban cho tôi một cái ơn được không? Tức là lại cho tôi lên làm người sống ấy mà.

Con quý đáp:

- Đâu có được. Tôi mà lại dám dấn đầu vào cái việc nguy hiểm như thế sao?

Ngưu Cân lại nói:

- Nếu đồng chí cho tôi được làm người sống, tôi sẽ đưa cho đồng chí hết số tiền âm phủ này.

Con quý trầm ngâm suy nghĩ một lát, ngó nghiêng, bên trái, rồi bên phải, mới nói:

- Thôi được, gọi là chiếu cố anh. Tôi sẽ đem một nửa số tiền này cho ông Vô Thường, nhờ ông ấy kiếm cho anh cái tên giả mà thay thế vào...

Nói rồi đẩy một cái thật mạnh vào lưng Ngưu Cân.

Sau khi Ngưu Cân sống lại, trên vùng bờ sông Sơn Phấn liền lan truyền một chuyện kỳ quái. Mỗi

khi nhìn thấy anh ta từ xa mọi người đã lại thì thăm gì đó với nhau. Ngư Cán biết rằng, dân làng đều cho anh là người xấu, và đã cảm thấy trước kia khi "cầm cân nảy mực" trong lòng anh ta đã có quỹ dự ngự trị cho nên sau khi sống lại, đã cố gắng làm nhiều việc thiện, để chuộc tội ngày xưa. Anh thường dậy rất sớm, lấy chổi đi quét thật sạch sẽ mọi rác rến trong ngõ xóm, đường làng, đắp lại những con đường đi trên bờ ruộng. Mỗi khi trên thị trấn có hội hè, anh cũng lên đó bán hàng ở vỉa hè, và giúp những người buôn bán trong nhà thu dọn, sắp xếp hàng hóa. Nhưng cứ mỗi khi anh cầm tới cái cân, là khách hàng bèn bảo:

- Anh không nên cầm cân, rồi anh sẽ giờ trò ma chước quỷ trên cái cân cho mà xem.

Anh xấu hổ đến đỏ mặt. Sau khi biết rõ được sự thì thảo của mọi người là chỉ để nói xấu anh:

- Chính là hấn đây, hấn đã chước lấy mọi nghiệp chướng đều dọ từ cái cân, người không chấp nhận, quỷ cũng không chấp nhận, chết cũng không chết được, cho nên mới thành dở sống, dở chết!

Ngư Cán càng ngày càng cảm thấy đau đớn, chua xót. Trong lòng bức bối nên đổ cấu kính xuống đầu người nhà, và những trận cấu kính càng ngày càng nhiều, vợ tức tối, con tức tối, mở miệng ra cãi lại. Cô vợ giận dữ không nén nổi đã bảo: "Lần chết trước là già vờ chết, đã phá hại của mụ bao nhiêu là tiền".

Ngư Cán ngửa mặt lên trời than rằng:

- Thì ra, con người ta, sống, cũng chẳng sung sướng gì. Giá cứ chết đi như lần trước mà lại hay!

Rồi nói tiếp:

- Thôi được, cứ bới đi, cứ móc đi, tao chết là hết bới móc.

Ngay trước mặt vợ, mặt con, anh ta lấy một sợi dây thừng buộc lên xà nhà, thắt cổ tự tử. Tất nhiên chẳng ai để cho anh ta chết. Từ đó về sau, anh ta luôn luôn đem cái chết ra dọa dẫm mọi người, cứ động một cái là anh ta lại treo cổ tự tử. Anh ta làm rối tung cuộc sống trong nhà lên, dần dần trở thành một quán tính, một thói quen thường xuyên.

Một hôm, đi ra ngoài, anh ta lại bị dân chúng xì xào, nói xấu, về nhà lại đổ mọi nỗi bức tức lên đầu vợ, và đòi đi thắt cổ, cô vợ, cứ tưởng anh ta lại dọa nạt thế, nên cầm đế giấy ra sân ngồi đập¹, rồi nói:

- Thì cứ việc thắt cổ mà chết. Anh tưởng, dễ thường tôi sợ anh thắt cổ lắm đấy.

Nói thế xong cô ta cứ ngồi ngoài sân, không vào nhà nữa.

Ngư Cân sau khi ngoặt xong vòng thông lọng vào cổ, trèo lên một chiếc ghế đầu, chắc mẩm rằng, thế nào vợ cũng vào cứu, nhưng lại chẳng thấy vợ

1. Người nông dân Trung Quốc thường dùng vải rách, cũ nát, không dùng được vào việc gì khác, cắt ra, dán, xếp, nên đập cho chặt lại, rồi khâu làm đế giày (N.D.).

vào, đợi đến lúc tự kêu cứu, thì không sao còn kêu ra tiếng được nữa.

Ngưu Cân làm giả hóa thật, mà thật đến chết thật. Vòng thông lọng anh ta buộc không đúng cách lắm, nên cái lưỡi của anh ta vốn đã dài, nay lại thè lè hẳn ra, làm cho cái tướng chết thêm hung dữ.



Ba mươi ba năm trước, con dâu nhà họ Trương cầu tự trong đền Thần Hỉm, chỉ vì một câu khấn rất thực thà, nhưng lại rất buồn cười, khiến cho ông Lão Quán ngã từ trên xà ngang đền xuống, gãy chân đã trở thành câu chuyện vui đùa một thời trong thôn Ngòi Hỉm, nhưng người đàn bà ấy quả đã đẻ được một thằng con trai. Đến năm Ất Sửu, người đàn bà này đã chết già, và con trai là Trương Sinh Lâm cũng đã thành người lớn, lấy cô con gái nhà họ Lục ở thôn Phong Hỏa Đài làm vợ, sinh được một cô con gái, thông minh ngoan ngoãn. Đó là một gia đình vốn thuộc loại làm ăn yên ổn. Trương Sinh Lâm được chia hai mẫu ruộng, ngày ngày lên núi làm ruộng, tối tối về nhà ngủ, vợ tuy xấu, nhưng cũng gọi là có cái để ôm ấp. Sinh Lâm chẳng nghiện ngập thứ gì, không rượu chè, không cờ bạc, chỉ thích hút thuốc lá, nên đã để riêng ra hai sào đất bón trồng. Cô vợ lại biết cách hái lá thuốc, phơi trong bóng râm, rồi sấy, đem thái nhỏ, lại biết ủ thêm hương liệu vào nữa. Không ngờ, năm đó, có rất nhiều người bỏ xóm làng đi ra ngoài buôn bán, họ kiếm được khối tiền.

Sinh Lâm cũng thấy ham, anh ta suy nghĩ, tính toán cũng muốn đi buôn bán, nhưng không có vốn, lại thấy người ở khắp nơi mò tới đây mua giống cây ngô đồng, anh ta bèn dành ra nửa mẫu đất để làm ngô đồng giống. Ngô đồng lớn như thối, bán được giá, lại càng ham, anh ta lại tính toán để hẳn ra một mẫu đất trồng giống cây nho. Khi đi cày đất trồng giống nho, lại cày bật lên được đến mấy trăm cân rễ cây ngô đồng, anh ta liền tát nước theo mưa, đem chặt thành từng khúc, thuốc một, bán rễ cây ngô đồng, cũng kiếm được hai trăm đồng bạc. Sang năm sau, bán giống nho, trên huyện đánh cả một chiếc ô tô về mua tất, anh trúng được một ngàn hai trăm đồng nữa. Ba năm sau, với nghề trồng cây giống như thế anh đã giàu to. Trương Sinh Lâm không trồng thuốc lá để hút nữa, anh bắt đầu bỏ ra một hào mua một bao "Đàn Dê" hút chơi. Ở đâu làng, anh gặp Trương Đức Nhân, mời:

- Anh trại trưởng Trương, vào nhà tôi chơi đã.

Trương Đức Nhân đáp:

- Đang bận, để hôm khác.

Trương Sinh Lâm nói:

- Thì hút điếu thuốc vậy.

Trương Đức Nhân hỏi:

- Thuốc gì đấy?

Trương Sinh Lâm đưa bao thuốc, hộp giấy cứng, bóng loáng, rút một điếu nói:

- Thuốc "Đàn Dê".

Trương Đức Nhân cầm điều thuốc, nhìn, rồi nói:

- Này người anh em, giàu có thế mà lại đi hút cái thứ thuốc này sao? Thôi, hút điều thuốc của tôi xem sao.

Điều thuốc đưa ra mời là thuốc "Khí lông vàng".

Thuốc thơm "Khí lông vàng", một bao, giá sáu hào rưỡi. Trương Sinh Lâm, mặt đỏ như, thấy rõ mình dưới "xê". Từ đó, càng dốc sức ra làm việc, rồi đem tất cả số tiền tích góp được từ việc bán cây giống, lên thành phố buôn bán. Trương Sinh Lâm cuối cùng vẫn là Trương Sinh Lâm, đây mình khôn ngoan, một khi đã "cất gánh" lên thành phố, bỗng trở thành lanh lợi, chẳng còn phải là một anh nhà quê nữa. Đầu tiên anh ta đi làm thợ hồ ở một khu xây dựng, sau cố nghe ngóng, dò tìm bằng được người yêu cũ của Thạch Phu là Dương Quân. Dương Quân vẫn còn nhớ người thân thích này của Thạch Phu, giới thiệu anh ta với một quán sách, cho anh ta đi bán rong sách báo, tạp chí. Khi đó trong xã hội đang có phong trào say mê một loại ca khúc, anh ta đem cả một tập in những ca khúc thịnh hành đi bán rao, anh ta đã bán một mạch được mười vạn bản, cũng đã kiếm được một khoản lời kha khá.

Khi Trương Sinh Lâm từ thành phố trở về, anh ta dọn giấy tây, lại mua hẳn một chiếc xe đạp để cưỡi về Ngòi Nhà Hầm. Từ bến sông Sơn Phấn về đến thôn Ngòi Nhà Hầm đường khắp khênh không đi xe đạp được, nên chiếc xe cưỡi trên vai anh ta, vậy là cả làng đổ xô ra xem chuyện lạ.

Buổi tối, rất nhiều người đến nhà hỏi han mọi chuyện, cô vợ đun không biết bao nhiêu nước tiếp khách.

Sinh Lâm nói:

- Nước trắng, uống làm sao? Trong túi xách của anh có trà.

Cô vợ lại rút từ trong tủ ra, bao thuốc "Đàn Dê", rút từng điếu một, chia mời khách.

Sinh Lâm lại nói:

- Cái thứ thuốc ấy hút nóng cổ, hút cái này này...

Nói xong, bèn rút ra bao thuốc "Khỉ lông vàng" có cả đầu lọc.

Trương Sinh Lâm lưu lại ở nhà một tháng, cả tháng chỉ ngủ với vợ có năm lần, bởi anh ta thấy mặt mũi vợ đen đui, tóc lúc nào cũng bết xuống da đầu, bước trên đường lại không bước theo một tuyến thẳng. Anh ta than thở:

- Ở miền núi ta, con gái thì đen, đàn bà thì đen đui, như hạt hạch đào khô khốc, như quả hồng chất xít.

Cô vợ nói:

- Tôi đen đui thật đấy, thế mà khi ấy, anh đã năm lần bảy lượt, nhờ đến hỏi, đến xin, lúc ấy anh mù hủ? Anh đi một mạch mấy tháng liền, về nhà không chịu ngủ chung giường, thế tôi là quả phụ của anh chắc?

Sinh Lâm đêm đó mò vào buồng vợ, nhưng lại đem tập bài hát những ca khúc thịnh hành, dán lên

bức tường ở đầu giường. Trên bia là ảnh mười hai cô ca sĩ ngôi sao, đẹp như tiên.

Một tháng sau, Trương Sinh Lâm lại lên tỉnh, đi liền một mạch nửa năm, khi trở lại cũng là lúc đem vợ ra ly dị, rồi kết hôn lại với cô Tây Bối đã từng đi làm giúp việc ở nhà vị quan lớn.

Sau khi vị quan lớn kia qua đời, Tây Bối trở lại Ngôi Nhà Hím, nay đã hai mươi tuổi. Vì đã từng giúp việc trong nhà một vị quan lớn, cũng hiểu biết được nhiều nhẽ đời, nên cũng đầy lòng cao ngạo, đã có nhiều người tới mối lái việc chồng con nhưng cô chưa đồng ý ai. Khi Sinh Lâm nhờ người tới đánh tiếng, nghĩ ngợi thấy rằng, con người này tuy tuổi tác cách biệt, nhưng cũng ra dáng, chẳng còn là một anh nhà quê nữa, nên đồng ý. Bên phía đàn ông, cũng là người từng trải, một bên, phía đàn bà, cũng là người hiểu việc đời, nên cưới nhau xong, việc chăn chiếu trên giường đều thuộc loại thập thành, như cá gặp nước, thỏa thích vây vùng.

Sau tháng trăng mật, Tây Bối tắt kinh, nôn ọe thèm chua, bụng đã mang thai, Sinh Lâm lại đi lên thành phố. Vài tháng sau, đã gửi về vài trăm đồng, Tây Bối đem tiền giao cho đội xây dựng ở Tây Vương trang (*chắc là Điền Vương trang - ở đây in nhầm N.D.*), xây một ngôi nhà mới, đợi khi nào Sinh Lâm về, dọn vào ở nhà mới, ăn mừng tân gia, thật rôm rả. Tiếp theo là Tây Bối ngồi xó, Sinh Lâm thôi không lên thành phố nữa.

Ông thợ vẽ Lão Quán đã gác bút từ lâu rồi không vẽ vờ gì nữa, rồi rãi buồn tình, đến gia đình

này ngồi chơi, nghe Sinh Lâm nói chuyện thể sự bên ngoài. Lâu dần, già trẻ lớn bé trong thôn đều kéo tới đây, biến nhà Sinh Lâm thành nơi tập trung tán gẫu. Nhiều hôm tán gẫu đến tận nửa đêm, Tây Bối bế con lên giường nằm, còn Sinh Lâm càng nói càng hăng, có một nói hai, nói hai thành bốn, nói đến sùi cả bọt mép ra, nói đến cuối cùng, bỗng trở thành một tiếng thở dài, và hứng thú chợt giảm xuống tới mức thâm hại.

Những người nghe nói chuyện đều hỏi:

- Sinh Lâm, anh có điều gì bất đắc ý chẳng? Ở thì ở nhà ngói, ngủ thì có Tây Bối đẹp như hoa, lại có con, lại từng trải việc đời, rồi phát tài phát lộc, anh còn than vãn cái nỗi gì?

Sinh Lâm nói:

- Trong lòng tôi còn nỗi đau khổ hơn trong lòng các vị.

Những người nghe chuyện lại hỏi:

- Còn nỗi đau khổ trong lòng?

Mọi người đều tưởng Sinh Lâm nói đùa.

Sinh Lâm nói:

- Đến bây giờ tôi mới hiểu ra được rằng: Tại sao Lâm Bưu lại phải ám hại Mao Chủ tịch? Cái hồi tiến hành phê phán ấy, tôi trình độ văn hóa còn thấp, nghe văn kiện của cấp trên nói rằng: "*Lâm Bưu khoác cái áo ngoài của chủ nghĩa Mác - Lê, và của tư tưởng Mao Trạch Đông*". Tôi liền phát biểu ý kiến ngay rằng: "Lâm Bưu thật chẳng ra cái thể thống gì, làm quan to như thế, hỏi còn thiếu thứ

gi, mà lại phải đi ăn cắp quần áo của ông Mác - Lê và Mao Chủ tịch mà mặc?

Tất cả mọi người đều cười ồ, cười cái chuyện ngớ ngẩn, hoang đường ấy.

Sinh Lâm lại nói:

- Bây giờ đời sống của tôi cũng gọi là khá giả đấy, nhưng cứ lên tỉnh mà xem, đời sống của mình đâu phải là người! Người ta hút thứ thuốc gì? Toàn là "Ba con 5", mỗi điếu thuốc giá tới hai ba hào bạc. Vợ con người ta ra làm sao? Ăn diện vô cùng, rất phong lưu. Con gái nhà quê mình, có đẹp đến mấy, một khi đã lên đến thành phố, là lập tức lòi ra cái quê kệch ngay, ở đấy người ta khác.

Những người ngồi nghe cũng chẳng có ai có phản ứng gì, bởi họ, đã làm sao đạt được mức độ, trình độ của Sinh Lâm, nên chỉ biết cười, và nói:

- Đúng là lòng dạ anh Sinh Lâm không có đấy.

Đến mùa đông, Sinh Lâm mở một cửa hàng bách hóa nho nhỏ ở huyện, buôn bán cũng phát tài. Anh ta đón mẹ con Tây Bối lên huyện ở ít ngày, rồi lại tống về Ngòi Nhà Hím, chỉ một mình mình trông coi cửa hàng. Bên cạnh cửa hàng có một gia đình công nhân, cả hai vợ chồng đều là người miền Nam. Người vợ tuy không cao, nhưng da dẻ lại thật nõn nà, cặp mắt nho nhỏ, hình như còn hơi cong xuống. Sinh Lâm đã quen nhìn cặp mắt to của Tây Bối, nên nhìn cặp mắt nhỏ ấy, càng ngày càng thấy hay hay. Người đàn bà này vẫn thường sang mua hàng,

sau nhiều lần quen nhau, nên thường tựa bên tủ kính nói chuyện.

Người đàn bà hỏi:

- Anh Sinh Lâm, anh làm tiền nhiều của thế này chắc cô vợ phải xinh đẹp lắm đấy nhỉ?

Sinh Lâm đáp:

- Cứ nhìn bộ dạng xấu giai của tôi như thế này, thì có cô con gái đẹp nào thèm để ý.

Người đàn bà lại nói:

- Cứ nhìn cái gáy lõm, trán dô của anh thế kia, đàn bà con gái đều đánh giá anh là người tài trai đấy.

Sinh Lâm hỏi lại:

- Tôi mà là tài trai ư?

Người đàn bà nói:

- Anh là con chim ưng ở rừng sâu núi thẳm!

Sinh Lâm đưa cho người đàn bà rất nhiều xà phòng bột, cao gội đầu, còn tiền thì ghi nợ.

Khi nợ đã nhiều, người đàn bà chưa trả, anh ta cũng không đòi. Một hôm người đàn bà đến bảo Sinh Lâm:

- Anh Sinh Lâm, tối có rỗi đến nhà xem ti vi.

Tối đó Sinh Lâm tới nhà.

Chồng người đàn bà đi vắng. Người đàn bà nói:

- Thôi xem ti vi làm gì. Anh có biết nhảy không?

Đáng tiếc là Sinh Lâm lại không biết khiêu vũ, nên người đàn bà đó nhảy một mình. Những người đàn bà thành phố, khi đã nhảy là nhảy ra trò, rất

cường nhiệt. Người vợ trước của anh không biết nhảy, đến Tây Bối cũng không biết nhảy. Sinh Lâm ngồi nhìn đến dờ dẩn cả người.

Đêm hôm đó, Sinh Lâm không về quầy hàng. Anh ta đem món nợ của người đàn bà xóa sạch. Trong bao nhiêu ngày, lòng anh ta đầy rẫy những niềm vui thắng lợi, niềm vui ấy, chẳng khác nào niềm vui khi mới cưới Tây Bối...

Nhưng, về sau, anh lại đầy rẫy những đau khổ, bởi vì sau khi cưới Tây Bối về, anh mới ngả ngửa ra rằng đó chỉ là sự thay thế của người đàn bà nông dân này, cho người đàn bà nông dân kia, còn như bây giờ, đây là lần thứ nhất, lần đầu tiên, được hưởng thụ một người đàn bà thành thị, mà mới chỉ ở huyện thôi, cũng đã làm đàn bà đến thế, còn nói gì đến nơi thành phố kia. Anh ta cảm thấy mình thật đáng thương.

Dần dần, Sinh Lâm không muốn về Ngòi Nhà Him nữa, vì anh ta đã lại chim chuột được một cô hộ lý ở huyện. Đúng vào cái buổi trưa anh ta đang cùng cô hộ lý giao hoan ở phòng cô, anh ta nghe thấy tiếng ho hắng ở bên ngoài cửa, tiếng ho rất giống với tiếng ho của chồng cô ta, anh ta vội vùng dậy, bỏ chạy. Nhưng người đó lại chẳng phải là chồng cô hộ lý, tiếng ho chỉ là tiếng ho vô tình của một người đi ngoài hành lang, nhưng về đến nhà là Sinh Lâm phát ốm ngay. Căn bệnh ấy kéo dài liền nửa năm, rồi chuyển thành xơ gan. Khi cầm được phiếu xét nghiệm chính thức trong tay, anh ta xui hảm người đi. Anh ta vô cùng lo lắng, sợ chết. Sau khi thu dọn tiệm tạp hóa, về quê, suốt ngày chỉ lăm bằm

nói đến chuyện chết, chết, chết, cái chết làm khổ làm sở anh ta, nên bần gắt với Tây Bối, chửi bới con cái, chửi cả người trong thôn Ngồi Hím, và cũng chửi luôn cả những người thành phố. Anh ta đòi ăn ngon, đòi giữa ban ngày ban mặt đóng cửa, bắt Tây Bối cởi tuột hết quần áo ra, nhưng sức lực anh ta chẳng còn cho anh ta làm nổi chuyện ấy nữa, anh ta bèn cắn lên da thịt Tây Bối. Đối với một người sắp chết, Tây Bối nghiêng răng chịu đau, ứa nước mắt... vì anh ta.

Bắt đầu từ ngày rằm tháng bảy, Trương Sinh Lâm chợt yên tĩnh lại, thực ra khi ấy, anh ta đã có bóng ở trong bụng rồi, anh ta nói với Tây Bối:

- Chết thì chết thôi, tôi cũng đã từng được hưởng phúc rồi! Chết có gì đáng sợ cơ chứ? Tôi chẳng coi cái chết là gì, tôi nhìn cái chết đã nhàm rồi!

Anh ta muốn Tây Bối đưa anh ta lên tỉnh, cả đời anh ta chưa bao giờ được ngồi máy bay, giống như một con chim bay lượn trên không trung. Tây Bối đồng ý, liền đem bán hết hàng hóa còn lại, nhặt nhạnh gom góp được một khoản tiền lớn. Nhưng bệnh của Sinh Lâm đã chuyển sang giai đoạn đau đớn, rên rỉ suốt ngày đêm, anh ta chịu đựng không nổi, nên đã uống thuốc ngủ tự tử.

Cuối cùng thì Trương Sinh Lâm vẫn không được ngồi lên máy bay.



Ông Thọ, Lão Quán tuyệt tự. Người em trai của ông cũng chỉ có một con trai, con trai cũng chỉ sinh được một cháu, thằng cháu cũng chỉ sinh được một chất, đúng là truyền ba đời. Nhưng đến người này, lại chết yểu. Thực ra người cháu cũng sinh được ba đứa con, trông bụ bẫm, ai cũng phải thích nhưng, đẻ ra, chỉ khóc được một tiếng là chết. Nhà văn Thạch Phu đã từng viết chuyện này vào trong cuốn "Quê hương tôi", Thạch Phu than thở: "Sinh ra được một thế hệ, sẽ làm cho bản ngã thành siêu việt, chết đi một thế hệ, sẽ làm cho bản ngã thành mất mát. Mỗi thế hệ siêu việt sinh ra, đều có xu hướng tiếp cận với thế hệ chết." Văn chương, ý tứ của Thạch Phu sâu sắc thì nói như vậy được, song ngay đến cả bản thân Thạch Phu cũng chẳng làm sao hiểu nổi rằng: Tại sao vừa sinh ra đã chết ngay, đã thế còn đau khổ, ấp ủ, những mười tháng giời, rồi mới ra được côi nhàn gian để làm gì? Người trong thôn giải thích: "Đó là một cánh hoa hoang dã! Có ngọn dưa đại nào chẳng nở dăm ba cánh hoa hoang như thế. Chi họ này độc đĩnh, đơn truyền, nhanh chóng luân hồi, người sống chèn người chết, con vừa ra đời, tất mẹ phải chết". Riêng ông Thọ, Lão Quán lại cho rằng: Bên trong còn ngoắt ngoéo chi đây! Khi vợ của đứa cháu, tức là cô con của vợ bé Châu Thọ Oa đó, đẻ ba bận đều không nuôi được, đến lúc ấy mới phát hiện ở phía mái nhà trước hiên có một tổ bọ cạp rất to, đen vàng bóng loáng, dữ tợn hung hãn, đồng thời lại phát hiện ra rằng, khi con bọ cạp cái có chứa, lưng nó tự tách ra, con nó từ đó

mà chui ra, khi đã bò xuống khỏi lưng, là quay lại ăn thịt nghiêng ngay mẹ nó. Lão Quán cho rằng, tất cả là nằm ở chỗ con yêu tinh bọ cạp này. Ông bèn mua một con gà trống nặng ba cân, thả lên mái nhà, tiêu diệt ổ bọ cạp, về sau, quả nhiên gia trạch được yên, vợ thằng cháu đẻ liên tiếp bốn lần nữa mà đều bình yên vô sự, hơn thế vợ người cháu ấy, còn sống đến tuổi năm mươi mới chết. Cái thế hệ đời sau, được gà cứu này, một đứa được đặt tên là Kê Bảo (Gà bảo vệ). Nhưng Kê Bảo lại là một thằng ngốc, đần độn.

Thằng ngốc lớn lên, cha mẹ đều đã chết, Lão Quán đem về nuôi dưỡng. Nhà cửa, tài sản mọi nhà ở xóm Tiền đều khá cả, nên đến trên hăm bốn mà vẫn chưa lấy được vợ. Khi đó ở xóm Mới có nhà họ Triệu, nhà nghèo, bố chết, không có tiền làm ma, Lão Quán đem cỗ ván đóng sẵn, dùng cho mình ra cho vay. Nhà họ Triệu cảm động đến rơi nước mắt, nhưng lại chẳng làm sao mà trả món nợ đó được, cuối cùng đành đem cô con gái Triệu Mai gả cho thằng ngốc. Triệu Mai cũng đã được học qua bậc tiểu học, và là bạn học của Điền Đại Kinh ở Điền Vương trang, quan hệ gần bó, nhưng không vượt qua được sự bó buộc của cha mẹ, khóc ròng rã ba ngày ba đêm, rồi đành gạt nước mắt đi lấy thằng ngốc.

Mẹ khuyên:

- Kê Bảo đúng là có khiếm khuyết một tí đấy, nhưng nhà cửa khá giả. Với lại, nghe người ta nói, những người mắc bệnh đần độn, ngốc nghếch, khi lấy vợ về là khỏi.

Triệu Mai mong sao lời mẹ nói được ứng nghiệm.

Cưới nhau xong, ngốc nghếch vẫn nguyên ngốc nghếch, còn ngốc nghếch đến mức không biết "thu xếp" với Triệu Mai như thế nào. Tất nhiên Triệu Mai cũng chẳng phải là người đòi hỏi mạnh mẽ về chuyện ấy, nhưng vợ chồng lại chẳng ra vợ chồng, đêm đêm, Triệu Mai cứ cắn góc chăn, khóc thầm. Lão Quán thấu hiểu việc đó, nhờ vợ Mạ Lâm đi dạy dỗ, chỉ đạo việc ấy.

Bà này, đây mình kinh nghiệm, hỏi han Triệu Mai, rồi đi bảo thằng ngốc:

- Kê Bảo, tụt quần ra xem nào!

Kê Bảo kéo giải rút, chiếc quần tụt ổng xuống chân, để lộ cặp đùi trần trụi...

- Kê Bảo, giữa hai cái đùi mày là cái gì?

- Bóng.

- Thằng ngốc ạ, đấy không phải là bóng, mà là chim.

- À... là chim.

- Thế con chim của mày có tổ không?

- Không.

- Trong người vợ mày có cái tổ đấy, đến tối đặt con chim vào trong tổ cho nó nằm.

Từ đó về sau, Kê Bảo cũng đã hiểu được cái bản năng đó, và cũng biết hưởng cái sự đời, nhưng bất kể ngày trắng, đêm đen, hễ cứ rối rời, là lại quần lấy Triệu Mai, đòi "cho chim vào tổ". Ban đầu, Triệu Mai bực vì nổi Kê Bảo không hiểu sự đời, bây giờ

lại bực về tội chẳng có chừng mực nào hết. Sự tủi hổ, đau thương đã lên đến tuyệt đỉnh, cô chỉ còn biết phục trên giường mà khóc, xong, cô lại nhớ tới Điền Đại Kinh, nhớ đến thất ruột thất gan, nên cô chạy lên huyện tìm Điền Đại Kinh. Điền Đại Kinh đang làm công nhân, trong một công ty xây dựng của huyện, đang xây dựng những ngôi nhà bốn tầng, sáu tầng. Cô khóc với Đại Kinh, Đại Kinh cũng cùng khóc với cô. Khóc xong cô lại trở về Ngôi Nhà Hím.

Một hôm, Ngôi Nhà Hím mở hội đền Thần Hím, người cả vùng về trẩy hội. Triệu Mai dẫn Kê Bảo lên đền lễ, Kê Bảo chợt xúc động, nằng nặc đòi "cho chim vào tổ", Triệu Mai đỏ như hết mặt mày, không nói một câu, lời thách Kê Bảo về nhà, vào nhà, đóng chặt cửa, giáng cho một cái bạt tai nên thân. Việc đánh nhau, không cần ai dạy cho Kê Bảo cũng biết, thấy bị tát, tức khí lên, liền đập một cái thật mạnh vào ngực Triệu Mai, Triệu Mai ộc ngay ra một đám máu.

Đến đêm, giờ chuyển sang u ám, cần phải thu dọn đám khoai lang cắt lát phơi trên mái ngói, Triệu Mai sai Kê Bảo lên thu dọn. Kê Bảo lên mái nhà, đã thu dọn xong, phải xuống thang, Triệu Mai đứng dưới, lấy chân đạp vào chiếc thang một cái, Kê Bảo ngã xuống, đầu đập đúng vào bậc thềm, vỡ sọ, óc nhuộm máu phọt ra đầy mặt đất.

Kê Bảo chết, dân làng buồn đôi câu thương tiếc, bảo, chi họ nhà này toàn những người đoản mệnh, nên chẳng ai đi tìm bởi nguyên nhân, dập vùi chôn đi cho xong chuyện.

Triệu Mai vừa kinh vừa sợ, về sau lại thấy mừng mừng. Một tháng sau, cô lên huyện tìm Điền Đại Kinh, vừa mới ngồi trong phòng ngủ của Đại Kinh được một lát, đã có một cô gái đẩy cửa bước vào.

Đại Kinh giới thiệu:

- Đây là vợ chưa cưới của tôi, hai người làm quen, kết bạn với nhau đi.

Triệu Mai thấy như có sét nổ trên đầu, nhìn cô gái ấy, đường hoàng phong độ, phấn son trang điểm, đem so với mình, đúng là mình thuộc hàng kém cỏi, cố gắng làm bộ điềm nhiên, đứng dậy mời ngồi. Cô gái đó bèn chia tay ra, muốn bắt tay, Triệu Mai đỏ như mặt, giấu tay ra sau lưng, nói:

- Nhà quê bọn em không quen làm thế...

Ngồi thêm một lát nữa, Triệu Mai thấy hai người đầu mảy, cuối mắt, ngồi nhìn cũng không được, mà không nhìn cũng không xong. Rồi cô gái kia nói:

- Anh Đại Kinh đã hẹn em đi chụp ảnh rồi đấy nhá.

Đại Kinh nói:

- Triệu Mai, ta cùng đi.

Triệu Mai biết rằng, nơi này chẳng phải nơi mình có thể ở lại lâu được, nên từ chối và đi trước.

Ra đến ngoài phố, Triệu Mai bàng hoàng như mê, cô giận Đại Kinh đã vô tình với cô. Giận xong, cô lại thấy chẳng nên giận làm gì, cô bèn chửi thầm người con gái kia là đồ ma quái, đồ quỷ sứ, đồ yêu tinh, đã chiếm đoạt tình yêu của cô.

Cũng chính hôm đó, tòa án huyện mở phiên tòa công khai xét xử, tuyên án tử hình năm tên tội phạm, khi chiếc xe cảnh sát chở tội phạm đi ngang qua phố, chạy xuôi về bãi sông phía Nam huyện thành để thi hành án. Triệu Mai đứng lẫn trong đám người đến xem, thấy trên xe có một nữ tội phạm. Người con gái đó cực kỳ xinh xắn, da trắng nõn nà, và một mái tóc đẹp. Những người đứng xem, ai cũng ngáy mặt ra mà nhìn, sau đó thì tiếc rẻ, rồi lại than vãn rằng con gái thường tàn bạo hơn con giai. Hỏi ra người con gái này mắc tội giết chồng vì có tình nhân. Triệu Mai chợt thấy mặt mày sa sầm, tối sầm lại, và chỉ kịp kêu lên một tiếng: "Kê Bảo", rồi ngã ngất ra mặt đất.

Việc Triệu Mai ngã ngất đi bên cạnh chiếc xe cảnh sát, và chỉ kịp kêu lên một tiếng "Kê Bảo", đã có một người ở Ngòi Nhà Hím đang có mặt tại đó trông thấy, khi trở về, bèn đem chuyện đó nói với ông Thọ, Lão Quán. Kể từ khi đứa cháu chết đi, ông Thọ, Lão Quán, cũng thấy có quá nhiều nghi ngờ về cái chết kỳ quái ấy, nghe xong lời mách đó, ông bèn đi xem cái chỗ đất đặt thang, và đợi khi Triệu Mai ngáy ngáy đại đại từ trên huyện trở về nhà, liền tra vấn ngay mọi tình hình lúc thang đổ. Triệu Mai lòng dạ hoang mang, rối loạn, đã trốn khỏi nhà vào lúc giữa nửa đêm, tính sao khi trời sáng là lên đến huyện. Cô cần gặp Điền Đại Kinh một lần cuối cùng, để hỏi thẳng xem anh có đồng ý cưới cô làm vợ không. Nhưng, Điền Đại Kinh lại không có nhà, hỏi, người hàng xóm bảo, tối qua Đại Kinh tới nhà vợ chưa cưới, cho đến giờ vẫn chưa thấy

về. Triệu Mai đầu bù tóc rối, thất thểu, đi trên phố huyện, bởi chính cô, cũng không biết được cứ đi như thế mãi để làm gì. Cuối cùng cô đã trông thấy ông Thọ, Lão Quán cùng với mấy người ở Ngòi Nhà Hím đang đứng ở ngã tư đường, cô biết rằng, mọi việc của cô thế là đã bại lộ, họ đang đi lùng bắt cô. Tới không được, lui cũng không xong, cô Triệu Mai đang rối loạn, chợt như bình tĩnh lại. Cô quyết định đi tự thú, cô đến đồn công an. Ngòi nhà cao tầng của đồn công an nằm ở phía tây phố huyện, đó cũng chính là ngôi nhà cao nhất huyện, mà đội xây dựng của Điện Đại Kinh vừa hoàn tất. Triệu Mai đi thẳng vào cổng chính, lên gác hai, cô đã nhìn thấy tấm biển viết "Đội hình sự" gắn ở cửa, song trong lòng cô lại thầm bảo: "Mình vô tội! Mình có tội gì mới được chứ?". Thế là cô xăm xăm bước lên tầng ba, lại leo tiếp lên tầng bốn, rồi lên tầng năm, và bò lên tận sân giời.

Một phút sau, cô nhảy từ sân giời xuống.

Từ trên cao nhảy xuống, khi qua cửa sổ của tầng năm, cô đột nhiên nhìn thấy Điện Đại Kinh và cô vợ chưa cưới đang ôm nhau trong phòng. Điện Đại Kinh cao lớn, cô gái kia lại thấp lùn, khi hôn nhau, cô gái phải kiễng chân lên, trông như chiếc cần cầu đang móc một vật gì lên vậy. Lúc ấy Triệu Mai mới biết rằng cô vợ chưa cưới của Điện Đại Kinh là cô đồn trưởng đồn công an. Cái gian phòng rộng lớn đó thật xứng đáng là phòng động cho phượng loan chăn gối.

Từ trên cao nhảy xuống. Khi qua cửa sổ tầng bốn, lại thấy những người ngồi bên trong cửa sổ toàn là người ở Ngòi Nhà Hầm. Có đàn ông, lại có cả đàn bà, họ đang trình bày rằng: Kê Bảo hồng thế này, hồng thế kia, nhưng cũng không đáng để cho cô vợ phải hăm hại anh ta như thế. Tại sao cô ta lại hăm hại Kê Bảo? Nhất định rằng cô ta đã có gian phu. Thật là đồ đàn bà giầy rách¹, thật xấu hổ, từ xưa tới nay ở Ngòi Nhà Hầm chưa từng có loại đàn bà hư đến đến thế. Nhưng Triệu Mai không hiểu được rằng những người ở Ngòi Nhà Hầm làm sao lại tới đây? Có phải họ đi cùng với ông Lão Quán không? Phải chăng là ngay trong đêm, họ đã phát hiện Triệu Mai chạy trốn nên họ đến đây để trình báo?

Từ trên cao nhảy xuống, khi tới trước cửa sổ tầng ba, lại thấy những người ở công ty xây dựng, họ đến đây làm nhân chứng. Họ cho biết rằng, cô cũng đã có đến tìm Điền Đại Kinh, với ý định chim chuột Điền Đại Kinh, nhưng Điền Đại Kinh đã có vợ chưa cưới, nên anh đã cự tuyệt cô.

Cô vẫn gieo mình xuống. Khi đến cửa sổ tầng hai, quả là ông Lão Quán đang ở đó, và đang trình báo với người của đội hình sự quá trình cô hăm hại Kê Bảo: "Chính là cô ta đứng dưới, lấy chân đạp cái thang, nếu cô ta không đạp, Kê Bảo không thể ngã thang được. Kê Bảo tuy là thằng đàn ngốc, song

1. Người Trung Quốc lấy hình tượng đôi giày rách làm vật tượng trưng cho những người đàn bà lẳng lơ, dĩ thỏa, dâm ô (N.D.).

leo cao, bò thấp, chân tay lại vô cùng linh hoạt. Các anh phải bắt lấy nó, lấy mạng mà đền mạng! Người của xóm Tiền vốn đã thừa thớt xưa nay, bây giờ lại chính nó làm cho người xóm này tuyệt diệt".

Khi cô lao mình xuống tới trước cửa sổ tầng một, cô kêu lên một tiếng kêu bệnh hoạn¹ như xé họng. Bởi trong gian phòng không người đó có Kê Bảo nằm. Kê Bảo đang nói chuyện với một cô con gái, mà cô con gái đó lại chính là cô gái xinh đẹp, tội phạm trên chiếc xe cảnh sát. Thì ra chính cô con gái này đã đem chuyện cô bị ngắt xiu đi, nói hết lại với Kê Bảo, Kê Bảo mới biết rõ được nguyên nhân cái chết của mình, nên cũng đến đây tố cáo chăng?

Khi tiếng kêu bệnh hoạn xé họng vừa dứt, thì một tiếng rầm mạnh mẽ vang lên, Triệu Mai rơi xuống đồng gỗ cốp pha, cô cũng bị vỡ đầu, chết ngay.

Xác Triệu Mai được chở về Ngòi Nhà Hím, người cả thôn Ngòi Hím đều thấy kinh hoàng, ông Thọ, Lão Quán từ bao nhiêu năm nay không còn biết rơi nước mắt là gì, mà nay cũng khóc. Họ không hiểu nổi tại sao Triệu Mai lại lên trên huyện xa xôi như thế mà chết? Dân làng đem xác cô chôn bên cạnh mộ Kê Bảo.

Sau khi Triệu Mai chết, cô biến thành ma, cái hồn ma ấy không phải loanh quanh ở Ngòi Nhà Hím mà lại lang thang lên tận huyện thành.

Sau khi Điền Đại Kinh cưới vợ, anh mới phát hiện ra rằng, cây bạch dương nằm ở bên ngoài cửa

1. Hysteria (N.D.).

sổ nhà anh lớn nhanh như thổi, cành lá rậm rạp, che tối hết cả cửa sổ. Mùa hè, anh nằm ngủ trên giường, cái bóng cây xoài tối, trùm lên giường, rồi anh nằm mơ thấy Triệu Mai. Khi một mình vợ anh nằm ngủ trưa trên giường, lại chẳng thấy bóng cây đâu, nhưng trên cây lại ra rả tiếng ve kêu, tiếng kêu lạnh lốt, nồn nóng, khiến cô không sao ngủ được. Ban đêm, trên giường, vợ chồng chung đụng với nhau, đột nhiên Điền Đại Kinh lại gọi tên Triệu Mai lên, cô vợ tưởng trong lòng chồng vẫn còn tưởng nhớ Triệu Mai, nên phát ghen, cãi cọ tùm lum. Cứ như thế, mấy đêm liền, ngay Điền Đại Kinh cũng không hiểu, tại sao lại cứ tên Triệu Mai mà gọi, rất dỗi buồn phiền. Cứ sáng sáng trở dậy, vợ chồng đều nói nằm mơ thấy Triệu Mai, và cả hai hầu như cùng ngã bệnh. Họ chạy chữa bằng cả thuốc tây lẫn thuốc ta, mà hầu như vô hiệu. Thậm chí trong mộng, Đại Kinh còn nằm mơ thấy cả việc mình giao hợp với Triệu Mai, tỉnh dậy, nửa người bên dưới, ướt đầm dĩa, còn vợ anh lại nằm mơ thấy đánh lộn với Triệu Mai, nhưng đánh không nổi, thường khóc mà tỉnh dậy. Bà mẹ vợ biết việc đó, nên đã lén lút mời thầy cúng từ dưới quê lên làm lễ cầu yên. Ông thầy cúng quan sát đất cát, gia trạch, nói rằng: Nhà này có ma ám, cần phải giết một con gà trống trắng, lấy máu vẩy ra bên ngoài cửa sổ, rồi vẽ bùa, cho dán lên cây bạch dương bên ngoài cửa sổ.

Ông thầy cúng dặn:

- Nội nhật trong ba ngày, nếu thấy trên thân cây bạch dương nổi lên một cái mấu mắt, đó chính

là con ma nữ đã hiện thân. lúc ấy lấy một đoạn gỗ đào, vót nhọn đóng vào cái mấu mắt đó...

Bốn ngày sau, quả nhiên, trên thân cây bạch dương chồi ra một cái mấu to bằng nắm tay, vợ Điền Đại Kinh lấy một cái đinh bằng gỗ đào, đóng vào đấy, cây bạch dương nửa tháng sau đã chết khô, từ trên cây rơi xuống một cái xác ve, to bằng chiếc chén uống rượu.



Sau khi Triệu Mai chết, người trong thôn Ngòi Hím vẫn cho rằng đấy là một câu đố. Về sau, khi vợ Trương Đức Nhân bị sốt cao, mê mết bất tỉnh, đột nhiên lại mở miệng ra nói rằng mình là Triệu Mai "hiện hồn về", "nhập vào" người vợ Trương Đức Nhân, rồi nói đầy đủ, có đầu có cuối việc cũ, người trong thôn lúc ấy mới bất chợt hiểu ra tất cả, có người bảo đấy đúng là Triệu Mai, nhưng cũng có người bảo đấy chẳng phải là Triệu Mai. Mãi cho đến khi tin tức từ trên huyện truyền về cho biết rằng, vợ chồng Điền Đại Kinh đã nhờ thầy phù thủy diệt trừ hồn ma Triệu Mai đi rồi, đến lúc ấy, mọi người mới thấy thương xót Triệu Mai, mới thấy đồng tình, thông cảm với Triệu Mai, đồng thời cũng từ chuyện Triệu Mai người ta đã rút ra được một bài học: Nhà có con gái lớn, chớ có đại dột mà đem gả bán cho những người bị tàn phế về sinh lý.

Điều đó đã làm Trương Trị Ngũ ở xóm Trung thắc thỏm, bất an.

Nhà Trị Ngũ nhiều con gái, mãi đến năm bốn mươi mới đẻ được một cậu con trai, yêu quý như vàng như ngọc trên tay. Đợi đến năm sáu mươi ba, mới cưới vợ cho con, ngày đêm chỉ mong sao được bế cháu ngay trong những ngày còn sống. Nhưng con gái lấy vợ đã ba năm, mà con dâu vẫn chẳng chữa đẻ gì. Vợ chồng con, vợ chồng bố đã đốt hết không biết bao nhiêu hương trong đền Thần Hỉm, và lạy không biết bao nhiêu lạy, mà vẫn chẳng ích gì. Cậu con trai cũng đã từng được theo đòi đèn sách, tin vào khoa học, nên đưa vợ lên bệnh viện huyện kiểm tra, chẩn đoán, chẳng có bệnh tật gì. Anh chồng hoang mang lại đi kiểm tra chính bản thân mình, và vấn đề lại nằm trong chính bản thân anh. Anh chỉ có mỗi một hòn dịch hoàn. Anh lặng lẽ về nhà nói riêng cho bố biết.

Trị Ngũ dặn con:

- Con ơi, chuyện này chớ có hở cho ai biết, ngay với vợ con, cũng tuyệt đối không được nói hé nửa lời. Con cần phải làm ra như không có chuyện gì sất, mặt mày không được rầu rĩ, phải cười luôn miệng.

Tuy Trị Ngũ căn dặn con như vậy, nhưng mình lại buồn thiêu buồn thiêu, ăn ngủ chẳng ngon. Tự mình cũng chạy lên bệnh viện dò hỏi bác sĩ xem, cái bệnh ấy, liệu có chữa chạy nổi không?

Bác sĩ đáp:

- Chữa được, tức là phải cấy ghép thêm một hòn dịch hoàn.

Trị Ngũ thấy khó nghĩ quá tự hỏi:

" - Bây giờ lấy đâu ra một hòn dịch hoàn? Chẳng lẽ lại đi thịt một con chó mà lấy sao?".

Thế rồi ngồi ngay xuống cổng bệnh viện mà lau nước mắt vắn dài.

Về sau, lại tìm đến bác sĩ mà hỏi:

- Phải cấy ghép dịch hoàn của một người như thế nào mới được?

Bác sĩ đáp:

- Cứ dịch hoàn của người là được!

Trị Ngũ nói:

- Thôi... thôi...

Hình như ông còn định nói gì nữa đấy, nhưng chẳng nói ra được.

Điều Trị Ngũ nghĩ tới là cắt một hòn dịch hoàn của mình cho con, nhưng lời nói mới chỉ lên tới bờ môi, thì miệng đã vội khép lại, vì đất đai huyện này quá nhỏ hẹp, một khi chuyện đó loang ra, sẽ không ít người ở Ngòi Nhà Hím nghe biết. Quay về nhà, bàn bạc lại với con, bảo rằng sẽ lên bệnh viện tỉnh để phẫu thuật, con trai lại không nghe, cho rằng, không thể để bố làm cái việc đó được.

Trị Ngũ hỏi:

- Vậy, ai người ta chịu làm cái việc đó cho mình? Mà dù người ta có chịu đi nữa, làm sao mà giữ cho kín tiếng được? Bố tuổi tác cũng đã cao rồi, dù có bứt đi một hòn, cũng chẳng chết được cơ mà!

Hai cha con bèn nói dối làng xóm rằng, đi lên tỉnh để tính chuyện làm ăn, buôn bán, rồi kéo nhau đi.

Thực hiện phẫu thuật ở bệnh viện tỉnh, vì viện phí quá cao, số tiền cha con mang theo không đủ chi, Trị Ngũ suy nghĩ mông lung lắm, rồi mới đi tìm Bính Bản. Bính Bản là anh ruột anh thợ mộc Bính Căn, người ở Ngòi Nhà Hím, ngoài Thạch Phu ra chỉ còn một người này nữa là trí thức vì đã được học qua đại học. Sau khi Thạch Phu mất, anh là người "cao cấp" nhất trong đám thanh niên. Anh học ở khoa vật lý, sau khi tốt nghiệp, được phân công về một viện nghiên cứu, anh bước vào công việc với tinh thần say mê như điên đảo, thậm chí như một người thần kinh, lấy vợ sinh con xong, anh rất ít khi về tới Ngòi Nhà Hím. Trị Ngũ tìm đến nhà Bính Bản, nói phải nằm viện chữa bệnh, nay đến đây vay tiền, anh rất nhiệt tình, cho vay ngay ba trăm bạc, lại còn làm bữa cơm sang trọng thết khách, rồi hỏi hiện đang nằm ở bệnh viện nào, để khi mổ anh sẽ tới thăm! Trị Ngũ vốn không muốn cho ai biết chuyện này, nhưng thấy anh quá nhiệt tình, nên nói tên bệnh viện ra.

Phẫu thuật rất thành công. Cậu con vì còn thanh niên, nên vết mổ rất mau lành, Trị Ngũ phải nằm viện lâu hơn con trai đến nửa tháng. Vì thời gian đã kéo dài, chi phí cũng đã quá tốn kém, nên Trị Ngũ không muốn để con lưu lại phục vụ mình, mà bảo anh về quê trước. Trong thời gian ấy, Bính Bản cũng đến thăm mấy lần, và cũng mấy lần hỏi xem Trị Ngũ điều trị căn bệnh gì, Trị Ngũ cũng chỉ nói tào lao cho xong việc. Nhưng Bính Bản là một nhà nghiên cứu, có quen biết với bác sĩ ở đây, một lần

bất chợt gặp người bác sĩ quen, hai người bèn nói đến chuyện nghiên cứu.

Vị bác sĩ nói:

- Ở đây có một sự kiện mới lắm!

Thế là vị bác sĩ đem chuyện của bố con Trị Ngũ ra kể lại. Nhà nghiên cứu Bính Bản nghe chuyện mà thấy mê ngay, rồi anh đi tìm Trị Ngũ nói:

- Bác Trị Ngũ, bác tách cho con trai một dịch hoàn, làm sao bác chẳng nói gì với cháu cả?

Bộ mặt già nua của Trị Ngũ chợt đỏ bừng, không biết nói sao.

Bính Bản nói:

- Bác thật là tuyệt vời. Lại nghĩ được đến cả điều này. Việc này gợi ý cho cháu rất nhiều. Bác Trị Ngũ ạ, đáng tiếc là bác chưa được học hành lên tới trình độ cao đẳng, nên bác chưa trở thành nhà khoa học đầy thôi.

Trị Ngũ nói:

- Anh Bính Bản, thôi xin anh đừng nhắc tới chuyện này nữa. Người ngoài biết chuyện, người ta sẽ cười cho thối mũi. Việc này là bác không muốn một ai biết, nên bác xin cháu cố hết sức giữ bí mật cho bác, rồi bác sẽ bảo con, bảo cháu tạc tượng cháu để đền ơn.

Bính Bản nói:

- Cháu chả mong gì về cái pho tượng đất ở nhà bác, nhưng nếu việc nghiên cứu của cháu mà thành

công, có khi nhà nước còn đúc tượng vàng cho cháu ấy chứ.

Nói đến nghiên cứu, là Bính Bản lại đẩy hào hứng, đêm đó anh lại không về nhà, ngồi nói việc anh đang chú tâm nghiên cứu là làm sao đó vĩnh viễn bảo lưu, giữ gìn lại được những bộ óc cực kỳ thông minh của các vĩ nhân như nhà chính trị, nhà khoa học, nhà văn, nhà nghệ thuật. Anh bảo rằng, sự mâu thuẫn của con người là sự mâu thuẫn giữa cái sống và cái chết, và ta phải làm sao cho cái sống thắng cái chết. Trường sinh bất lão là điều không có thể, linh đan diệu dược cũng không có, nhưng phải nghĩ cách làm sao đem tế bào óc của những bậc vĩ nhân bảo tồn, nuôi dưỡng, sau đó đem cấy sang một thân thể mới, khiến cho cái thân thể mới này giống hoàn toàn một vĩ nhân nào đó, cũng có thể là thân xác không giống, nhưng đại não thì vẫn giống hoàn toàn. Anh bảo rằng, nếu nghiên cứu này mà thành công, thế giới sẽ có một bộ mặt khác, không còn ngu muội, không còn mù chữ. Những vĩ nhân sẽ chung sống với nhau, sáng tạo ra mọi của cải cho xã hội, biến một ngày khi ấy thành trăm năm của bây giờ.

Trị Ngũ nghe, gần như không hiểu hết cái đề tài nghiên cứu huy hoàng đó, nhưng khuôn mặt nhăn nhúm như hạt hạch đào của ông chừng như cũng dần ra, cảm thấy cái việc làm của mình cũng là chuyện chẳng lấy gì làm xấu hổ. Ông thấy Bính Bản đang ngồi trước mặt mình đây đúng là một người tuyệt

diệu. Một người có kiến thức và một người không có kiến thức, quả là rất khác nhau. Anh ấy khác hoàn toàn với những con người thường ngồi nói tào lao, lôm côm ở Ngòi Nhà Hím.

Mùa hè năm ấy, Trị Ngũ bón phân cho lúa ở ngoài ruộng, trời nắng gay nắng gắt, sau khi bón phân xong, ông ra sông Sơn Phấn tắm, và không ngờ rằng vết mổ một năm trước, vì ẩm ướt nên bị viêm trở lại. Bị viêm như thế là điều không thể nói với ai được, và cũng không thể lên thị trấn mà chữa trị, nên bụng dài bị nhiễm trùng, và bệnh tình trở nên trầm trọng, nguy kịch.

Cô con dâu không biết ông bố chồng bị bệnh gì, bảo đi mời thầy thuốc, ông lại không cho phép, nên chỉ biết ngày đêm bưng cơm bưng nước phục dịch.

Cũng trong thời gian ấy cô đã có mang, ngồi nói chuyện với bố chồng bên giường bệnh mà cô cứ buồn nôn, rồi nôn khan. Trị Ngũ bảo con dâu đi nghỉ, rồi gọi con trai lên hỏi:

- Vợ con có rồi đấy ư?

Con trai đáp:

- Có rồi!

Trị Ngũ mỉm cười, rồi ngoẹo đầu, mắt nhắm lại ngủ. Giấc ngủ đó của Trị Ngũ không bao giờ tỉnh lại nữa, nhưng trên mặt vẫn vương vấn nét cười.

Cháu của Trị Ngũ ra đời, thể chất kém, người trong thôn bảo, nó vừa giống bố nó, nó lại vừa giống ông nó.



Những người cao cao tuổi một tý, ở trong thôn đều đã chết. Riêng ông Lão Quán là chưa chết.

Trong "Quê hương tôi", tập bản thảo cuối cùng của nhà văn Thạch Phu, đã dành khá nhiều trang viết về ông Thọ, Lão Quán này:

"Năm mươi năm trước, khi tôi còn là một anh nông dân làm ruộng ở Ngòi Nhà Hím, cha tôi cũng còn sống. Sức khỏe của ông rất kém, về mùa đông, luôn luôn bị viêm họng, khạc không ra được cục đờm, cả người rúm ró lại như một trái bóng bẹp. Tôi đã từng hỏi ông Lão Quán về con đường dưỡng sinh, ông đáp:

- Thứ nhất là cơm xong phải đi bách bộ, thứ hai là mỗi tối phải uống một ngụm rượu, thứ ba là trong lòng, trong dạ không buồn phiền, thứ tư là bà vợ phải xấu xí...

Cha tôi bảo, bà vợ ông Lão Quán - đáng ra, là tôi phải gọi bằng bà - quả là xấu xí thật, đôi mắt nhỏ như hạt đậu đen, đôi chân bè bè như đôi riu. Khi ông Lão Quán tự kể, ông tả rằng:

- Nước mũi của bà ấy bao giờ cũng chảy đến ngực, bít tắt bao giờ cũng tụt tới lòng bàn chân, cái đầu ngật ngưỡng, ngửa ra đến tận sau lưng, trông

thấy là buồn nôn, mình được hoàn toàn yên tâm khi bà ấy đi ra ngoài...

Nhưng cái bà vợ xấu xí ấy lại sống đến năm năm mươi hai tuổi mới qua đời. Suốt trong ba năm liền, mỗi bữa cơm, ông đều đặt cúng bà một bát cơm, còn đặt thêm cả một đôi đĩa tre rất ngay ngắn.

Cha tôi còn nói, khi Người còn bé, thấy ông Lão Quán đã như thế, Người sống tới già, ông Lão Quán cũng lại vẫn như thế. Năm mươi năm giờ trôi qua, mà ông Lão Quán vẫn cứ giống y như năm mươi năm trước, giống y như cây hòe cổ thụ nằm ở chỗ khớp lại của cái hình bầu dục lớn vậy, chẳng bao giờ thấy ông già đi cả. Cho nên khi ông Lão Quán gặp tôi ở đầu làng, lúc ông gọi đúng tên tôi, có lúc lại gọi bằng tên cha tôi, hầu như ông chẳng nhớ được rằng tôi là tôi, hay tôi là cha tôi nữa".

Ông Thọ không những không phân biệt được Thạch Phu với ông thân sinh ra Thạch Phu, mà ông còn lẫn lộn, đánh đồng giữa người sống với người đã chết. Ban đêm, khi ông đi ra đầu ngõ, nhìn thấy từ phía xa có người xách đèn lồng đi tới, ông hỏi:

- Có phải A Bảo đấy không?

A Bảo là con trai của Ngư Cẩn, đáp:

- Cháu đây, ông ạ.

Ông hỏi:

- Chỉ có một mình thôi à? Trời tối thế này, đi đâu đấy? Bố cháu đi sau đấy phải không?

A Bảo hỏi:

- Bố cháu?

Ngưu Cân vốn đã chết từ lâu, A Bảo chợt thấy chột dạ.

Ông nói:

- Bố cháu thấy cháu nói chuyện với ông, nên đứng nấp ở đằng sau bức tường kia kia. Nay Ngưu Cân, tao là hùm hay sao mà không dám gặp tao hả?

A Bảo nghe vậy, hoảng quá, vội co giò bỏ chạy, vút cả đèn, chiếc đèn lồng bốc cháy sạch sành sanh.

Phải chăng gót chân ông đã đặt quá lâu trên con đường lữ thứ của cõi nhân sinh này, nên quan niệm về thời gian đã hoàn toàn mất đi trong ông.

Người trong làng nhiều khi tranh cãi với nhau về một việc nào đó, vẫn không làm rõ ra được, bèn nói:

- Thôi, cứ đi hỏi các ông cụ sống thành lão làng kia là biết.

Hỏi ông, ông đáp:

- Cái khe Vành Trăng kia kia, trước đây đứng trong sân cũng nhìn thấy, bây giờ phải đứng trên bậc thềm dưới mái hiên mới nhìn thấy được. Gió đã bào mòn cả cái khe ấy đi mất rồi.

Trước đó năm năm, một vị cán bộ bảo tàng của phòng văn hóa huyện đến sông Son Phấn để điều tra nghiên cứu sưu tầm cổ vật, kết quả là đến một cái lọ sứ đời nhà Thanh cũng không có, nhưng lại phát hiện ra ông ngoài chương trình, bảo ông là đồ cổ sống, rồi viết ngay một bài báo, đăng trên báo của tỉnh. Việc ấy đã làm vẻ vang cho cả một vùng sông Son Phấn, và cũng là sự tô điểm thêm màu

sắc cho huyện. Người của Mật trận huyện đã biểu tặng ông một chiếc đồng hồ. Đó là chiếc đồng hồ báo thức, ông Lão Quán lại không biết chữ phải kéo lũ học trò con nít đến đây ông đọc các con số ghi trên đồng hồ. Nhưng học mãi mà ông vẫn không sao nhớ được, cuối cùng ông nói:

- Thôi chẳng học nữa, ông thuộc rồi, cái kim ngắn này, chạy một vòng tức là một ngày.

Lũ học trò bảo:

- Một ngày có hai mươi bốn giờ.

Ông đáp:

- Một vòng coi như một ngày ban ngày, một vòng nửa coi như một ban đêm.

Lũ học trò lại nói:

- Cứ theo như cách nói của ông thì một năm có bảy trăm ba mươi vòng, phải không ạ?

Ông nói:

- Các cháu đã được học rồi, các cháu thử tính xem, cả đời ông được bao nhiêu cái vòng vòng?

Theo quan niệm của ông, đồng hồ là ngày cô đậm lại, là cái bản đồ của ngày, kim dài là mặt trăng, kim ngắn là mặt trời, mặt trăng và mặt trời cùng chuyển vận, con người được sinh ra, rồi con người phải già đi.

Lũ học trò nhìn ông và nhớ tới mấy câu thơ cổ trong sách giáo khoa:

*Đồng trung phương nhất nhật,
Thế thượng dĩ thiên niên.*

(Đồng hồ tròn một ngày,

Cuộc đời đã nghìn năm).

Phải chăng ông lão đã thành tinh, ông là người đứng vào giữa ngày trắng và đêm đen, là người đứng giữa cái giới tuyến sống và chết, hoặc ông lão chẳng còn phải là người nữa.

Đối với việc học và giải thích về đồng hồ, khiến ông biến mọi sự thành vòng vòng tất. Ông Trị Ngũ qua đời, cháu ông ấy chào đời, ông nói:

- Đứa bé này còn to hơn ông nó.

Con trai Trị Ngũ chẳng hiểu được ý nghĩa trong câu nói đó của ông, ông nói tiếp:

- Ông Trị Ngũ vừa mới chết xong, nói đến việc đầu thai làm kiếp khác e còn sớm, nhưng biết đầu đến đời sau nữa, lại đầu thai vào đúng cái nhà này, cái đứa bé mà đứa cháu này gọi bằng cháu đó, lại chính là ông nó!

Cho nên, chính ông cũng cảm thấy mình sống dai quá, nhưng cũng có lúc, ngược lại, ông thấy ông là người bé nhất làng này. Có một năm Thạch Phu đăng trên báo một bài thơ, dân làng truyền tay nhau đọc, ông bảo đọc ông nghe, trong bài thơ có câu:

Rời bỏ quê hương, tôi ngược lên phương Bắc.

Quê hương càng xa theo bước chân đi,

Triều nặng trên vai một mối sầu quê...

Ông nói:

- Làm sao mà lại "càng xa theo bước chân đi"?
Lũ trẻ học ở trường đã chẳng được dạy rằng, trái

đất tròn là gì. Thạch Phu càng đi ngược lên phương Bắc, hết một vòng, chẳng về đến làng ư?

Dân làng ai cũng bảo ông đã già quá rồi, nên nói năng khác những người bình thường, thường nói. Nhưng khi còn trẻ, ông cũng là một người tinh nhanh ra dáng. Ông là thợ vẽ, biết vẽ "Vạn tự đồ", biết vẽ "Lưu thủy văn" vẽ cá, vẽ chim, và những bức tranh bức họa trong đền Thần Hỉm, cứ mười năm lại được ông tô vẽ lại một lần, mãi đến những năm khoảng trên dưới tám mươi, ông vẫn còn leo cao, luồn thấp, dễ vẽ vời. Nhưng kể từ khi cái nhà cô con dâu họ Trương, đến cầu tự, nói những điều tức cười, làm ông ngă gãy cẳng, ông mới gác bút, thôi không vẽ vời gì nữa.

Thôi nghề vẽ, ông đã từng nuôi một con lợn hạch, mọi người xa gần, đều đến đây lấy giống cho lợn nái nhà mình. Phối giống một lần, ông thu năm thăng ngô, hai thăng để nuôi con lợn hạch, còn ông hưởng dụng ba thăng (1 thăng bằng 1 lít), coi như là kiếm sống. Phần đất được chia, ông chẳng cày cấy gì hết, ông toàn trồng bí, bí xanh, bí đỏ, rồi ông nấu bí với đỗ xanh, thành một loại "cơm lười", mỗi bữa đánh hai bát ô tô to, ăn đến đỏ mặt đỏ mũi. Nhưng khi ông đang thổi nấu, mà có người đem lợn nái đến lấy giống, thế nào cũng bị ông mắng té tát rằng đến không đúng lúc, nhưng lại dắt ngay con lợn đục ra. Khi con lợn đục tìm không đúng chỗ của con lợn cái, phun bậy phun bạ, ông liền lấy tay đỡ lấy cái gân ấy giúp nó, vì thế mà tay ông ướt nhè. Phối giống xong, lại đi tiếp tục làm cơm, tay cũng chẳng

thèm rửa. Bát cơm đầu tiên bao giờ cũng dùng để "úy lạo" con lợn hạch. Kể từ khi ông có cái đồng hồ báo thức, trẻ con nhà hàng xóm có thể chạy sang xem giờ đi học, và nó còn có thêm một công dụng nữa là dùng cho con lợn hạch.

Ông nói:

- Đến lấy giống nhiều, con sề nhà này vừa mới lấy giống xong, lại con nhà khác lấy giống ngay, con hạch làm sao mà chịu đựng nổi? Bây giờ cứ phải chờ nửa vòng, mới được lấy giống một lần, tôi có đồng hồ đấy!

Muốn nói gì thì nói, ông Lão Quán vẫn không chết. Ông vẫn nói kháy vị quan lớn kia, không phải chỉ một lần rằng: Việc quái gì mà phải vận dụng khí công? Và cũng sỉ nhục luôn cả Ngưu Cẩn. Trong làng ai chết tôi đều biết, mà chết toàn những kẻ chẳng ra gì. Cái anh chàng Bính Bản làm nghiên cứu kia, bỏ đi kinh doanh bao nhiêu năm trời mà vẫn chẳng nên vương nên tướng gì, rồi lại bị tạm thời đình chỉ công tác, trở về làng nghiên cứu cái bí mật sống dai của ông Lão Quán này, hoài nghi trên thế giới liệu có người sống vĩnh hằng, không bao giờ chết không? Ông Lão Quán đối xử tử tế với anh, đưa anh đi xem ngôi sinh phần của mình, sinh phần đã xây tự năm nào năm nào rồi ấy, đến bây giờ đã lở lói ráo rạo cả. Xem cổ quan tài kê ở trên gác, Lão Quán bảo, đây là cổ quan tài làm lần thứ ba, cổ thứ nhất dùng vào cho ông của Triệu Mai, làm cổ thứ hai, để mục. Bính Bản chuyện trò rất thoải mái, say mê, đêm ngủ luôn tại nhà ông Lão

Quán. Ngôi nhà này ở xóm Tiền đã chứa chạy đến ba lần, trong nhà rất tối, vách bốn bên đều là một màu đen, cửa sổ lại cực nhỏ, mùa đông mùa hè đều không dán lại giấy, song, cửa ra vào lại rất lớn, mà không có cánh. Bính Bản đã ngáy pho pho trên giường, và cũng chưa biết đến lúc nào mới tỉnh dậy, trăng sáng vàng vạc, len qua các kẽ hở, luồn vào nhà, ở chỗ cửa ra vào lại là một khoảng sáng hình ba cạnh, sáng đến nao nề. Trong một phút bất thình lình, Bính Bản chợt thức giấc và như trông thấy bóng một người ngồi ở góc giường. Anh bàng hoàng cả người. Nhìn kỹ, thì ra đó là ông Lão Quán. Ông ngồi khoanh tay, xếp bằng tròn, ngủ rất ngon.

Bính Bản lay ông tỉnh dậy, nói:

- Ông ơi, thế là tại con chiếm mất giường của ông, nên làm ông mất ngủ, bây giờ, ông ngủ đi, con ngồi một lát, trời cũng sắp sáng rồi.

Ông Lão Quán nói:

- Tôi đã chẳng ngủ rất ngon đấy là gì.

Bính Bản nói:

- Ngủ ngồi không thoải mái.

Ông Lão Quán nói:

- Tôi ngủ thế là đủ rồi. Nếu anh không muốn ngủ nữa, ta ngồi nói chuyện vậy.

Từ đó, Bính Bản mới biết rằng, ông Lão Quán xưa nay toàn ngủ ngồi.

Hai người lại bắt đầu trò chuyện. Đến bữa cơm sáng hôm sau, ông Lão Quán nhất định giữ Bính Bản ở lại ăn cơm, theo lệ cũ, trong nồi chỉ là bí

đỏ, ông xào thêm một bát rau cải, rau ông không thái bằng dao, mà vận bằng tay, để giữ nguyên chất nguyên dạng của nó.

Bính Bản vừa ăn vừa nói:

- Ông ạ, ông sống như thế này, mà sao ông vẫn khỏe mạnh, cường tráng?

Ông Lão Quán nói:

- Nào tôi có biết, anh hãy nhìn mái tóc tôi đây này, bắt đầu từ năm nay, nó lại đen trở lại. Và cái hàm này, răng đã thay đến ba lần rồi.

Bính Bản kinh ngạc nói:

- Ông ạ, đúng ông là một sự diệu kỳ, ông sẽ không bao giờ chết ư?

Ông Lão Quán nói:

- Làm sao tôi biết được.

Bính Bản đột nhiên hỏi:

- Thế có bao giờ ông nghĩ tới cái chết không?

Ông Lão Quán bất chợt cười ha hả nói:

- Nghĩ cũng không được, mà không nghĩ cũng không được. Ôi, cái thằng nhóc con này....

Con lợn hạch ngoài chuồng đột nhiên hồng hộc lên.

Ông Lão Quán nói:

- Nó cũng đói bụng rồi đấy.

Khi ông dọn bát đĩa đi, ông cũng bê luôn nồi bí thừa đổ cho lợn.

Bính Bản cũng ra theo.

Ông Lão Quán nói:

- Tôi thấy trong thôn cứ từng tốp, từng tốp già đi, rồi chết. Đầu tiên tôi cũng nghĩ rằng, tôi sống quá dài. Làm sao lại không để cho tôi chết đi. Người ta bảo rằng vua Diêm Vương có một cuốn sổ hoa. Mỗi ngày ngài giở sổ ra một lần, lấy bút son chấm, chấm vào ai, người ấy chết. Tôi nghĩ rằng vua Diêm Vương đã ghi tên tôi nắp vào đường dây đóng sách, nên chẳng nhìn thấy được? Nhưng khi đã nhìn thấy quá nhiều người chết, nên tôi cũng chẳng thêm nghĩ tới chuyện tôi sống dài hay sống ngắn nữa. Này anh cứ thử nhìn mà xem, bên ngoài cổng kia là cây dương, cây liễu, cây bách, rồi những cây hoa, cây cỏ, cả cái mái nhà rêu phong kia nữa. Lại nhìn hòn đá, con lợn, con gà, và cả cái con kiến trên mặt đất kia, cả con rận trên người... chúng sinh ra trên cõi đời này, liệu có khác gì con người không? Giống nhau tất. Giời cho anh sống thế nào, anh được sống như thế, cho anh sống bao lâu, anh được sống bấy lâu, đúng vậy không? Về chuyện đó, tôi cũng đã suy ngẫm chán ra rồi, sống cũng chẳng thấy sướng, chết cũng chẳng thấy khổ. Như cái nhà ông quan lớn kia đấy, càng ham sống càng khổ, như cái con Triệu Mai kia đấy, muốn chết, không muốn sống cũng khổ. Có phải cái lý của nó là thế không, Bính Bản? Anh là người có học, anh lại đi hỏi tôi, tôi biết gì, mà anh cứ hỏi tôi mãi? Anh hỏi tôi. Nếu anh muốn hỏi, tôi là cái gì, thì tôi xin hỏi ngược lại anh, anh có thể nói, cái cây này, ngọn cỏ này, cục đá này, ông mặt trăng, ông mặt trời ở trên trời kia là cái gì?

Bính Bản là người có học, lại biết đường ăn nói, vậy mà cũng tịt mịt chẳng nói được gì.

Nhưng cứ mỗi khi nghĩ rằng, sau này nhận được giải thưởng Nôbel, sau này nhân loại sẽ tạc tượng bằng vàng cho nhà nghiên cứu Bính Bản, thì hình như anh lại rõ ra được cái gì đó, và đột nhiên trong đầu óc anh nảy nở ra một ý tưởng rằng, sau khi trở lại thành phố, anh sẽ viết một bài luận văn cho in ra.

Giữa lúc ấy, có một người nào đó đến thấp hương cầu tự ở đền Thần Hỉm, dùng chiếc vò gỗ, đâm vào chiếc chuông sắt vang lên những tiếng u... u... nhịp nhàng...



Lại thêm một năm nữa qua đi. Ngòi Nhà Hỉm hầu như hoàn toàn yên ổn, theo thường lệ, hàng ngày, mặt trời lại nhô lên khỏi núi từ phía Phong Hỏa Đài, đến hoàng hôn lại lặn về phía khe Vành Trăng. Con người ban ngày, làm công việc ruộng vườn, ban đêm, trên những chiếc giường đất, không đốt đèn, lặng lẽ, làm những động tác, hưởng thụ cuộc sống. Đến tiết Thanh Minh, đó đúng là lúc hoàng kim cho địa khí bùng lên, và xuân tình bùng bột, công việc làm ăn của ông Thọ, Lão Quán cũng vô cùng sôi sục, những người đến lấy đực cho lợn nái phải xếp hàng, mỗi ngày ông Lão Quán phải nấu ba chảo cháo ngô lớn, chia làm bảy lần cho lợn ăn. Cái giống lợn này càng cho nhảy nhiều, nó lại càng hăng, những con lợn nái được đem đến lấy giống, hoặc là những con năm ngoái đã từng đến lấy giống ở đây, hoặc là những con lợn nái, năm ngoái mẹ nó đã đến lấy

giống đã đẻ ra, hoặc nữa là con của những con mà mẹ nó đã đến lấy giống ở đây. Bọn lợn nái ấy, không bao giờ tính đến chuyện con lợn đẻ là cha nội hay ông nội nó, cứ có cần, là vác cái bụng to bự, rồi đẻ ra sáu con, bảy con nhái ranh, thậm chí có khi là mười, mười hai con. Ông Lão Quán nhìn con lợn hạch của mình, ông lo lắng rằng nó không đảm đương nổi công việc, nhưng cứ nhìn những con lợn nái hùng hực lên như thế, hơn nữa những người chủ lợn lại ăn nói đầy vẻ cầu khẩn, van xin, nên ông không còn có thể dùng chiếc đồng hồ báo thức để bấm giờ được nữa, mà ông chỉ dành ngày nào cũng cho phối giống, và mỗi ngày phối giống liên mấy lần.

Một ngày mùa xuân tàn đi, con lợn hạch lăn cổ ra chết.

Con lợn hạch chết thật thảm, nó ngã vật từ lưng con lợn cái xuống, chết. Ông Lão Quán vẫn cứ tưởng nó nhằm không đúng mục tiêu, chạy lại giúp nó, lúc ấy mới thấy miệng nó đã sùi đầy bọt trắng, và mắt đã nhắm lại.

Ngay lúc ấy, ông Lão Quán thấy như có một vật gì đó đánh mạnh vào đầu mình, ông thét lên một tiếng, rồi ngất đi. Lúc tỉnh lại, mặt ông đầy nước mắt, chửi bới cái con lợn nái, chửi bới người chủ của con lợn nái. Khi người chủ của con lợn nái để lại năm thăng ngô rồi tính nước chuồn, thì ông bưng cả năm thăng ngô đổ tung tóe lên người chủ lợn, như đổ nước.

Ông không mổ thịt con lợn hạch của mình, mà ông đóng cho nó một cỗ quan tài, rồi tự mình cõng

chiếc quan tài ra gốc cây du trước cổng, đào huyệt mai táng cho nó. Từ đó về sau, ông Lão Quán ốm, mà cái bệnh của ông cũng rất kỳ lạ, muốn ngủ là ngủ, thích dậy là dậy, có khi ngủ liền nửa năm, thân thể cương cứng lại, vẫn thở đều đều, khi tỉnh lại, lại tỉnh luôn nửa năm không ngủ. Ngày ngày, ăn uống xong là ngồi lý, ngồi lý cho đến lúc đói lại thổi nấu ăn. Ban đầu, dân làng còn qua lại trông nom ông già độc thân, nhưng sau rồi cũng nhạt dần, bởi hầu như họ đều cảm thấy rằng, ông lão sống cũng là chết, mà chết cũng là sống, rồi dần dần quên hẳn ông đi.

Trong cùng thời gian đó, ở một thành phố lớn nhất thuộc vùng phía Tây Trung Quốc, nhà nghiên cứu Bính Bản, suốt ngày trắng đêm đen, gần như đóng đinh trong phòng làm việc, lao tâm khổ tứ đánh giá, suy nghĩ, lựa chọn. Bản luận văn của anh ta chủ yếu là viết về bí mật trường thọ của ông Lão Quán, nhưng anh ta đã khinh thường, chê bai ông lão, anh ta cho rằng đấy là một lối sống "trơ ỳ". "Con người là linh hồn, là chủ của muôn loài, con người là sáng tạo, con người có thể chinh phục thế giới và tất những gì có trên thế giới này". Anh ta có một niềm tin vững chắc vào tín điều đó của mình. Nhưng cuối cùng lại chẳng hoàn thành được cái đề tài nghiên cứu sáng giá ấy, anh ta ra khỏi văn phòng làm việc của mình, đi tới tất cả các cuộc hội họp, đi tới các đường phố, thậm chí đi tới tất cả các huyện trong toàn tỉnh và về cả đến Ngòi Nhà Hím, để diễn

giảng về những tư tưởng của mình. Những cuộc diễn giảng, trình bày đó, ban đầu đều rất hấp dẫn người nghe, người nghe kéo đến rất đông, vô cùng rạo rờ, nhưng rồi về sau, người ta rầm rầm bỏ đi, bởi người ta nghĩ rằng, những lời diễn giảng đầy kích động đó, sẽ như một chiếc kim tiêm, rút hết tế bào não của họ đi mất.

Lần cuối cùng, những người ở Ngòi Nhà Hím nhìn thấy anh ta, là lúc anh ta một mình đi lên núi Tiên nằm sau sông Son Phấn.

Nhưng trong đền Thần Hím của Ngòi Nhà Hím vẫn hương khói nồng nàn, người trong làng bắt đầu dựng lên các quán trọ quán ăn ở hai bên đền Thần Hím để buôn bán kinh doanh, và đều rất phát tài.

Cứ mỗi năm một lần, Dương Quân, người vợ chưa cưới trước kia của Thạch Phu, lại cùng với người chồng bây giờ, ngồi thuyền, ghé vào bến sông Son Phấn, rồi lên thắp hương trước phần mộ Thạch Phu, và cũng vẫn như xưa không bao giờ quên mang theo tác phẩm "Quê hương tôi" của Thạch Phu còn để lại. Năm đó, khi thấy trên bến sông Son Phấn đã là những chiếc thuyền máy, trên bờ lại xây dựng một nhà nghỉ bát giác, mái cong vèo, lại có thêm cả anh "phó nháy" đeo máy ảnh hành nghề nên vô cùng xúc động, khi bước vào trong thôn Ngòi Nhà Hím, nhà ngói san sát, già trẻ lớn bé quần áo tinh tươm, càng kinh ngạc hơn, mới hỏi dân làng, và được trả lời rằng:

- Bây giờ giàu có rồi mà.

Dương Quân lại hỏi:

- Có phải đó là kết quả do sự chiều cố, rút tiền xuống cho của ông quan lớn khi còn sống không?

Người dân thôn không đáp, nhưng lại lấy tay chỉ về Phong Hỏa Đài, khe Vành Trăng cùng núi Tiên ở phía xa...

Khắp nơi xa gần chỉ là những cây non còn chưa thành gỗ, và cả những đám cây thưa thớt chưa thể gọi là rừng... Người đó vung tay bỏ đi.

Cả hai vợ chồng đều chợt cảm thấy buồn, và lại chợt nghe thấy tiếng chuông vang vọng, tiếng pháo nổ ròn, nghĩ rằng ngôi đền Thần Hỉm chắc vẫn còn, khói hương vẫn thịnh, bèn thử đi tới đó xem sao. Họ chừng như hết sức bàng hoàng trước những quán ăn, sạp hàng vây quanh, trước sau ngôi đền.

Dương Quân ghé vào một quán bán hạt dưa, chọn mua, chẳng ngờ, người bán hàng lại chính là Tây Bối, tóc tai, mặt mũi được trang điểm son phấn dàng hoàng.

Dương Quân có quen biết Tây Bối, nên hỏi:

- Tây Bối, em cũng ra buôn bán ư?

Tây Bối đáp:

- Bây giờ, ai cũng thế cả.

Dương Quân lại hỏi:

- Buôn bán có khá không?

Tây Bối đáp:

- Cũng tạm tạm, em làm ăn nhỏ, nên thua kém người ta xa.

Dương Quân cầm một gói hạt dưa vừa đi vừa cắn, khi cắn đến hạt cuối cùng, đang định ném cái túi giấy đi, bỗng nhiên ánh mắt cô dăm dăm nhìn vào tờ giấy, cô liền đứng dừng lại. Cô nhìn tờ giấy gói ấy, nó vốn là trang giấy, được xé từ cuốn tiểu thuyết của Thạch Phu còn để lại...

MỤC LỤC

	Trang
Đôi nét về tác giả	5
1. Quê cũ	7
2. Vòi rồng	141
3. Thành phố Ma	227
4. Đất cát	250
5. Vườn hạch đào	301
6. Ngòi Nhà Hím	318

QUÊ CỬ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PTS PHẠM GIA ĐỨC

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM QUANG ĐỊNH

Biên tập:

MINH ANH

Sửa bản in:

HIỀN LƯƠNG

Trình bày:

NGUYỄN MINH HUYỀN

Bìa:

VĂN SÁNG

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân,
23, Lý Nam Đế, Hà Nội, DN: 8455766

QUÊ CŨ

Bắt đầu in: 19-5-1999. In xong: 7-1999

Nộp lưu chiểu: 7-1999 Khổ sách 13x19

Số trang: 408. Số lượng: 1100

Số xuất bản: 1-438/CXB

Sắp chữ tại

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

In tại Số 2 Phạm Ngũ Lão, Hà Nội - XN In X15

GIẢ BÌNH AO

Quê cũ

TẬP TRUYỀN

No 323 1-3

Giá 35.000đ